

Canon

EOS 5Ds

EOS 5Ds R



**Hướng dẫn
sử dụng**

Giới thiệu

EOS 5DS/EOS 5DS R là loại máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn (gọi tắt là DSLR) được trang bị cảm biến full-frame (toàn khung hình) CMOS (khoảng 36,0 mm x 24,0 mm) với độ phân giải hình ảnh khoảng 50,6 megapixel, chip xử lý ảnh kép DIGIC 6, khung ngắm bao phủ 100% khuôn hình, hệ thống lấy nét tự động 61 điểm chính xác với tốc độ cao, chụp liên tục khoảng 5,0 fps, màn hình LCD 3,2 inch, chụp Live View và quay phim độ phân giải cao (Full HD).

Trước khi bắt đầu chụp, đảm bảo đọc kỹ những điều sau

Để tránh làm hỏng ảnh và xảy ra tai nạn, trước tiên tham khảo phần “Cảnh báo an toàn” (tr.20-22) và phần “Những điều cần chú ý khi thao tác” (tr.23-25).

Tham khảo hướng dẫn sử dụng này khi sử dụng máy ảnh để làm quen với máy

Khi đọc hướng dẫn sử dụng, chụp thử vài kiểu ảnh và xem kết quả. Điều này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về máy ảnh.

Kiểm tra máy ảnh trước khi sử dụng và tìm hiểu trách nhiệm pháp lý

Sau khi chụp, bạn nên xem lại và kiểm tra xem ảnh đã được ghi chính xác chưa. Nếu máy ảnh hay thẻ nhớ bị lỗi dẫn đến không thể ghi hoặc tải ảnh xuống máy tính, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc những bất tiện xảy ra.

Bản quyền

Luật bản quyền tại quốc gia sở tại có thể cấm sử dụng ảnh chụp người hoặc chủ thể cụ thể cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích giải trí cá nhân. Ngoài ra, lưu ý rằng một số hoạt động công cộng như biểu diễn, triển lãm, v.v... có thể cấm chụp ảnh ngay cả khi dùng vào mục đích giải trí cá nhân.

Giới thiệu về EOS 5DS R

Bộ lọc thông thấp (optical low-pass filter - bộ lọc giúp loại bỏ các bit ảnh có tần số thấp để giảm dung lượng ảnh) trên EOS 5DS R được loại bỏ, và hiệu quả là thu được độ phân giải cao hơn.

Do bộ lọc thông thấp có tác dụng loại bỏ răng cưa và hiệu ứng vân sọc cũng như sai lệch màu sắc, tùy theo chủ thể và điều kiện chụp mà ảnh chụp được trên máy EOS 5DS R sẽ xuất hiện nhiều răng cưa vân sọc và lệch màu hơn máy EOS 5DS.

Danh sách vật dụng

Trước khi bắt đầu, kiểm tra để đảm bảo tất cả các vật dụng sau được đi kèm máy ảnh. Nếu thiếu bất kỳ vật dụng nào, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng.



Máy ảnh
(kèm nắp thân máy)



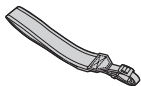
Vành đỡ mắt Eg



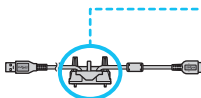
**Pin
LP-E6N**
(kèm nắp bảo vệ)



**Sạc pin
LC-E6E***



Dây đeo to bản



**Cáp nối
IFC-150U II**



Đầu giữ cáp

* Sạc pin LC-E6E được đi kèm với máy ảnh. (Có kèm theo dây nguồn.)

- Hướng dẫn sử dụng và đĩa CD-ROM kèm theo được liệt kê ở trang sau.
- Chú ý tránh làm mất các vật dụng nêu trên.

⚠ Kết nối với thiết bị ngoại vi

Khi kết nối máy ảnh với máy tính hoặc máy in, sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon khác. Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.36).

Hướng dẫn sử dụng và đĩa CD-ROM

Hướng dẫn sử dụng bao gồm sổ tay, tờ rời và sách điện tử (tập tin PDF trên đĩa CD-ROM).



Hướng dẫn sử dụng cơ bản về máy ảnh



Hướng dẫn tham khảo nhanh



Đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh

Bao gồm các hướng dẫn sau (tập tin PDF):

- Hướng dẫn sử dụng máy ảnh (bản chi tiết)
- Hướng dẫn tham khảo nhanh

Cách sử dụng đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh được trình bày ở các trang 528-529.



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (Đĩa CD-ROM phần mềm)

Bao gồm phần mềm như phần mềm chỉnh sửa ảnh và Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF).

Để tìm hiểu thêm thông tin và quy trình cài đặt phần mềm, tham khảo các trang 532-533.

Cách sử dụng Hướng dẫn sử dụng phần mềm được trình bày ở trang 534.

Thẻ nhớ tương thích

Máy ảnh có thể sử dụng các loại thẻ nhớ sau với dung lượng bất kỳ:
Nên định dạng thẻ mới hay thẻ đã định dạng (khởi chạy) trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn (tr.67).

- **Thẻ CF** (CompactFlash)
* Loại I, tương thích UDMA mode 7.
- **Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC***
* Có hỗ trợ thẻ UHS-I.

Những thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, bạn nên sử dụng thẻ nhớ có dung lượng lớn và tốc độ ghi/đọc nhanh như trình bày trong bảng bên dưới.

Kích thước ghi phim (tr.299)	Thẻ CF	Thẻ SD
ALL-I (I-only)	30 MB/giây trở lên	20 MB/giây trở lên
IPB	10 MB/giây trở lên	6 MB/giây trở lên

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm khi quay phim, phim có thể không được ghi chính xác. Ngoài ra, nếu xem lại phim trên thẻ có tốc độ đọc chậm, phim có thể không được phát lại chính xác.
- Nếu muốn chụp ảnh trong khi quay phim, bạn cần dùng thẻ nhớ có tốc độ cao hơn.
- Để kiểm tra tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.

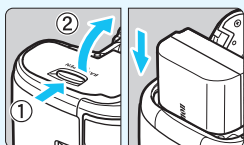


Trong hướng dẫn sử dụng này, từ “thẻ CF” dùng để chỉ thẻ nhớ CompactFlash và từ “thẻ SD” chỉ thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC. Tất cả thẻ nhớ dùng để quay phim và chụp ảnh được gọi chung là “thẻ”.

* **Máy ảnh không kèm theo thẻ để ghi ảnh/phim.** Vui lòng mua riêng thẻ.

Hướng dẫn bắt đầu nhanh

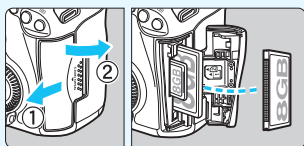
1



Lắp pin (tr.42).

- Để sạc pin, tham khảo trang 40.

2

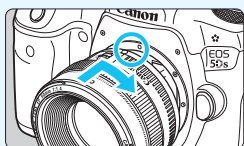


Lắp thẻ (tr.43).

- Khe cắm phía trước máy ảnh để cắm thẻ CF và khe phía sau để cắm thẻ SD.

* Có thể chụp với thẻ CF hoặc thẻ SD lắp trong máy ảnh.

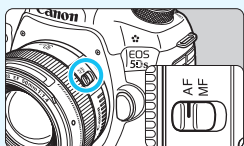
3



Lắp ống kính (tr.52).

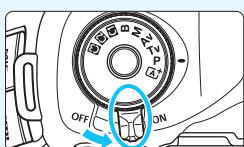
- Căn theo chấm đỏ.

4



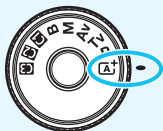
Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.52).

5



Đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.47).

6



Nhấn giữ nút trung tâm của nút xoay chế độ, đặt nút xoay chế độ thành $\langle A^+ \rangle$ (Tự động nhận cảnh thông minh) (tr.33).

- Tất cả cài đặt cần thiết cho máy ảnh sẽ được tự động thiết lập.

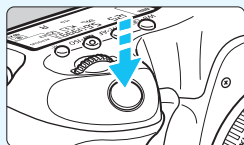
7



Lấy nét chủ thể (tr.55).

- Nhìn vào khung ngắm và hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể.

8



Chụp ảnh (tr.55).

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

9



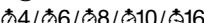
Xem ảnh.

- Ảnh vừa chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.
- Để hiển thị lại ảnh, nhấn nút $\langle \text{▶} \rangle$ (tr.322).

- Để chụp trong khi nhìn vào màn hình LCD, tham khảo phần “Chụp Live View” (tr.257).
- Để xem ảnh đã chụp, tham khảo phần “Xem ảnh” (tr.322).
- Để xóa ảnh, tham khảo phần “Xóa ảnh” (tr.360).

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

-  : Biểu thị nút xoay chính.
-  : Biểu thị nút xoay điều khiển nhanh.
-  : Biểu thị nút điều khiển đa năng.
-  : Biểu thị nút cài đặt.
-  : Biểu thị chức năng vẫn tiếp tục hoạt động trong 4 giây, 6 giây, 8 giây, 10 giây hoặc 16 giây sau khi nhả nút chức năng.

* Trong hướng dẫn này, các biểu tượng và dấu biểu thị các nút, nút xoay và cài đặt của máy ảnh tương ứng với các biểu tượng và dấu trên máy ảnh và trên màn hình LCD.

- MENU** : Biểu thị chức năng có thể điều chỉnh bằng cách nhấn nút **<MENU>** để thay đổi thiết lập.
- ☆ : Khi hiển thị ở phía trên bên phải trang, biểu tượng này biểu thị chức năng chỉ có thể sử dụng trong các chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>**, **<M>** hoặc ****.
- (tr.**)
-  : Cảnh báo để tránh vấn đề trực trực khi chụp ảnh.
-  : Thông tin bổ sung.
-  : Gợi ý hoặc lời khuyên để chụp tốt hơn.
-  : Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực.

Giả định cơ bản

- Tất cả thao tác được giải thích trong hướng dẫn giả định rằng công tắc nguồn đã đặt thành **<ON>** và công tắc **<LOCK▶>** được gạt sang trái (Nhả khóa đa chức năng) (tr.47, 59).
- Giả định tất cả thiết lập menu và chức năng tùy chỉnh, v.v... đã đặt ở chế độ mặc định.
- Hình minh họa trong hướng dẫn này lấy ví dụ EOS 5DS lắp ống kính EF50mm f/1.4 USM.

Chương

Chương 1 và chương 2 giải thích các thao tác và quy trình chụp cơ bản dành cho người lần đầu tiên sử dụng máy ảnh DSLR.

	Giới thiệu	2
1	Hướng dẫn bắt đầu	39
2	Chụp cơ bản	81
3	Thiết lập Kiểu chụp và AF	87
4	Thiết lập ảnh	147
5	Thao tác nâng cao	205
6	Chụp ảnh với đèn flash	245
7	Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)	257
8	Quay phim	281
9	Xem ảnh	321
10	Xử lý hậu kỳ ảnh	365
11	Làm sạch cảm biến	375
12	In ảnh và truyền ảnh vào máy tính	381
13	Tùy chỉnh máy ảnh	401
14	Tham khảo	443
15	Xem hướng dẫn sử dụng trên đĩa CD-ROM / Tải ảnh xuống máy tính	527

Nội dung

Giới thiệu **2**

Danh sách vật dụng	3
Hướng dẫn sử dụng và đĩa CD-ROM	4
Thẻ nhớ tương thích.....	5
Hướng dẫn bắt đầu nhanh	6
Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn.....	8
Chương	9
Danh mục các tính năng.....	17
Cảnh báo an toàn.....	20
Những điều cần chú ý khi thao tác	23
Tên bộ phận	26

1 Hướng dẫn bắt đầu **39**

Sạc pin	40
Lắp và tháo pin.....	42
Lắp và tháo thẻ.....	43
Bật nguồn	47
Thiết lập ngày, giờ và múi giờ	49
Chọn ngôn ngữ giao diện.....	51
Lắp và tháo ống kính	52
Thao tác cơ bản	54
 Điều khiển nhanh chức năng chụp	61
 Thao tác với menu	64
Trước khi bắt đầu	67
Định dạng thẻ	67
Tắt tiếng bíp.....	69
Đặt thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn.....	69
Đặt thời gian xem lại ảnh.....	70
Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh	70

 Hiển thị khung lưới.....	76
 Hiển thị cân bằng điện tử.....	77
Thiết lập hiển thị thông tin trong khung ngắm.....	79
 Trợ giúp.....	80

2 Chụp cơ bản 81

 Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh).....	82
 Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)....	85

3 Thiết lập Kiểu chụp và AF 87

AF: Chọn thao tác AF.....	88
 Chọn vùng và điểm AF	92
Chế độ chọn vùng AF	97
Cảm biến AF.....	101
Ống kính và điểm AF khả dụng.....	102
Chọn đặc tính Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.....	111
Tùy chỉnh chức năng AF.....	120
Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động.....	136
Khi không lấy được nét.....	142
MF: Lấy nét tay.....	143
 Chọn kiểu chụp	144
 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ	146

4 Thiết lập ảnh 147

Chọn thẻ để ghi và xem ảnh	148
Thiết lập chất lượng ghi ảnh	151
Thiết lập crop/tỷ lệ cỡ ảnh	156
ISO: Thiết lập tốc độ ISO	160
 Chọn kiểu ảnh.....	166
 Tùy chỉnh kiểu ảnh.....	170

	Đăng ký kiểu ảnh.....	174
WB:	Thiết lập cân bằng trắng.....	176
	Cân bằng trắng tùy chỉnh	178
	Thiết lập nhiệt độ màu	180
	Hiệu chỉnh cân bằng trắng	181
	Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản	184
	Thiết lập giảm nhiễu hạt	185
	Ưu tiên tông màu sáng.....	189
	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và quang sai của ống kính....	190
	Giảm nhấp nháy	193
	Thiết lập không gian màu	195
	Tạo và chọn thư mục	196
	Đổi tên tập tin	198
	Phương pháp đánh số thứ tự tập tin.....	201
	Cài đặt thông tin bản quyền	203

5 Thao tác nâng cao 205

P:	Phơi sáng tự động P.....	206
Tv:	Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập.....	208
Av:	Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ.....	210
	Xem trước độ sâu trường ảnh.....	211
M:	Phơi sáng chỉnh tay	212
	Chọn chế độ đo sáng	214
	Thiết lập bù trừ phơi sáng.....	216
	Phơi sáng hỗn hợp tự động (AEB)	217
	Khóa phơi sáng.....	219
B:	Phơi sáng bulb.....	220
HDR:	Chụp HDR (Dải tương phản động cao).....	223
	Ảnh ghép phơi sáng	228
	Khoá gương lật	236

Sử dụng nắp thị kính	238
 Sử dụng công tắc điều khiển từ xa	239
 Chụp điều khiển từ xa	239
 Chụp hẹn giờ ngắt quãng	241

6 Chụp ảnh với đèn flash 245

 Chụp ảnh với đèn flash	246
Cài đặt flash	249

7 Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) 257

 Chụp với màn hình LCD	258
Thiết lập chức năng quay phim	264
Thiết lập chức năng menu	266
Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF)	270
MF: Lấy nét tay	277

8 Quay phim 281

 Quay phim	282
Quay phim phơi sáng tự động	282
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	283
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	284
Quay phim phơi sáng chỉnh tay	288
Chụp ảnh trong khi quay phim	295
Thiết lập chức năng quay phim	297
Thiết lập kích thước ghi phim	299
Thiết lập ghi âm	302
Điều khiển yên lặng	304
Thiết lập mã thời gian	305
 Quay phim time-lapse	308
Thiết lập chức năng menu	315

9 Xem ảnh 321

 Xem ảnh.....	322
INFO. : Hiển thị thông tin chụp	324
 Tìm kiếm ảnh nhanh chóng.....	329
 Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bảng kê)	329
 Nhảy qua các ảnh (Hiển thị nhảy ảnh)	330
 Phóng to ảnh.....	332
 So sánh ảnh (Hiển thị hai ảnh).....	334
 Xoay ảnh	335
 Bảo vệ ảnh	336
Thiết lập xếp hạng	339
 Điều khiển nhanh trong khi xem	342
 Thường thức phim	344
 Phát lại phim	346
 Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim	348
Trình chiếu (Tự động phát).....	350
Xem ảnh trên TV	353
 Sao chép ảnh.....	356
 Xóa ảnh	360
Thay đổi cài đặt xem ảnh	363
Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD	363
Tự động xoay ảnh dọc.....	364

10 Xử lý hậu kỳ ảnh 365

 Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh.....	366
 Thay đổi cỡ ảnh JPEG	371
 Cắt ảnh JPEG	373

11 Làm sạch cảm biến 375

 Làm sạch cảm biến tự động.....	376
Thêm dữ liệu xóa bụi	377
Làm sạch cảm biến bằng tay	379

12 In ảnh và truyền ảnh vào máy tính 381

Chuẩn bị in	382
 In ảnh.....	384
 Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)	391
 In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in	394
 Truyền ảnh vào máy tính	395
 Chỉ định ảnh cho sách ảnh	399

13 Tùy chỉnh máy ảnh 401

Chức năng tùy chỉnh	402
Thiết lập chức năng tùy chỉnh	404
C.Fn1: Phơi sáng	404
C.Fn2: Phơi sáng	410
C.Fn3: Khác	411
 3: Điều khiển tùy chỉnh	415
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	429
Đăng ký Danh mục riêng	434
 : Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh	439

14 Tham khảo 443

Chức năng nút INFO	444
Kiểm tra thông tin pin	448
Sử dụng ổ điện gia đình	452
📶 Sử dụng thẻ Eye-Fi.....	453
Sơ đồ hệ thống.....	456
Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp.....	458
Thiết lập menu.....	462
Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực	483
Mã lỗi.....	499
Thông số kỹ thuật.....	500

15 Xem hướng dẫn sử dụng trên đĩa CD-ROM / Tải ảnh xuống máy tính 527

Xem đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh.....	528
Tải ảnh xuống máy tính	530
Giới thiệu về phần mềm	532
Cài đặt phần mềm	533
Hướng dẫn sử dụng phần mềm	534
Chỉ mục	535

Danh mục các tính năng

Thiết bị nguồn

- Sạc pin → tr.40
- Mức pin → tr.48
- Kiểm tra thông tin pin → tr.448
- Ổ điện gia đình → tr.452
- Tự động tắt nguồn → tr.69

Thẻ

- Định dạng → tr.67
- Chức năng ghi → tr.148
- Chọn thẻ → tr.150
- Nhà màn trập khi không lắp thẻ → tr.44

Ống kính

- Lắp → tr.52

Cài đặt cơ bản

- Ngôn ngữ → tr.51
- Ngày/Giờ/Múi giờ → tr.49
- Tiếng bíp → tr.69
- Thông tin bản quyền → tr.203
- Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh → tr.70

Khung ngắm

- Điều chỉnh độ khúc xạ → tr.54
- Nắp thị kính → tr.238
- Hiển thị khung lưới → tr.76
- Cân bằng điện tử → tr.78
- Ẩn/hiện trong khung ngắm → tr.79

Màn hình LCD

- Điều chỉnh độ sáng → tr.363
- Cân bằng điện tử → tr.77
- Trợ giúp → tr.80

AF (Lấy nét tự động)

- Thao tác AF → tr.88
- Chế độ chọn vùng AF → tr.92
- Chọn điểm AF → tr.95
- Đăng ký điểm AF → tr.420
- Nhóm ống kính → tr.102
- Điểm AF nháy sáng đỏ → tr.134
- Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục → tr.111
- Chức năng tùy chỉnh AF → tr.120
- Vi chỉnh AF → tr.136
- Lấy nét tay → tr.143

Đo sáng

- Chế độ đo sáng → tr.214

Kiểu chụp

- Kiểu chụp → tr.144
- Chụp hẹn giờ → tr.146
- Số ảnh chụp liên tục tối đa → tr.155

Ghi ảnh

- Chức năng ghi → tr.148
- Tạo/chọn thư mục → tr.196
- Tên tập tin → tr.198
- Đánh số thứ tự tập tin → tr.201

Chất lượng ảnh

- **Chất lượng ghi ảnh** → tr.151
- **Crop/tỷ lệ cỡ ảnh** → tr.156
- **Tốc độ ISO** → tr.160
- **Kiểu ảnh** → tr.166
- **Cân bằng trắng** → tr.176
- **Tự động tối ưu hóa ánh sáng** → tr.184
- **Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao** → tr.185
- **Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu** → tr.187
- **Ưu tiên tông màu sáng** → tr.189
- **Hiệu chỉnh quang sai của ống kính** → tr.190
- **Chống nhấp nháy** → tr.193
- **Không gian màu** → tr.195

Chụp

- **Chế độ chụp** → tr.33
- **HDR** → tr.223
- **Ảnh ghép phơi sáng** → tr.228
- **Khóa gương lật** → tr.236
- **Hẹn giờ bulb** → tr.221
- **Hẹn giờ ngắt quãng** → tr.241
- **Xem trước độ sâu trường ảnh** → tr.211
- **Điều khiển từ xa** → tr.239
- **Điều khiển nhanh** → tr.61

Phơi sáng

- **Bù trừ phơi sáng** → tr.216
- **Bù trừ phơi sáng với ISO tự động trong chế độ M** → tr.213
- **AEB** → tr.217
- **Khóa phơi sáng** → tr.219
- **Chuyển an toàn** → tr.407

Flash

- **Đèn Speedlite gắn ngoài** → tr.246
- **Bù trừ phơi sáng flash** → tr.246
- **Khóa phơi sáng flash** → tr.246
- **Thiết lập chức năng flash** → tr.249
- **Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash** → tr.255

Chụp Live View

- **Chụp Live View** → tr.257
- **Phương pháp AF** → tr.270
- **Lấy nét liên tục** → tr.266
- **Lấy nét tay** → tr.277
- **Crop/tỷ lệ cỡ ảnh** → tr.264
- **Chụp Live View ngắt tiếng** → tr.268

Quay phim

- Quay phim → tr.281
- Phương pháp AF → tr.270
- Lấy nét Servo phim → tr.315
- Chất lượng ghi phim → tr.299
- Ghi âm → tr.302
- Mã thời gian → tr.305
- Phim time-lapse → tr.308
- Chụp ảnh trong khi quay phim → tr.295

Phát lại

- Thời gian xem lại ảnh → tr.70
- Hiển thị từng ảnh → tr.322
- Thông tin chụp → tr.324
- Hiển thị bảng kê → tr.329
- Duyệt ảnh (Hiển thị nhảy ảnh) → tr.330
- Xem phóng to → tr.332
- Hiển thị hai ảnh → tr.334
- Xoay ảnh → tr.335
- Bảo vệ ảnh → tr.336
- Xếp hạng → tr.339
- Xem phim → tr.346
- Trình chiếu → tr.350
- Xem ảnh trên TV → tr.353
- Sao chép → tr.356
- Xóa → tr.360
- Điều khiển nhanh → tr.342

Chỉnh sửa ảnh

- Xử lý ảnh RAW → tr.366
- Thay đổi cỡ ảnh JPEG → tr.371
- Cắt ảnh JPEG → tr.373

In và truyền ảnh

- PictBridge → tr.381
- Lệnh in (DPOF) → tr.391
- Truyền ảnh → tr.395
- Lập sách ảnh → tr.399

Tùy chỉnh

- Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) → tr.402
- Điều khiển tùy chỉnh → tr.415
- Điều khiển nhanh tùy chỉnh → tr.429
- Danh mục riêng → tr.434
- Chế độ chụp tùy chỉnh → tr.439

Làm sạch cảm biến và giảm bụi

- Làm sạch cảm biến → tr.376
- Thêm dữ liệu xóa bụi → tr.377

Cấp nối

- Đầu giữ cáp → tr.36

Phần mềm

- Tổng quan → tr.532
- Cài đặt → tr.533

Cảnh báo an toàn

Chú ý những điều sau để tránh gây hại, chấn thương cho bạn và người khác. Bảo đảm hiểu kỹ và thực hiện theo hướng dẫn trước khi sử dụng sản phẩm.

Nếu có vấn đề trực trực hoặc hư hỏng sản phẩm, liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc đại lý bán hàng nơi bạn mua sản phẩm.



Cảnh báo: Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Để tránh hỏa hoạn, nhiệt độ quá nóng, rò rỉ hóa chất, nổ hoặc điện giật, hãy thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Không sử dụng pin, nguồn điện và phụ kiện không được quy định trong hướng dẫn này. Không sử dụng pin tự chế tạo hoặc được chỉnh sửa.
 - Không làm đoản mạch, tháo rời hoặc chỉnh sửa pin. Không đốt nóng hoặc hàn pin. Không để pin tiếp xúc với lửa hoặc nước. Không để pin chịu va chạm vật lý mạnh.
 - Không lắp các cực pin ngược chiều.
 - Không sạc pin trong môi trường có nhiệt độ ngoài phạm vi nhiệt độ cho phép sạc (vận hành). Ngoài ra, không sạc pin quá thời gian chỉ định trong hướng dẫn sử dụng.
 - Không cầm bất kỳ vật lạ bằng kim loại nào vào các tiếp xúc điện của máy ảnh, phụ kiện, cáp kết nối, v.v...
- Khi rút bỏ pin, bọc cách ly các tiếp xúc điện bằng băng dính để ngăn tiếp xúc với các vật kim loại hoặc pin khác. Việc này giúp chống cháy nổ.
- Trong khi sạc pin, khói hoặc mùi lạ sẽ phát ra nếu pin quá nóng. Rút phích cắm của sạc pin ra khỏi ổ điện để ngừng sạc nhằm chống cháy nổ. Nếu không, có thể gây cháy, bỏng hoặc điện giật.
- Nếu pin bị rò rỉ, đổi màu, biến dạng hoặc phát ra khói hoặc mùi lạ, cần tháo pin ngay lập tức. Cần thận không để bị bỏng trong quá trình xử lý. Có thể gây cháy, điện giật hoặc bỏng da nếu tiếp tục sử dụng.
- Ngăn các chất rò rỉ của pin khỏi tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Các chất này có thể gây mù hoặc các vấn đề da liễu. Nếu chất rò rỉ của pin tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, dùng nhiều nước để xối rửa khu vực bị ảnh hưởng nhưng không được chà xát. Gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Không để bất kỳ dây điện nào gần nguồn nhiệt. Nhiệt có thể làm biến dạng dây điện hoặc làm chảy lớp cách điện và gây cháy hoặc điện giật.
- Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, gộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.
- Không đánh sáng flash vào người đang lái ô tô hay các phương tiện khác. Việc này có thể gây tai nạn.

- Khi không sử dụng máy ảnh hoặc phụ kiện, bảo đảm đã tháo pin và rút dây nguồn khỏi thiết bị trước khi cất giữ, để tránh điện giật, sinh nhiệt, cháy hoặc ăn mòn.
- Không sử dụng thiết bị ở nơi có khí dễ cháy để tránh cháy nổ.
- Nếu bạn đánh rơi thiết bị và vỏ bị vỡ hở ra để lộ các bộ phận bên trong, không chạm vào các bộ phận bên trong máy, do có khả năng bị điện giật.
- Không tháo rời hoặc chỉnh sửa thiết bị. Các bộ phận điện áp cao bên trong có thể gây điện giật.
- Không nhìn vào mặt trời hoặc nguồn sáng cực chói qua máy ảnh hoặc ống kính. Làm vậy có thể gây hỏng thị lực của bạn.
- Cất giữ thiết bị ngoài tầm với của trẻ em và trẻ sơ sinh, ngay cả khi đang sử dụng thiết bị. Dây đeo hoặc dây điện có thể vô tình gây nghẹt thở, điện giật hoặc chấn thương. Nghẹt thở hoặc chấn thương cũng có thể phát sinh do trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện của máy ảnh. Nếu trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện, cần tham vấn bác sĩ ngay lập tức.
- Không bảo quản hay sử dụng thiết bị ở những nơi nhiều bụi hoặc ẩm ướt. Hơn nữa, luôn gắn nắp bảo vệ khi bảo quản pin để tránh đoản mạch. Làm vậy sẽ tránh được tia lửa, sinh nhiệt, điện giật hoặc cháy.
- Trước khi sử dụng máy ảnh bên trong máy bay hoặc bệnh viện, kiểm tra xem có được phép sử dụng máy ảnh hay không. Sóng điện từ do máy ảnh phát ra có thể gây nhiễu các dụng cụ của máy bay hoặc thiết bị y tế của bệnh viện.
- Để chống cháy và điện giật, thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Luôn cầm hoàn toàn phích cắm điện vào ổ.
 - Không cầm phích cắm điện bằng tay ướt.
 - Khi rút phích cắm điện, cầm chặt và kéo phích cắm thay vì dây điện.
 - Không làm xước, cắt hoặc uốn cong quá mức dây điện hoặc đặt vật nặng lên dây điện. Ngoài ra không vặn hoặc thắt nút dây điện.
 - Không kết nối quá nhiều phích cắm điện vào cùng một ổ điện.
 - Không sử dụng dây điện bị đứt hoặc hỏng lớp cách điện.
- Rút phích cắm điện định kỳ và dùng khăn khô lau sạch bụi bám quanh ổ điện. Nếu xung quanh nhiều bụi, ẩm ướt hoặc có dầu, bụi trên ổ điện có thể bị ẩm và làm đoản mạch ổ điện gây ra cháy.
- Không kết nối trực tiếp pin với nguồn điện hoặc với lỗ châm thuốc trên ô tô. Pin có thể rò rỉ, sinh nhiệt hoặc nổ, gây tia lửa, cháy hoặc gây chấn thương.
- Khi cho trẻ em sử dụng sản phẩm, cần được người lớn hướng dẫn cẩn thận. Luôn giám sát khi trẻ dùng máy. Sử dụng không đúng cách có thể gây điện giật hoặc chấn thương.
- Không để ống kính hoặc máy ảnh có lắp ống kính dưới nắng mà không lắp nắp ống kính. Nếu không, ống kính có thể hội tụ các tia nắng và gây cháy.
- Không dùng vải che hoặc bọc thiết bị. Nhiệt bị tích bên trong sẽ khiến vỏ bị biến dạng hoặc bắt lửa.
- Cẩn thận không để ướt máy ảnh. Nếu đánh rơi máy ảnh vào nước hoặc nếu nước hoặc mảnh kim loại rơi vào trong máy ảnh, nhanh chóng tháo pin để chống cháy và điện giật.
- Không sử dụng chất pha loãng sơn, benzen hoặc dung môi hữu cơ khác để làm sạch sản phẩm. Các chất này có thể gây cháy hoặc nguy hại đối với sức khỏe.



Thận trọng: Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể xảy ra hư hỏng hoặc chấn thương.

- Không sử dụng hoặc bảo quản thiết bị ở trong xe dưới nắng nóng hoặc gần nguồn nhiệt. Sản phẩm có thể trở nên nóng và gây bỏng da. Làm vậy cũng có thể gây rò rỉ hoặc nổ pin, làm cho hiệu suất kém đi hoặc tuổi đời sản phẩm bị rút ngắn.
- Không di chuyển máy ảnh khi máy đang lắp vào chân máy. Làm vậy có thể gây chấn thương. Ngoài ra, đảm bảo chân máy đủ vững chắc để đỡ máy ảnh và ống kính.
- Không để sản phẩm trong môi trường nhiệt độ thấp trong thời gian dài. Sản phẩm sẽ trở nên lạnh và có thể gây chấn thương khi tiếp xúc.
- Không đánh sáng flash gần mắt người do có thể gây hại cho mắt.
- Không sử dụng ổ đĩa không thích hợp để chạy đĩa CD-ROM kèm theo.
Nếu bạn sử dụng đĩa với máy nghe nhạc CD, có thể gây hỏng loa cùng phụ kiện.
Khi sử dụng tai nghe, cũng có thể gây chấn thương tai bởi âm thanh quá lớn.

Những điều cần chú ý khi thao tác

Bảo quản máy ảnh

- Máy ảnh là thiết bị có độ chính xác cao. Không làm rơi máy ảnh hoặc để máy ảnh chịu tác động mạnh.
- Máy ảnh không có khả năng chống thấm nước, vì vậy không thể sử dụng dưới nước.
- Đóng chặt các nắp như nắp cổng kết nối, nắp ngăn chứa pin, nắp khe cắm thẻ, v.v... để chống bụi và nước cho máy ảnh một cách hiệu quả nhất.
- Máy ảnh này được thiết kế để chống bụi và nước, nhằm tránh không cho cát, bụi, chất bẩn hoặc nước rơi vào trong máy ảnh, tuy nhiên không thể ngăn chặn tuyệt đối chất bẩn, bụi, nước hoặc muối chui vào bên trong. Do đó bạn nên tránh hết mức, không để các vật thể này rơi vào máy ảnh.
- Nếu máy ảnh bị dính nước, lau sạch bằng miếng vải sạch và khô. Nếu chất bẩn, bụi hoặc muối dính vào máy ảnh, lau sạch bằng miếng vải sạch ẩm, vắt kỹ.
- Sử dụng máy ảnh ở nơi có lượng lớn bụi hoặc chất bẩn có thể gây ra trục trặc.
- Bạn nên làm sạch máy ảnh sau khi sử dụng. Việc giữ lại chất bẩn, bụi, nước hoặc muối trên máy ảnh có thể sẽ gây ra trục trặc.
- Nếu bạn vô tình rơi máy ảnh vào nước hoặc lo ngại rằng hơi ẩm (nước), chất bẩn, bụi hoặc muối có thể đã chui vào bên trong máy ảnh, hãy nhanh chóng liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Tuyệt đối không để máy ảnh gần các vật có từ trường mạnh như nam châm hoặc động cơ điện. Ngoài ra, tránh sử dụng hoặc để máy ảnh gần vật phát sóng vô tuyến mạnh như ăng-ten lớn. Từ trường mạnh có thể khiến máy ảnh trục trặc hoặc làm hỏng dữ liệu ảnh.
- Không để máy ảnh tại những nơi có nhiệt độ cao như trong ô tô có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Nhiệt độ cao có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Máy ảnh có hệ thống mạch điện tử chính xác. Tuyệt đối không tự ý tháo rời máy ảnh.

- Không để ngón tay hoặc các vật khác cản trở hoạt động của gương lật. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Sử dụng bóng thổi để thổi sạch bụi trên ống kính, khung ngắm, gương phản chiếu và màn hình lấy nét. Không sử dụng chất tẩy rửa có chứa dung môi hữu cơ để vệ sinh máy ảnh hoặc ống kính. Với vết bẩn khó lau, bạn cần mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Không chạm ngón tay vào điểm tiếp xúc điện của máy ảnh. Điều này bảo vệ điểm tiếp xúc khỏi bị mòn. Điểm tiếp xúc bị mòn có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Nếu đột ngột chuyển máy ảnh từ nơi lạnh vào phòng ấm, hơi nước có thể đọng trên máy ảnh và các bộ phận bên trong. Để tránh đọng hơi nước, trước tiên đặt máy ảnh vào túi nhựa kín và để máy thích nghi với nhiệt độ ấm hơn trước khi lấy ra khỏi túi.
- Không sử dụng nếu hơi nước đọng trên máy ảnh. Điều này giúp tránh làm hỏng máy ảnh. Nếu đọng hơi nước, tháo ống kính, thẻ và pin ra khỏi máy ảnh. Chỉ tiếp tục sử dụng máy khi hơi ẩm bay hơi hết.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên tháo pin và bảo quản máy ảnh ở nơi khô ráo, thoáng mát. Trong thời gian cất giữ máy ảnh, thỉnh thoảng nên nhấn nút chụp vài lần để đảm bảo máy ảnh vẫn hoạt động bình thường.
- Tránh cất giữ máy ảnh ở nơi có hóa chất gây gỉ và ăn mòn như trong phòng thí nghiệm hóa học.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên kiểm tra tất cả chức năng máy ảnh trước khi sử dụng. Nếu không sử dụng máy ảnh trong một khoảng thời gian hoặc cần chụp những sự kiện quan trọng, ví dụ: chuyến đi du lịch nước ngoài sắp tới, bạn nên nhờ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc tự mình kiểm tra lại máy ảnh để đảm bảo rằng máy vẫn hoạt động chính xác.
- Máy ảnh có thể bị nóng nếu sử dụng tính năng chụp liên tục, chụp Live View hoặc quay phim trong khoảng thời gian dài. Đây không phải vấn đề trục trặc.
- Nếu có nguồn sáng trong hoặc ngoài phạm vi chụp, hiện tượng bóng ma (ảnh bị mờ do lóa sáng) có thể xảy ra.

Bảng điều khiển LCD và màn hình LCD

- Mặc dù màn hình LCD được sản xuất bằng công nghệ có độ chính xác rất cao với hơn 99,99% số điểm ảnh hiệu dụng, nhưng trong ít hơn 0,01% số điểm ảnh còn lại có thể có một vài điểm ảnh chết, chỉ hiển thị màu đen hoặc màu đỏ, v.v... Điểm ảnh chết không phải vấn đề trực trặc và không ảnh hưởng đến ảnh được ghi.
- Nếu màn hình LCD ở trạng thái bật trong khoảng thời gian dài, có thể xảy ra hiện tượng lưu ảnh, bạn sẽ nhìn thấy dấu vết của ảnh đã hiển thị trước đó trên màn hình. Tuy nhiên, hiện tượng này chỉ là tạm thời và sẽ biến mất khi không sử dụng máy ảnh trong vài ngày.
- Màn hình LCD có thể hiển thị chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

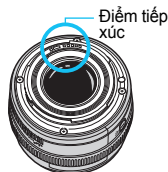
Thẻ

Để bảo vệ thẻ và dữ liệu ghi trong thẻ, lưu ý những điều sau:

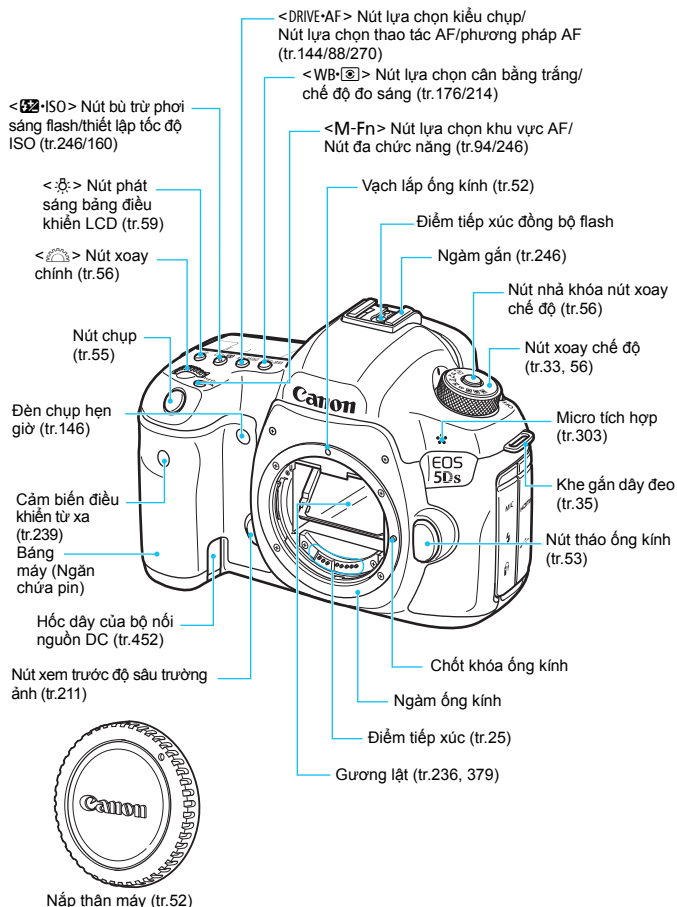
- Không làm rơi, bẻ cong hoặc làm ướt thẻ. Không để thẻ chịu lực tác động lớn, va đập hoặc rung lắc.
- Không chạm ngón tay hoặc vật kim loại vào các điểm tiếp xúc điện của thẻ.
- Không dán bất kỳ vật nào lên thẻ, ví dụ: miếng dán, v.v...
- Không bảo quản hoặc sử dụng thẻ gần các vật có từ trường mạnh như TV, loa hoặc nam châm. Ngoài ra, tránh những nơi có tĩnh điện.
- Không để thẻ ở nơi có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt.
- Bảo quản thẻ trong hộp.
- Không bảo quản thẻ ở những nơi có nhiệt độ cao, nhiều bụi bẩn hoặc ẩm ướt.

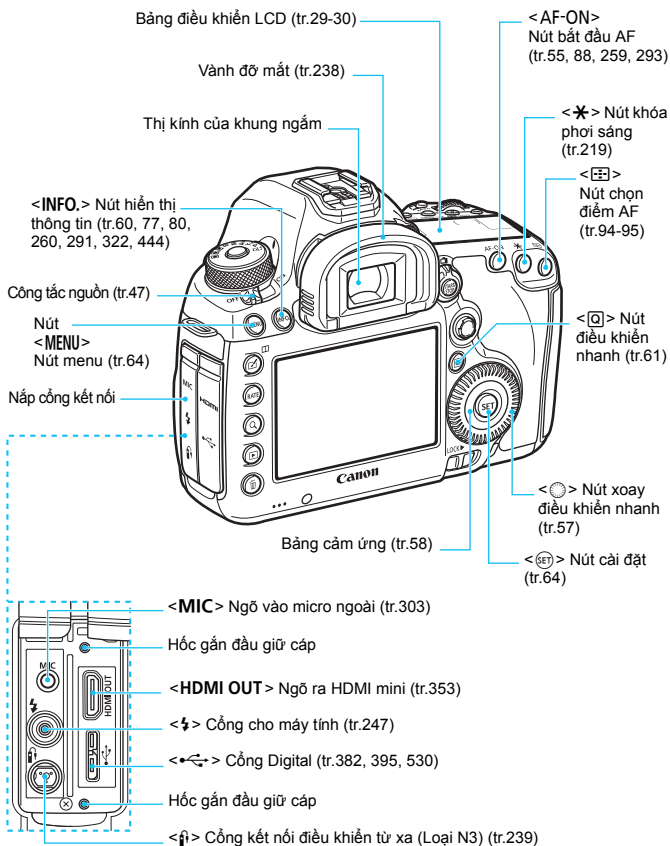
Ống kính

Sau khi tháo ống kính khỏi máy ảnh, đặt mặt dưới ống kính ngửa lên và đẩy nắp sau ống kính để tránh trầy xước bề mặt ống kính và các điểm tiếp xúc điện.

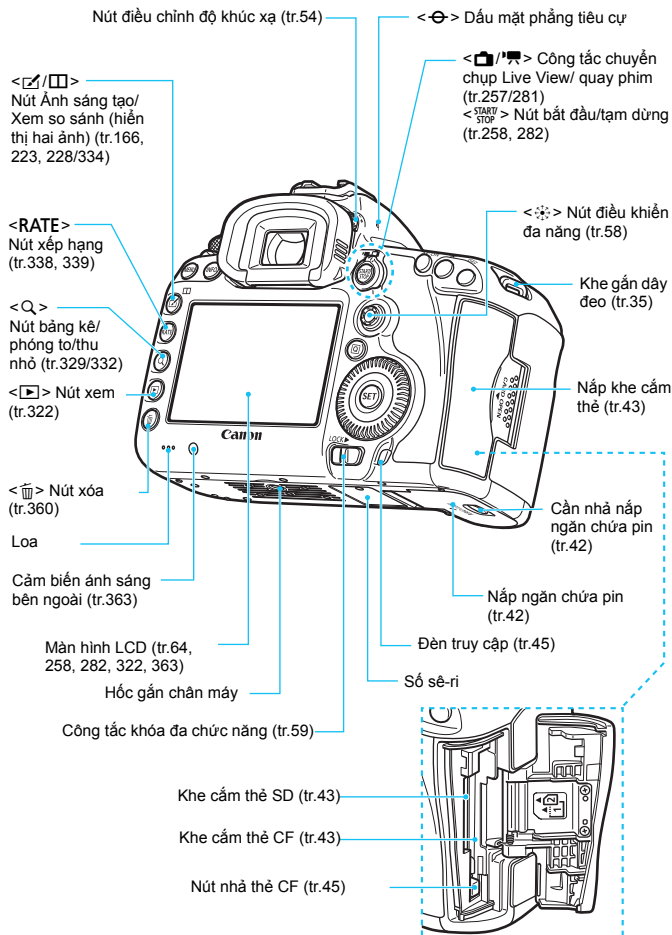


Tên bộ phận

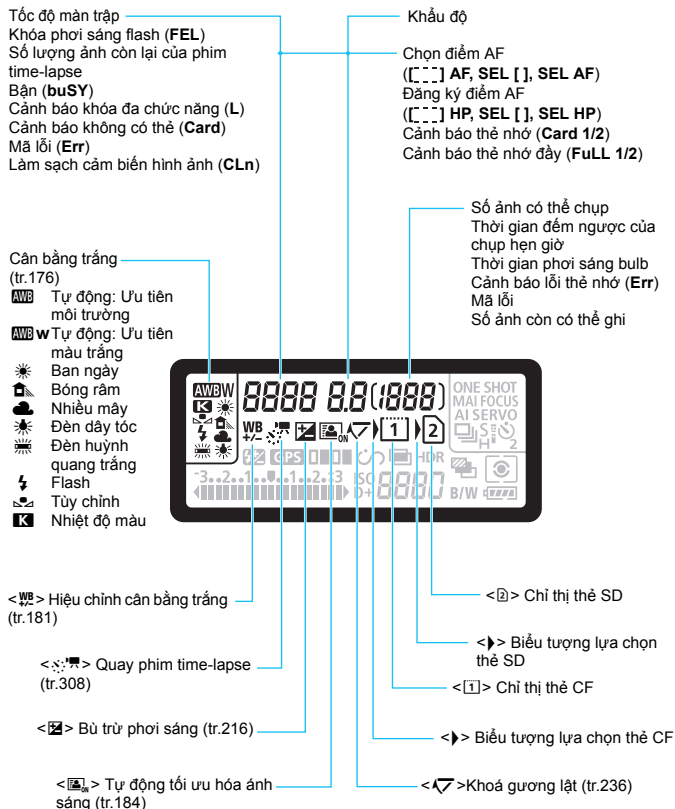




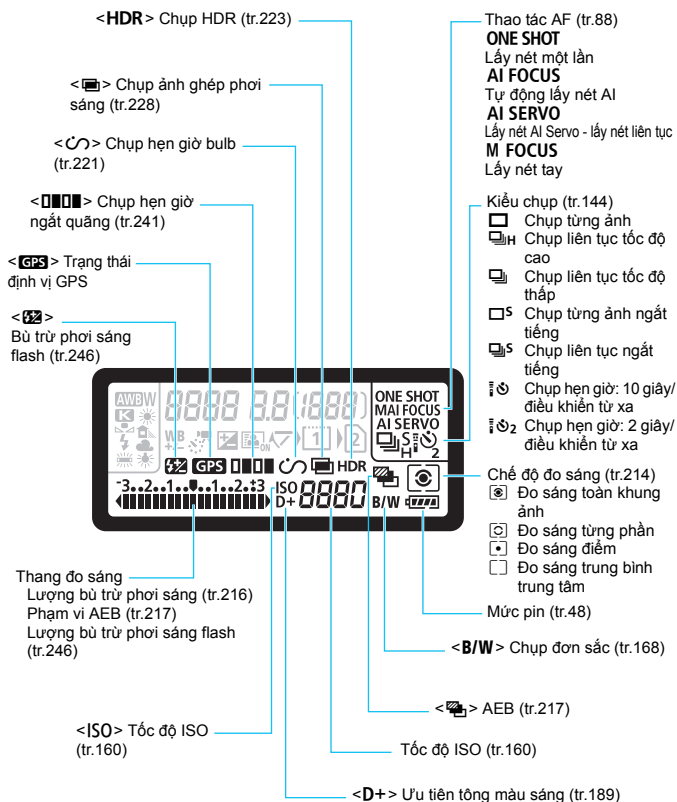
Khi kết nối cáp nối chuyên dụng với cổng digital, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.36).



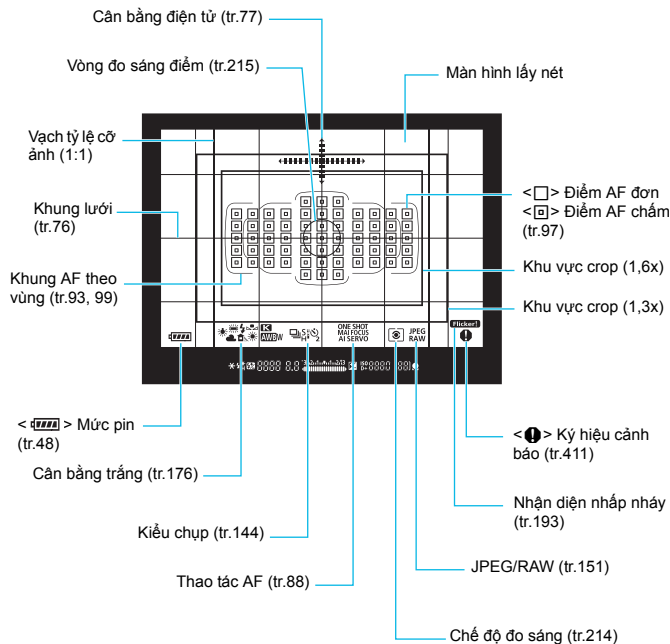
Bảng điều khiển LCD



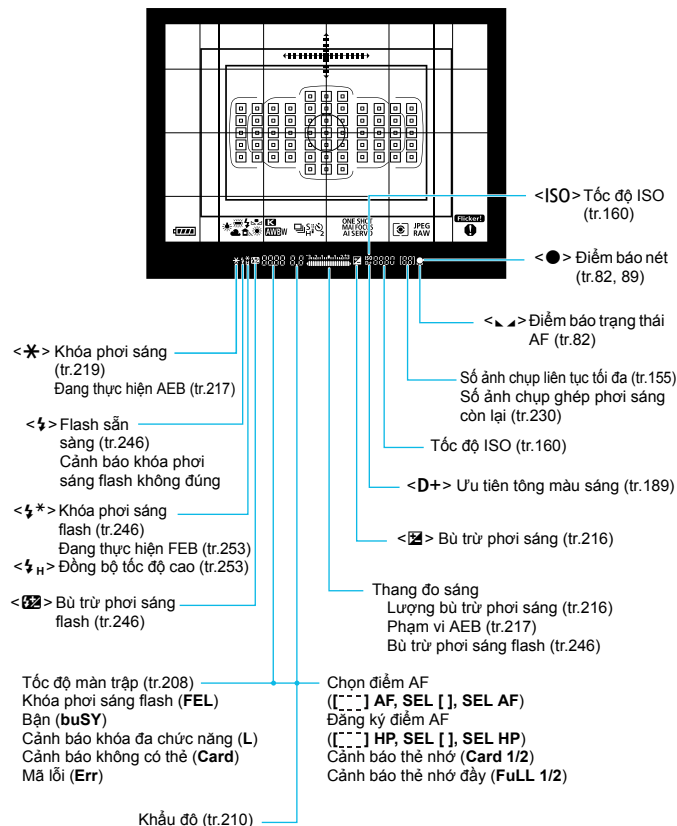
* Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.



Thông tin khung ngắm

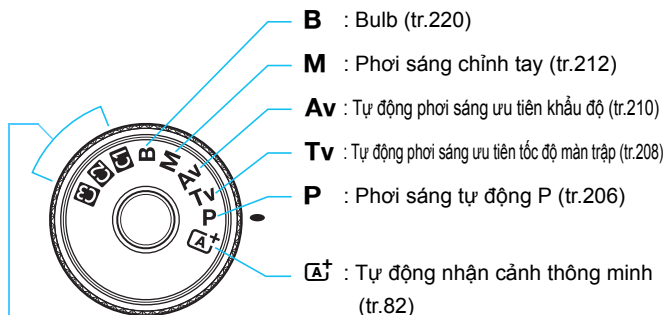


* Màn hình chỉ hiển thị cài đặt được áp dụng hiện thời.



Nút xoay chế độ

Bạn có thể đặt chế độ chụp. Xoay nút xoay chế độ khi nhấn giữ vị trí trung tâm nút xoay chế độ (nút nhả khóa nút xoay chế độ).



Chế độ chụp tùy chỉnh

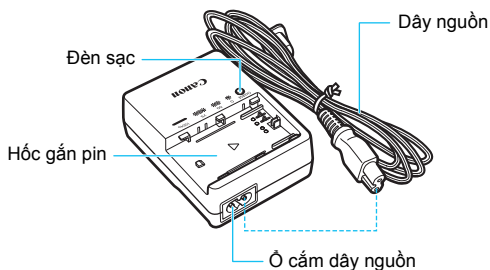
Bạn có thể đăng ký chế độ chụp (**P/Tv/Av/M/B**), thao tác AF, thiết lập menu, v.v... với các vị trí nút xoay chế độ **C1**, **C2**, **C3** (tr.439).

**HƯỚNG DẪN AN TOÀN QUAN TRỌNG-CẮT GIỮ HƯỚNG DẪN NÀY.
NGUY HIỂM-ĐỂ GIẢM NGUY CƠ HỎA HOẠN HOẶC ĐIỆN GIẬT, THỰC
HIỆN CÂN THẬN THEO HƯỚNG DẪN NÀY.**

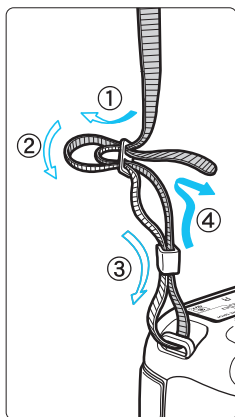
Để kết nối với nguồn cung cấp điện không phải ở Hoa Kỳ, sử dụng bộ chuyển đổi phích cắm kèm theo có cấu hình phù hợp với ổ điện nếu cần.

Sạc pin LC-E6E

Sạc cho pin LP-E6N/LP-E6 (tr.40).

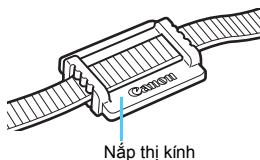


Gắn dây đeo



Luồn dây đeo từ dưới lên qua khe gắn dây đeo. Sau đó, kéo dây đeo qua khóa như hình minh họa. Kéo căng dây đeo để đảm bảo nút thắt không bị rơi lỏng.

- Nắp thị kính cũng được gắn vào dây đeo (tr.238).

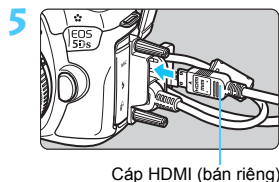
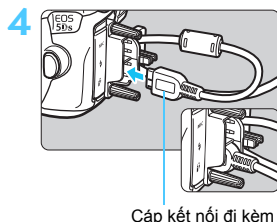
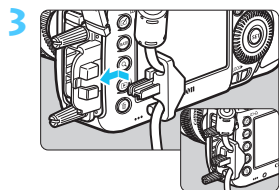
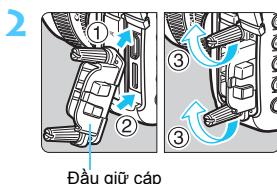
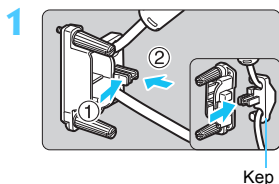


Sử dụng đầu giữ cáp

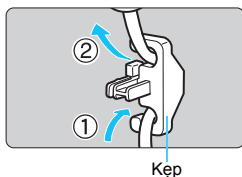
Khi kết nối máy ảnh với máy tính, máy in, bộ truyền dữ liệu không dây hoặc bộ thu GPS, sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon khác (Xem sơ đồ hệ thống trang 456).

Khi kết nối với cáp nối, luôn sử dụng đầu giữ cáp đi kèm. Sử dụng đầu giữ cáp sẽ tránh được việc ngắt kết nối giữa chừng và bảo vệ cáp cùng cổng kết nối.

Sử dụng cáp nối đi kèm và cáp HDMI chính hãng (bán riêng)



Sử dụng cáp nối chính hãng (bán riêng)



Khi sử dụng cáp nối chính hãng (bán riêng, tr.456), luôn cáp qua kẹp trước khi gắn kẹp vào đầu giữ cáp.



- Việc không sử dụng đầu giữ cáp khi kết nối cáp có thể gây hư hại cổng digital.
- Không sử dụng cáp USB 2.0 đầu Micro-B. Có thể gây hư hại cổng digital của máy ảnh.
- Đảm bảo cáp kết nối được gắn chắc vào cổng digital như hình minh họa phía dưới bên phải ở bước 4.



Để kết nối máy ảnh với TV, nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng). Luôn sử dụng đầu giữ cáp khi gắn cáp, kể cả cáp HDMI.

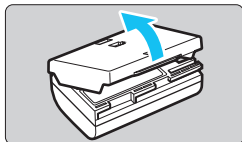
This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

1

Hướng dẫn bắt đầu

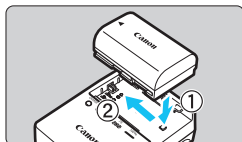
Chương này giải thích các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu chụp và các thao tác cơ bản với máy ảnh.

Sạc pin



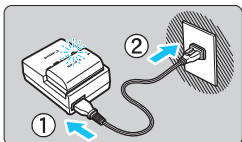
1 Tháo nắp bảo vệ.

- Tháo nắp bảo vệ đi kèm với pin.



2 Lắp pin.

- Lắp pin cố định vào sạc như hình minh họa.
- Để tháo pin, thực hiện theo các bước ngược lại với quy trình trên.



3 Sạc pin.

- Kết nối dây nguồn với sạc và cắm phích vào ổ điện.
- Quá trình sạc sẽ tự động bắt đầu và đèn sạc nhấp sáng màu cam.

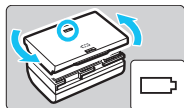
Mức sạc	Đèn sạc	
	Màu	Hiển thị
0-49%	Màu cam	Nháy sáng một lần/giây
50-74%		Nháy sáng hai lần/giây
75% trở lên		Nháy sáng ba lần/giây
Sạc đầy pin	Màu xanh lá cây	Phát sáng

- Trong nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), thời gian sạc đầy pin đã hết kéo dài khoảng 2 giờ 30 phút.** Thời gian sạc pin sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường và lượng pin còn lại.
- Vì lý do an toàn, ở nhiệt độ thấp (5°C - 10°C / 41°F - 50°F), thời gian sạc sẽ dài hơn (tối đa khoảng 4 giờ).



Gợi ý sử dụng pin và sạc

- **Khi mua máy ảnh, pin chưa được sạc đầy.**
Sạc pin trước khi sử dụng.
- **Sạc lại pin trước một ngày hoặc trong ngày sử dụng máy ảnh.**
Trong thời gian cất giữ, pin đã sạc cũng sẽ dần cạn và mất năng lượng.
- **Sau khi sạc pin, tháo pin và rút sạc khỏi ổ cắm điện.**
- **Bạn có thể lắp nắp bảo vệ theo hướng khác để chỉ ra pin đã được sạc chưa.**
Nếu pin đã được sạc, lắp nắp bảo vệ sao cho hốc hình pin <  > thẳng hàng với miếng dán màu xanh trên pin. Nếu pin đã hết, lắp nắp bảo vệ theo hướng ngược lại.
- **Tháo pin ra khi không sử dụng máy ảnh.**
Nếu lắp pin trong máy ảnh trong khoảng thời gian dài, pin sẽ giải phóng một lượng nhỏ năng lượng, dẫn đến pin phóng điện quá nhiều và làm giảm tuổi thọ pin. Bảo quản pin với nắp bảo vệ. Cất giữ pin khi đã sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- **Sạc pin có thể sử dụng ở nước ngoài.**
Sạc pin tương thích với nguồn điện 50/60 Hz 100 V AC đến 240 V AC. Nếu cần, cắm sạc pin thông qua bộ chuyển đổi phích cắm bán trên thị trường của quốc gia hoặc khu vực sử dụng tương ứng. Không cắm sạc pin vào bộ biến thể di động. Làm vậy có thể gây hỏng sạc pin.
- **Nếu pin nhanh hết ngay cả khi đã sạc đầy, tuổi thọ pin đã hết.**
Kiểm tra hiệu suất sạc của pin (tr.448) và mua pin mới.

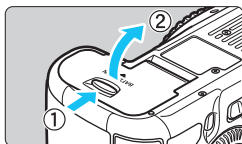


- Sau khi rút phích cắm điện của sạc, không chạm vào chân cắm trong ít nhất 10 giây.
- Nếu dung lượng còn lại của pin (tr.448) đạt 94% trở lên, không cần sạc lại pin.
- Không sử dụng sạc pin với các loại pin khác ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6.

Lắp và tháo pin

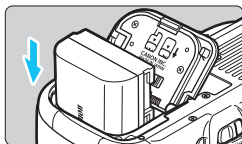
Lắp Pin LP-E6N (hoặc LP-E6) đã sạc đầy vào máy ảnh. Khung ngắm của máy ảnh sẽ phát sáng khi lắp pin và trở nên tối dần khi tháo pin.

Lắp pin



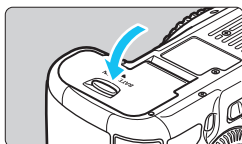
1 Mở nắp.

- Đẩy nút gạt theo hướng mũi tên và mở nắp.



2 Lắp pin.

- Lắp đầu có các điểm tiếp xúc của pin vào.
- Lắp pin cho đến khi vào vị trí khóa.

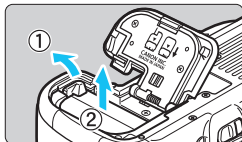


3 Đóng nắp.

- Nhấn nắp cho đến khi phát ra tiếng tách.

 Chỉ có thể sử dụng Pin LP-E6N/LP-E6.

Tháo pin



Mở nắp và tháo pin.

- Nhấn nút gạt khóa pin theo hướng mũi tên và tháo pin.
- Để ngăn hiện tượng đoản mạch cho các điểm tiếp xúc của pin, đảm bảo gắn nắp bảo vệ kèm theo máy ảnh (tr.40) vào pin.

Lắp và tháo thẻ

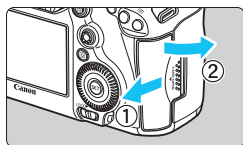
Máy ảnh có thể sử dụng một thẻ CF và một thẻ SD. **Ảnh chỉ được ghi khi có ít nhất một thẻ nhớ lắp trong máy ảnh.**

Nếu cả hai loại thẻ cùng được lắp, có thể lựa chọn thẻ để ghi ảnh hoặc đồng thời ghi ảnh vào cả hai thẻ (tr.148-150).

Thận trọng khi sử dụng thẻ SD

Nếu sử dụng thẻ SD, đảm bảo mẫu chống ghi của thẻ được đẩy lên để đặt thành ghi/xóa.

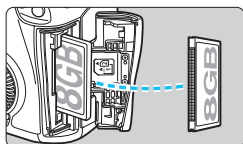
Lắp thẻ



1 Mở nắp.

- Đẩy nắp theo hướng mũi tên để mở.

Thẻ CF



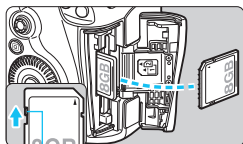
2 Lắp thẻ.

- Khe cắm phía trước máy ảnh để cắm thẻ CF và khe phía sau để cắm thẻ SD.
- Hướng nhãn thẻ CF về phía bạn và lắp đầu thẻ với những lỗ nhỏ vào trong máy ảnh.

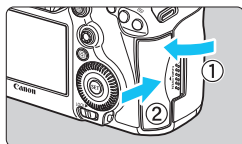
Nếu lắp thẻ sai hướng, có thể làm hỏng máy ảnh.

- ▶ Nút nhả thẻ CF sẽ trồi ra.
- Xoay nhãn thẻ SD về phía bạn, rồi cắm thẻ cho đến khi phát ra tiếng tách vào vị trí.

Thẻ SD



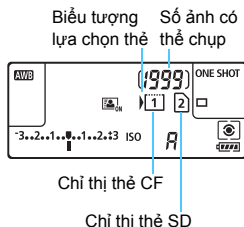
Mẫu chống ghi



3 Đóng nắp.

- Đóng nắp và trượt nắp theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.
- ▶ Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> (tr.47), số lượng ảnh có thể chụp và thẻ đã lắp sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

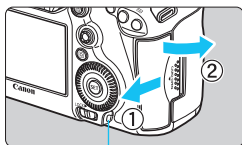
Ảnh sẽ được ghi vào thẻ đang được chỉ thị bởi biểu tượng mũi tên <▶>.



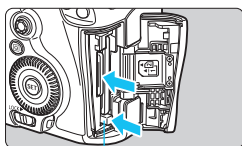
- Máy ảnh không thể sử dụng thẻ CF loại II, thẻ đĩa cứng hoặc thẻ CFast.
- Không thể sử dụng thẻ đa phương tiện (MMC) (thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị).

- Thẻ CF Ultra DMA (UDMA) cũng có thể sử dụng với máy ảnh. Thẻ UDMA có thể ghi dữ liệu nhanh hơn.
- Hỗ trợ thẻ nhớ SD/SDHC/SDXC. Thẻ UHS-I SDHC hoặc SDXC cũng có thể được sử dụng.
- Số lượng ảnh có thể chụp phụ thuộc vào dung lượng còn lại của thẻ, chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, v.v...
- “Số ảnh có thể chụp” hiển thị số ảnh dựa trên thiết lập [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] (tr.156).
- Dù số ảnh có thể chụp còn lại lớn hơn 2000, chỉ thị chỉ hiển thị tới 1999.
- Đặt [**1: Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)**] thành [**Disable (Tắt)**] sẽ giúp bạn không quên lắp thẻ (tr.462).

Tháo thẻ



Đèn truy cập



Nút nhả thẻ CF

1 Mở nắp.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Đảm bảo đèn truy cập đã tắt, rồi mở nắp.
- Nếu [Đang ghi...] hiển thị trên màn hình LCD, đóng nắp.

2 Tháo thẻ.

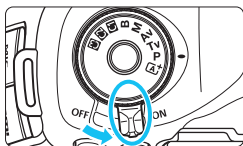
- Để tháo thẻ CF, đẩy nút nhả thẻ vào trong.
- Để tháo thẻ SD, đẩy nhẹ thẻ vào trong, rồi để thẻ tự đẩy ra. Sau đó kéo thẻ ra.
- Kéo thẳng thẻ ra, rồi đóng nắp lại.



- **Đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy cho biết ảnh đang được ghi vào thẻ hoặc đọc trên thẻ, ảnh đang bị xóa hoặc dữ liệu đang truyền. Trong trường hợp này, không mở nắp khe cắm thẻ. Ngoài ra, khi đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau. Nếu không, dữ liệu ảnh, thẻ hoặc máy ảnh có thể bị hỏng.**
 - **Tháo thẻ.**
 - **Tháo pin.**
 - **Lắc hoặc đập máy ảnh.**
 - **Rút phích và kết nối dây nguồn** (khi sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.452)).
- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.201).
- Nếu thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị trên màn hình LCD, cần tháo và lắp lại thẻ. Nếu vẫn còn lỗi, nên sử dụng thẻ khác. Nếu có thể truyền tất cả ảnh trên thẻ vào máy tính, bạn nên truyền tất cả ảnh và sau đó thực hiện định dạng thẻ bằng máy ảnh (tr.67). Thẻ có thể khôi phục trạng thái bình thường.
- Không dùng ngón tay hoặc vật kim loại chạm vào các điểm tiếp xúc của thẻ SD. Không để bụi hoặc nước dính vào điểm tiếp xúc. Vết bẩn bám vào điểm tiếp xúc có thể khiến tiếp xúc thất bại.

Bật nguồn

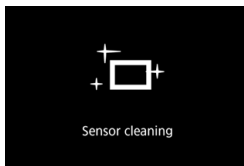
Khi bật công tắc nguồn và màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ xuất hiện, tham khảo trang 49 để thiết lập ngày/giờ/múi giờ.



<ON> : Máy ảnh bật.

<OFF> : Máy ảnh tắt và không hoạt động. Đặt công tắc về vị trí này khi không sử dụng máy ảnh.

Làm sạch cảm biến tự động



- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, quá trình làm sạch cảm biến sẽ tự động thực hiện. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Trong khi làm sạch cảm biến, màn hình LCD sẽ hiển thị <+ ->.

- Bạn vẫn có thể chụp trong khi làm sạch cảm biến bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp (tr.55) để dừng quá trình làm sạch và chụp ảnh.
- Nếu liên tục xoay công tắc nguồn <ON>/<OFF> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng <+ -> có thể không hiển thị. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực tiếp.

MENU Tự động tắt nguồn

- Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt sau khoảng 1 phút không hoạt động. Nhấn nửa chừng nút chụp để bật lại máy ảnh.
- Bạn có thể thay đổi thời gian tự động tắt nguồn với [**2: Auto power off** (Tự động tắt nguồn)] (tr.69).



Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> khi đang ghi ảnh vào thẻ, thông báo [Recording... (Đang ghi...)] sẽ hiển thị và nguồn sẽ tắt sau khi quá trình ghi ảnh kết thúc.

Thang đo mức pin

Khi công tắc nguồn đặt thành <ON>, mức pin sẽ hiển thị ở một trong sáu mức. Biểu tượng pin nhấp nháy < > cho biết sắp hết pin.



Hiển thị						
Mức (%)	100 - 70	69 - 50	49 - 20	19 - 10	9 - 1	0

Số ảnh có thể chụp

(Số ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Số ảnh có thể chụp	700	660

- Các số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy, không chụp Live View và theo tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Số ảnh có thể chụp với Bảng pin BG-E11 (bán riêng)
 - Với Pin LP-E6N x 2: xấp xỉ gấp đôi số ảnh so với không dùng bảng pin.
 - Với pin AA/LR6 ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F): khoảng 140 tấm.



- Thực hiện các thao tác sau sẽ khiến pin hết nhanh hơn:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
- Số ảnh có thể chụp có thể giảm tùy thuộc vào điều kiện chụp thực tế.
- Pin máy ảnh cung cấp năng lượng cho ống kính hoạt động. Pin có thể hết nhanh hơn tùy thuộc vào loại ống kính được sử dụng.
- Để tìm hiểu số ảnh có thể chụp trong chế độ chụp Live View, tham khảo trang 259.
- Tham khảo [**3: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra điều kiện pin (tr.448).
- Với Bảng pin BG-E11 (bán riêng) lắp pin AA/R6, thang đo chỉ hiển thị bốn mức. (/) sẽ không hiển thị.)

MENU Thiết lập ngày, giờ và múi giờ

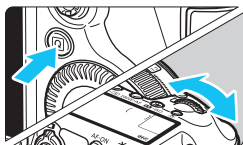
Khi bật nguồn lần đầu tiên hoặc nếu ngày/giờ/múi giờ bị mất, màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ sẽ xuất hiện. Thực hiện theo các bước sau, đảm bảo thiết lập múi giờ trước. Nếu thiết lập đúng múi giờ địa phương hiện tại cho máy ảnh, khi bạn di chuyển, chỉ cần thay đổi thiết lập múi giờ cho điểm đến, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh ngày giờ.

Lưu ý rằng ngày/giờ thêm vào ảnh sẽ căn cứ theo thiết lập ngày/giờ này. Hãy đảm bảo ngày/giờ được thiết lập chính xác.



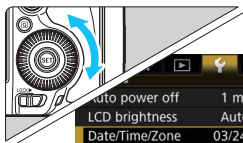
1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



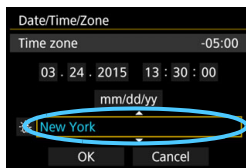
2 Trong tab [🕒], chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].

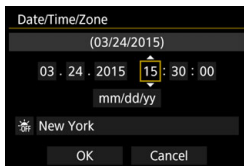
- Nhấn nút <Q> và chọn tab [🕒].
- Xoay nút xoay <🕒> để chọn tab [🕒].
- Xoay nút xoay <🕒> để chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.



3 Thiết lập múi giờ.

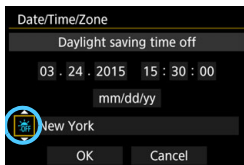
- Múi giờ [London] được cài đặt mặc định.
- Xoay nút xoay <🕒> để chọn [Time zone (Múi giờ)].
- Nhấn <SET> để hiển thị <🕒>.
- Xoay nút xoay <🕒> để chọn múi giờ, rồi nhấn <SET>.





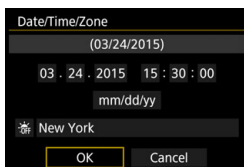
4 Thiết lập ngày và giờ.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn số.
- Nhấn <SET> để hiển thị <⌚>.
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <□>).



5 Thiết lập giờ mùa hè.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [☀].
- Nhấn <SET> để hiển thị <☀>.
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [☀], rồi nhấn <SET>.
- Khi giờ mùa hè được đặt thành [☀], thời gian cài đặt ở bước 4 sẽ sớm hơn 1 giờ. Nếu đặt thành [☀], giờ mùa hè sẽ bị hủy và thời gian sẽ lùi lại 1 giờ.



6 Thoát thiết lập.

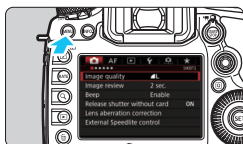
- Xoay nút xoay <⌚> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngày/giờ/múi giờ và giờ mùa hè được thiết lập và menu sẽ xuất hiện lại.

- Thiết lập ngày/giờ/múi giờ có thể bị mất khi cất giữ máy ảnh không lắp pin, khi pin hết hoặc khi máy ảnh được đặt ở dưới nhiệt độ đóng băng trong một khoảng thời gian dài. Trong trường hợp này, cần thiết lập lại ngày/giờ/múi giờ.
- Sau khi thay đổi múi giờ, kiểm tra để đảm bảo ngày/giờ đã được thiết lập chính xác.
- Khi thực hiện [Sync time between cameras (Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh)] thông qua bộ truyền dữ liệu không dây, khuyến cáo sử dụng một máy EOS 5DS/EOS 5DS R khác. Nếu thực hiện [Sync time between cameras (Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh)] với máy ảnh model khác, giờ hoặc múi giờ có thể không được cài đặt chính xác.



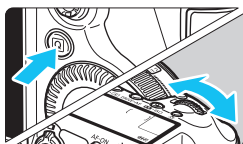
- Ngày/giờ đã thiết lập sẽ bắt đầu hiệu lực sau khi bạn nhấn **[OK]** ở bước 6.
- Ở bước 3, thời gian hiển thị ở phía trên bên phải màn hình là thời gian chênh lệch so với Giờ phối hợp quốc tế (Coordinated Universal Time - UTC). Nếu không thấy múi giờ địa phương, tham khảo chênh lệch giờ UTC để thiết lập múi giờ.

MENU Chọn ngôn ngữ giao diện



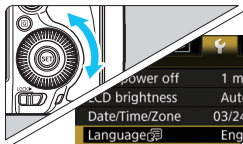
1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút **<MENU>** để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Language] (Ngôn ngữ).

- Nhấn nút **<Q>** và chọn tab **[F2]**.
- Xoay nút xoay **<ZOOM>** để chọn tab **[F2]**.
- Xoay nút xoay **<WHEEL>** để chọn **[Language] (Ngôn ngữ)**, rồi nhấn **<SET>**.



3 Thiết lập ngôn ngữ mong muốn.

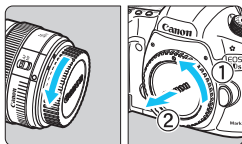
- Xoay nút xoay **<WHEEL>** để chọn ngôn ngữ, rồi nhấn **<SET>**.
- Ngôn ngữ giao diện sẽ thay đổi.

English	Norsk	Română
Deutsch	Svenska	Türkçe
Français	Español	العربية
Nederlands	Ελληνικά	עברית
Dansk	Русский	简体中文
Português	Polski	繁體中文
Suomi	Čeština	한국어
Italiano	Magyar	日本語
Українська		

Lắp và tháo ống kính

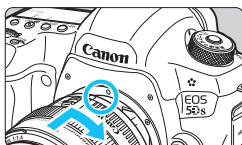
Máy ảnh tương thích với tất cả ống kính Canon EF. **Không thể sử dụng máy ảnh với ống kính EF-S hay EF-M.**

Lắp ống kính



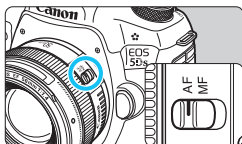
1 Tháo nắp.

- Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy bằng cách xoay nắp theo hướng mũi tên.



2 Lắp ống kính.

- Điều chỉnh vạch đỏ của ống kính và ngàm máy ảnh trùng nhau rồi xoay ống kính theo hướng mũi tên đến khi phát ra tiếng tách.

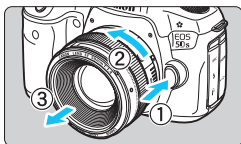


3 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

- <AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động).
- <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay). Lấy nét tự động sẽ không hoạt động.

4 Tháo nắp trước của ống kính.

Tháo ống kính



Khi nhấn nút tháo ống kính, xoay ống kính theo hướng mũi tên.

- Xoay ống kính cho đến khi dừng, rồi tháo ống kính.
- Lắp nắp sau của ống kính vào ống kính đã tháo.



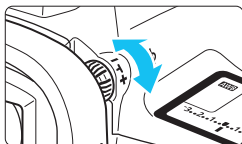
- Không nhìn trực tiếp vào ánh nắng mặt trời qua ống kính. Làm vậy có thể gây tổn thương thị lực.
- Khi lắp hoặc tháo ống kính, đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành **<OFF>**.
- Nếu phần phía trước (vòng lấy nét) của ống kính xoay trong khi lấy nét tự động, chú ý không chạm vào phần xoay.

Giảm thiểu bụi

- Thực hiện thay ống kính nhanh chóng ở nơi ít bụi.
- Khi cất giữ máy ảnh mà không lắp ống kính, đảm bảo đã lắp nắp thân máy vào máy ảnh.
- Loại bỏ bụi trên nắp thân máy trước khi lắp.

Thao tác cơ bản

Điều chỉnh độ nét khung ngắm



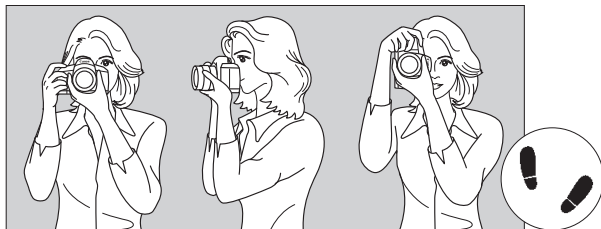
Xoay nút điều chỉnh độ khúc xạ.

- Xoay nút sang trái hoặc sang phải cho đến khi nhìn rõ nét điểm AF trong khung ngắm.
- Tháo nắp thị kính nếu khó xoay nút (tr.238).

 Nếu điều chỉnh độ khúc xạ của máy ảnh vẫn không làm ảnh trong khung ngắm sắc nét, nên sử dụng thấu kính điều chỉnh độ khúc xạ Eg (bán riêng).

Giữ máy ảnh

Để thu được ảnh sắc nét, giữ chắc máy ảnh để giảm thiểu rung máy.



Chụp ngang

Chụp dọc

1. Tay phải nắm chắc báng máy.
2. Tay trái giữ phía dưới ống kính.
3. Nhẹ nhàng đặt ngón trỏ tay phải lên nút chụp.
4. Cánh tay và khuỷu tay tỳ nhẹ vào thân người.
5. Để duy trì tư thế ổn định, bàn chân này đặt trước mũi bàn chân kia một khoảng cách.
6. Áp sát khuôn mặt vào máy ảnh và nhìn vào khung ngắm.

 Để chụp trong khi xem màn hình LCD, tham khảo trang 257.

Nút chụp

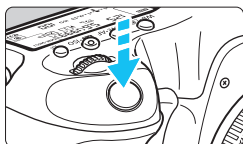
Nút chụp có hai mức. Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, có thể nhấn hoàn toàn nút chụp.



Nhấn nửa chừng

Thao tác này kích hoạt lấy nét tự động và hệ thống phơi sáng tự động để thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

Các thiết lập phơi sáng (tốc độ màn trập và khẩu độ) được hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD trong 4 giây (Hẹn giờ đo sáng/☀4).



Nhấn hoàn toàn

Màn trập được nhả và ảnh sẽ được chụp.

Chống rung máy

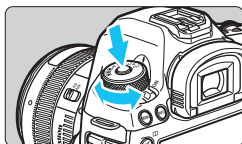
Chuyển động của máy ảnh cầm tay trong khi phơi sáng gọi là rung máy. Rung máy có thể làm mờ ảnh. Để chống rung máy, lưu ý những điều sau:

- Cầm và giữ chắc máy ảnh như hình minh họa ở trang trước.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động, rồi từ từ nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Trong các chế độ chụp <P> <Tv> <Av> <M> , nhấn nút <AF-ON> sẽ thực hiện thao tác tương tự như nhấn nửa chừng nút chụp.
- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp mà không nhấn nửa chừng trước hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp rồi nhấn hoàn toàn nút chụp ngay, máy ảnh sẽ mất một khoảng thời gian trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả trong khi hiển thị menu hoặc xem ảnh, bạn cũng có thể chụp ảnh trở lại ngay bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.

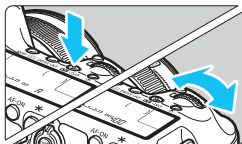
Nút xoay chế độ



Xoay nút xoay khi nhấn giữ nút nhả khóa ở chính giữa nút xoay.
Sử dụng để cài đặt chế độ chụp.



Nút xoay chính

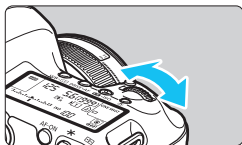


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay < >.

Khi bạn nhấn một nút như <WB• > <DRIVE•AF> <•ISO>, chức năng tương ứng vẫn được chọn trong thời gian 6 giây (6). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

Khi chọn xong chức năng hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay để chọn chế độ đo sáng, thao tác AF, tốc độ ISO, điểm AF, v.v...



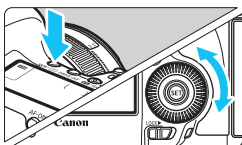
(2) Chỉ xoay nút xoay < >.

Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

- Xoay nút xoay để thiết lập thông số tốc độ màn trập, khẩu độ, v.v...

 Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải (Khoá đa chức năng, tr.59).

Nút xoay điều khiển nhanh

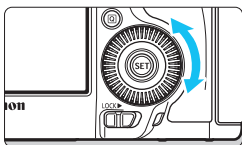


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay <🕒>.

Khi bạn nhấn một nút như <WB•📷> <DRIVE•AF> <📷•ISO>, chức năng tương ứng vẫn được chọn trong thời gian 6 giây (🕒6). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <🕒> để thay đổi thiết lập.

Khi chọn xong chức năng hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay này để chọn cân bằng trắng, kiểu chụp, bù trừ phơi sáng flash, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay <🕒>.

Khi nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <🕒> để thay đổi thiết lập.

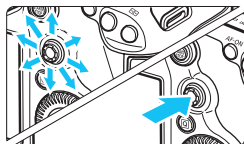
- Xoay nút xoay để đặt lượng bù trừ phơi sáng, thiết lập thông số khẩu độ cho phơi sáng chỉnh tay, v.v...



Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK▶> được gạt sang phải (Khóa đa chức năng, tr.59).

Nút điều khiển đa năng

Nút < > bao gồm một phím tám hướng và một nút ở giữa. Sử dụng ngón tay cái để nghiêng < > theo hướng mong muốn.

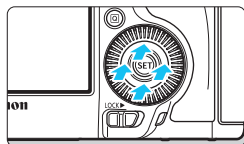


- Sử dụng để chọn điểm AF, hiệu chỉnh cân bằng trắng, di chuyển điểm AF hoặc phóng to khung trong khi chụp Live View, lướt quanh ảnh phóng to trong khi xem, thao tác màn hình điều khiển nhanh v.v...
- Bạn cũng có thể sử dụng nút này để chọn và thiết lập các mục menu.
- Đối với các menu và điều khiển nhanh, nút điều khiển đa năng chỉ hoạt động theo hướng ngang hoặc hướng dọc. không hoạt động theo các hướng chéo.

Bảng cảm ứng

Trong khi quay phim, bảng cảm ứng cho phép điều chỉnh tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, tốc độ ISO và mức ghi âm một cách yên lặng (tr.304).

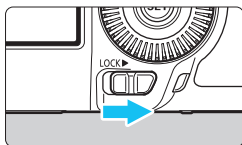
Chức năng này hoạt động khi [ 5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)] được đặt thành [Enable  (Bật )].



Sau khi nhấn nút < >, chạm vào trên, dưới, trái, phải ở vòng trong của nút xoay < >.

LOCK► Khóa đa chức năng

Thiết lập [**3: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] (tr.412) và chuyển công tắc <LOCK►> sang phải giúp tránh được việc các nút xoay chính, nút xoay điều khiển nhanh và điều khiển đa năng di chuyển làm thay đổi thiết lập ngoài ý muốn.



Công tắc <LOCK►> gạt sang trái:

Nhả khóa

Công tắc <LOCK►> gạt sang phải:

Khóa



Nếu công tắc <LOCK►> được gạt sang phải và bạn cố thực hiện thao tác các điều khiển máy ảnh đã khóa, <L> sẽ xuất hiện trên khung ngắm và bảng điều khiển LCD. Và [**LOCK (KHÓA)**] cũng xuất hiện trên màn hình điều khiển nhanh (tr.60).

☀ Phát sáng bảng điều khiển LCD



Bạn có thể phát sáng bảng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <☀>. Bật (☀6) hoặc tắt tính năng phát sáng bảng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <☀>.



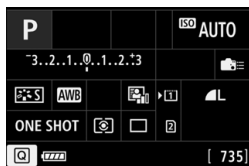
Trong phơi sáng bulb, nhấn hoàn toàn nút chụp để tắt tính năng phát sáng bảng điều khiển LCD.

Hiển thị màn hình điều khiển nhanh

Sau khi nhấn nút <INFO.> vài lần (tr.444), màn hình điều khiển nhanh (tr.62) hoặc màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.429) sẽ xuất hiện. Bạn có thể kiểm tra thiết lập chức năng chụp hiện tại.

Nhấn nút <Q> sẽ khởi động tính năng điều khiển nhanh của thiết lập chức năng chụp (tr.61).

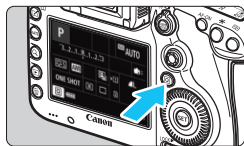
Sau đó có thể nhấn nút <INFO.> để tắt màn hình.



Q Điều khiển nhanh chức năng chụp

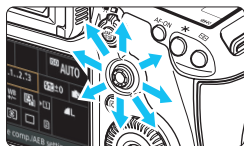
Bạn có thể trực tiếp chọn và thiết lập các chức năng chụp hiển thị trên màn hình LCD. Tính năng này được gọi là Điều khiển nhanh.

Quy trình thao tác cơ bản tương tự cho màn hình điều khiển nhanh (tr.60) và màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.429).



1 Nhấn nút <Q> (♻️10).

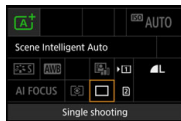
- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



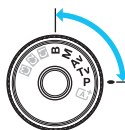
2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Sử dụng nút <⬤> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <⬤> hoặc <⬤> để thay đổi thiết lập.

● Chế độ <A+>



● Các chế độ <P>/<Tv>/<Av>/<M>/



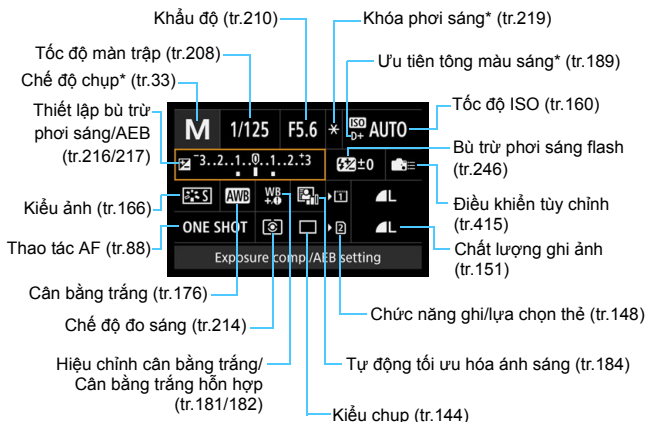
3 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.



Trong chế độ <A+> bạn chỉ có thể đặt chức năng ghi, lựa chọn thẻ, chất lượng ghi ảnh và kiểu chụp với màn hình điều khiển nhanh.

Các chức năng có thể thiết lập trên màn hình điều khiển nhanh



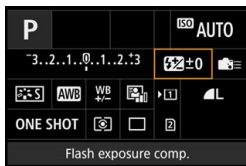
 * Không thể thiết lập các chức năng đánh dấu sao với màn hình điều khiển nhanh.

Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh

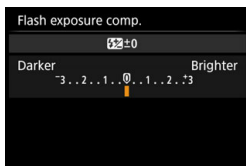
Bạn có thể tùy chỉnh bố cục của màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh. Tính năng này giúp bạn hiển thị và sắp xếp các chức năng chụp trên màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh theo ý muốn. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 429.

 Trên màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh, nếu không có chức năng nào có thể đặt với Điều khiển nhanh khi bạn nhấn nút , biểu tượng điều khiển nhanh ở phía dưới bên trái sẽ hiển thị màu da cam.

Màn hình điều khiển nhanh



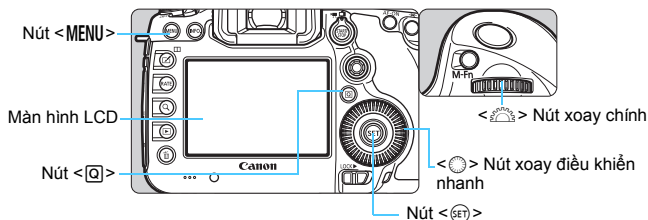
↓ <SET>



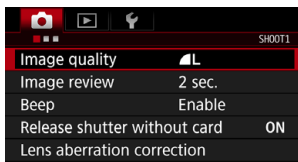
- Chọn chức năng, rồi nhấn <SET>. Màn hình thiết lập chức năng sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <🔧> hoặc <🕒> để thay đổi thiết lập. Một số chức năng có thể thiết lập bằng cách nhấn nút.
- Nhấn <SET> để kết thúc thiết lập và quay lại màn hình trước đó.
- Khi chọn <📷> (tr.415) và nhấn nút <MENU>, màn hình trước đó sẽ xuất hiện lại.

MENU Thao tác với menu

Bạn có thể đặt nhiều thiết lập với menu như chất lượng ghi ảnh, ngày/giờ, v.v...

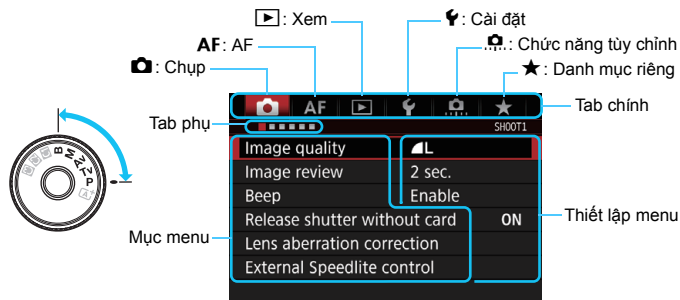


Màn hình menu chế độ **[A+]**

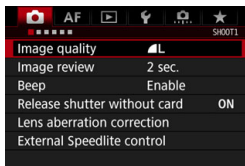


* Một số tab menu và mục menu sẽ không hiển thị trong chế độ <[A+]>.

Màn hình menu chế độ **P/Tv/Av/M/B**



Quy trình thiết lập menu

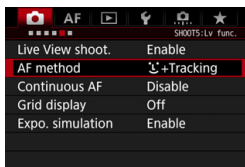


1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.

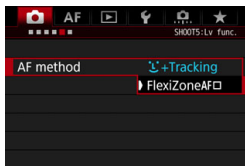
2 Chọn tab.

- Mỗi lần nhấn nút <Q>, tab chính sẽ thay đổi.
- Xoay nút xoay <⚙️> để chọn tab phụ.
- Ví dụ, tab [📷5] chỉ màn hình sẽ hiển thị khi tab 📷 (Chụp ảnh) được chọn với dấu "■" thứ năm từ bên trái sang.



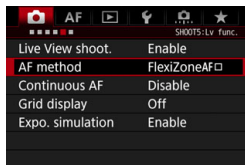
3 Chọn mục mong muốn.

- Xoay nút xoay <🕒> để chọn mục, rồi nhấn <SET>.



4 Chọn thiết lập.

- Xoay nút xoay <🕒> để chọn thiết lập mong muốn.
- Thiết lập hiện thời biểu thị bằng màu xanh da trời.



5 Điều chỉnh thiết lập.

- Nhấn <SET> để thiết lập.

6 Thoát thiết lập.

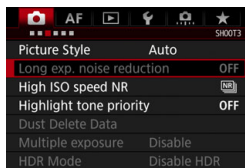
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu và trở về màn hình chụp.



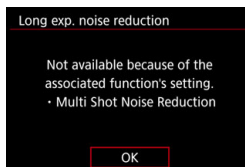
- Phần giải thích các chức năng menu sau đây giả định bạn đã nhấn nút **<MENU>** để hiển thị màn hình menu.
- Bạn cũng có thể sử dụng nút **<Fn>** để thao tác và thiết lập các chức năng menu. (Ngoại trừ [**Fn** 1: **Erase images (Xóa ảnh)**] và [**Fn** 1: **Format card (Định dạng thẻ)**].)
- Để hủy thao tác, nhấn nút **<MENU>**.
- Để tìm hiểu chi tiết từng mục menu, tham khảo trang 462.

Các mục menu bị mờ

Ví dụ: Khi thiết lập Multi Shot Noise Reduction
(Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)



Những mục menu bị mờ sẽ không thể thiết lập. Những mục menu không thể lựa chọn sử dụng tại một thiết lập chức năng hiện tại nào đó sẽ bị làm mờ.



Bạn có thể nhìn thấy chức năng hiện đang thiết lập đó bằng cách chọn mục bị mờ và nhấn **<SET>**.
Nếu hủy thiết lập chức năng trên, mục menu bị mờ sẽ khả dụng trở lại.



Một vài mục menu mờ không hiển thị chức năng đang thiết lập.



Với [**Fn** 4: **Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**], bạn có thể thiết lập lại các chức năng menu về cài đặt mặc định (tr.70).

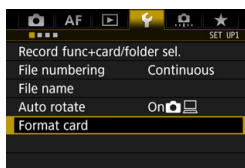
Trước khi bắt đầu

MENU Định dạng thẻ

Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn.

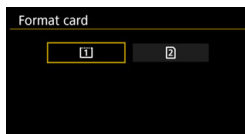
⚠ Thận trọng khi định dạng thẻ

Khi định dạng thẻ, tất cả ảnh và dữ liệu trong thẻ sẽ bị xóa. Ngay cả ảnh được bảo vệ chống xóa cũng sẽ bị xóa, do đó đảm bảo rằng bạn không cần giữ lại thông tin nào trên thẻ. Nếu cần, truyền ảnh và dữ liệu vào máy tính, v.v... trước khi định dạng thẻ.



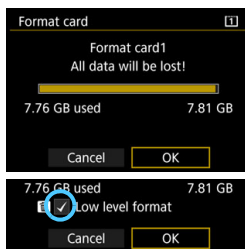
1 Chọn [Format card (Định dạng thẻ)].

- Trong tab [1], chọn [Format card (Định dạng thẻ)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thẻ.

- [1] là thẻ CF, và [2] là thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [OK].

- Thẻ sẽ được định dạng.

- Khi chọn [2], có thể sử dụng định dạng mức thấp (tr.68). Với định dạng mức thấp, nhấn nút <⏏> để chọn [Low level format (Định dạng mức thấp)] bằng dấu chọn <✓>, rồi chọn [OK].



Định dạng thẻ trong các trường hợp sau:

- Thẻ mới.
- Thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác.
- Thẻ chứa đầy ảnh hoặc dữ liệu.
- Hiện thị lỗi liên quan đến thẻ (tr.499).

Định dạng mức thấp

- Thực hiện định dạng mức thấp nếu tốc độ đọc hoặc ghi của thẻ SD chậm hoặc nếu bạn muốn xóa toàn bộ dữ liệu trong thẻ.
- Định dạng mức thấp sẽ định dạng tất cả phân khu có thể ghi trong thẻ SD, do vậy sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với định dạng thông thường.
- Bạn có thể dừng định dạng mức thấp bằng cách chọn **[Cancel (Hủy)]**. Trong trường hợp này, định dạng thông thường vẫn được hoàn tất và bạn có thể sử dụng thẻ SD như bình thường.



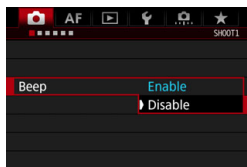
- Khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu, chỉ có thông tin quản lý tập tin thay đổi. Dữ liệu thực không bị xóa hoàn toàn. Lưu ý điều này khi bán hoặc vứt bỏ thẻ. Khi vứt bỏ thẻ, thực hiện định dạng ở mức thấp hoặc hủy thẻ bằng hình thức vật lý để ngăn chặn rò rỉ dữ liệu cá nhân.
- Trước khi sử dụng thẻ Eye-Fi mới (tr.453), cần cài đặt phần mềm trong thẻ trên máy tính. Sau đó, định dạng thẻ bằng máy ảnh.



- Dung lượng thẻ hiển thị trên màn hình định dạng có thể nhỏ hơn dung lượng được ghi trên thẻ.
- Thiết bị này kết hợp công nghệ exFAT được cấp phép bởi Microsoft.

MENU Tắt tiếng bíp

Bạn có thể tắt tiếng bíp phát ra khi lấy được nét hoặc trong quá trình chụp hẹn giờ.



1 Chọn [Beep (Bíp)].

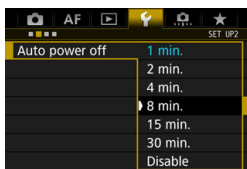
- Trong tab [1], chọn [Beep (Bíp)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn [Disable (Tắt)].

- Chọn [Disable (Tắt)], rồi nhấn <SET>.
- Không phát tiếng bíp.

MENU Đặt thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn

Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt khi kết thúc thời gian nghỉ đã đặt. Cài đặt mặc định là 1 phút, có thể thay đổi. Nếu bạn không muốn máy ảnh tự động tắt, đặt [Disable (Tắt)]. Sau khi tắt nguồn, nhấn nút chụp hoặc các nút khác để bật lại máy ảnh.



1 Chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)].

- Trong tab [2], chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập thời gian mong muốn.

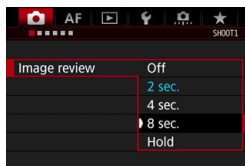
- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.



Dù đặt [Disable (Tắt)], màn hình LCD vẫn sẽ tự động tắt sau 30 phút để tiết kiệm pin. (Máy ảnh không tắt nguồn.)

MENU Đặt thời gian xem lại ảnh

Bạn có thể đặt thời gian ảnh hiển thị trên màn hình LCD sau mỗi lần chụp. Đặt [**Hold (Giữ)**] để giữ ảnh hiển thị. Đặt [**Off (Tắt)**] để không hiển thị ảnh.



1 Chọn [**Image review (Xem lại ảnh)**].

- Trong tab [**1**], chọn [**Image review (Xem lại ảnh)**], rồi nhấn <SET>.

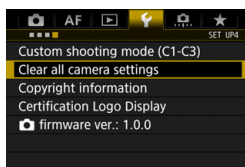
2 Thiết lập thời gian mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

 Nếu đặt [**Hold (Giữ)**], ảnh sẽ hiển thị cho đến khi hết thời gian tự động tắt nguồn.

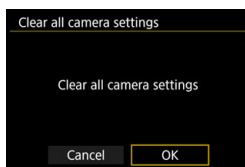
MENU Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh ☆

Thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu của máy ảnh có thể được khôi phục về cài đặt mặc định.



1 Chọn [**Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**].

- Trong tab [**4**], chọn [**Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [**OK**].

- Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh sẽ thiết lập lại máy ảnh về cài đặt mặc định ở trang 71-75.

Thiết lập chức năng chụp

EN		VN	
AF operation	One-Shot AF	Thao tác AF	Lấy nét một lần
AF area selection mode	Single-point AF (Manual Selection)	Chế độ chọn vùng AF	AF một điểm (Chọn bằng tay)
AF point selection	Center	Chọn điểm AF	Trung tâm
Registered AF point	Canceled	Điểm AF đã đăng ký	Đã hủy
Metering mode	 (Evaluative metering)	Chế độ đo sáng	 (Đo sáng toàn khung ảnh)
ISO speed	Auto	Tốc độ ISO	Tự động
ISO speed range	Minimum limit: 100 Maximum limit: 6400	Phạm vi tốc độ ISO	Giới hạn thấp nhất: 100 Giới hạn cao nhất: 6400
Auto ISO range	Minimum limit: 100 Maximum limit: 3200	Phạm vi ISO tự động	Giới hạn thấp nhất: 100 Giới hạn cao nhất: 3200
Minimum shutter speed	Auto	Tốc độ màn trập tối thiểu	Tự động
Drive mode	 (Single shooting)	Kiểu chụp	 (Chụp từng ảnh)
Exposure compensation/AEB	Canceled	Bù trừ phơi sáng/AEB	Đã hủy
Flash exposure compensation	Canceled	Bù trừ phơi sáng flash	Đã hủy
Multiple exposure	Disable	Ảnh ghép phơi sáng	Tắt
HDR Mode	Disable HDR	Chế độ HDR	Tắt HDR
Interval timer	Disable	Hẹn giờ ngắt quãng	Tắt
Bulb timer	Disable	Hẹn giờ bulb	Tắt
Anti-flicker shooting	Disable	Chụp chống nhấp nháy	Tắt
Mirror lockup	Disable	Khóa gương lật	Tắt
Viewfinder display		Hiển thị trong khung ngắm	
Electronic level	Hide	Cân bằng điện tử	Ẩn
Grid display	Hide	Hiển thị khung lưới	Ẩn
Show/hide in viewfinder	Only Flicker selected	Ẩn/hiện trong khung ngắm	Chỉ đánh dấu chọn mục Nhận diện nhấp nháy
Custom Functions	Unchanged	Chức năng tùy chỉnh	Không thay đổi
External Speedlite control		Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài	
Flash firing	Enable	Đánh sáng flash	Bật
E-TTL II flash metering	Evaluative flash metering	Đo sáng Flash E-TTL II	Đo sáng flash toàn khung ảnh
Flash sync. speed in Av mode	Auto	Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av	Tự động

Thiết lập AF

EN	
Case 1 - 6	Case1/Parameter settings of all cases cleared
AI Servo 1st image priority	Equal priority
AI Servo 2nd image priority	Equal priority
Lens electronic MF	Enable after One-Shot AF
AF-assist beam firing	Enable
One-Shot AF release priority	Focus priority
Lens drive when AF impossible	Continue focus search
Selectable AF point	61 points
Select AF area selection mode	All items selected
AF area selection method	M-Fn button
Orientation linked AF point	Same for both vertical/horizontal
Initial AF point,  AI Servo AF	Auto
Automatic AF point selection: EOS iTR AF	Enable
Manual AF point selection pattern	Stops at AF area edges
AF point display during focus	Selected (constant)
VF display illumination	Auto
AF point during AI Servo AF	Non illuminated
AF Microadjustment	Disable/ Adjustment amount retained

VN	
Tình huống 1 - 6	Tình huống 1/Xóa tất cả cài đặt thông số của các tình huống
Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên	Ưu tiên cân bằng
Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai	Ưu tiên cân bằng
Lấy nét tay điện tử của ống kính	Bật sau khi lấy nét một lần
Đánh sáng tia giúp lấy nét	Bật
Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập	Ưu tiên lấy nét
Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động	Tiếp tục tìm kiếm lấy nét
Điểm AF có thể chọn	61 điểm
Chọn chế độ lựa chọn vùng AF	Chọn tất cả mục
Phương pháp lựa chọn vùng AF	Nút M-Fn
Điểm AF theo hướng chụp	Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc
Điểm AF ban đầu,  Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	Tự động
Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF	Bật
Kiểm tra chọn điểm AF bằng tay	Dừng ở rìa vùng AF
Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét	Đã chọn (không đổi)
Phát sáng hiển thị trong khung ngắm	Tự động
Điểm AF trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	Không phát sáng
Vi chỉnh AF	Tắt/Điều chỉnh lượng còn lại

Thiết lập ghi ảnh

EN		VN	
Image quality	L	Chất lượng ảnh	L
Crop/aspect ratio	Full-frame	Crop/tỷ lệ cơ ảnh	Toàn khung hình
Picture Style	Standard	Kiểu ảnh	Tiêu chuẩn
Auto Lighting Optimizer	Standard	Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tiêu chuẩn
Lens aberration correction		Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	
Peripheral illumination correction	Enable/Correction data retained	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	Bật/Dữ liệu chỉnh được lưu giữ
Chromatic aberration correction	Enable/Correction data retained	Hiệu chỉnh sắc sai	Bật/Dữ liệu chỉnh được lưu giữ
White balance	(Ambience priority)	Cân bằng trắng	(Ưu tiên môi trường)
Custom White Balance	Canceled	Cân bằng trắng tùy chỉnh	Đã hủy
White balance shift	Canceled	Thay đổi cân bằng trắng	Đã hủy
White balance bracketing	Canceled	Cân bằng trắng hỗn hợp	Đã hủy
Color space	sRGB	Không gian màu	sRGB
Long exposure noise reduction	Disable	Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu	Tắt
High ISO speed noise reduction	Standard	Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao	Tiêu chuẩn
Highlight tone priority	Disable	Ưu tiên tông màu sáng	Tắt
Record function	Standard	Chức năng ghi	Tiêu chuẩn
File numbering	Continuous	Đánh số thứ tự tập tin	Kế tiếp
File name	Preset code	Tên tập tin	Mã đặt trước
Auto cleaning	Enable	Tự động làm sạch	Bật
Dust Delete Data	Erased	Dữ liệu xóa bụi	Đã xóa

Cài đặt máy ảnh

EN	
Auto power off	1 min.
Beep	Enable
Release shutter without card	Enable
Image review time	2 sec.
Highlight alert	Disable
AF point display	Disable
Playback grid	Off
Histogram display	Brightness
Movie playback count	Unchanged
Magnification (Approx.)	2x (magnify from center)
Control over HDMI	Disable
Image jump w/ 	 (10 images)
Auto rotate	On  
LCD brightness	Auto
Date/Time/Zone	Unchanged
Eye-Fi settings	Disable
Language	Unchanged
Video system	Unchanged
INFO button display options	All items selected
Custom Quick Control	Unchanged
RATE button function	Rating
Custom shooting mode	Unchanged
Copyright information	Unchanged
Configure: MY MENU	Unchanged
Menu display	Normal display

VN	
Tự động tắt nguồn	1 phút
Bíp	Bật
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	Bật
Thời gian xem lại ảnh	2 giây
Cảnh báo vùng sáng	Tắt
Hiển thị điểm AF	Tắt
Khung lưới khi xem	Tắt
Hiển thị biểu đồ	Độ sáng
Thời lượng chiếu phim	Không thay đổi
Hệ số phóng to (Ước chừng)	2x (phóng to từ trung tâm)
Điều khiển qua HDMI	Tắt
Nhảy ảnh với 	 (10 ảnh)
Xoay tự động	Bật  
Độ sáng LCD	Tự động
Ngày/Giờ/Múi giờ	Không thay đổi
Thiết lập Eye-Fi	Tắt
Ngôn ngữ	Không thay đổi
Hệ thống video	Không thay đổi
Tùy chọn hiển thị nút INFO	Chọn tất cả mục
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	Không thay đổi
Chức năng nút RATE	Xếp hạng
Chế độ chụp tùy chỉnh	Không thay đổi
Thông tin bản quyền	Không thay đổi
Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG	Không thay đổi
Hiển thị menu	Hiển thị bình thường

Thiết lập chụp Live View

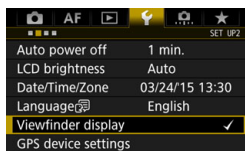
EN		VN	
Live View shooting	Enable	Chụp Live View	Bật
AF method	+Tracking	Phương pháp AF	+Theo dõi
Continuous AF	Disable	Lấy nét liên tục	Tắt
Grid display	Off	Hiển thị khung lưới	Tắt
Exposure simulation	Enable	Mô phỏng phơi sáng	Bật
Silent LV shooting	Mode 1	Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1
Metering timer	8 sec.	Hẹn giờ đo sáng	8 giây

Thiết lập quay phim

EN		VN	
Movie Servo AF	Disable	Lấy nét Servo phim	Tắt
AF method	+Tracking	Phương pháp AF	+Theo dõi
Grid display	Off	Hiển thị khung lưới	Tắt
Movie recording size	NTSC: 29.97P PAL: 25.00P	Kích thước ghi phim	NTSC: 29.97P PAL: 25.00P
Sound recording	Auto	Ghi âm	Tự động
Wind filter	Disable	Lọc gió	Tắt
Attenuator	Disable	Bộ tiêu âm	Tắt
Silent LV shooting	Mode 1	Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1
Metering timer	8 sec.	Hẹn giờ đo sáng	8 giây
Time code		Mã thời gian	
Count up	Unchanged	Tổng số	Không thay đổi
Start time setting	Unchanged	Thiết lập thời gian bắt đầu	Không thay đổi
Movie recording count	Unchanged	Thời lượng ghi phim	Không thay đổi
Movie playback count	Unchanged	Thời lượng chiếu phim	Không thay đổi
Drop frame	Unchanged	Chỉnh khung	Không thay đổi
Silent control	Disable	Điều khiển yên lặng	Tắt
button function	/	Chức năng nút	/
Time-lapse movie	Disable	Phim time-lapse	Tắt

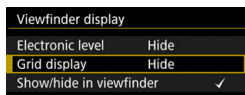
⌘ Hiển thị khung lưới

Hiện thị khung lưới trong khung ngắm sẽ hỗ trợ bạn trong việc căn chỉnh độ nghiêng máy và lấy bố cục ảnh chụp.

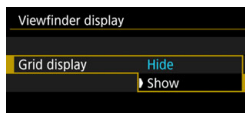


1 Chọn [Viewfinder display (Hiện thị trong khung ngắm)].

- Trong tab [42], chọn [Viewfinder display (Hiện thị trong khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.

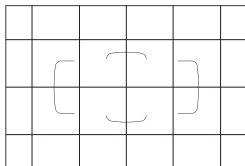


2 Chọn [Grid display (Hiện thị khung lưới)].



3 Chọn [Show (Hiện)].

- Khi thoát menu, khung lưới sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

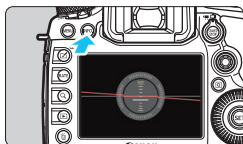


 Bạn có thể hiển thị khung lưới trên màn hình LCD trong khi chụp Live View và trước khi bắt đầu quay phim (tr.267, 317).

Hiện thị cân bằng điện tử

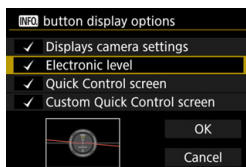
Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD hoặc trong khung ngắm để chỉnh nghiêng máy.

Hiện thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD



1 Nhấn nút <INFO.>.

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, màn hình hiển thị sẽ thay đổi.
- Hiện thị cân bằng điện tử.



- Nếu cân bằng điện tử không xuất hiện, thiết lập [**3**: **INFO button display options** (Tùy chọn hiển thị nút **INFO**)] để hiển thị cân bằng điện tử (tr.444).



Cân bằng theo hướng dọc Cân bằng theo hướng ngang

2 Kiểm tra nghiêng máy.

- Nghiêng máy theo hướng ngang và hướng dọc hiển thị ở mức tăng 1°.
- Đường lưới đỏ chuyển sang màu xanh lá cây cho biết máy đã ở vị trí cân bằng.



- Ngay cả khi máy đã ở vị trí cân bằng, ảnh vẫn có thể bị nghiêng khoảng $\pm 1^\circ$.
- Nếu độ nghiêng của máy ảnh quá lớn, sai số của cân bằng điện tử sẽ lớn hơn.



Trong khi chụp Live View và trước khi quay phim (ngoại trừ với **U+** Theo dõi), bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử như được trình bày phía trên.

MENU Thiết lập hiển thị thông tin trong khung ngắm ☆

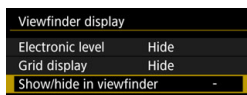
Các thiết lập chức năng chụp (Pin, Cân bằng trắng, Kiểu chụp, Thao tác AF, Chế độ đo sáng, Chất lượng ảnh: JPEG/RAW, Nhận diện nhấp nháy) có thể hiển thị trên khung ngắm.

Mặc định chỉ có mục Nhận diện nhấp nháy được đánh dấu chọn [✓].



1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)].

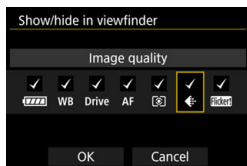
- Trong tab [2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị trong khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)].

3 Đánh dấu chọn [✓] thông tin sẽ hiển thị.

- Chọn thông tin muốn hiển thị rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn <✓>.
- Lặp lại bước này để thêm đánh dấu chọn [✓] với tất cả thông tin muốn hiển thị. Rồi chọn [OK].
- ▶ Khi thoát menu, thông tin được đánh dấu chọn sẽ xuất hiện trong khung ngắm (tr.31).



🔊 Nếu máy ảnh không cầm thế, thông tin chất lượng ghi ảnh sẽ không hiển thị.

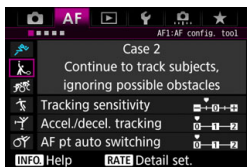


- Khi bạn nhấn nút <WB> hoặc <DRIVE> hoặc <AF>, vận hành công tắc chế độ lấy nét của ống kính hoặc khi ống kính được trang bị chức năng lấy nét tay điện tử và công tắc AF/MF được đặt để xoay vòng lấy nét của ống kính (tr.122), thông tin tương ứng sẽ xuất hiện trong khung ngắm bất kể có được đánh dấu chọn hay không.
- Nếu [Battery (Pin)] không được đánh dấu chọn, biểu tượng mức pin (🔋) sẽ hiển thị trong khung ngắm khi pin yếu.

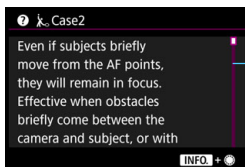
? Trợ giúp

Khi [**INFO** **Help (Trợ giúp)**] hiển thị ở phía dưới màn hình menu, mô tả tính năng (Trợ giúp) có thể hiển thị. Màn hình trợ giúp chỉ hiển thị khi bạn nhấn giữ nút <**INFO**>. Nếu phần trợ giúp không hiển thị hết trong màn hình, thanh cuộn sẽ xuất hiện ở rìa bên phải. Để cuộn, nhấn giữ nút <**INFO**> và xoay nút xoay <⌚>.

● Ví dụ: [**AF1: Case2 (Tình huống 2)**]

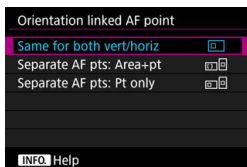


INFO.

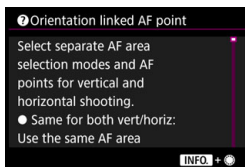


Thanh cuộn

● Ví dụ: [**AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)**]



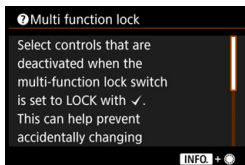
INFO.



● Ví dụ: [**3: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**]



INFO.

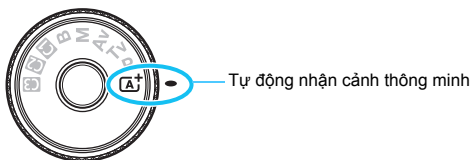


2

Chụp cơ bản

Chương này giới thiệu cách sử dụng chế độ $\langle A^+ \rangle$ (Tự động nhận cảnh thông minh) trên nút xoay chế độ để chụp ảnh dễ dàng.

Trong chế độ $\langle A^+ \rangle$, bạn chỉ cần ngắm và chụp, máy ảnh sẽ tự động thiết lập các cài đặt (tr.458). Ngoài ra, để tránh làm hỏng ảnh do thao tác sai, bạn không thể thay đổi các thiết lập chức năng chụp nâng cao.



Tự động tối ưu hóa ánh sáng

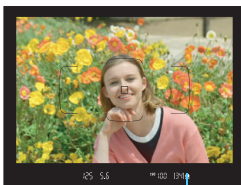
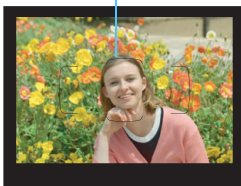
Trong chế độ $\langle A^+ \rangle$, chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng (tr.184) sẽ tự động điều chỉnh ảnh để đạt được độ sáng và độ tương phản tối ưu. Chức năng này cũng được bật mặc định trong các chế độ $\langle P \rangle$, $\langle Tv \rangle$ hoặc $\langle Av \rangle$.

[A⁺] Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh) ■

<A⁺> là chế độ tự động hoàn toàn. Máy ảnh phân tích cảnh và tự động thiết lập các cài đặt tối ưu. Chế độ này cũng điều chỉnh lấy nét tự động bằng cách phát hiện chủ thể tĩnh hay đang chuyển động (tr.85).



Khung AF theo vùng



Đèn báo lấy nét

1 Đặt nút xoay chế độ thành <A⁺>.

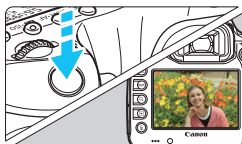
- Xoay nút xoay chế độ trong lúc nhấn giữ nút nhả khóa ở giữa.

2 Hướng khung AF theo vùng vào chủ thể.

- Tất cả các điểm AF đều được sử dụng để lấy nét và máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể gần nhất.
- Hướng trung tâm của khung AF theo vùng vào chủ thể sẽ giúp lấy nét dễ dàng hơn.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp. Các tính năng của ống kính sẽ thay đổi để lấy nét.
- ▶ Trong khi thao tác AF, <▲> sẽ hiển thị.
- ▶ Điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị. Đồng thời, máy phát ra tiếng bíp và đèn báo lấy nét <●> sẽ phát sáng.
- ▶ Trong điều kiện ánh sáng yếu, (các) điểm AF sẽ chớp sáng đỏ.



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị trong 2 giây trên màn hình LCD.



Chế độ **[A⁺]** giúp màu sắc trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và hoàng hôn trở nên ấn tượng hơn. Nếu chưa đạt được tông màu mong muốn, chuyển sang chế độ **[P]**, **[Tv]**, **[Av]** hoặc **[M]**, đặt một Kiểu ảnh khác với **[Fv-A]**, rồi chụp lại (tr.166).



Câu hỏi thường gặp

- **Đèn báo lấy nét <●> nhấp nháy và không lấy được nét.**
Hướng khung AF theo vùng vào vùng có độ tương phản tốt, rồi nhấn nửa chừng nút chụp (tr.55). Di chuyển ra xa và thử lại nếu bạn ở quá gần chủ thể. Nếu không lấy được nét, đèn báo trạng thái AF <▲> sẽ nhấp nháy.
- **Khi lấy được nét, (các) điểm AF không chớp sáng đỏ.**
Điểm AF chỉ chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu.
- **Nhiều điểm AF phát sáng đồng thời.**
Đã lấy được nét tại tất cả các điểm này. Bạn có thể chụp ảnh khi điểm AF bao quanh chủ thể mục tiêu vẫn phát sáng.
- **Tiếng bíp nhỏ phát ra liên tục. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.)**
Biểu thị máy ảnh đang lấy nét liên tục trên chủ thể chuyển động. (Đèn báo trạng thái AF <▲> phát sáng, nhưng đèn xác nhận lấy nét <●> không phát sáng.) Bạn có thể chụp ảnh sắc nét với chủ thể chuyển động.
Lưu ý rằng khóa lấy nét (tr.85) không hoạt động trong trường hợp này.

- **Nhấn nửa chừng nút chụp nhưng không lấy được nét.**
Đặt công tắc chế độ lấy nét trên ống kính thành <AF> (lấy nét tự động) nếu đang ở chế độ <MF> (lấy nét tay).
- **Hiện thị thông số tốc độ màn trập nhấp nháy.**
Chụp ảnh trong điều kiện trời quá tối có thể bị mờ chủ thể do rung máy. Nên sử dụng chân máy hoặc đèn Speedlite Canon sê ri EX (bán riêng, tr.246)
- **Khi sử dụng flash gắn ngoài, phần dưới của ảnh chụp bị tối một cách thiếu tự nhiên.**
Loa che nắng gắn trên ống kính có thể cản trở ánh sáng từ flash. Khi chụp đối tượng gần, tháo loa trước khi chụp với flash.

[A⁺] Kỹ thuật hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

Bố cục lại ảnh



Tùy thuộc vào bối cảnh chụp, định vị chủ thể sang trái hoặc sang phải để tạo hậu cảnh cân bằng và phối cảnh tốt.

Ở chế độ **[A⁺]**, khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tĩnh, lấy nét sẽ bị khóa. Bố cục lại ảnh trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, rồi nhấn xuống hoàn toàn để chụp ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”.

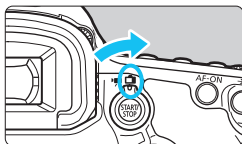
Chụp chủ thể chuyển động



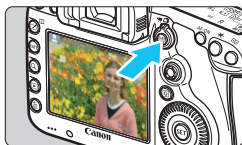
Ở chế độ **[A⁺]**, nếu chủ thể chuyển động (khoảng cách từ chủ thể tới máy ảnh thay đổi) trong khi hoặc sau khi bạn lấy nét, Lấy nét AI Servo sẽ thực hiện lấy nét liên tục. (Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục.) Khi bạn vẫn hướng khung AF theo vùng vào chủ thể trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, quá trình lấy nét sẽ thực hiện liên tục. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

Chụp Live View

Bạn có thể chụp trong khi xem ảnh trên màn hình LCD. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 257.

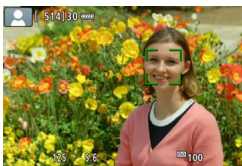


1 **Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim thành <START/STOP>.**



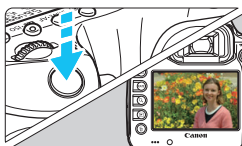
2 **Hiện thị ảnh Live View trên màn hình LCD.**

- Nhấn nút <START/STOP>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



3 **Lấy nét chủ thể.**

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.

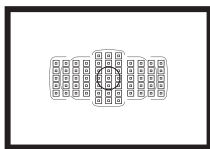


4 **Chụp ảnh.**

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút <START/STOP> để thoát khỏi chế độ chụp Live View.

3

Thiết lập Kiểu chụp và AF



Các điểm AF trong khung ngắm được sắp xếp để chụp AF phù hợp với đa dạng cảnh và chủ thể.

Bạn cũng có thể chọn thao tác AF và kiểu chụp phù hợp nhất với điều kiện chụp và chủ thể.

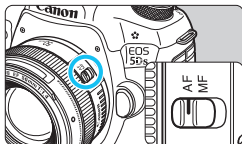
- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .
- Trong chế độ <A+>, thao tác AF và chế độ chọn vùng AF được thiết lập tự động.



<AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động). <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay).

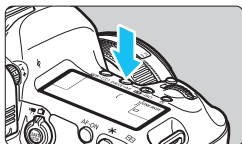
AF: Chọn thao tác AF ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF phù hợp với các điều kiện chụp hoặc chủ thể. Trong chế độ <A+>, “tự động lấy nét AI” được đặt tự động.

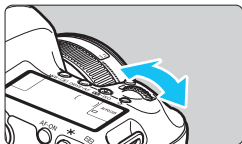


1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

2 Đặt chế độ <P> <Tv> <Av> <M> .



3 Nhấn nút <DRIVE•AF>. (ⓘ6)



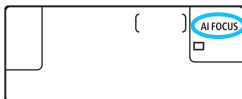
4 Chọn thao tác AF.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <AF-ON>.

ONE SHOT : Lấy nét một lần

AI FOCUS : Lấy nét tự động AI

AI SERVO : Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục



Trong chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc , có thể lấy nét tự động bằng cách nhấn nút <AF-ON>.

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh



Điểm AF

Đèn báo lấy nét

Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm cũng phát sáng.
 - Đối với đo sáng toàn khung ảnh (tr.214), thiết lập phơi sáng được đặt cùng lúc lấy được nét.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.



- Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh và lấy nét lại hoặc tham khảo phần “Khi không lấy được nét” (tr.142).
- Nếu đặt [**1: Beep (Bíp)**] thành [**Disable (Tắt)**], tiếng bíp sẽ không phát ra khi lấy được nét.
- Sau khi lấy được nét với Lấy nét một lần, bạn có thể khóa lấy nét trên chủ thể và bố cục lại ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Thao tác này thuận tiện khi bạn muốn lấy nét chủ thể không nằm trong khung AF theo vùng.

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục cho chủ thể chuyển động

Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động khi khoảng cách lấy nét luôn thay đổi. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi chế độ chọn vùng AF (tr.92) được đặt thành AF 61 điểm tự động chọn, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong khung AF theo vùng.

 Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét. Ngoài ra, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng.

Lấy nét tự động AI để tự động chuyển đổi thao tác AF

Chế độ lấy nét tự động AI sẽ tự động chuyển thao tác AF từ lấy nét một lần sang lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chủ thể tĩnh bắt đầu di chuyển.

- Sau khi chủ thể được lấy nét bằng thao tác lấy nét một lần, nếu chủ thể bắt đầu di chuyển, máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động, tự động chuyển thành lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và bắt đầu theo dõi chủ thể chuyển động.

 Khi lấy được nét bằng Lấy nét tự động AI với thao tác Servo được kích hoạt, tiếng bíp nhỏ sẽ liên tục phát ra. Tuy nhiên, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng. Lưu ý rằng lấy nét sẽ không khóa trong trường hợp này.

Chỉ thị thao tác AF



Khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và máy ảnh thực hiện tự động lấy nét, biểu tượng <▲▲> sẽ xuất hiện phía dưới đèn báo lấy nét trong khung ngắm.

Trong chế độ lấy nét một lần, khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp, biểu tượng cũng xuất hiện sau khi lấy được nét.

Điểm AF chớp sáng đỏ

Mặc định, điểm AF chớp sáng đỏ trong điều kiện ánh sáng yếu. Trong chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> hoặc , bạn có thể thiết lập để điểm AF chớp sáng hoặc không chớp sáng đỏ (tr.134).

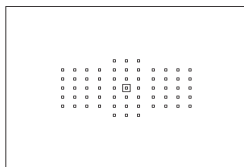
Chọn vùng và điểm AF ☆

Máy ảnh có 61 điểm AF để lấy nét tự động. Bạn có thể chọn chế độ lựa chọn vùng AF và (các) điểm AF phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.

 **Số lượng điểm AF khả dụng và cách bố trí các điểm AF sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính được lắp. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Ống kính và điểm AF khả dụng” ở trang 102.**

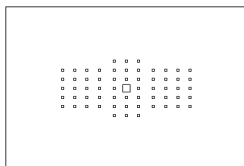
Chế độ chọn vùng AF

Bạn có thể chọn một trong sáu chế độ chọn vùng AF. Để tìm hiểu về quy trình cài đặt, tham khảo trang 94.



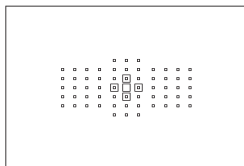
AF một chấm điểm (Chọn bằng tay)

Để xác định chính xác lấy nét.



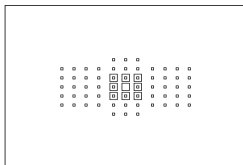
AF một điểm (Chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF để lấy nét.



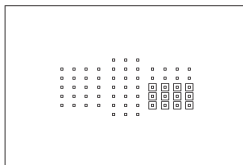
Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay)

Điểm AF đã chọn bằng tay < > và bốn điểm AF kề sát < > (trên, dưới, trái, phải) sẽ được sử dụng để lấy nét.



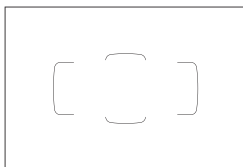
Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay, các điểm bao quanh)

Điểm AF đã chọn bằng tay <□> và các điểm AF bao quanh <■> sẽ được sử dụng để lấy nét.



AF theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

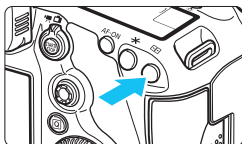
Một trong chín vùng sẽ được sử dụng để lấy nét.



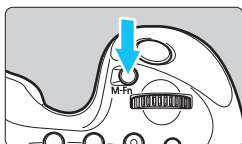
AF 61 điểm tự động chọn

Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét. **Chế độ này được thiết lập tự động trong chế độ <A⁺>.**

Chọn chế độ lựa chọn vùng AF



1 Nhấn nút < >. (tr.6)



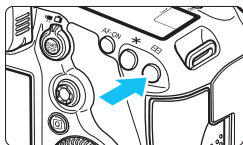
2 Nhấn nút <M-Fn>.

- Nhìn qua khung ngắm và nhấn nút <M-Fn>.
- Mỗi lần nhấn nút <M-Fn>, chế độ chọn vùng AF sẽ thay đổi.

- 
- Với [**AF4: Select AF area selec. mode (Chọn chế độ lựa chọn vùng AF)**], bạn có thể giới hạn các chế độ chọn vùng AF có thể chọn (tr.127).
 - Nếu đặt [**AF4: AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)**] thành [ → **Main Dial (Nút xoay chính)**], bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF bằng cách nhấn nút < >, rồi xoay nút xoay < > (tr.128).

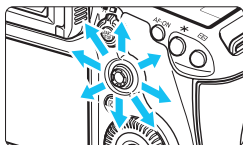
Chọn điểm AF bằng tay

Bạn có thể chọn điểm hoặc vùng AF bằng tay.



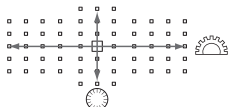
1 Nhấn nút <AF-ON>. (06)

- ▶ Các điểm AF sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Trong các chế độ mở rộng điểm AF, các điểm AF kề sát cũng được hiển thị.
- Trong chế độ AF theo vùng, vùng đã chọn sẽ được hiển thị.



2 Chọn điểm AF.

- Chọn điểm AF sẽ thay đổi theo hướng bạn nghiêng nút <AF-ON>. Khi nhấn thẳng nút <AF-ON> xuống, điểm/vùng AF trung tâm sẽ được chọn.
- Xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF ngang, hoặc xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF dọc.
- Trong chế độ AF theo vùng, xoay nút xoay <AF-ON> hoặc <AF-ON> sẽ thay đổi vùng theo thứ tự vòng.



- Khi đặt [AF4: Initial AF pt, (0) AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)] thành [Initial (0) AF pt selected (Điểm AF được chọn ban đầu)] (tr.130), có thể sử dụng phương pháp này để chọn bằng tay vị trí bắt đầu lấy nét AI Servo.
- Khi nhấn nút <AF-ON>, bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị các mục sau:
 - AF 61 điểm tự động chọn và AF theo vùng: [] AF
 - AF một chấm điểm, AF một điểm và Mở rộng điểm AF: SEL [] (Trung tâm)/SEL AF (Ngoài trung tâm)

Chỉ thị hiển thị điểm AF

Nhấn nút  sẽ phát sáng điểm AF là các điểm AF chữ thập để lấy nét đạt độ chính xác cao. Các điểm AF nhấp nháy nhảy với đường ngang hoặc đường dọc. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 101-106.

Đăng ký điểm AF

Bạn có thể đăng ký điểm AF thường dùng với máy ảnh.

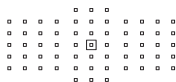
Khi bạn sử dụng nút được đặt với màn hình cài đặt chi tiết của menu

[ 3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] (tr.415) cho

[Metering and AF start (Bắt đầu đo sáng và AF)], [Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF được đăng ký)], [Direct AF point selection (Lựa chọn trực tiếp điểm AF)] hoặc [Register/recall shooting func (Đăng ký/gọi ra chức năng chụp)], bạn có thể ngay lập tức chuyển từ điểm AF hiện tại sang điểm AF được đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết về đăng ký điểm AF, tham khảo trang 420.

Chế độ chọn vùng AF ☆

☐ AF một chấm điểm (Chọn bằng tay)



Để xác định lấy nét chính xác trên một vùng hẹp hơn so với AF một điểm (chọn bằng tay). Chọn một điểm AF <☐> để lấy nét.

Hiệu quả khi cần lấy nét chính xác hoặc lấy nét các chủ thể chồng chéo nhau như động vật trong chuồng.

Do AF một chấm điểm (chọn bằng tay) bao trùm một vùng rất nhỏ, có thể khó thực hiện lấy nét trong khi chụp cầm tay hoặc khi chủ thể chuyển động.

☐ AF một điểm (chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF <☐> sẽ sử dụng để lấy nét.



☐☐☐ Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay☐☐☐)

Điểm AF đã chọn bằng tay <☐> và các điểm AF kề sát <☐> (trên, dưới, trái, phải) sẽ được sử dụng để lấy nét. Hiệu quả khi khó theo dõi chủ thể chuyển động với chỉ một điểm AF.

Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, điểm AF được chọn bằng tay ban đầu <☐> phải theo dõi lấy nét chủ thể trước tiên. Tuy nhiên, lấy nét AI Servo có ưu thế hơn so với AF theo vùng trong việc lấy nét trên chủ thể mục tiêu.

Với Lấy nét một lần, khi lấy được nét với các điểm AF mở rộng, các điểm AF mở rộng <☐> cũng sẽ hiển thị cùng với điểm AF được chọn bằng tay <☐>.



Mở rộng điểm AF (Chọn bằng tay, các điểm bao quanh)

Điểm AF được chọn bằng tay <□> và các điểm AF bao quanh <■> sẽ được sử dụng để lấy nét. Mở rộng điểm AF lớn hơn so với mở rộng điểm AF (chọn bằng tay □), do đó lấy nét sẽ được thực hiện trên một vùng rộng hơn. Hiệu quả khi khó theo dõi chủ thể chuyển động với chỉ một điểm AF.

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và Lấy nét một lần hoạt động giống như trong chế độ mở rộng điểm AF (chọn bằng tay □) (tr.97).

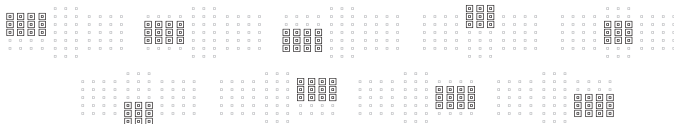


AF theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

Vùng AF được chia thành chín vùng lấy nét để lấy nét. Tất cả điểm AF trong vùng đã chọn sẽ được sử dụng để chọn điểm AF tự động. AF theo vùng có ưu thế hơn so với AF một điểm hoặc mở rộng điểm AF trong việc lấy nét và hiệu quả đối với chủ thể chuyển động.

Tuy nhiên, chế độ này có xu hướng lấy nét trên chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét mục tiêu cụ thể có thể khó khăn hơn so với AF một điểm hoặc mở rộng điểm AF.

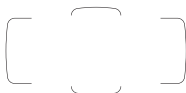
(Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <□>.



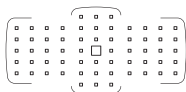
☐ AF 61 điểm tự động chọn

Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét. Chế độ này được thiết lập tự động trong chế độ <A+>.

(Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <☐>.



Với Lấy nét một lần, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ hiển thị (các) điểm AF <☐> đã lấy được nét. Nếu nhiều điểm AF cùng hiển thị, điều đó có nghĩa là tất cả các điểm đó đều đã lấy được nét. Chế độ này ưu tiên lấy nét trên chủ thể gần nhất.



Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể đặt điểm bắt đầu lấy nét AI Servo bằng [Initial AF pt, ☐ AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, ☐ Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)] (tr.130). Miễn là khung AF theo vùng có thể theo dõi chủ thể trong khi chụp, lấy nét sẽ tiếp tục.



- Khi chế độ Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục được đặt thành AF 61 điểm tự động chọn hoặc lấy nét tự động theo vùng (chọn vùng bằng tay), điểm AF kích hoạt <□> sẽ liên tục di chuyển để theo dõi chủ thể. Tuy nhiên, trong một số điều kiện chụp (ví dụ: khi chủ thể quá nhỏ), có thể không theo dõi được chủ thể. Ngoài ra, trong điều kiện nhiệt độ thấp, phản ứng theo dõi có thể chậm hơn.
- Với AF một chấm điểm (chọn bằng tay), lấy nét bằng tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS có thể gặp khó khăn.
- Nếu sử dụng điểm AF vùng ngoại vi hoặc ống kính góc rộng, lấy nét có thể khó khăn với tia giúp lấy nét của đèn Speedlite ngoài dành riêng cho máy EOS. Trong trường hợp này, sử dụng điểm AF gần trung tâm hơn.
- Khi (các) điểm AF sáng lên, một phần hoặc toàn bộ khung ngắm có thể nháy đỏ. Ngoài ra, nếu đặt [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cơ ảnh)**], khu vực được phủ mờ có thể sáng đỏ. Đây là một đặc tính của màn hình hiển thị điểm AF (sử dụng tinh thể lỏng).
- Ở nhiệt độ thấp, hiển thị của điểm AF có thể khó thấy. Đây là một đặc tính của màn hình hiển thị điểm AF (sử dụng tinh thể lỏng).



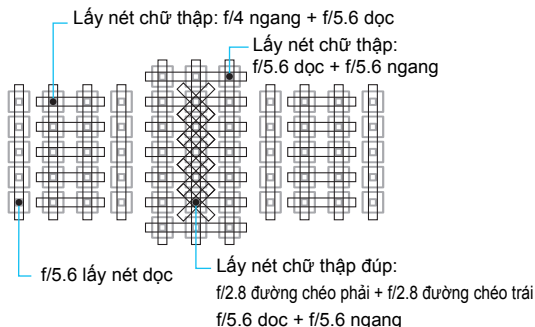
- Với [**AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)**], bạn có thể thiết lập chế độ chọn vùng AF + điểm AF (hoặc chỉ điểm AF) riêng cho hướng ngang và hướng dọc (tr.128).
- Với [**AF4: Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)**], bạn có thể thay đổi số lượng điểm AF có thể chọn bằng tay (tr.126).

Cảm biến AF

Cảm biến AF của máy ảnh có 61 điểm AF. Hình minh họa bên dưới thể hiện mô hình cảm biến AF tương ứng với mỗi điểm AF. Với ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/2.8$ hoặc lớn hơn, AF độ chính xác cao (high-precision AF) hoạt động tại trung tâm khung ngắm.

Số lượng điểm AF khả dụng và mô hình điểm AF sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính được lắp. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 102-110.

Biểu đồ



	Cảm biến lấy nét được thiết kế để đạt được lấy nét chính xác cao hơn với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/2.8$ hoặc lớn hơn. Mô hình đường chéo giao nhau giúp dễ dàng lấy nét những chủ thể khó lấy nét. Bao gồm năm điểm AF thẳng hàng dọc ở trung tâm.
	Cảm biến lấy nét được thiết kế để đạt được lấy nét chính xác cao hơn với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/4$ hoặc lớn hơn. Với một mẫu đường ngang đã có, các đường dọc được nhận diện.
	Cảm biến lấy nét được thiết kế phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/5.6$ hoặc lớn hơn. Với một mẫu đường ngang đã có, các đường dọc được nhận diện. Bao gồm các điểm AF nằm ở ba cột giữa trung tâm khung ngắm. Điểm AF trung tâm cùng các điểm AF kề sát ở trên và dưới phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/8$ hoặc lớn hơn.
	Cảm biến lấy nét được thiết kế phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/5.6$ hoặc lớn hơn. Với một mẫu đường dọc đã có, các đường ngang được nhận diện. Bao gồm tất cả 61 điểm AF. Điểm AF trung tâm cùng các điểm AF kề sát ở hai phía trái phải phù hợp với các ống kính có khẩu độ lớn nhất $f/8$ hoặc lớn hơn.

Ống kính và điểm AF khả dụng



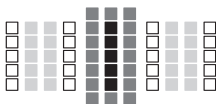
- Mặc dù máy ảnh có 61 điểm AF, số điểm AF khả dụng và các mô hình lấy nét sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Các ống kính theo đó được xếp thành chín nhóm từ A đến I.
- Khi sử dụng ống kính trong nhóm từ F đến H, số điểm AF khả dụng sẽ ít hơn.
- Tham khảo các trang 107-110 để tìm hiểu thông tin về nhóm ống kính. Kiểm tra xem ống kính đang sử dụng thuộc về nhóm nào.



- Khi bạn nhấn nút , các điểm AF chỉ thị bởi dấu  sẽ nhấp nháy. (Các điểm AF // sẽ sáng.) Về việc bật sáng hoặc nhấp nháy của điểm AF, tham khảo trang 96.
- Với những ống kính được bán ra sau khi EOS 5DS/EOS 5DS R bắt đầu bán (trong nửa đầu năm 2015), tham khảo trang web Canon để biết ống kính thuộc nhóm nào.
- Một số ống kính có thể không có tại một vài quốc gia và khu vực.

Nhóm A

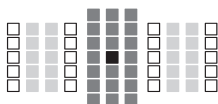
Lấy nét tự động với 61 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập kép. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.
- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm B

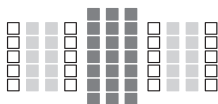
Lấy nét tự động với 61 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập đúp. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.
- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm C

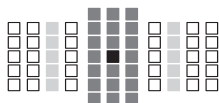
Lấy nét tự động với 61 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm D

Lấy nét tự động với 61 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



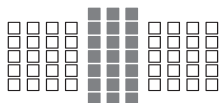
■: Điểm AF chữ thập đúng. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.

■: Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□: Các điểm AF nhảy với đường ngang.

Nhóm E

Lấy nét tự động với 61 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.

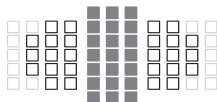


■: Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□: Các điểm AF nhảy với đường ngang.

Nhóm F

Lấy nét tự động chỉ có thể sử dụng với 47 điểm. (Không thể sử dụng với tất cả 61 điểm.) Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn. Trong khi tự động chọn điểm AF, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo vùng) sẽ khác so với AF 61 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhảy với đường ngang.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm G

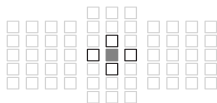
Lấy nét tự động chỉ có thể sử dụng với 33 điểm. (Không thể sử dụng với tất cả 61 điểm.) Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn. Trong khi tự động chọn điểm AF, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo vùng) sẽ khác so với AF 61 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhảy với đường ngang.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm H

Lấy nét tự động có thể sử dụng với điểm AF trung tâm và các điểm AF kề sát phía trên, dưới, trái và phải. Chỉ những chế độ chọn vùng AF sau có thể lựa chọn: AF một điểm (chọn bằng tay), AF một chấm điểm (chọn bằng tay) và mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$).
Nếu ống kính được gắn ống nối và khẩu độ lớn nhất là f/8 (giữa f/5.6 và f/8), lấy nét tự động có thể sử dụng.



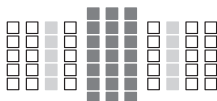
- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường dọc (Các điểm AF kề sát nằm phía trên và dưới điểm AF trung tâm) hoặc đường ngang (Các điểm AF kề sát nằm phía trái hoặc phải điểm AF trung tâm).
Những điểm này không thể chọn bằng tay. Chỉ hoạt động khi chọn “Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$)”.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).



- Nếu khẩu độ lớn nhất nhỏ hơn f/5.6 (số khẩu độ lớn nhất nằm trong khoảng f/5.6 đến f/8), có thể không lấy được nét với lấy nét tự động khi chụp chủ thể có độ tương phản thấp hoặc dưới ánh sáng yếu.
- Khi lắp Ống nối EF2x vào ống kính EF180mm f/3.5L Macro USM, không thể thực hiện lấy nét tự động.
- Nếu khẩu độ lớn nhất nhỏ hơn f/8 (số khẩu độ lớn nhất vượt quá f/8), không thể thực hiện lấy nét tự động trong khi chụp bằng khung ngắm.

Nhóm I

Lấy nét tự động với 61 điểm có thể sử dụng. Tất cả các chế độ chọn vùng AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

EF14mm f/2.8L USM	B	EF200mm f/1.8L USM + Ống nối EF2x	C*
EF14mm f/2.8L II USM	B	EF200mm f/2L IS USM	A
EF15mm f/2.8 Mắt cá	B	EF200mm f/2L IS USM + Ống nối EF1.4x	A
EF20mm f/2.8 USM	B	EF200mm f/2L IS USM + Ống nối EF2x	C
EF24mm f/1.4L USM	A	EF200mm f/2.8L USM	A
EF24mm f/1.4L II USM	A	EF200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x	C
EF24mm f/2.8	B	EF200mm f/2.8L USM	A
EF24mm f/2.8 IS USM	B	EF200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x	C
EF28mm f/1.8 USM	A	EF200mm f/2.8L USM	A
EF28mm f/2.8	D	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1.4x	C
EF28mm f/2.8 IS USM	B	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x	E
EF35mm f/1.4L USM	A	EF200mm f/2.8L II USM	A
EF35mm f/1.4L II USM	A	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1.4x	C
EF35mm f/2	A	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x	E
EF35mm f/2 IS USM	A	EF300mm f/2.8L USM	A
EF40mm f/2.8 STM	D	EF300mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x	C*
EF50mm f/1.0L USM	A	EF300mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x	E*
EF50mm f/1.2L USM	A	EF300mm f/2.8L IS USM	A
EF50mm f/1.4 USM	A	EF300mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x	C
EF50mm f/1.8	A	EF300mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x	E
EF50mm f/1.8 II	A	EF300mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x	C
EF50mm f/1.8 STM	A	EF300mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x	E
EF50mm f/2.5 Compact Macro	C	EF300mm f/4L USM	C
EF50mm f/2.5 Compact Macro + Bộ chuyển đổi KÍCH THƯỚC THỰC	E	EF300mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x	E
EF85mm f/1.2L USM	A	EF300mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x	E
EF85mm f/1.2L II USM	A	EF400mm f/2.8L USM	A
EF85mm f/1.8 USM	A	EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x	C
EF100mm f/2 USM	A	EF400mm f/2.8L IS USM	A
EF100mm f/2.8 Macro	C	EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x	C*
EF100mm f/2.8 Macro USM	E		
EF100mm f/2.8L Macro IS USM	C		
EF135mm f/2L USM	A		
EF135mm f/2L USM + Ống nối EF1.4x	A		
EF135mm f/2L USM + Ống nối EF2x	C		
EF135mm f/2.8 (Lấy nét mềm)	A		
EF180mm f/3.5L Macro USM	G		
EF180mm f/3.5L Macro USM + Ống nối EF1.4x	G		
EF200mm f/1.8L USM	A		
EF200mm f/1.8L USM + Ống nối EF1.4x	A*		

EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x	E*
EF400mm f/2.8L II USM	A
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1.4x	C*
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x	E*
EF400mm f/2.8L IS USM	A
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x	C
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x	E
EF400mm f/2.8L IS II USM	A
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x	C
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x	E
EF400mm f/4 DO IS USM	C
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF1.4x	E
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF400mm f/4 DO IS II USM	C
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF1.4x	E
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF400mm f/5.6L USM	E
EF400mm f/5.6L USM + Ống nối EF1.4x	H (f/8)
EF500mm f/4L IS USM	C
EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x	E
EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF500mm f/4L IS II USM	C
EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1.4x	E
EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF500mm f/4.5L USM	E
EF500mm f/4.5L USM + Ống nối EF1.4x	H (f/8)*
EF600mm f/4L USM	C
EF600mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x	E*

EF600mm f/4L USM + Ống nối EF2x	H (f/8)*
EF600mm f/4L IS USM	C
EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x	E
EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF600mm f/4L IS II USM	C
EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1.4x	E
EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF800mm f/5.6L IS USM	F
EF800mm f/5.6L IS USM + Ống nối EF1.4x	H (f/8)
EF1200mm f/5.6L USM	G
EF1200mm f/5.6L USM + Ống nối EF1.4x	H (f/8)*
EF8-15mm f/4L USM Mắt cá	C
EF11-24mm f/4L USM	I
EF16-35mm f/2.8L USM	A
EF16-35mm f/2.8L II USM	A
EF16-35mm f/2.8L III USM	A
EF16-35mm f/4L IS USM	C
EF17-35mm f/2.8L USM	A
EF17-40mm f/4L USM	C
EF20-35mm f/2.8L	A
EF20-35mm f/3.5-4.5 USM	E
EF22-55mm f/4-5.6 USM	F
EF24-70mm f/2.8L USM	B
EF24-70mm f/2.8L II USM	A
EF24-70mm f/4L IS USM	C
EF24-85mm f/3.5-4.5 USM	E
EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM	E
EF24-105mm f/4L IS USM	C
EF24-105mm f/4L IS II USM	C
EF28-70mm f/2.8L USM	A
EF28-70mm f/3.5-4.5	F
EF28-70mm f/3.5-4.5 II	F
EF28-80mm f/2.8-4L USM	C
EF28-80mm f/3.5-5.6	F
EF28-80mm f/3.5-5.6 USM	F
EF28-80mm f/3.5-5.6 II	F
EF28-80mm f/3.5-5.6 II USM	F
EF28-80mm f/3.5-5.6 III USM	F
EF28-80mm f/3.5-5.6 IV USM	F

EF28-80mm f/3.5-5.6 V USM	F	EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x	E
EF28-90mm f/4-5.6	E	EF70-200mm f/4L USM	C
EF28-90mm f/4-5.6 USM	E	EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x	E
EF28-90mm f/4-5.6 II	E	EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF28-90mm f/4-5.6 II USM	E	EF70-200mm f/4L IS USM	C
EF28-90mm f/4-5.6 III	E	EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x	E
EF28-105mm f/3.5-4.5 USM	E	EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x	H (f/8)
EF28-105mm f/3.5-4.5 II USM	E	EF70-210mm f/3.5-4.5 USM	E
EF28-105mm f/4-5.6	F	EF70-210mm f/4	C
EF28-105mm f/4-5.6 USM	F	EF70-300mm f/4-5.6 IS USM	E
EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM	E	EF70-300mm f/4-5.6 IS II USM	E
EF28-200mm f/3.5-5.6	E	EF70-300mm f/4-5.6L IS USM	E
EF28-200mm f/3.5-5.6 USM	E	EF70-300mm f/4.5-5.6 DO IS USM	E
EF28-300mm f/3.5-5.6L IS USM	E	EF75-300mm f/4-5.6	E
EF35-70mm f/3.5-4.5	F	EF75-300mm f/4-5.6 USM	E
EF35-70mm f/3.5-4.5A	F	EF75-300mm f/4-5.6 II	E
EF35-80mm f/4-5.6	F	EF75-300mm f/4-5.6 II USM	E
EF35-80mm f/4-5.6 PZ	F	EF75-300mm f/4-5.6 III USM	E
EF35-80mm f/4-5.6 USM	F	EF75-300mm f/4-5.6 IS USM	E
EF35-80mm f/4-5.6 II	F	EF80-200mm f/2.8L	A
EF35-80mm f/4-5.6 III	F	EF80-200mm f/4.5-5.6	E
EF35-105mm f/3.5-4.5	E	EF80-200mm f/4.5-5.6 USM	F
EF35-105mm f/4.5-5.6	H	EF80-200mm f/4.5-5.6 II	F
EF35-105mm f/4.5-5.6 USM	H	EF90-300mm f/4.5-5.6	E
EF35-135mm f/3.5-4.5	E	EF90-300mm f/4.5-5.6 USM	E
EF35-135mm f/4-5.6 USM	E	EF100-200mm f/4.5A	E
EF35-350mm f/3.5-5.6L USM	F	EF100-300mm f/4.5-5.6 USM	E
EF38-76mm f/4.5-5.6	E	EF100-300mm f/5.6	E
EF50-200mm f/3.5-4.5	E	EF100-300mm f/5.6L	E
EF50-200mm f/3.5-4.5L	E	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM	E
EF55-200mm f/4.5-5.6 USM	E	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM + Ống nối EF1.4x	H (f/8)
EF55-200mm f/4.5-5.6 II USM	E	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM	E
EF70-200mm f/2.8L USM	A	EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM + Ống nối EF1.4x	H (f/8)
EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x	C*	EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x	I
EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x	E*	EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x; Sử dụng ống nối tích hợp 1,4x	E
EF70-200mm f/2.8L IS USM	A		
EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x	C		
EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x	E		
EF70-200mm f/2.8L IS II USM	A		
EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x	C		

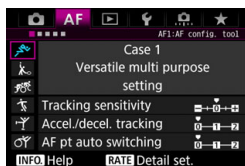
EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x + Ống nối EF1.4x	E
EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối tích hợp 1,4x + Ống nối EF1.4x	H (f/8)
EF200-400mm f/4L IS USM Tích hợp ống nối 1,4x + Ống nối EF2x	H (f/8)
TS-E17mm f/4L	C
TS-E24mm f/3.5L	C
TS-E24mm f/3.5L II	C
TS-E45mm f/2.8	A
TS-E90mm f/2.8	A

 Khi sử dụng kết hợp ống kính và ống nối được đánh dấu *, có thể không lấy được nét chính xác với lấy nét tự động. Tham khảo hướng dẫn sử dụng ống kính hoặc ống nối được sử dụng.

- 
- “Ống nối EF1.4x” và “Ống nối EF2x” áp dụng cho tất cả các model I/II/III (trong nhóm này).
 - Nếu bạn sử dụng ống kính TS-E, cần sử dụng lấy nét tay. Danh sách nhóm ống kính TS-E chỉ áp dụng khi bạn không sử dụng chức năng nghiêng, dịch chuyển.

MENU Chọn đặc tính Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục ☆

Bạn có thể dễ dàng tinh chỉnh Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục để thích hợp với chủ thể hoặc cảnh chụp cụ thể bằng cách chọn một tùy chọn từ tình huống 1 đến tình huống 6. Tính năng này được gọi là “Công cụ định cấu hình AF”.



1 Chọn tab [AF1].

2 Chọn một tình huống.

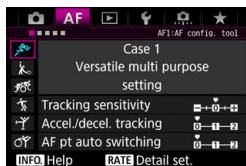
- Xoay nút xoay <⊙> để chọn biểu tượng tình huống, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Tình huống đã chọn sẽ được đặt. Tình huống đã chọn biểu thị bằng màu xanh da trời.

Tình huống 1 đến 6

Như được giải thích trên các trang 116 đến 118, tình huống 1 đến 6 là sáu tổ hợp cài đặt của “Độ nhạy theo dõi”, “Tăng/giảm tốc độ theo dõi” và “Tự động chuyển đổi điểm AF”. Tham khảo bảng sau để chọn tình huống có thể áp dụng cho chủ thể hoặc cảnh.

Tình huống	Biểu tượng	Mô tả	Chủ thể có thể áp dụng	Trang
Tình huống 1		Cài đặt đa mục đích linh hoạt	Đối với chủ thể chuyển động bất kỳ.	112
Tình huống 2		Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chướng ngại vật có thể xuất hiện	Vận động viên quần vợt, bơi bướm, trượt tuyết tự do, v.v...	112
Tình huống 3		Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF	Vạch xuất phát trong đua xe đạp, trượt tuyết xuống dốc núi cao, v.v...	113
Tình huống 4		Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh	Bóng đá, mô tô thể thao, bóng rổ, v.v...	113
Tình huống 5		Đối với chủ thể di chuyển nhanh thất thường theo bất kỳ hướng nào	Người trượt băng nghệ thuật, v.v...	114
Tình huống 6		Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do	Thể dục nhịp điệu, v.v...	115

Tình huống 1: Cài đặt đa chức năng



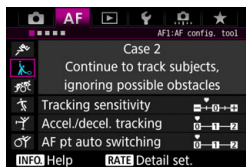
Thiết lập tiêu chuẩn thích hợp với chủ thể chuyển động. Có thể sử dụng cho nhiều chủ thể và cảnh.

Chọn [**Case 2 (Tình huống 2)**] đến [**Case 6 (Tình huống 6)**] trong các trường hợp sau: Khi chương ngại vật đi qua điểm AF hoặc chủ thể sắp chệch khỏi điểm AF, khi muốn lấy nét nhanh chủ thể xuất hiện đột ngột, khi tốc độ chuyển động của chủ thể thay đổi đột ngột hay khi chủ thể di chuyển đáng kể theo hướng dọc hoặc ngang.

Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

Tình huống 2: Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chương ngại vật có thể xuất hiện



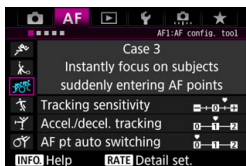
Máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét chủ thể khi chương ngại vật tiến vào điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể. Có hiệu quả khi có chương ngại vật cản trở chủ thể hoặc khi bạn không muốn lấy nét hậu cảnh.

Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): Khóa tại: -1
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

 Nếu chương ngại vật tiến vào hoặc chủ thể chệch khỏi điểm AF trong một khoảng thời gian dài dẫn đến cài đặt mặc định không theo dõi được chủ thể mục tiêu, đặt [**Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)**] thành [-2] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.116).

Tình huống 3: Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF



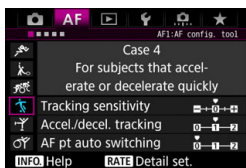
Khi sử dụng một điểm AF theo dõi chủ thể, cài đặt này cho phép máy ảnh lấy nét nhiều chủ thể liên tục ở những khoảng cách khác nhau. Nếu chủ thể mới xuất hiện trước chủ thể mục tiêu, máy ảnh sẽ bắt đầu lấy nét trên chủ thể mới. Chức năng này cũng có hiệu lực nếu muốn luôn lấy nét chủ thể gần nhất.

Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): Nhảy: +1
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

Nếu bạn muốn nhanh chóng lấy nét chủ thể xuất hiện đột ngột, đặt [**Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)**] thành [+2] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.116).

Tình huống 4: Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh



Thích hợp để theo dõi chủ thể di chuyển với tốc độ thay đổi đột ngột.

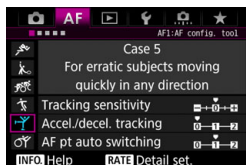
Phù hợp với chủ thể có những chuyển động, tăng/giảm tốc hoặc dừng đột ngột.

Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): 0

Nếu chủ thể đang chuyển động và dễ thay đổi tốc độ đột ngột, đặt [**Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)**] thành [+2] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.117).

Tình huống 5: Đối với chủ thể di chuyển nhanh thất thường theo bất kỳ hướng nào



Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): 0
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): +1

Mặc dù chủ thể mục tiêu di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, điểm AF sẽ tự động chuyển sang theo dõi lấy nét chủ thể. Có hiệu quả khi chụp chủ thể di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.

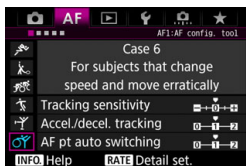
Khuyến cáo sử dụng thiết lập này trong các chế độ sau; Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square \square \square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), AF theo vùng (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 61 điểm tự động chọn.

Với chế độ AF một chấm điểm (chọn bằng tay) hoặc AF một điểm (chọn bằng tay), thao tác theo dõi sẽ tương tự như Tình huống 1.



Nếu chủ thể di chuyển đáng kể hơn lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, đặt **[AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)]** thành **[+2]** có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.118).

Tình huống 6: Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do



Cài đặt mặc định

- Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi): 0
- Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi): +1
- AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF): +1

Thích hợp để theo dõi chủ thể di chuyển với tốc độ thay đổi đột ngột. Ngoài ra, nếu chủ thể mục tiêu di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải và khó lấy nét, điểm AF sẽ tự động chuyển sang theo dõi chủ thể.

Khuyến cáo sử dụng thiết lập này trong các chế độ sau; Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square \square \square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), AF theo vùng (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 61 điểm tự động chọn.

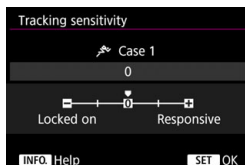
Với chế độ AF một chấm điểm (chọn bằng tay) hoặc AF một điểm (chọn bằng tay), thao tác theo dõi sẽ tương tự như Tình huống 4.



- Nếu chủ thể đang chuyển động và dễ thay đổi tốc độ đột ngột, đặt [**Accel./decel. tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)**] thành [**+2**] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.117).
- Nếu chủ thể di chuyển đáng kể hơn lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải, đặt [**AF pt auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)**] thành [**+2**] có thể đem lại hiệu quả tốt hơn (tr.118).

Thông số

● Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)



Bạn có thể thiết lập độ nhạy theo dõi chủ thể trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, khi chương ngại vật tiến vào điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể.

0

Cài đặt mặc định. Thích hợp với chủ thể đang di chuyển bình thường.

Locked on: -2 (Khóa: -2) / Locked on: -1 (Khóa: -1)

Máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét chủ thể khi chương ngại vật tiến vào điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể. Cài đặt -2 khiến máy ảnh theo dõi chủ thể mục tiêu lâu hơn so với cài đặt -1.

Tuy nhiên, nếu máy ảnh lấy nét sai chủ thể, sẽ tốn nhiều thời gian hơn để chuyển và lấy nét chủ thể mục tiêu.

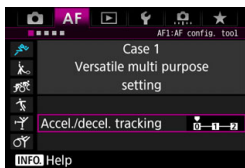
Responsive: +2 (Phản ứng: +2) / Responsive: +1 (Phản ứng: +1)

Máy ảnh có thể lấy nét nhiều chủ thể liên tục ở những khoảng cách khác nhau được điểm AF bao trùm. Chức năng này cũng có hiệu lực nếu muốn luôn lấy nét chủ thể gần nhất. Cài đặt +2 nhạy hơn so với +1 khi lấy nét chủ thể tiếp theo.

Tuy nhiên, máy ảnh sẽ có xu hướng lấy nét nhầm chủ thể.

 Tính năng [Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)] ở máy ảnh EOS-1D Mark III/IV, EOS-1Ds Mark III và EOS 7D có tên [AI Servo tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi AI Servo)].

● Acceleration/deceleration tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi)



Chức năng này thiết lập độ nhạy theo dõi cho chủ thể thay đổi tốc độ liên tục khi di chuyển hoặc dừng lại đột ngột, v.v...

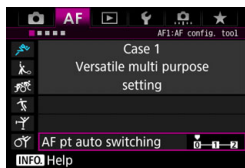
0

Thích hợp với chủ thể di chuyển theo tốc độ ổn định (thay đổi nhỏ nhất trong tốc độ di chuyển).

+2 / +1

Phù hợp với chủ thể có những chuyển động, tăng/giảm tốc hoặc dừng đột ngột. Ngay cả khi tốc độ di chuyển của chủ thể thay đổi đột ngột đáng kể, máy ảnh vẫn tiếp tục lấy nét chủ thể mục tiêu. Ví dụ, với chủ thể đang tiến lại gần, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía sau chủ thể để tránh làm chủ thể bị mờ. Với chủ thể dừng đột ngột, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía trước chủ thể. Cài đặt +2 theo dõi những thay đổi đột ngột của tốc độ chủ thể nhanh hơn so với cài đặt +1. Tuy nhiên, do máy ảnh sẽ phản ứng với những chuyển động nhỏ nhất của chủ thể, nên đôi lúc việc lấy nét trở nên không ổn định.

● AF point auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF)



Chức năng này cài đặt độ nhạy chuyển đổi của điểm AF khi theo dõi chủ thể đang di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.

Thiết lập này hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay $\square$), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh), AF theo vùng (chọn vùng bằng tay) hoặc AF 61 điểm tự động chọn.

0

Thiết lập tiêu chuẩn cho chuyển đổi dần điểm AF.

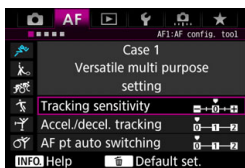
+2 / +1

Ngay cả khi chủ thể mục tiêu di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải và ra xa khỏi điểm AF, máy ảnh chuyển lấy nét sang điểm AF lân cận để tiếp tục lấy nét chủ thể. Máy ảnh chuyển sang điểm AF được coi là để lấy nét chủ thể nhất dựa trên chuyển động liên tiếp, độ tương phản, v.v... của chủ thể. Đặt máy ảnh thành +2 sẽ dễ chuyển đổi điểm AF hơn so với cài đặt +1. Tuy nhiên, nếu sử dụng ống kính góc rộng có độ sâu trường ảnh rộng hoặc nếu chủ thể quá nhỏ trong khung lấy nét, máy ảnh có thể chọn nhầm điểm AF để lấy nét.

Thay đổi cài đặt thông số của các Tình huống

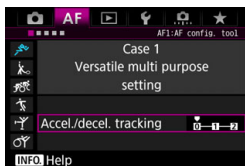
Bạn có thể điều chỉnh bằng tay ba thông số của từng tình huống:

1. Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi), 2. Acceleration/deceleration tracking (Tăng/giảm tốc độ theo dõi), và 3. AF point auto switching (Tự động chuyển đổi điểm AF).



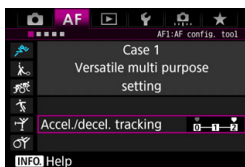
1 Chọn một tình huống.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn biểu tượng trường hợp bạn muốn điều chỉnh.



2 Nhấn nút <RATE>.

- Thông số đã chọn sẽ xuất hiện khung màu tím.



3 Chọn thông số cần điều chỉnh.

- Chọn thông số cần điều chỉnh, rồi nhấn <SET>.
- Khi đã chọn độ nhạy theo dõi, màn hình cài đặt sẽ xuất hiện.

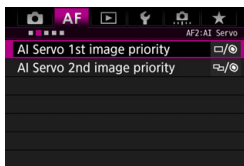
4 Thực hiện điều chỉnh.

- Điều chỉnh cài đặt, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Điều chỉnh đã được lưu.
- Cài đặt mặc định được biểu thị bằng dấu [] màu xám nhạt.
- Để trở về màn hình ở bước 1, nhấn nút <RATE>.



- Ở bước 2, nếu nhấn nút <RATE> rồi nhấn nút <⌚>, bạn có thể trở lại cài đặt thông số 1, 2 và 3 trên cho từng tình huống.
- Cũng có thể đăng ký cài đặt thông số 1, 2 và 3 vào Danh mục riêng (tr.434). Làm vậy sẽ thay đổi cài đặt của trường hợp đã chọn.
- Khi chụp với tình huống đã được điều chỉnh thông số, chọn tình huống đã điều chỉnh đó, rồi chụp ảnh.

MENU Tùy chỉnh chức năng AF ☆

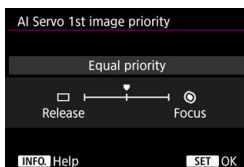


Với các tab menu [AF2] đến [AF5], bạn có thể đặt chức năng AF để phù hợp với kiểu chụp hoặc chủ thể.

AF2: AI Servo

AI Servo 1st image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên)

Bạn có thể thiết lập các đặc tính của thao tác AF và thời điểm nhả màn trập cho ảnh chụp đầu tiên với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.



□/👁: Equal priority (Ưu tiên cân bằng)

Lấy nét và nhả màn trập được ưu tiên ngang nhau.

□: Release priority (Ưu tiên nhả màn trập)

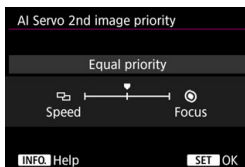
Ảnh sẽ được chụp ngay khi nhấn nút chụp ngay cả khi chưa lấy được nét. Có hiệu quả khi bạn muốn ưu tiên chụp ảnh hơn việc lấy nét.

👁: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Mặc dù nhấn nút chụp, máy ảnh cũng sẽ không chụp ảnh cho đến khi lấy được nét. Có hiệu quả khi bạn muốn lấy nét trước khi chụp.

AI Servo 2nd image priority (Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai)

Bạn có thể thiết lập các đặc tính của thao tác AF và thời điểm nhả màn trập khi chụp liên tục sau ảnh đầu tiên chụp với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.



/☉: Equal priority (Ưu tiên cân bằng)

Lấy nét và tốc độ chụp liên tục được ưu tiên ngang nhau. Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc chủ thể có độ tương phản thấp, tốc độ chụp có thể giảm.

: Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp)

Ưu tiên tốc độ chụp liên tục hơn việc lấy nét.

☉: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Ưu tiên lấy nét hơn tốc độ chụp liên tục. Ảnh sẽ không được chụp cho đến khi lấy được nét.



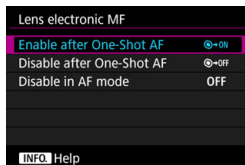
Trong các điều kiện chụp kích hoạt chụp chống nhấp nháy (tr.193), ngay cả khi thiết lập [**Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp)**], tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn đôi chút hoặc quãng chụp có thể không đều.

AF3: Một lần

Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)

Với các ống kính USM và STM sau được trang bị chức năng lấy nét tay điện tử, bạn có thể đặt có hoặc không sử dụng lấy nét tay điện tử.

EF50mm f/1.0L USM	EF300mm f/2.8L USM	EF600mm f/4L USM
EF85mm f/1.2L USM	EF400mm f/2.8L USM	EF1200mm f/5.6L USM
EF85mm f/1.2L II USM	EF400mm f/2.8L II USM	EF28-80mm f/2.8-4L USM
EF200mm f/1.8L USM	EF500mm f/4.5L USM	EF70-300mm f/4-5.6 IS II USM
EF40mm f/2.8 STM	EF50mm f/1.8 STM	EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM



**☞ON: Enable after One-Shot AF
(Bật sau khi lấy nét một lần)**

Sau thao tác AF, nếu tiếp tục nhấn giữ nửa chừng nút chụp, bạn có thể hiệu chỉnh lấy nét tay.

**☞OFF: Disable after One-Shot AF
(Tắt sau khi lấy nét một lần)**

Sau thao tác AF, hiệu chỉnh lấy nét tay sẽ bị tắt.

OFF: Disable in AF mode (Tắt trong chế độ AF)

Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>, lấy nét tay sẽ bị tắt.

AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)

Bật hoặc tắt tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.

AF-assist beam firing	
Enable	ON
Disable	OFF
IR AF assist beam only	IR
INFO Help	

ON: Enable (Bật)

Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần thiết.

OFF: Disable (Tắt)

Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không phát tia giúp lấy nét. Việc này ngăn tia giúp lấy nét khỏi ảnh hưởng tới người xung quanh.

IR: IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)

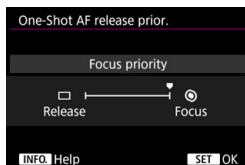
Nếu có đèn Speedlite gắn ngoài, chỉ những đèn có tia giúp lấy nét hồng ngoại mới phát ra tia giúp lấy nét. Điều này ngăn các tia giúp lấy nét không phát ra như một loạt các tia flash nhỏ.

Với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ không tự động bật để hỗ trợ lấy nét.

❗ Nếu chức năng tùy chỉnh [AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)] của đèn Speedlite gắn ngoài được đặt thành [Disabled (Tắt)], đèn Speedlite sẽ không phát ra tia giúp lấy nét không phụ thuộc vào cài đặt.

One-Shot AF release priority (Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập)

Bạn có thể đặt đặc tính thao tác AF và thời điểm nhả nút chụp cho lấy nét một lần.



🎯: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Ảnh sẽ không được chụp cho đến khi lấy được nét. Có hiệu quả khi bạn muốn lấy nét trước khi chụp.

📄: Release priority (Ưu tiên nhả màn trập)

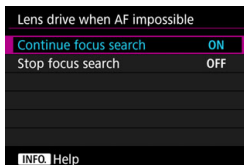
Ưu tiên tốc độ nhả màn trập hơn việc lấy nét. Cài đặt này ưu tiên chụp ảnh hơn lấy nét chính xác.

Lưu ý rằng ảnh sẽ được chụp ngay cả khi chưa lấy được nét.

AF4

Lens drive when AF impossible (Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động)

Nếu lấy nét tự động không lấy được nét, bạn có thể điều khiển ống kính tiếp tục hoặc dừng tìm kiếm lấy nét chính xác.

**ON: Continue focus search (Tiếp tục tìm kiếm lấy nét)**

Nếu không lấy được nét bằng lấy nét tự động, máy ảnh sẽ điều khiển ống kính để tìm kiếm lấy nét chính xác.

OFF: Stop focus search (Dừng tìm kiếm lấy nét)

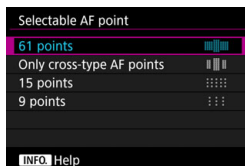
Nếu lấy nét tự động bắt đầu và không lấy được nét hoặc chủ thể ở ngoài vùng lấy nét, ống kính sẽ dừng thao tác. Điều này ngăn ống kính lệch nét quá xa khi tìm kiếm lấy nét.



Những ống kính có phạm vi điều khiển lấy nét rộng như ống kính siêu xa, v.v... có thể lệch nét nghiêm trọng khi tìm kiếm lấy nét, khiến cho lần lấy nét sau tốn nhiều thời gian hơn. Nên đặt [**Stop focus search (Dừng tìm kiếm lấy nét)**].

Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)

Bạn có thể thay đổi số điểm AF có thể chọn bằng tay. Nếu đặt AF 61 điểm tự động chọn, khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được dùng để lấy nét tự động không phụ thuộc vào cài đặt bên dưới.



: 61 points (61 điểm)

Có thể chọn tất cả điểm AF bằng tay.

: Only cross-type AF points (Chỉ các điểm lấy nét chữ thập)

Chỉ các điểm lấy nét chữ thập mới có thể chọn bằng tay. Số lượng điểm AF chữ thập có thể chọn tùy thuộc vào ống kính sử dụng.

: 15 points (15 điểm)

Có thể chọn mười lăm điểm AF chính bằng tay.

: 9 points (9 điểm)

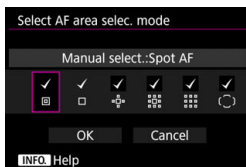
Có thể chọn chín điểm AF chính bằng tay.

 Khi sử dụng ống kính từ nhóm F đến H (tr.105-106), số điểm AF có thể chọn bằng tay sẽ ít hơn.

-  Ngay cả khi cài đặt khác với [61 points (61 điểm)], bạn vẫn có thể sử dụng Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay ) , Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh) và AF theo vùng (chọn vùng bằng tay).
- Khi nhấn nút >, những điểm AF không thể chọn bằng tay sẽ không hiển thị trong khung ngắm.

Select AF area selection mode (Chọn chế độ lựa chọn vùng AF)

Bạn có thể hạn chế các chế độ chọn vùng AF có thể chọn cho phù hợp với sở thích chụp của mình. Chọn chế độ lựa chọn mong muốn rồi nhấn **<[SET]>** để đánh dấu chọn **<✓>**. Sau đó chọn **[OK]** để đăng ký thiết lập.

**☐: Manual select.:Spot AF (Chọn bằng tay:AF chấm điểm)**

Để xác định lấy nét chính xác với một vùng hẹp hơn so với AF một điểm (chọn bằng tay).

☐: Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay:AF một điểm)

Có thể chọn một trong các điểm AF được thiết lập bởi cài đặt **[Selectable AF point (Điểm AF có thể chọn)]**.

⦿: Expand AF area (Mở rộng vùng AF): ⦿

Máy ảnh sẽ lấy nét với điểm AF được chọn bằng tay và các điểm AF kề sát (phía trên, dưới, trái và phải).

⦿: Expand AF area:Surround (Mở rộng vùng AF:Bao quanh)

Máy ảnh sẽ lấy nét với điểm AF được chọn bằng tay và các điểm AF bao quanh.

⦿: Manual select.:Zone AF (Chọn bằng tay:AF theo vùng)

Vùng AF được chia thành chín vùng lấy nét để lấy nét.

(○): Auto selection:61 pt AF (Chọn tự động:AF 61 điểm)

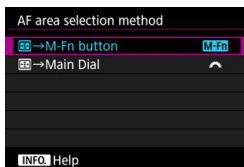
Khung AF theo vùng (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét.



- Không thể xóa dấu chọn **<✓>** khỏi **[Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay:AF một điểm)]**.
- Nếu ống kính được lắp thuộc nhóm H (tr.106), bạn chỉ có thể chọn **[Manual select.:Spot AF (Chọn bằng tay:AF chấm điểm)]**, **[Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay:AF một điểm)]** và **[Expand AF area (Mở rộng vùng AF):⦿]**.

AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)

Bạn có thể thiết lập phương pháp thay đổi chế độ chọn vùng AF.



M-Fn : → **M-Fn button (Nút M-Fn)**

Sau khi nhấn nút <>, nhấn nút <M-Fn> sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.

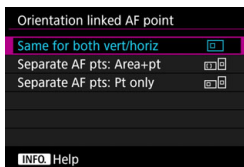
: → **Main Dial (Nút xoay chính)**

Sau khi nhấn nút <>, xoay nút xoay <> sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.

Khi đặt [] → **Main Dial (Nút xoay chính)**], sử dụng nút <> để di chuyển điểm AF theo chiều ngang.

Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)

Bạn có thể thiết lập điểm AF hoặc chế độ chọn vùng AF + điểm AF riêng cho chụp dọc và chụp ngang.



: **Same for both vert/horiz (Giống nhau với chụp ngang/ chụp dọc)**

Một chế độ chọn vùng AF và chọn điểm (vùng) AF bằng tay được áp dụng cho cả chụp ngang và chụp dọc.

☐☐: **Separate AF pts: Area+pt (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm)**

Có thể đặt chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng máy ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng máy ở bên dưới).

Khi chọn chế độ lựa chọn vùng AF và điểm (vùng) AF bằng tay cho một trong ba hướng của máy ảnh, chúng sẽ được đặt cho từng hướng tương ứng. Khi bạn thay đổi hướng của máy ảnh trong khi chụp, máy ảnh sẽ chuyển về chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF được chọn bằng tay sẽ được đặt cho hướng đó.

☐☐: **Separate AF pts: Pt only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)**

Có thể đặt điểm AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng máy ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng máy ở bên dưới). Trong khi sử dụng cùng một chế độ chọn vùng AF, điểm AF sẽ tự động chuyển cho hướng tương ứng của máy ảnh.

Khi chọn điểm AF bằng tay cho mỗi hướng trong ba hướng của máy ảnh, điểm AF sẽ được ghi cho từng hướng tương ứng. Trong khi chụp, điểm AF được chọn bằng tay sẽ chuyển để phù hợp với hướng tương ứng của máy ảnh. Ngay cả khi bạn thay đổi chế độ chọn vùng AF thành Chọn bằng tay:AF chấm điểm, Chọn bằng tay:AF một điểm, Mở rộng vùng AF:☐☐ hoặc Mở rộng vùng AF:Bao quanh, điểm AF được thiết lập cho hướng tương ứng vẫn giữ nguyên.

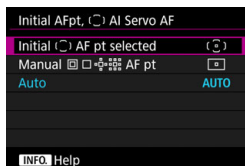
Nếu bạn thay đổi chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng (chọn vùng bằng tay), vùng sẽ chuyển để phù hợp với hướng tương ứng của máy ảnh.



- Nếu bạn xóa cài đặt của máy ảnh về mặc định (tr.70), cài đặt này sẽ là **[Same for both vert/horiz (Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc)]**. Ngoài ra, cài đặt của bạn cho ba hướng của máy ảnh (1, 2 và 3) sẽ bị xóa và tất cả ba hướng sẽ chuyển thành AF một điểm (chọn bằng tay) với điểm AF trung tâm được chọn.
- Nếu bạn thiết lập cài đặt này và sau đó lắp ống kính từ nhóm AF khác (tr.102-106, đặc biệt là Nhóm H), cài đặt có thể bị xóa.

Initial AF Point, () AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, () Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)

Bạn có thể đặt điểm AF bắt đầu của Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành Chọn tự động: AF 61 điểm.



() : Initial () AF pt selected (Điểm AF () được chọn ban đầu)

Khi thao tác AF được đặt thành Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và chế độ chọn vùng AF được đặt thành Chọn tự động: AF 61 điểm, lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay.

[] : Manual [] [] AF pt (Điểm AF [] [] chỉnh tay)

Nếu bạn chuyển từ Chọn bằng tay:AF chấm điểm, Chọn bằng tay:AF một điểm, Mở rộng vùng AF: [] hoặc Mở rộng vùng AF: Bao quanh thành Chọn tự động: AF 61 điểm, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay trước khi chuyển. Việc này tiện lợi nếu bạn muốn Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bắt đầu từ điểm AF đã chọn trước khi chế độ chọn vùng AF chuyển sang Chọn tự động: AF 61 điểm.

Sau khi đặt chế độ chọn vùng AF thành Chọn tự động: AF 61 điểm với [Metering and AF start (Bắt đầu đo sáng và AF)] (tr.420), [Switch to registered AF func. (Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký)] (tr.422) hoặc [Register/recall shooting func (Đăng ký/gọi ra chức năng chụp)] (tr.427) của menu [. 3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], bạn có thể nhấn nút được chỉ định trong: Chọn bằng tay: AF chấm điểm, Chọn bằng tay: AF một điểm, Mở rộng vùng AF: [] hoặc Mở rộng vùng AF: Bao quanh để chuyển sang Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bằng Chọn tự động: AF 61 điểm thay vì điểm AF được sử dụng ngay trước đó.

AUTO: Auto (Tự động)

Điểm AF mà Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bắt đầu từ đó được đặt tự động cho phù hợp với các điều kiện chụp.

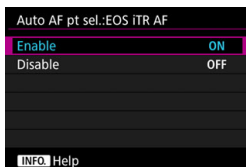


Khi đặt [Manual [] [] AF pt (Điểm AF [] [] chỉnh tay)], Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu với vùng tương ứng với điểm AF được chọn bằng tay, ngay cả khi bạn chuyển chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng (chọn vùng bằng tay).

Auto AF point selection: EOS iTR AF (Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF)

EOS iTR* AF thực hiện lấy nét tự động bằng cách nhận diện khuôn mặt và màu của chủ thể. EOS iTR AF hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành AF 61 điểm tự động chọn hoặc AF theo vùng (chọn vùng bằng tay).

* Theo dõi và nhận diện thông minh: Cảm biến đo sáng nhận diện chủ thể và các điểm AF theo dõi chủ thể.



ON: Enable (Bật)

Điểm AF được chọn tự động dựa trên thông tin AF, khuôn mặt và các chi tiết khác.

Trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy ảnh ghi nhớ màu ở điểm lấy nét đầu tiên, sau đó tiếp tục theo dõi và lấy nét chủ thể bằng cách chuyển các điểm lấy nét để theo dõi màu đó. Điều này giúp dễ dàng theo dõi chủ thể hơn khi chỉ có thông tin AF.

Trong chế độ lấy nét một lần, EOS iTR AF giúp lấy nét người dễ dàng hơn, để bạn có thể chụp với ưu tiên bố cục ảnh.

OFF: Disable (Tắt)

Các điểm AF tự động được chọn chỉ dựa trên thông tin AF. (Lấy nét tự động sẽ không sử dụng thông tin dựa trên khuôn mặt, màu chủ thể và các chi tiết khác.)

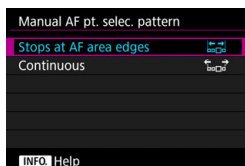


- Nếu đặt **[Enable (Bật)]**, máy ảnh sẽ lấy nét chậm hơn khi đặt **[Disable (Tắt)]**.
- Ngay cả khi bạn đặt **[Enable (Bật)]**, kết quả mong muốn có thể không đạt được tùy thuộc vào các điều kiện chụp và chủ thể.
- Khi ánh sáng quá yếu và đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS tự động phát ra tia giúp lấy nét, các điểm AF được chọn tự động chỉ dựa trên thông tin AF.
- Nhận diện khuôn mặt có thể không hoạt động nếu khuôn mặt nhỏ hoặc trong các điều kiện ánh sáng yếu.

AF5

Manual AF point selection pattern (Kiểu lựa chọn điểm AF bằng tay)

Trong khi chọn điểm AF bằng tay, việc lựa chọn có thể dừng ở rìa ngoài hoặc có thể xoay vòng sang điểm phía đối diện. Chức năng này hoạt động trong các chế độ chọn vùng AF khác ngoài AF theo vùng (chọn vùng bằng tay) và AF 61 điểm tự động chọn (hoạt động với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục).



 : **Stops at AF area edges**
(Dừng ở rìa vùng AF)

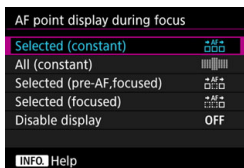
Tiện lợi khi bạn thường xuyên sử dụng điểm AF ở vùng ngoại vi.

 : **Continuous (Liên tục)**

Thay vì dừng ở rìa ngoài, việc lựa chọn điểm AF tiếp tục ở phía đối diện.

AF point display during focus (Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét)

Bạn có thể đặt có hoặc không hiển thị (các) điểm AF trong các trường hợp sau: 1. Khi chọn (các) điểm AF, 2. Khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp (trước thao tác AF), 3. Khi thao tác AF và 4. Khi lấy được nét.



 **: Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))**

(Các) Điểm AF đã chọn sẽ luôn luôn hiển thị.

 **: All (constant) (Tất cả (không đổi))**

Tất cả các điểm AF sẽ luôn luôn hiển thị.

 **: Selected (pre-AF, focused) (Đã chọn (trước AF, lấy được nét))**

(Các) Điểm AF đã lấy nét sẽ hiển thị cho 1, 2 và 4.

 **: Selected (focused) (Đã chọn (lấy được nét))**

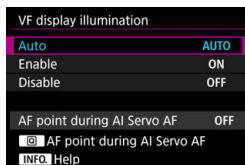
(Các) Điểm AF đã chọn sẽ hiển thị cho 1 và 4 và khi AF bắt đầu.

OFF: Disable display (Tắt hiển thị)

Đối với 2, 3 và 4, (các) điểm AF đã chọn sẽ không hiển thị.

VF display illumination (Phát sáng hiển thị trong khung ngắm)

Bạn có thể thiết lập để điểm AF trong khung ngắm chớp sáng đỏ hoặc không chớp sáng khi lấy được nét.



AUTO: Auto (Tự động)

Điểm AF tự động chớp sáng đỏ trong điều kiện ánh sáng yếu.

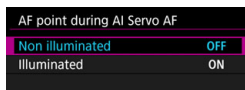
ON: Enable (Bật)

Điểm AF chớp sáng đỏ bất kể mức ánh sáng bao quanh.

OFF: Disable (Tắt)

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

Khi đặt [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Enable (Bật)**], bạn có thể đặt điểm AF có hoặc không chớp sáng đỏ (nhấp nháy) khi nhấn nút <Q> trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.



OFF: Non illuminated (Không phát sáng)

Điểm AF sẽ không chớp sáng trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

ON: Illuminated (Phát sáng)

Các điểm AF được sử dụng để lấy nét chớp sáng đỏ trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục. Tính năng này sẽ không hoạt động nếu [**VF display illumination (Phát sáng hiển thị trong khung ngắm)**] được đặt thành [**Disable (Tắt)**].



- Khi bạn nhấn nút <Q>, các điểm AF sẽ chớp sáng đỏ không phụ thuộc vào cài đặt này.
- Cân bằng điện tử, khung lưới trong khung ngắm và thông tin được đặt với [**Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)**] (tr.79) cũng sẽ chớp sáng đỏ.

AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)

Bạn có thể thực hiện tinh chỉnh điểm lấy nét tự động. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động” ở trang sau.

MENU Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động ☆

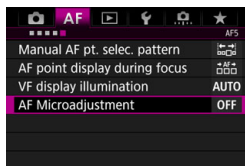
Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động có thể thực hiện cho chụp qua khung ngắm. Thao tác này gọi là “Vi chỉnh AF”. Trước khi điều chỉnh, tham khảo phần “Thận trọng khi vi chỉnh AF” ở trang 141.

⚠ Thận trọng khi vi chỉnh AF

Thông thường, vi chỉnh AF này là không cần thiết. Chỉ thực hiện điều chỉnh này khi thật sự cần. Lưu ý rằng thực hiện điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến việc lấy nét chính xác.

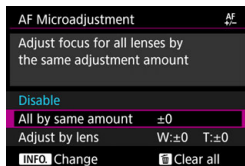
Điều chỉnh tất cả với cùng một lượng

Thực hiện điều chỉnh bằng tay thông qua các thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả. Lặp lại quy trình cho tới khi đạt được điều chỉnh phù hợp. Khi lấy nét tự động, với mọi ống kính, điểm lấy nét sẽ luôn bị thay đổi tùy theo lượng điều chỉnh.



1 Chọn [AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)].

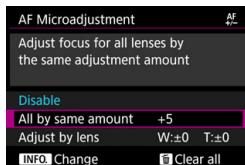
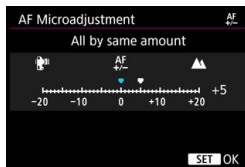
- Trong tab [AF5], chọn [AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)].

3 Nhấn nút <INFO.>.

- Màn hình [All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)] sẽ xuất hiện.



4 Thực hiện điều chỉnh.

- Đặt lượng điều chỉnh. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Sau khi thực hiện điều chỉnh, nhấn nút $\langle \text{SET} \rangle$.
- Chọn [**All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)**], rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.

5 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

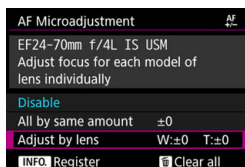
- Chụp và xem lại ảnh (tr.322) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.
- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: ”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: ”.
- Nếu cần, lặp lại điều chỉnh.

❗ Nếu chọn [**All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)**], không thể thực hiện điều chỉnh AF cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.

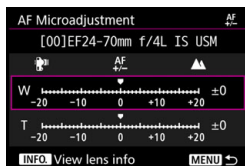
Điều chỉnh theo ống kính

Bạn có thể thực hiện điều chỉnh cho từng ống kính và đăng ký điều chỉnh với máy ảnh. Bạn có thể đăng ký điều chỉnh cho tối đa 40 ống kính. Khi thực hiện lấy nét tự động với ống kính đã đăng ký điều chỉnh, điểm lấy nét sẽ bị thay đổi theo lượng đã điều chỉnh.

Thực hiện điều chỉnh bằng tay thông qua các thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả. Lặp lại quy trình cho tới khi đạt được điều chỉnh mong muốn. Nếu sử dụng ống kính zoom, thực hiện điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).



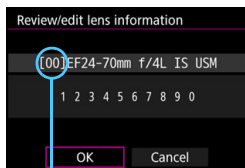
1 Chọn [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)].



2 Nhấn nút <INFO.>.

- ▶ Màn hình [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)] sẽ xuất hiện.

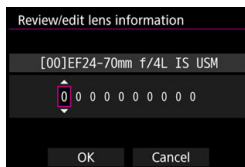
3 Kiểm tra và thay đổi thông tin ống kính.



Số đăng ký

Kiểm tra thông tin ống kính

- Nhấn nút <INFO.>.
- ▶ Màn hình sẽ hiển thị tên ống kính và số sê-ri có 10 chữ số. Khi số sê-ri hiển thị, chọn [OK] và thực hiện bước 4.
- Nếu không thể xác nhận số sê-ri ống kính, "0000000000" sẽ hiển thị. Trong trường hợp này, thực hiện theo hướng dẫn ở trang sau để nhập số.
- Về dấu "*" hiển thị trước số sê-ri của một số loại ống kính, tham khảo trang sau.



Nhập số sê-ri

- Chọn chữ số cần nhập, rồi nhấn <SET> để hiển thị <SET>.
- Nhập số, rồi nhấn <SET>.
- Sau khi nhập tất cả chữ số, chọn [OK].

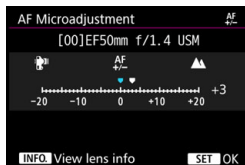
Số sê-ri của ống kính

- Ở bước 3, nếu dấu “*” xuất hiện trước 10 chữ số sê-ri của ống kính, bạn chỉ có thể đăng ký một ống kính cùng model. Ngay cả khi nhập số sê-ri, dấu “*” vẫn hiển thị.
- Số sê-ri trên ống kính có thể khác với số sê-ri hiển thị trên màn hình ở bước 3. Đây không phải vấn đề trực trực.
- Nếu số sê-ri của ống kính bao gồm chữ cái, chỉ nhập phần chữ số.
- Nếu số sê-ri ống kính dài từ mười một chữ số trở lên, chỉ nhập mười chữ số cuối cùng.
- Vị trí số sê-ri thay đổi tùy thuộc vào ống kính.
- Một số ống kính không ghi số sê-ri. Để đăng ký ống kính không có số sê-ri, nhập số sê-ri bất kỳ.

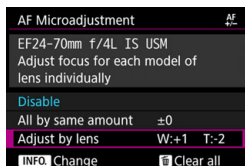
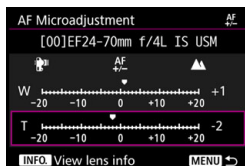


- Nếu chọn [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)] và sử dụng ống nối, điều chỉnh sẽ được đăng ký cho tổ hợp ống kính và ống nối.
- Thông báo sẽ xuất hiện trong trường hợp có 40 ống kính đã được đăng ký. Sau khi chọn ống kính để xóa (ghi đè) đăng ký, bạn có thể đăng ký ống kính khác.

Ống kính tiêu cự đơn



Ống kính zoom



4 Thực hiện điều chỉnh.

- Với ống kính zoom, chọn tiêu cự góc rộng (W) hoặc tiêu cự chụp xa (T). Nhấn <SET> sẽ tắt khung màu tím và có thể thực hiện điều chỉnh.
- Đặt lượng điều chỉnh, rồi nhấn <SET>. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: ” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Đối với ống kính zoom, lặp lại quy trình này và điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).
- Sau khi hoàn tất chỉnh sửa, nhấn nút <MENU> để quay về màn hình ở bước 1.
- Chọn [Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)], rồi nhấn <SET>.

5 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

- Chụp và xem lại ảnh (tr.322) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.
- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: ”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: ”.
- Nếu cần, lặp lại điều chỉnh.



Khi chụp với dải tiêu cự ở giữa của ống kính zoom, điểm lấy nét AF sẽ được chỉnh tự động tương ứng với điều chỉnh thiết lập cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa. Ngay cả khi chỉ tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa được chỉnh, điều chỉnh vẫn được thực hiện tự động cho dải tiêu cự ở giữa.

Xóa tất cả vi chỉnh AF

Khi biểu tượng  **Clear all (Xóa tất cả)** xuất hiện phía dưới màn hình, nhấn nút  sẽ xóa tất cả điều chỉnh của **[All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)]** và **[Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)]**.



Thận trọng khi vi chỉnh AF

- Điểm lấy nét AF thay đổi tùy vào điều kiện của chủ thể, độ sáng, vị trí zoom và các điều kiện chụp khác. Do vậy ngay cả khi thực hiện vi chỉnh AF, có thể không lấy được nét tại vị trí thích hợp.
- Lượng điều chỉnh của mỗi bậc thay đổi tùy thuộc vào khẩu độ tối đa của ống kính. Tiếp tục điều chỉnh, chụp và liên tục kiểm tra tiêu cự để điều chỉnh điểm lấy nét AF.
- Điều chỉnh sẽ không được áp dụng cho lấy nét tự động trong khi chụp Live View hoặc quay phim.
- Điều chỉnh sẽ được giữ lại ngay cả khi bạn xóa tất cả cài đặt của máy ảnh (tr.70). Tuy nhiên, cài đặt sẽ tự động **[Disable (Tắt)]**.



Lưu ý khi vi chỉnh AF

- Tốt nhất nên thực hiện điều chỉnh tại vị trí chụp thực tế để có được điều chỉnh chính xác. Việc này sẽ làm cho điều chỉnh chính xác hơn.
- Nên sử dụng chân máy khi thực hiện điều chỉnh.
- Để thực hiện điều chỉnh, bạn nên chụp ảnh ở chất lượng ghi ảnh **■ L**.

Khi không lấy được nét

Lấy nét tự động có thể không lấy được nét (đèn báo lấy nét của khung ngắm <●> sẽ nhấp nháy) đối với các chủ thể sau đây:

Chủ thể khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản rất thấp
(Ví dụ: Bầu trời xanh, mặt phẳng đồng màu, v.v...)
- Chủ thể trong điều kiện ánh sáng rất yếu
- Chủ thể ngược sáng hoặc phản chiếu mạnh
(Ví dụ: Ô tô với thân xe có độ phản chiếu cao, v.v...)
- Chủ thể gần và xa được đóng khung gần điểm AF
(Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...)
- Chủ thể như các điểm sáng được đóng khung gần với điểm AF
(Ví dụ: Cảnh đêm, v.v...)
- Các dạng lặp đi lặp lại
(Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà chọc trời, bàn phím máy tính, v.v...)

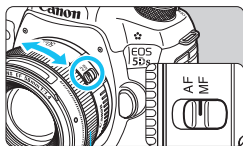
Trong những trường hợp như vậy, lấy nét bằng cách thực hiện một trong hai thao tác sau:

- (1) Đối với lấy nét một lần, nên lấy nét vật thể ở cùng khoảng cách với chủ thể và khóa lấy nét, rồi bố cục lại ảnh (tr.85).
- (2) Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay (tr.143).

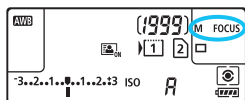


- Tùy thuộc vào chủ thể, có thể lấy được nét bằng cách bố cục lại ảnh một chút và thực hiện lại thao tác AF.
- Đối với các điều kiện có khả năng lấy nét thất bại với [**⬇️+Tracking** (**⬇️+Theo dõi**)]/[**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] trong khi chụp Live View hoặc quay phim, tham khảo trang 275.

MF: Lấy nét tay



Vòng lấy nét



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- ▶ Biểu tượng <M FOCUS> sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

2 Lấy nét chủ thể.

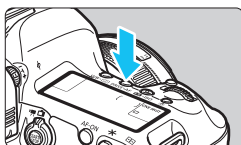
- Lấy nét bằng cách xoay vòng lấy nét của ống kính cho đến khi chủ thể trong khung ngắm trở nên sắc nét.



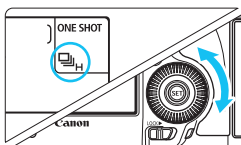
- Nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp khi lấy nét tay, đèn báo lấy nét <●> sẽ chớp sáng khi lấy được nét.
- Với AF 61 điểm tự động chọn, khi điểm AF trung tâm lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> sẽ chớp sáng.

Chọn kiểu chụp

Máy ảnh cung cấp chế độ chụp từng ảnh và chụp liên tục. Bạn có thể chọn kiểu chụp phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.



1 Nhấn nút <DRIVE•AF>. (ⓘ6)



2 Chọn kiểu chụp.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <ⓘ>.

: Chụp từng ảnh

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy ảnh chỉ chụp một ảnh đơn.

: Chụp liên tục tốc độ cao

Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục với **tốc độ tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây**.

: Chụp liên tục tốc độ thấp

Khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ảnh sẽ được chụp liên tục với **tốc độ tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây**.

: Chụp từng ảnh ngắt tiếng

Chụp từng ảnh với ít tiếng động hơn <ⓘ> khi chụp với khung ngắm.

: Chụp liên tục ngắt tiếng

Chụp liên tục với ít tiếng động hơn <ⓘ> khi chụp với khung ngắm. Máy ảnh sẽ chụp liên tục với **tốc độ tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây**.

 Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, sẽ có tiếng ồn phát ra ngay cả khi đặt <ⓘ> hoặc <ⓘ>.

: Chụp hẹn giờ 10 giây/điều khiển từ xa

2: Chụp hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa

Để tìm hiểu về chụp hẹn giờ, tham khảo trang 146. Để tìm hiểu về chụp điều khiển từ xa, tham khảo trang 239.



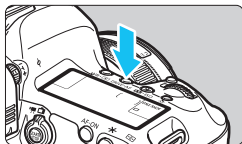
-  Tốc độ chụp liên tục tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây đạt được trong điều kiện chụp sau*: tốc độ màn tập 1/500 hoặc nhanh hơn, khẩu độ tối đa (tùy thuộc vào ống kính), tắt cài đặt chụp chống nhấp nháy, pin LP-E6N sạc đầy và tại nhiệt độ phòng (23°C/73°F). Tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, ống kính, sử dụng flash, nhiệt độ, loại pin, lượng pin còn lại, v.v...

* Với chế độ AF được đặt thành lấy nét một lần và hệ thống ổn định hình ảnh tắt khi sử dụng các ống kính sau: EF300mm f/4L IS USM, EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM, EF75-300mm f/4-5.6 IS USM, EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM.

- Trong thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào chủ thể và ống kính được sử dụng.
- Nếu bạn sử dụng pin LP-E6 và chụp trong điều kiện nhiệt độ thấp (nhiệt độ pin thấp), tốc độ chụp liên tục tốc độ cao có thể trở nên chậm hơn.
- Tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn nếu mức pin còn lại thấp hoặc nếu chụp trong điều kiện thiếu sáng.
- Nếu bạn sử dụng Báng pin BG-E11 (bán riêng) với pin AA/R6, tốc độ tối đa của chụp liên tục tốc độ cao sẽ vào khoảng 3,0 fps.
- Nếu bạn đặt [4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] thành [Enable (Bật)] (tr.193) và chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy, tốc độ chụp liên tục có thể giảm, quãng chụp có thể không đều hoặc thời gian trễ nhả màn trập sẽ dài hơn.
- Nếu đặt <S> hoặc <S>, thời gian trễ từ lúc nhấn hoàn toàn nút chụp đến khi ảnh được chụp sẽ lâu hơn bình thường.
- Nếu [Record func. (Chức năng ghi)] của menu [1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chợn thẻ/thư mục)] được đặt thành [Rec. separately (Ghi riêng)] (tr.148) và cài đặt chất lượng ghi cho thẻ CF [] và thẻ SD [] là khác nhau, số ảnh chụp liên tục tối đa (tr.153) sẽ giảm.
- Nếu bộ nhớ trong đầy trong khi chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể giảm do tạm thời bị dừng chụp (tr.155).

🔍 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ

Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ khi bạn muốn có mặt trong hình.



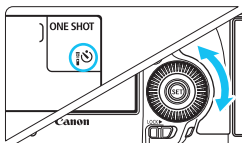
1 Nhấn nút **<DRIVE>**. (🔍6)

2 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay **<🔍>**.

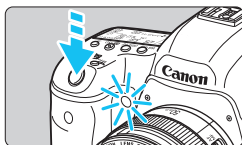
🔍🔍 : Chụp hẹn giờ 10 giây

🔍2 : Chụp hẹn giờ 2 giây



3 Chụp ảnh.

- Nhìn qua khung ngắm, lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra thao tác hẹn giờ bằng đèn chụp hẹn giờ, tiếng bíp và hiển thị đếm ngược (bằng giây) trên bảng điều khiển LCD.
- ▶ 2 giây trước khi chụp ảnh, đèn chụp hẹn giờ sẽ sáng lên và tiếng bíp phát ra nhanh hơn.



⚠ Nếu không nhìn qua khung ngắm khi nhấn nút chụp, nên đậy nắp thị kính lại (tr.238). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.



- Chế độ **<🔍2>** cho phép bạn chụp mà không cần chạm vào máy ảnh khi được gắn trên chân máy. Điều này giúp máy ảnh tránh bị rung khi chụp tĩnh vật hoặc phơi sáng lâu.
- Sau khi chụp ảnh hẹn giờ, nên xem lại ảnh (tr.322) để kiểm tra lấy nét và phơi sáng.
- Khi sử dụng chụp hẹn giờ để tự chụp, bạn nên sử dụng khóa lấy nét (tr.85) cho vật thể ở cùng khoảng cách với vị trí bạn sẽ đứng.
- Để hủy thao tác, nhấn nút **<DRIVE>**.

4

Thiết lập ảnh

Phần này giải thích các thiết lập chức năng liên quan đến ảnh: Chất lượng ghi ảnh, Crop/tỷ lệ cỡ ảnh, Tốc độ ISO, Kiểu ảnh, cân bằng trắng, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, giảm nhiễu hạt, ưu tiên tông màu sáng, hiệu chỉnh quang sai của ống kính, chụp chống nhấp nháy và các chức năng khác.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ <P> <Tv> <Av> <M> .

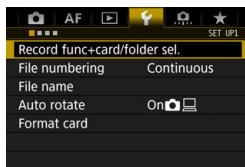
MENU Chọn thẻ để ghi và xem ảnh

Nếu đã lắp thẻ CF hoặc thẻ SD vào máy ảnh, bạn có thể bắt đầu ghi ảnh chụp. Khi chỉ lắp một thẻ, bạn không bắt buộc phải thực hiện theo quy trình giới thiệu ở các trang 148-150.

Nếu lắp cả thẻ CF và thẻ SD, bạn có thể chọn phương pháp ghi và chọn thẻ để sử dụng cho việc ghi và xem lại ảnh.

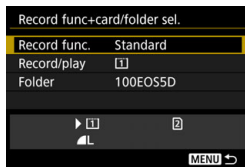
[1] là thẻ CF và [2] là thẻ SD.

Phương pháp ghi khi lắp hai thẻ

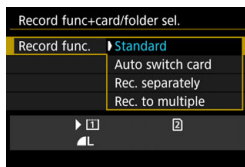


1 Chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

- Trong tab [1], chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)], rồi nhấn <SET>.



2 Select [Record func. (Chức năng ghi)].



3 Chọn phương pháp ghi.

- Chọn phương pháp ghi, rồi nhấn <SET>.

- **Standard (Tiêu chuẩn)**

Ảnh sẽ được ghi vào thẻ đã chọn với **[Record/play (Ghi/phát)]**.

- **Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)**

Giống như thiết lập **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Nhưng nếu thẻ đầy, máy ảnh sẽ tự động chuyển sang thẻ khác để ghi ảnh. Khi tự động chuyển thẻ, máy ảnh sẽ tạo một thư mục mới.

- **Rec. separately (Ghi riêng)**

Bạn có thể đặt chất lượng ghi ảnh cho từng thẻ (tr.151). Mỗi ảnh được ghi vào cả thẻ CF và thẻ SD với chất lượng ghi ảnh đã đặt. Bạn có thể tùy ý đặt chất lượng ghi ảnh thành **L** và **RAW**, hoặc **S3** và **M RAW**.

- **Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**

Mỗi ảnh được ghi vào cả thẻ CF và thẻ SD đồng thời với kích thước ảnh giống nhau. Bạn cũng có thể chọn **RAW+JPEG**.



- Nếu đặt chức năng **[Rec. separately (Ghi riêng)]** và thiết lập nhiều chất lượng ghi khác nhau cho thẻ CF và thẻ SD, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm (tr.153).
- Ngay cả khi đặt **[Record func. (Chức năng ghi)]** thành **[Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]**, cũng không thể ghi phim vào cả thẻ CF và thẻ SD cùng lúc. Nếu đặt chức năng **[Rec. separately (Ghi riêng)]** hoặc **[Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]**, phim sẽ được ghi lên thẻ được đặt để **[Playback (Phát lại)]**.



[Rec. separately (Ghi riêng)] và [Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)]

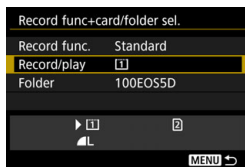
- Số tập tin giống nhau được sử dụng để ghi lên cả thẻ CF và thẻ SD.
- Bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị số ảnh có thể ghi được của thẻ có số lượng ít hơn.
- Nếu một trong hai thẻ đầy, cảnh báo **[Card* full (Thẻ nhớ* đầy)]** sẽ hiển thị và sẽ không thể chụp được ảnh. Nếu điều này xảy ra, hãy thay thẻ nhớ hoặc đặt **[Record func. (Chức năng ghi)]** thành **[Standard (Tiêu chuẩn)]** hoặc **[Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)]** và chọn thẻ còn dung lượng để tiếp tục chụp ảnh.

Chọn thẻ CF hoặc thẻ SD để ghi và phát lại

Nếu [**Record func. (Chức năng ghi)**] được đặt thành [**Standard (Tiêu chuẩn)**] hoặc [**Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)**], chọn thẻ để ghi và xem lại ảnh.

Nếu [**Record func. (Chức năng ghi)**] được đặt thành [**Rec. separately (Ghi riêng)**] hoặc [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**], chọn thẻ để xem lại ảnh.

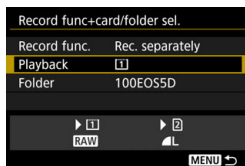
Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thẻ



Chọn [**Record/play (Ghi/phát)**].

- Chọn [**Record/play (Ghi/phát)**], rồi nhấn < **SET** >.
 - [1] : Ghi ảnh vào và xem lại ảnh từ thẻ CF.
 - [2] : Ghi ảnh vào và xem lại ảnh từ thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn < **SET** >.

Ghi riêng / Ghi vào nhiều phương tiện



Chọn [**Playback (phát lại)**].

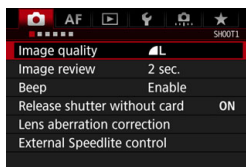
- Chọn [**Playback (phát lại)**], rồi nhấn < **SET** >.
 - [1] : Xem lại ảnh trong thẻ CF.
 - [2] : Xem lại ảnh trong thẻ SD.
- Chọn thẻ, rồi nhấn < **SET** >.



Để tìm hiểu về [**Folder (Thư mục)**], tham khảo trang 196.

MENU Thiết lập chất lượng ghi ảnh

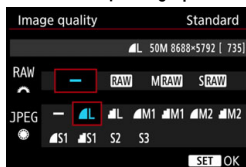
Bạn có thể chọn độ phân giải và chất lượng ảnh. Có mười mức thiết lập chất lượng ghi ảnh JPEG là: **L**, **L**, **M1**, **M1**, **M2**, **M2**, **S1**, **S1**, **S2**, **S3**. Có ba mức thiết lập chất lượng ảnh RAW là: **RAW**, **M RAW**, **S RAW** (tr.154).



1 Chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)].

- Trong tab [**1**], chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)], rồi nhấn <SET>.

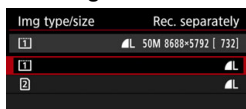
Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thẻ / Ghi vào nhiều phương tiện



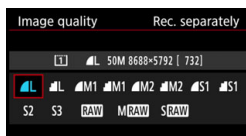
2 Chọn chất lượng ghi ảnh.

- Để chọn chất lượng RAW, xoay nút xoay <[1]>. Để chọn chất lượng JPEG, xoay nút xoay <[2]>.
- Ở phía trên bên phải, số "****M" (megapixel) **** x ****" biểu thị độ phân giải được ghi và [***] là số ảnh có thể chụp (được hiển thị lên tới 9999).
- Nhấn <SET> để thiết lập.

Ghi riêng



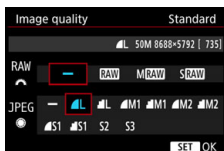
- Trong tab [**1**: Record func+card/ folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)], nếu [Record func. (Chức năng ghi)] được đặt thành [Rec. separately (Ghi riêng)], chọn thẻ CF [**1**] hoặc thẻ SD [**2**], rồi nhấn <SET>.



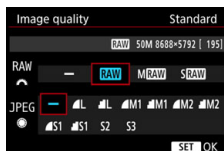
- Chọn chất lượng ghi ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

Ví dụ về thiết lập chất lượng ghi ảnh

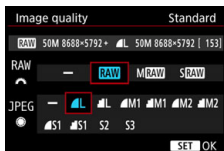
Chỉ **L**



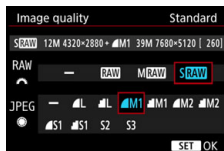
Chỉ **RAW**



RAW + **L**



S RAW + **M1**



! Cỡ ảnh [****x****] và số ảnh có thể chụp [****] hiển thị trên màn hình thiết lập chất lượng ghi ảnh luôn áp dụng cho **[Full-frame (Toàn khung hình)]** mà không phụ thuộc vào thiết lập **[📷4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)]** (tr.156). Số ảnh có thể chụp hiển thị trên bảng điều khiển LCD và màn hình chụp Live View trong khi chụp tùy thuộc vào thiết lập **[📷4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)]**.



- Nếu đặt [–] cho cả ảnh RAW và JPEG, **L** sẽ được sử dụng.
- Bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị tối đa 1999 ảnh có thể chụp.

Hướng dẫn thiết lập chất lượng ghi ảnh (Ước chừng)

Chất lượng ảnh		Độ phân giải được ghi	Kích cỡ in	Kích thước tập tin (MB)	Số ảnh có thể chụp	Số ảnh chụp liên tục tối đa	
JPEG	L	50M	A1	14,1	510	31 (510)	
	L			7,0	1030	1030 (1030)	
	M1	39M		10,9	660	45 (660)	
	M1			5,5	1310	1310 (1310)	
	M2	22M	A2	7,1	1010	1010 (1010)	
	M2			3,5	2030	2030 (2030)	
	S1	12M	A3	4,5	1590	1590 (1590)	
	S1			2,3	3120	3120 (3120)	
	S2 ^{*1}	2,5M	9x13 cm	1,2	5600	5600 (5600)	
	S3 ^{*2}	0,3M	-	0,3	20380	20380 (20380)	
RAW	RAW	50M	A1	60,5	100	12 (14)	
	M RAW	28M	A2	44,0	140	12 (14)	
	S RAW	12M	A3	29,8	190	14 (15)	
RAW + JPEG	RAW L	50M 50M	A1 A1	60,5+14,1	87	12 (12)	
	M RAW L	28M 50M	A2 A1	44,0+14,1	110	11 (12)	
	S RAW L	12M 50M	A3 A1	29,8+14,1	140	14 (14)	

*1: S2 phù hợp để xem lại ảnh trên khung ảnh kỹ thuật số.

*2: S3 phù hợp để gửi ảnh qua email hoặc sử dụng ảnh trên trang web.

- S2 và S3 đều có chất lượng (Đẹp).
- Kích thước tập tin, số ảnh có thể chụp và số ảnh chụp liên tục tối đa trong khi chụp liên tục dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh: Full-frame (Toàn khung hình), ISO 100 và kiểu ảnh tiêu chuẩn) bằng thẻ CF 8 GB. **Số liệu sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể, thương hiệu thẻ, crop/tỷ lệ cỡ ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, chức năng tùy chỉnh và các cài đặt khác.**
- Số ảnh chụp liên tục tối đa áp dụng cho chụp liên tục tốc độ cao < H >. Số liệu trong dấu ngoặc đơn áp dụng cho thẻ CF loại Ultra DMA (UDMA) 7 dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon.



- Ngay cả nếu bạn sử dụng thẻ UDMA, đèn báo số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ không thay đổi. Tuy nhiên, số ảnh chụp liên tục tối đa trong ngoặc đơn ở trang trước sẽ được áp dụng trong khi chụp liên tục.
- Nếu bạn chọn cả RAW và JPEG, ảnh sẽ được ghi lại đồng thời trên thẻ ở cả hai định dạng RAW và JPEG với chất lượng ghi ảnh đã được thiết lập trước đó. Hai ảnh sẽ được ghi lại với cùng số thứ tự tập tin (đuôi tập tin: .JPG cho JPEG và .CR2 cho RAW).
- Biểu tượng chất lượng ghi ảnh là như sau: **RAW** (RAW), **M RAW** (Ảnh RAW trung bình), **S RAW** (Ảnh RAW cỡ nhỏ), JPEG (JPEG), **▲** (Đẹp), **■** (Bình thường), **L** (Lớn), **M** (Vừa) và **S** (Nhỏ).

Ảnh RAW

Ảnh RAW là dữ liệu thô có được bằng cách chuyển đổi dữ liệu từ cảm biến ảnh sang kỹ thuật số. Ảnh được ghi nguyên bản vào thẻ nhớ và bạn có thể chọn chất lượng ảnh như sau: **RAW**, **M RAW** hoặc **S RAW**.

Ảnh **RAW** có thể được xử lý với [**▶ 1: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**] (tr.366) và được lưu dưới dạng ảnh JPEG. (Ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh.) Vì bản thân ảnh RAW không đổi, nên bạn có thể xử lý ảnh RAW theo nhiều điều kiện xử lý khác nhau để tạo nên bất kỳ số lượng ảnh JPEG nào từ ảnh đó.

Bạn có thể sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532) để xử lý ảnh RAW. Bạn có thể thực hiện nhiều điều chỉnh khác nhau theo ý muốn để tạo nên bức ảnh JPEG, TIFF v.v... kết hợp những điều chỉnh này.



Phần mềm xử lý ảnh RAW

- Để hiển thị ảnh RAW trên máy tính, nên sử dụng Digital Photo Professional (DPP, phần mềm EOS).
- Phiên bản DDP 4.x không thể xử lý ảnh RAW chụp từ máy ảnh này. Nếu máy tính của bạn đã cài DDP 4.x, hãy sử dụng đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (tr.533) để cập nhật. (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.) Chú ý rằng phiên bản DDP 3.x hoặc cũ hơn không thể xử lý ảnh RAW chụp từ máy ảnh này.
- Phần mềm được bán trên thị trường có thể không hiển thị được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

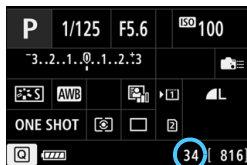
Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm

Với Điều khiển tùy chỉnh, bạn có thể gán chất lượng ghi ảnh cho nút <M-Fn> hoặc nút xem trước độ sâu trường ảnh để chuyển tức thời. Nếu gán [**One-touch image quality setting (Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm)**] hoặc [**One-touch image quality (Chất lượng ảnh với một lần chạm)**] cho nút <M-Fn> hoặc nút xem trước độ sâu trường ảnh, bạn có thể nhanh chóng chuyển đến chất lượng ghi ảnh mong muốn và chụp ảnh.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần Điều khiển tùy chỉnh (tr.415).

 Trong tab [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], nếu đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] thành [**Rec. separately (Ghi riêng)**], bạn không thể chuyển qua Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm.

Số ảnh chụp liên tục tối đa



Số ảnh chụp liên tục tối đa ước chừng được hiển thị trên khung ngắm, màn hình điều khiển nhanh và phía dưới bên phải của màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh.

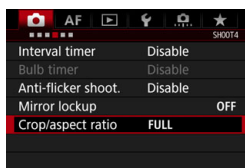
Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa đạt tới 99 hoặc cao hơn, “99” sẽ được hiển thị.

 Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị kể cả khi thẻ nhớ không được lắp vào máy ảnh. Đảm bảo thẻ nhớ được lắp trước khi chụp.

 Số ảnh chụp liên tục tối đa được hiển thị là “99”, biểu thị bạn có thể chụp liên tục 99 ảnh hoặc nhiều hơn. Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa giảm xuống còn 98 ảnh hoặc ít hơn và bộ nhớ đệm bên trong đầy, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD. Tạm thời bạn sẽ không chụp được ảnh. Nếu bạn dừng chụp liên tục, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ tăng. Sau khi tất cả ảnh chụp được ghi vào thẻ nhớ, bạn có thể tiếp tục chụp với số ảnh chụp liên tục tối đa được liệt kê ở trang 153.

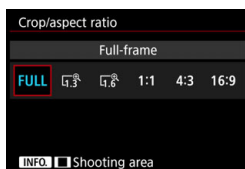
Thiết lập crop/tỷ lệ cỡ ảnh ☆

Thông thường, ảnh được ghi với ở thước cảm biến khoảng 36,0 mm x 24,0 mm (chụp toàn khung hình). Bạn có thể chỉ ghi phần trung tâm của ảnh phóng to khoảng 1,3x (tương đương kích cỡ cảm biến APS-H) hoặc 1,6x (tương đương kích cỡ cảm biến APS-C) giống như khi sử dụng ống kính tele (chụp crop) hoặc đặt tỷ lệ cỡ ảnh mong muốn trước khi chụp.



1 Chọn [Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)].

- Trong tab [**4**], chọn [**Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**], rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn thiết lập mong muốn. Chụp bằng khung ngắm

- Chọn một trong các lựa chọn sau: [**Full-frame (Toàn khung hình)**], [**1.3x (crop)**], [**1.6x (crop)**] hoặc [**1:1 (aspect ratio (tỷ lệ cỡ ảnh))**].
- Nếu bạn đặt [**4:3 (aspect ratio (tỷ lệ cỡ ảnh))**] hoặc [**16:9 (aspect ratio (tỷ lệ cỡ ảnh))**] và sử dụng khung ngắm để chụp, kết quả chụp sẽ giống với [**Full-frame (Toàn khung hình)**].

Chụp Live View (tr.258)

- Bạn có thể chọn bất kỳ thiết lập nào.
- Nếu bạn không thay đổi hiển thị khu vực chụp, nhấn **<SET>** và chuyển sang bước 4.



3 Chọn hiển thị khu vực chụp.

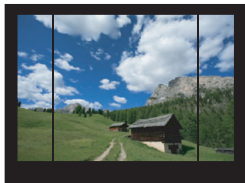
- Khi màn hình ở bước 2 hiển thị, nhấn nút **<INFO.>**.
- Chọn [**Masked (Phủ mờ)**] hoặc [**Outlined (Đường viền)**], rồi nhấn **<SET>**.

Cài đặt mẫu

Với 4:3 • 



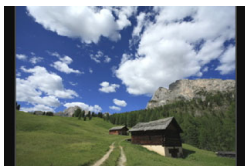
Với 1:1 • 



Với 16:9 • 



Với 4:3 • 



4 Chụp ảnh.

Chụp bằng khung ngắm

- Khu vực ngoài khu vực chụp trong khung ngắm sẽ được phủ mờ hoặc có đường viền.
- Khu vực được màng mờ hoặc khung viền bao quanh sẽ được ghi thành ảnh.

Chụp Live View

- Khi đặt [**1.3x (crop)**] hoặc [**1.6x (crop)**], ảnh hiển thị sẽ phóng to tương ứng khoảng 1,3x hoặc 1,6x.
- Với bất kỳ cài đặt [**Shooting area (Khu vực chụp)**] nào, khu vực hiển thị ảnh trên màn hình sẽ được ghi.
- Nếu bạn chọn [**1:1 (aspect ratio (tỷ lệ cỡ ảnh))**], [**4:3 (aspect ratio (tỷ lệ cỡ ảnh))**] hoặc [**16:9 (aspect ratio (tỷ lệ cỡ ảnh))**], khu vực bao quanh bởi màng mờ hoặc khung viền sẽ được ghi thành ảnh.



- Thiết lập [ **4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] không hoạt động với quay phim và chụp ảnh ghép phơi sáng.
- Tỷ lệ cỡ ảnh 4:3 và 16:9 không thể sử dụng với chụp bằng khung ngắm.
- [ **3: Add cropping information (Thêm thông tin crop)**] chỉ có thể đặt khi [**Full-frame (Toàn khung hình)**] được đặt cho Crop/ tỷ lệ cỡ ảnh.
- Tính năng zoom của đèn speedlite gắn ngoài (tự động chỉnh tầm tác dụng flash) sẽ không hoạt động đồng thời với thiết lập [ **4: Crop/ aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**].



- Tầm bao phủ của ảnh với chụp bằng khung ngắm sẽ như sau:
 - Với [**1.3x (crop)**]: Khoảng 99% tầm bao phủ dọc và ngang.
 - Với [**1.6x (crop)**]: Khoảng 98% tầm bao phủ dọc và ngang.
 - Với [**1:1 (aspect ratio (tỷ lệ cỡ ảnh))**]: Khoảng 100% tầm bao phủ dọc và 99% tầm bao phủ ngang.
- Khi chọn chất lượng ghi ảnh là RAW, ảnh sẽ được ghi ở toàn khung hình và thiết lập crop/tỷ lệ cỡ ảnh sẽ được áp dụng. Trong khi xem ảnh RAW, khu vực chụp sẽ được chỉ thị bằng khung viền trên hiển thị fullframe. Tuy nhiên, trong khi trình chiếu (tr.350), chỉ khu vực chụp xuất hiện.
- Nếu bạn sử dụng [ **3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] để gán [**Switch between crop/aspect (Chuyển giữa các cài đặt crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] cho nút <M-Fn> (tr.415), có thể nhấn nút <M-Fn> trong khi chụp bằng khung ngắm hoặc chụp Live View để chuyển khu vực chụp crop/tỷ lệ cỡ ảnh (tr.425).
- Trong khi chụp Live View, bạn có thể sử dụng màn hình điều khiển nhanh để đặt [**Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] (tr.265).

Độ phân giải được ghi ở các thiết lập crop/tỷ lệ cỡ ảnh

(Ước chừng)

Chất lượng ảnh	Toàn khung hình (3:2)	1,3x (crop)	1,6x (crop)
L	8688x5792 (50,3 megapixel)	6768x4512 (30,5 megapixel)	5424x3616 (19,6 megapixel)
M1	7680x5120 (39,3 megapixel)	6016x4000* (24,1 megapixel)	4800x3200 (15,4 megapixel)
M2	5760x3840 (22,1 megapixel)	4512x3008 (13,6 megapixel)	3616x2408* (8,7 megapixel)
S1	4320x2880 (12,4 megapixel)	3376x2256* (7,6 megapixel)	2704x1808* (4,9 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1920x1280 (2,5 megapixel)	1920x1280 (2,5 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	720x480 (350.000 pixel)	720x480 (350.000 pixel)

(Ước chừng)

Chất lượng ảnh	1:1 (tỷ lệ cỡ ảnh)	4:3 (tỷ lệ cỡ ảnh)	16:9 (tỷ lệ cỡ ảnh)
L	5792x5792 (33,5 megapixel)	7712x5792* (44,7 megapixel)	8688x4888* (42,5 megapixel)
M1	5120x5120 (26,2 megapixel)	6816x5120* (34,9 megapixel)	7680x4320 (33,2 megapixel)
M2	3840x3840 (14,7 megapixel)	5120x3840 (19,7 megapixel)	5760x3240 (18,7 megapixel)
S1	2880x2880 (8,3 megapixel)	3840x2880 (11,1 megapixel)	4320x2432* (10,5 megapixel)
S2	1280x1280 (1,6 megapixel)	1712x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)
S3	480x480 (230.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x408* (290.000 pixel)

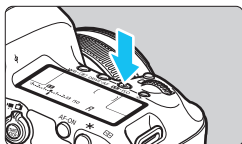


- Mục đánh dấu sao cho biết số liệu không khớp hoàn toàn với tỷ lệ cỡ ảnh.
- Với kích thước tập tin ảnh JPEG, tham khảo bảng dành cho chụp toàn khung hình ở trang 372. Kích cỡ tập tin của ảnh được chụp ở thiết lập **[📷 4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)]** sẽ nhỏ hơn so với ảnh được chụp ở thiết lập **[Full-frame (Toàn khung hình)]**.
- Kích cỡ tập tin và số ảnh chụp liên tục tối đa của ảnh RAW không đổi so với chụp toàn khung hình. Tham khảo trang 153.

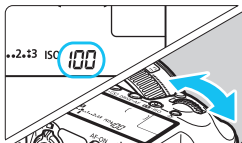
ISO: Thiết lập tốc độ ISO ☆

Thiết lập tốc độ ISO (độ nhạy sáng của cảm biến ảnh) phù hợp với mức ánh sáng xung quanh. Khi chọn chế độ <A>⁺, tốc độ ISO sẽ được thiết lập tự động (tr.162).

Về tốc độ ISO khi quay phim, tham khảo các trang 285 và 289.



1 Nhấn nút <ISO>. (06)



2 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <ISO>.
- Có thể thiết lập tốc độ ISO trong khoảng ISO 100 - ISO 6400 với mức tăng 1/3 điểm dừng.
- “A” biểu thị ISO tự động. Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập (tr.162).

Hướng dẫn về tốc độ ISO

Tốc độ ISO	Tình huống chụp (Không sử dụng flash)	Phạm vi flash
L, ISO 100 - ISO 400	Ngoài trời nắng	Tốc độ ISO càng cao, phạm vi flash càng mở rộng.
ISO 400 - ISO 1600	Bầu trời u ám hoặc buổi tối	
ISO 1600 - ISO 6400, H	Trong nhà tối hoặc ban đêm	

* Tốc độ ISO cao sẽ làm ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn.

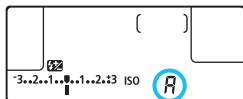


- Do H (tương đương với ISO 12800) là thiết lập tốc độ ISO mở rộng, nhiều hạt (ví dụ như điểm sáng và dải v.v...) và các màu không đồng đều sẽ nhìn thấy rõ hơn và độ phân giải sẽ thấp hơn bình thường.
- Do L (tương đương với ISO 50) là thiết lập tốc độ ISO mở rộng, dải tương phản động sẽ hẹp hơn bình thường.
- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.189), không thể chọn tốc độ ISO L (tương đương ISO 50), ISO 100/125/160 và H (tương đương với ISO 12800).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể khiến ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn. Phơi sáng lâu cũng có thể khiến màu trong ảnh không đồng đều.
- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiễu hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dải).
- Khi chụp ảnh trong điều kiện có thể gây ra nhiễu hạt, chẳng hạn như chụp ở cả tốc độ ISO cao, nhiệt độ cao và phơi sáng lâu, ảnh có thể không được ghi chính xác.
- Sử dụng tốc độ ISO cao và flash để chụp chủ thể gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.



Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], bạn có thể sử dụng [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] để mở rộng phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập từ L (tương đương ISO 50) đến H (tương đương với ISO 12800) (tr.163).

ISO tự động



Nếu đặt tốc độ ISO thành “A” (Tự động), tốc độ ISO thực tế được thiết lập sẽ hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp.

Như hướng dẫn dưới đây, tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập phù hợp với chế độ chụp.

Chế độ chụp	Thiết lập tốc độ ISO	
	Không sử dụng flash	Sử dụng flash
[A]⁺	ISO 100 - ISO 3200	ISO 100 - ISO 1600
P/Tv/Av/M	ISO 100 - ISO 6400 ^{*1}	ISO 400 ^{*1*2*3}
B	ISO 400 ^{*1}	

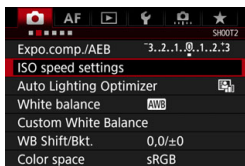
*1: Phạm vi tốc độ ISO thực tế tùy thuộc vào thiết lập [**Minimum (Tối thiểu)**] và [**Maximum (Tối đa)**] trong [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**].

*2: Nếu sử dụng flash bổ sung gây ra hiện tượng dư sáng, có thể giảm tốc độ ISO xuống đến mức nhỏ nhất có thể là ISO 100 (ngoại trừ trong các chế độ <M> và).

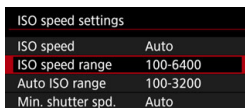
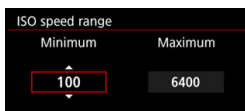
*3: Trong chế độ <P>, nếu thiết lập đèn Speedlite gắn ngoài cho chế độ flash phản xạ, tốc độ ISO 400 - ISO 1600 sẽ được thiết lập tự động.

MENU Thiết lập phạm vi tốc độ ISO có thể chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập phạm vi tốc độ ISO bằng tay (mức thấp nhất và mức cao nhất). Bạn có thể cài đặt mức thấp nhất trong khoảng L (tương đương với ISO 50) - ISO 6400 và mức cao nhất trong khoảng ISO 100 - H (tương đương với ISO 12800).

**1 Chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)].**

- Trong tab [2], chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)], rồi nhấn <SET>.

**2 Chọn [ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)].****3 Đặt giới hạn thấp nhất.**

- Chọn ô mức thấp nhất, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

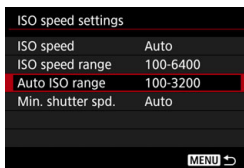
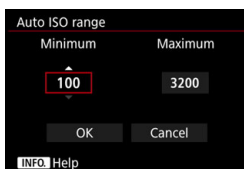
**4 Đặt giới hạn cao nhất.**

- Chọn ô mức cao nhất, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

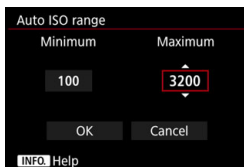
5 Chọn [OK].

MENU Thiết lập phạm vi tốc độ ISO cho ISO tự động

Bạn có thể thiết lập phạm vi tốc độ ISO tự động cho ISO tự động trong khoảng ISO 100 - ISO 6400. Bạn có thể cài đặt mức thấp nhất trong khoảng ISO 100 - ISO 3200, và mức cao nhất trong khoảng ISO 200 - ISO 6400 ở mức tăng 1 điểm dừng.

**1 Chọn [Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)].****2 Đặt giới hạn thấp nhất.**

- Chọn ô mức thấp nhất, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn **<SET>**.

**3 Đặt giới hạn cao nhất.**

- Chọn ô mức cao nhất, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn **<SET>**.

4 Chọn [OK].

Thiết lập **[Minimum (Tối thiểu)]** và **[Maximum (Tối đa)]** cũng sẽ áp dụng cho tốc độ ISO tối thiểu và tối đa của chuyển an toàn tốc độ ISO (tr.407).

MENU Thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu cho ISO tự động

Bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu sao cho khi thiết lập ISO tự động, tốc độ màn trập được thiết lập tự động sẽ không quá thấp.

Thiết lập này thuận tiện trong các chế độ <P> và <Av> khi bạn sử dụng ống kính góc rộng để chụp chủ thể đang chuyển động hoặc khi sử dụng ống kính tele. Điều này giúp giảm rung máy ảnh và mờ chủ thể.

ISO speed settings	
ISO speed	Auto
ISO speed range	100-6400
Auto ISO range	100-3200
Min. shutter spd.	Auto

1 Chọn [Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)].

Cài đặt tự động

Min. shutter spd.	Auto(Standard)
Auto	
Manual	
Slower	Faster

2 Thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu mong muốn.

- Chọn [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Manual (Chỉnh tay)**].
- Nếu chọn [**Auto (Tự động)**], xoay nút xoay <  > để thiết lập tốc độ mong muốn (chậm hơn hoặc nhanh hơn) so với tốc độ chuẩn, rồi nhấn < (SET) >.
- Nếu chọn [**Manual (Chỉnh tay)**], xoay nút xoay <  > để chọn tốc độ màn trập, rồi nhấn < (SET) >.

Thiết lập bằng tay

Min. shutter spd.				
Manual(1/125)				
Auto				
Manual				
1/8000	1/4000	1/2000	1/1000	1/500
1/250	1/125	1/60	1/30	1/15
1/8	1/4	0.5	1"	



- Nếu không thể đạt độ phơi sáng chính xác như mong muốn với giới hạn tốc độ ISO tối đa được thiết lập với [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**], tốc độ màn trập chậm hơn [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] sẽ được thiết lập để đạt phơi sáng chuẩn.
- Chức năng này không áp dụng với đèn flash và chế độ quay phim.

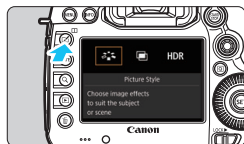


Khi đặt [**Auto (Tự động): 0**], tốc độ màn trập tối thiểu sẽ nghịch đảo với độ dài tiêu cự ống kính. Mỗi bước chuyển từ [**Slower (Chậm hơn)**] sang [**Faster (Nhanh hơn)**] tương đương với một điểm dừng của tốc độ màn trập.

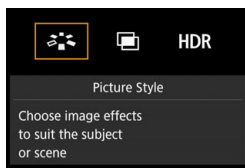
Chọn kiểu ảnh ☆

Chọn kiểu ảnh để đạt được đặc tính ảnh phù hợp với chủ thể hoặc sắc thái ảnh khi chụp.

Kiểu ảnh được tự động đặt thành [A] (Tự động) trong chế độ <[A]⁺>.

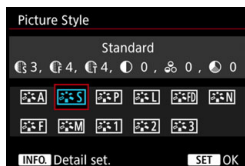


1 Nhấn nút </>.



2 Chọn [].

▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



3 Chọn kiểu ảnh.

▶ Kiểu ảnh sẽ được thiết lập và máy ảnh sẵn sàng chụp.

 Bạn cũng có thể chọn kiểu ảnh với [3: Picture Style (Kiểu ảnh)].

Đặc tính của kiểu ảnh

Tự động

Tông màu được điều chỉnh phù hợp với cảnh. Màu sắc trông rực rỡ, đặc biệt đối với bầu trời xanh, cây cỏ, cảnh mặt trời lặn, những cảnh trong tự nhiên, ngoài trời và lúc hoàng hôn.



Thay đổi kiểu ảnh nếu không đạt được tông màu mong muốn với **[Auto (Tự động)]**.



Tiêu chuẩn

Hình ảnh trông rực rỡ, sắc nét và sinh động. Đây là kiểu ảnh đa năng phù hợp với hầu hết các cảnh.



Chân dung

Làm tông màu da đẹp. Ảnh trông mịn hơn. Phù hợp để chụp chân dung cận cảnh.

Thay đổi **[Color tone (Tông màu)]** (tr.170) để điều chỉnh tông màu da.



Phong cảnh

Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn. Có hiệu quả cho phong cảnh ấn tượng.



Chi tiết nhỏ

Phù hợp khi mô tả chi tiết đường viền và kết cấu mảnh của chủ thể. Màu sẽ trông rực rỡ hơn.



Trung tính

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Cho màu tự nhiên, ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Chân thực

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Màu sắc của chủ thể được chụp trong ánh nắng mặt trời ở nhiệt độ màu 5200K sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thang màu của chủ thể. Cho ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Đơn sắc

Tạo ảnh đen trắng.

 Không thể khôi phục màu cho ảnh đen trắng chụp ở định dạng JPEG. Nếu muốn chụp ảnh màu sau đó, hãy đảm bảo hủy thiết lập [**Monochrome (Đơn sắc)**].

 Bạn có thể hiển thị < > trong khung ngắm khi thiết lập chế độ [**Monochrome (Đơn sắc)**] (tr.411).

Người dùng xác định 1-3

Bạn có thể đăng ký kiểu ảnh cơ bản như [**Portrait (Chân dung)**], [**Landscape (Phong cảnh)**], tập tin kiểu ảnh, v.v... và tùy ý điều chỉnh (tr.174). Bất kỳ kiểu ảnh nào không thiết lập chế độ người dùng xác định sẽ có thiết lập giống như kiểu ảnh [**Standard (Tiêu chuẩn)**].

Ký hiệu

Màn hình lựa chọn Kiểu ảnh gồm các biểu tượng cho [**Strength (Mạnh)**], [**Fineness (Độ mịn)**] hoặc [**Threshold (Ngưỡng)**] của [**Sharpness (Độ sắc nét)**], [**Contrast (Độ tương phản)**] và các thông số khác. Các số chỉ thị giá trị cài đặt cho các thông số được đặt với Kiểu ảnh tương ứng.



Ký hiệu

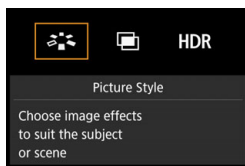
	Sharpness (Độ sắc nét)	
		Strength (Mạnh)
		Fineness (Độ mịn)
		Threshold (Ngưỡng)
	Contrast (Độ tương phản)	
	Saturation (Bảo hòa màu)	
	Color tone (Tông màu)	
	Hiệu ứng bộ lọc (Monochrome (Đơn sắc))	
	Hiệu ứng tông màu (Monochrome (Đơn sắc))	

[**Fineness (Độ mịn)**] và [**Threshold (Ngưỡng)**] của [**Sharpness (Độ sắc nét)**] không áp dụng cho quay phim.

🔧 Tùy chỉnh kiểu ảnh ☆

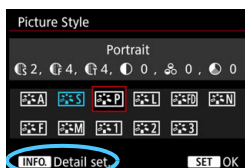
Bạn có thể tùy chỉnh kiểu ảnh. Có thể thay đổi hoặc điều chỉnh các thiết lập thông số của Kiểu ảnh như là [**Strength (Mạnh)**], [**Fineness (Độ mịn)**] hoặc [**Threshold (Ngưỡng)**] của [**Sharpness (Độ sắc nét)**] và [**Contrast (Độ tương phản)**], và các thông số khác từ thiết lập mặc định. Chụp thử vài ảnh để xem kết quả hiệu ứng. Để tùy chỉnh [**Monochrome (Đơn sắc)**], tham khảo trang 173.

1 Nhấn nút <🔧>.



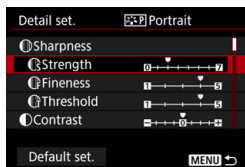
2 Chọn [🔧].

▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



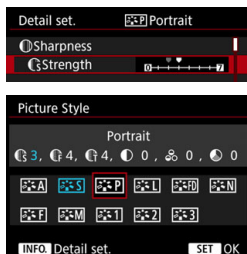
3 Chọn kiểu ảnh.

- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn nút <INFO.>.



4 Chọn thông số.

- Chọn thông số (ví dụ như [**Sharpness (Độ sắc nét)**] - [**Strength (Mạnh)**]) để đặt, rồi nhấn <SET>.
- Các thiết lập và hiệu ứng được giải thích ở trang 172.



5 Thiết lập thông số.

- Điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để lưu các thông số đã điều chỉnh. Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Các thiết lập thông số không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.



- Bằng cách chọn [**Default set. (Cài đặt mặc định)**] ở bước 4, bạn có thể chuyển các thiết lập thông số của kiểu ảnh tương ứng trở về cài đặt mặc định.
- Để chụp ảnh với kiểu ảnh đã điều chỉnh, đầu tiên chọn kiểu ảnh đã điều chỉnh, rồi chụp.

Thiết lập thông số và hiệu ứng

	Sharpness (Độ sắc nét)		
		Strength (Mạnh)	0: Đường viền kém sắc nét 7: Đường viền sắc nét
		Fineness* ¹ (Độ mịn* ¹)	1: Mịn 5: Thô
		Threshold* ² (Ngưỡng* ²)	1: Thấp 5: Cao
	Contrast (Độ tương phản)		-4: Độ tương phản thấp +4: Độ tương phản cao
	Saturation (Bão hòa màu)		-4: Bão hòa màu thấp +4: Bão hòa màu cao
	Color tone (Tông màu)		-4: Tông màu đỏ nhạt +4: Tông màu vàng nhạt

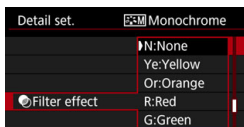
*1: Biểu thị độ mịn của đường viền được nhấn mạnh. Giá trị số càng nhỏ, đường viền được nhấn mạnh càng mịn.

*2: Đặt số lượng đường viền được nhấn mạnh dựa trên chênh lệch tương phản giữa chủ thể và khu vực xung quanh. Số càng nhỏ, càng nhiều đường viền được nhấn mạnh khi chênh lệch tương phản thấp. Tuy nhiên, nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao sẽ có xu hướng rõ hơn khi đặt số thấp.

Điều chỉnh đơn sắc

Bên cạnh **[Strength (Mạnh)]**, **[Fineness (Độ mịn)]** hoặc **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]** và **[Contrast (Độ tương phản)]**, bạn cũng có thể đặt **[Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)]** và **[Toning effect (Hiệu ứng tông màu)]**.

Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)

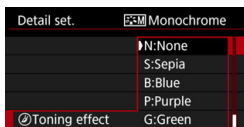


Với hiệu ứng bộ lọc áp dụng cho ảnh đơn sắc, đám mây trắng hoặc cây xanh trông sẽ nổi bật hơn.

Bộ lọc	Hiệu ứng mẫu
N: None (Không)	Ảnh đen trắng thông thường không có hiệu ứng bộ lọc.
Ye: Yellow (Vàng)	Bầu trời xanh trông sẽ tự nhiên hơn và đám mây trắng trông sẽ sống động hơn.
Or: Orange (Cam)	Bầu trời xanh trông sẽ tối hơn một chút. Hoàng hôn trông sẽ sáng hơn.
R: Red (Đỏ)	Bầu trời xanh trông sẽ khá tối. Lá rơi trông sẽ sống động và sáng hơn.
G: Green (Xanh lá cây)	Tông màu da và môi trông sẽ kém sinh động. Lá cây xanh trông sẽ sống động và sáng hơn.

 Tăng **[Contrast (Độ tương phản)]** sẽ làm cho hiệu ứng bộ lọc rõ ràng hơn.

Toning effect (Hiệu ứng tông màu)



Áp dụng hiệu ứng tông màu có thể tạo ảnh đơn sắc với màu được chọn. Hiệu ứng này có thể làm ảnh trông ấn tượng hơn.

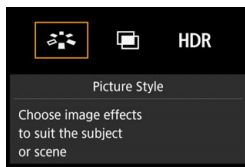
Có thể chọn những cài đặt sau: **[N:None (Không)]**, **[S:Sepia (Nâu đỏ)]**, **[B:Blue (Xanh da trời)]**, **[P:Purple (Tím)]** hoặc **[G:Green (Xanh lá cây)]**.

📷 Đăng ký kiểu ảnh ☆

Bạn có thể chọn kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]** hoặc **[Landscape (Phong cảnh)]**, điều chỉnh thông số như mong muốn và đăng ký với **[User Def. 1 (Người dùng xác định 1)]**, **[User Def. 2 (Người dùng xác định 2)]** hoặc **[User Def. 3 (Người dùng xác định 3)]**. Bạn có thể tạo nhiều kiểu ảnh bằng các thiết lập khác nhau cho các thông số độ sắc nét, độ tương phản.

Bạn cũng có thể điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.532).

1 Nhấn nút <📷>.

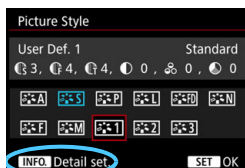


2 Chọn [📷].

▶ Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.

3 Chọn [User Def. *(Người dùng xác định *)]

- Chọn **[User Def. *(Người dùng xác định *)]**, rồi nhấn nút **<INFO.>**.



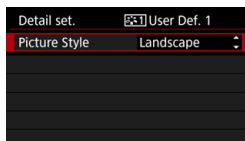
4 Nhấn <SET>.

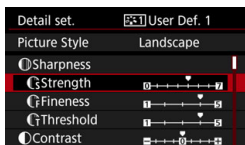
- Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.



5 Chọn kiểu ảnh cơ bản.

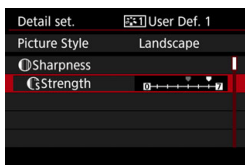
- Chọn kiểu ảnh cơ bản, rồi nhấn **<SET>**.
- Để điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS), chọn kiểu ảnh ở đây.





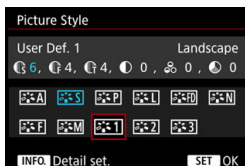
6 Chọn thông số.

- Chọn thông số (ví dụ như **[Sharpness (Độ sắc nét)]** - **[Strength (Mạnh)]**) để đặt, rồi nhấn **<SET>**.



7 Thiết lập thông số.

- Điều chỉnh thông số mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.
Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tùy chỉnh kiểu ảnh” (tr.170).
- Nhấn nút **<MENU>** để đăng ký kiểu ảnh đã sửa đổi. Sau đó, màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Kiểu ảnh cơ bản sẽ hiển thị bên phải của **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.



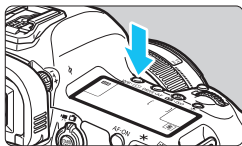
- Nếu đã đăng ký kiểu ảnh trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, thay đổi kiểu ảnh ở bước 5 sẽ làm vô hiệu các thiết lập thông số của kiểu ảnh đã đăng ký.
- Nếu bạn thực hiện **[Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)]** (tr.70), tất cả các kiểu và cài đặt trong **[User Def. * (Người dùng xác định *)]** sẽ trở về mặc định. Đối với kiểu ảnh được đăng ký thông qua EOS Utility (phần mềm EOS), chỉ có thông số đã sửa đổi mới trở về cài đặt mặc định.



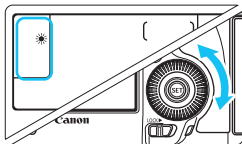
- Để chụp ảnh với kiểu ảnh vừa điều chỉnh, chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]** đã đăng ký, rồi chụp.
- Để tìm hiểu quy trình đăng ký tập tin kiểu ảnh vào máy ảnh, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.532).

WB: Thiết lập cân bằng trắng ☆

Cân bằng trắng (WB) được dùng để làm trắng các vùng trắng trong ảnh. Thông thường cài đặt tự động [AWB] (Ưu tiên môi trường) hoặc [AWB w] (Ưu tiên màu trắng) sẽ thu được cân bằng trắng chính xác. Nếu không thu được màu tự nhiên với Tự động, bạn có thể chọn cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng hoặc thiết lập bằng tay bằng cách chụp một vật màu trắng. <A+> được tự động thiết lập trong chế độ [AWB] (Ưu tiên môi trường).



1 Nhấn nút <WB-☉>. (Ổ6)



2 Chọn thiết lập cân bằng trắng.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <☉>.

(Ước chừng)

Hiển thị	Chế độ	Nhiệt độ màu (K: Kelvin)
[AWB]	Tự động (Ưu tiên môi trường, tr.177)	3000-7000
[AWB w]	Tự động (Ưu tiên màu trắng, tr.177)	
☉	Ban ngày	5200
☁	Bóng râm	7000
☁	Nhiều mây, chạng vạng, hoàng hôn	6000
☉	Đèn dây tóc	3200
☉	Đèn huỳnh quang trắng	4000
⚡	Sử dụng flash	Thiết lập tự động*
☉	Tùy chỉnh (tr.178)	2000-10000
[K]	Nhiệt độ màu (tr.180)	2500-10000

* Áp dụng với đèn Speedlite có chức năng truyền nhiệt độ màu. Nếu không, nhiệt độ màu được cố định ở khoảng 6000 K.

Bạn cũng có thể thiết lập cân bằng trắng với [☉2: White balance (Cân bằng trắng)].

Cân bằng trắng

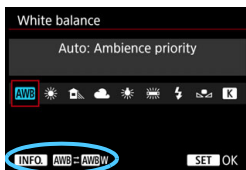
Đối với mắt người, vật màu trắng trông sẽ có màu trắng trong ảnh mà không phụ thuộc vào loại ánh sáng. Với máy ảnh kỹ thuật số, màu trắng cơ sở để điều chỉnh được quyết định tùy thuộc vào nhiệt độ màu của nguồn sáng, sau đó màu sẽ được điều chỉnh bằng phần mềm để làm trắng khu vực trắng. Với chức năng này, có thể chụp ảnh với màu sắc tự nhiên trong bóng râm.

AWB Tự động cân bằng trắng

Với [AWB] tiêu chuẩn (Ưu tiên môi trường), bạn có thể tăng cường độ của sắc thái màu ấm khi chụp ảnh dưới ánh đèn dây tóc. Nếu bạn chọn [AWB w] (Ưu tiên màu trắng), có thể giảm cường độ sắc thái màu ấm của ảnh. Nếu muốn tự động cân bằng trắng giống như các model máy ảnh EOS DIGITAL trước kia, chọn [AWB] (Ưu tiên môi trường).

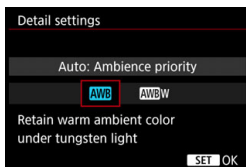
1 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn <AWB>.

- Chọn <AWB>, rồi nhấn nút <INFO>.



3 Chọn mục mong muốn.

- Chọn [Auto: Ambience priority (Tự động: Ưu tiên môi trường)] hoặc [Auto: White priority (Tự động: Ưu tiên màu trắng)], rồi nhấn <SET>.

AWB : Tự động: Ưu tiên môi trường

AWB w: Tự động: Ưu tiên màu trắng



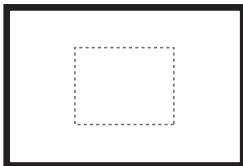
Thận trọng khi thiết lập [AWB w] (Ưu tiên màu trắng)

- Sắc thái đỏ của chủ thể có thể nhạt bớt.
- Sắc đỏ của ảnh có thể sẽ không bị giảm khi có nhiều nguồn sáng trên màn hình.
- Khi sử dụng flash, tông màu sẽ tương tự như [AWB] (Ưu tiên môi trường).



Cân bằng trắng tùy chỉnh

Cân bằng trắng tùy chỉnh cho phép bạn thiết lập cân bằng trắng bằng tay cho nguồn sáng cụ thể để đạt độ chính xác cao hơn. Thực hiện quy trình này trong nguồn sáng sử dụng thực tế.

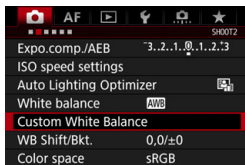


1 Chụp vật màu trắng.

- Ngắm qua khung ngắm và hướng toàn bộ ô đường chấm (hiển thị trong hình minh họa) vào vật trắng đơn giản.
- Lấy nét tay và chụp với mức phơi sáng chuẩn thiết lập cho chủ thể màu trắng.
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ cân bằng trắng nào.

2 Chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)].

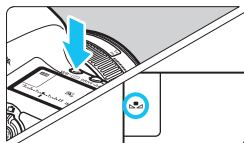
- Trong tab [2], chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình chọn cân bằng trắng tùy chỉnh sẽ xuất hiện.





3 Nhập dữ liệu cân bằng trắng.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh được chụp trong bước 1, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Trên màn hình hộp thoại xuất hiện, chọn [OK] và dữ liệu sẽ được nhập.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.



4 Nhấn nút <WB•[camera icon]>. (Ổ6)

5 Chọn cân bằng trắng tùy chỉnh.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD và xoay nút xoay <⌚> để chọn <[camera icon]>.



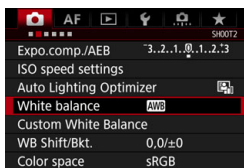
- Nếu độ phơi sáng thu được ở bước 1 khác nhiều so với phơi sáng chuẩn, có thể không đạt được cân bằng trắng chính xác.
- Ở bước 3, không thể chọn những ảnh sau: Ảnh chụp khi kiểu ảnh được thiết lập thành **[Monochrome (Đơn sắc)]**, ảnh ghép phơi sáng và ảnh chụp với máy ảnh khác.



- Thay vì vật màu trắng, biểu đồ màu xám hoặc thẻ phản chiếu màu xám 18% (bán sẵn trên thị trường) có thể tạo cân bằng trắng chính xác hơn.
- Cân bằng trắng cá nhân sẽ được đăng ký với phần mềm EOS thông qua <[camera icon]>. Nếu bạn thực hiện bước 3, dữ liệu cân bằng trắng cá nhân đã đăng ký sẽ bị xóa.

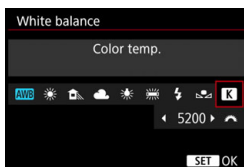
K Thiết lập nhiệt độ màu

Bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu của cân bằng trắng theo giá trị số. Đây là tính năng dành cho người dùng chuyên nghiệp.



1 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [**K**2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập nhiệt độ màu.

- Chọn [**K**].
- Xoay nút xoay <[K]> để thiết lập nhiệt độ màu, rồi nhấn <SET>.
- Có thể thiết lập nhiệt độ màu từ khoảng 2500 K đến 10000 K trong mức tăng 100 K.

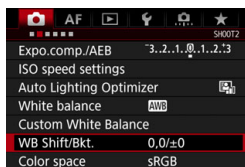


- Khi thiết lập nhiệt độ màu cho nguồn sáng nhân tạo, thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng (đỏ tía hoặc xanh lá cây) nếu cần thiết.
- Nếu bạn thiết lập [**K**] tới chỉ số đo bằng bộ đo nhiệt độ màu bán sẵn trên thị trường, hãy chụp thử vài ảnh và điều chỉnh thiết lập để bù trừ chênh lệch xử lý nhiệt độ màu nếu có giữa bộ đo nhiệt độ màu và máy ảnh.

WB Hiệu chỉnh cân bằng trắng ☆

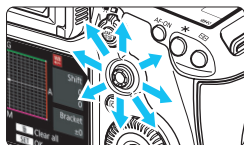
Bạn có thể sửa mức cân bằng trắng đã được thiết lập. Điều chỉnh này sẽ có cùng hiệu ứng như sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bộ lọc bù màu có bán sẵn. Mỗi màu có thể được chỉnh thành một trong 9 mức. Chức năng này dành cho người sử dụng chuyên nghiệp đã quen sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bù màu.

Hiệu chỉnh cân bằng trắng

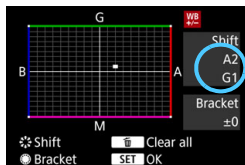


1 Chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].

- Trong tab [2], chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)], rồi nhấn <SET>.



Cài đặt mẫu: A2, G1



2 Thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng.

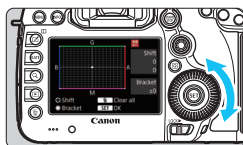
- Sử dụng nút <[WB]> để di chuyển dấu "■" đến vị trí thích hợp.
- B là màu xanh da trời, A là màu hồng phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu sẽ được điều chỉnh theo hướng màu di chuyển.
- Ở bên phải màn hình, biểu tượng "Shift" biểu thị hướng và lượng chỉnh sửa tương ứng.
- Nhấn nút <[WB]> sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát thiết lập.



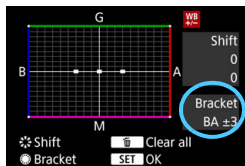
- Trong khi hiệu chỉnh cân bằng trắng, biểu tượng <WB> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.
- Bạn có thể hiển thị <WB> trong khung ngắm khi đặt hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.411).
- Một mức chỉnh màu xanh da trời/màu hồng phách tương ứng với khoảng 5 mired trong bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu. (Mired: Đơn vị đo lường biểu thị mật độ của bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu.)

Tự động cân bằng trắng hỗn hợp

Chỉ với một lần chụp, có thể ghi đồng thời 3 ảnh có tông màu khác nhau. Dựa trên nhiệt độ màu của thiết lập cân bằng trắng hiện tại, ảnh sẽ bù độ chênh lệch xanh da trời/hồ phách hoặc độ chênh lệch đỏ tía/xanh lá cây. Quá trình này gọi là cân bằng trắng hỗn hợp (WB-BKT). Có thể thực hiện cân bằng trắng hỗn hợp lên tới ± 3 mức trong tăng giảm mức đơn.



Mức độ chênh lệch B/A
(Xanh da trời/Hồ phách) ± 3



Thiết lập lượng cân bằng trắng hỗn hợp.

- Ở bước 2 của “Hiệu chỉnh cân bằng trắng”, khi xoay nút xoay $\langle \odot \rangle$, dấu “■” trên màn hình sẽ chuyển thành “■■■” (3 điểm).
Xoay nút xoay sang phải để thiết lập B/A hỗn hợp (Xanh da trời/Hồ phách) và xoay sang trái để thiết lập M/G hỗn hợp (Đỏ tía/Xanh lá cây).
- Ở bên phải, “**Bracket (Hỗn hợp)**” biểu thị hướng chỉnh hỗn hợp và lượng hiệu chỉnh.
- Nhấn nút $\langle \text{trash} \rangle$ sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để thoát thiết lập.

Thứ tự phơi sáng hỗn hợp

Ảnh sẽ được phơi sáng hỗn hợp theo thứ tự sau: 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch xanh da trời (B) và 3. Độ chênh lệch hồ phách (A) hoặc 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Độ chênh lệch đỏ tía (M) và 3. Độ chênh lệch xanh lá cây (G).



- Trong khi cân bằng trắng hỗn hợp, tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ giảm.
- Vì có ba ảnh được ghi trong một lần chụp nên việc ghi ảnh vào thẻ sẽ mất thời gian lâu hơn.

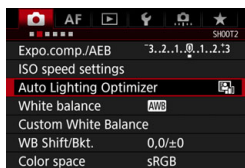


- Bạn cũng có thể thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng và AEB đồng thời với cân bằng trắng hỗn hợp. Nếu thiết lập AEB kết hợp với cân bằng trắng hỗn hợp, mỗi lần chụp sẽ ghi tổng số chín ảnh.
- Khi đã thiết lập cân bằng trắng hỗn hợp, biểu tượng cân bằng trắng sẽ nhấp nháy.
- Bạn có thể thay đổi số lượng ảnh cho cân bằng trắng hỗn hợp (tr.406).
- “**Bkt.**” là viết tắt của bracketing (thực hiện hỗn hợp với các giá trị bao quanh).

MENU Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản ☆

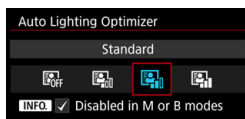
Nếu ảnh tối hoặc có độ tương phản thấp, độ sáng và độ tương phản sẽ được tự động điều chỉnh. Chức năng này được gọi là Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Thiết lập mặc định là **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh.

[Standard (Tiêu chuẩn)] được thiết lập tự động trong chế độ <A+>.



1 Chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]**.

- Trong tab [**2**], chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]**, rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thiết lập.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Nếu cần, ảnh sẽ được ghi với độ sáng và độ tương phản đã chỉnh.

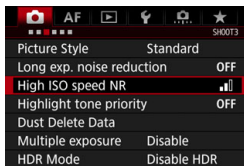
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ảnh có thể nhiễu hạt hơn.
- Nếu mức Tự động tối ưu hóa ánh sáng quá mạnh và ảnh quá sáng, hãy cài đặt **[Low (Thấp)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu cài đặt thiết lập khác với **[Disable (Tắt)]** và sử dụng bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash để làm tối phơi sáng, ảnh vẫn có thể bị sáng. Nếu muốn giảm phơi sáng, đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành **[Enable (Bật)]**, **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]** sẽ được cài đặt tự động thành **[Disable (Tắt)]**.

Ở bước 2, nếu nhấn nút <INFO> và bỏ chọn <✓> cài đặt **[Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)]**, bạn có thể đặt **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]** trong các chế độ <M> và .

MENU Thiết lập giảm nhiễu hạt ☆

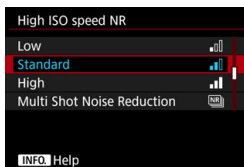
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao

Chức năng này làm giảm nhiễu hạt trên ảnh. Mặc dù giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả tốc độ ISO nhưng hiệu quả nhất là ở tốc độ ISO cao. Ở tốc độ ISO thấp, nhiễu hạt ở những phần tối hơn trên ảnh (vùng tối) sẽ giảm nhiều hơn.



1 Chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)].

- Trong tab [3], chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập mức độ.

- Chọn mức độ giảm nhiễu hạt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● [NR] : Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu

Cài đặt này có được chất lượng ảnh cao hơn so với khi đặt giảm nhiễu hạt thành [High (Cao)]. Đối với ảnh đơn, bốn ảnh sẽ được chụp liên tiếp và tự động ghép lại thành một ảnh JPEG.

Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG, bạn không thể thiết lập [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



Khi đã thiết lập ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu, bạn có thể hiển thị <1> trong khung ngắm (tr.411).

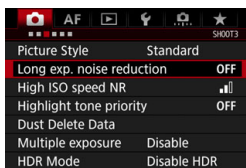


Thận trọng khi thiết lập ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu

- Nếu ảnh bị lệch đáng kể do rung máy, hiệu ứng giảm nhiễu hạt có thể bị giảm thiểu.
- Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nếu chụp một chủ thể đang di chuyển, chủ thể chuyển động đó có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Đối với các ảnh có dạng lặp đi lặp lại (lưới, vằn, v.v...), ảnh phẳng hay ảnh đơn sắc, tính năng chỉnh lệch ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi khi chụp bốn ảnh liên tiếp, có thể gây ra hiện tượng phơi sáng không đều trên ảnh.
- Sau khi chụp, máy cần một khoảng thời gian để thực hiện giảm nhiễu hạt, hợp nhất ảnh và ghi ảnh vào thẻ. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Bạn không thể sử dụng AEB và cân bằng trắng hỗn hợp.
- Nếu đặt [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], [**3: Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)**], [**3: HDR Mode (Chế độ HDR)**], AEB hoặc Cân bằng trắng hỗn hợp, không thể cài đặt [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**].
- Bạn không thể thiết lập [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**] để phơi sáng bulb và quay phim.
- Không thể chụp với đèn flash. Tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS sẽ phát ra theo thiết lập [**AF3: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)**].
- Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sẽ tự động chuyển thiết lập sang [**Standard (Tiêu chuẩn)**]: Chuyển công tắc nguồn thành <**OFF**>, thay pin, thay thẻ nhớ, chọn chế độ chụp <**A+**> hoặc <**B**>, thiết lập hoặc chuyển chất lượng ghi ảnh thành RAW hay RAW+JPEG hoặc chuyển sang chế độ quay phim.

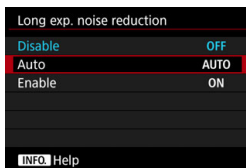
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu

Có thể sử dụng để giảm nhiễu hạt cho ảnh được phơi sáng từ 1 giây trở lên.



1 Chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)].

- Trong tab [📷3], chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)], rồi nhấn < (SET) >.



2 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn < (SET) >.

• Auto (Tự động)

Với phơi sáng 1 giây hoặc lâu hơn, nếu máy ảnh phát hiện nhiễu hạt đặc trưng của phơi sáng lâu, giảm nhiễu hạt sẽ tự động thực hiện. Thiết lập [**Auto (Tự động)**] có hiệu quả trong hầu hết các trường hợp.

• Enable (Bật)

Giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả phơi sáng 1 giây hoặc phơi sáng lâu hơn. Thiết lập [**Enable (Bật)**] có thể giảm nhiễu hạt mà không thể phát hiện với thiết lập [**Auto (Tự động)**].

3 Chụp ảnh.

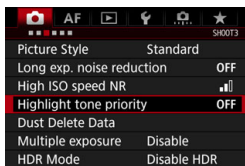
- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



- Khi đặt [**Auto (Tự động)**] và [**Enable (Bật)**], quá trình giảm nhiễu hạt sau khi chụp ảnh có thể mất thời gian tương tự như quá trình phơi sáng. Trong quá trình giảm nhiễu hạt, chế độ chụp vẫn được tiếp tục nếu đèn báo số ảnh chụp liên tục tối đa trong khung ngắm hiển thị “1” hoặc cao hơn.
- Thiết lập [**Enable (Bật)**] có thể làm ảnh chụp ở ISO 1600 trở lên bị nhiễu hạt nhiều hơn so với thiết lập [**Disable (Tắt)**] hoặc [**Auto (Tự động)**].
- Khi đặt [**Enable (Bật)**], nếu chụp phơi sáng lâu và hiển thị ảnh Live View, thông báo “**BUSY**” sẽ hiển thị trong quá trình giảm nhiễu. Hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi quá trình giảm nhiễu hạt hoàn tất. (Không thể chụp ảnh khác.)

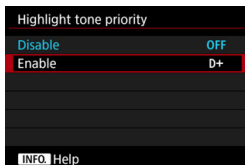
MENU Ưu tiên tông màu sáng ☆

Bạn có thể giảm thiểu các khu vực dư sáng.



1 Chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)].

- Trong tab [3], chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chi tiết vùng sáng được cải thiện. Dải tương phản mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ chuyển màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng ưu tiên tông màu sáng.



Khi đặt [Enable (Bật)], hiện tượng nhiễu hạt có thể tăng nhẹ.

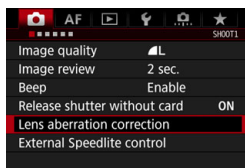


Nếu đặt [Enable (Bật)], phạm vi có thể thiết lập sẽ là ISO 200 - ISO 6400. Ngoài ra, biểu tượng <D+> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi đã bật ưu tiên tông màu sáng.

MENU Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và quang sai của ống kính

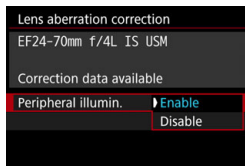
Do đặc tính của ống kính, hiện tượng ánh sáng vùng ngoại vi giảm xuống làm cho các góc ảnh trông tối hơn. Màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể được gọi là sắc sai. Có thể hiệu chỉnh hiện tượng thiếu sáng và sắc sai của ống kính. Mặc định, Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và quang sai được đặt thành **[Enable (Bật)]**. Nếu **[Correction data not available (Không có dữ liệu chỉnh)]** hiển thị, tham khảo phần “Dữ liệu chỉnh ống kính” ở trang tiếp theo.

Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi



1 Chọn **[Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)]**.

- Trong tab **[1]**, chọn **[Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)]**, rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn thiết lập.

- Kiểm tra **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]** có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn **[Peripheral illumin. (Ánh sáng vùng ngoại vi)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn **[Enable (Bật)]**, rồi nhấn **<SET>**.

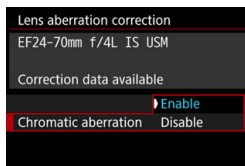
3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với ánh sáng vùng ngoại vi đã hiệu chỉnh.

! Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể xuất hiện trên vùng ngoại vi ảnh.

- Lượng hiệu chỉnh được áp dụng sẽ thấp hơn lượng hiệu chỉnh tối đa có thể đặt với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532).
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.

Hiệu chỉnh sắc sai



1 Chọn thiết lập.

- Kiểm tra [**Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)**] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [**Chromatic aberration (Sắc sai)**], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn <SET>.

2 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với sắc sai đã hiệu chỉnh.

Dữ liệu chỉnh ống kính

Máy ảnh đã có dữ liệu hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và dữ liệu hiệu chỉnh sắc sai của ống kính cho khoảng 30 ống kính. Nếu chọn [**Enable (Bật)**], hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và hiệu chỉnh sắc sai sẽ tự động áp dụng cho bất kỳ ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh.

Với EOS Utility (phần mềm EOS), bạn có thể kiểm tra các ống kính đã đăng ký dữ liệu hiệu chỉnh trong máy ảnh. Bạn cũng có thể đăng ký dữ liệu chỉnh cho ống kính chưa đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.534).

Với những ống kính tích hợp dữ liệu chỉnh, không cần đăng ký dữ liệu chỉnh vào máy ảnh.



Thận trọng khi chỉnh ống kính

- Không thể áp dụng hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và hiệu chỉnh sắc sai với các ảnh JPEG đã chụp.
- Khi sử dụng ống kính không phải của Canon, nên đặt các hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]**, ngay cả khi hiển thị **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]**.
- Nếu bạn sử dụng xem phóng to trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và hiệu chỉnh sắc sai sẽ không được phản ánh trong ảnh hiển thị trên màn hình.
- Lượng chỉnh sửa sẽ ít hơn nếu ống kính được sử dụng không có thông tin về khoảng cách.



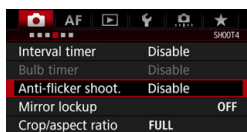
Lưu ý khi chỉnh ống kính

- Nếu không nhìn thấy hiệu ứng chỉnh, phóng to và kiểm tra lại ảnh.
- Có thể áp dụng hiệu chỉnh ngay cả khi lắp ống nối hoặc bộ chuyển đổi kích thước thực.

MENU Giảm nhấp nháy☆

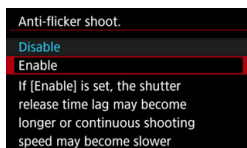
Khi chụp với tốc độ màn trập nhanh dưới nguồn sáng như đèn huỳnh quang, hiện tượng nhấp nháy của nguồn sáng gây ra những đường sọc và có thể xuất hiện trên ảnh chụp. Nếu chụp liên tục dưới điều kiện này, ảnh chụp có thể không chuẩn màu hoặc phơi sáng.

Với chụp chống nhấp nháy, máy ảnh sẽ nhận diện tần số nhấp nháy của nguồn sáng và chụp ảnh khi phơi sáng hoặc màu sắc ít bị ảnh hưởng nhất.



1 Chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)].

- Trong tab [4], chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được chụp với phơi sáng và màu sắc đã giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng nhấp nháy.



- Khi đặt [Enable (Bật)] và chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy, thời gian trễ nhả màn trập có thể dài hơn. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn một chút và khoảng chụp có thể không đều.
- Chức năng này không hoạt động với chế độ chụp Live View và quay phim.
- Trong chế độ <P> hoặc <Av>, nếu tốc độ màn trập thay đổi khi chụp liên tục hoặc nếu bạn chụp nhiều ảnh của cùng một cảnh ở các tốc độ màn trập khác nhau, tông màu có thể không đồng đều. Để tránh tông màu không đồng đều, hãy sử dụng chế độ <Tv> hoặc <M> ở tốc độ màn trập cố định.
- Tông màu của ảnh được chụp khi đặt [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] thành [Enable (Bật)] có thể trông khác so với khi đặt thành [Disable (Tắt)].
- Máy không thể phát hiện ánh sáng nhấp nháy ở tần số khác với 100 Hz hoặc 120 Hz. Ngoài ra, nếu tần số nhấp nháy của ánh sáng thay đổi khi chụp liên tục, không thể giảm được hiệu ứng nhấp nháy.



- Nếu chủ thể ở trước hậu cảnh tối hoặc có nguồn sáng mạnh trong ảnh, máy có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy.
- Dưới một số kiểu ánh sáng đặc biệt, máy ảnh có thể không giảm được ảnh hưởng của ánh sáng nhấp nháy ngay cả khi biểu tượng < **Flicker!** > hiển thị.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng, có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy chính xác.
- Nếu bạn bố cục lại ảnh, biểu tượng < **Flicker!** > có thể xuất hiện và biến mất không liên tục.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng và điều kiện chụp ảnh, có thể không đạt được kết quả mong muốn ngay cả khi bạn sử dụng chức năng này.



- Nên chụp thử vài ảnh.
- Nếu biểu tượng < **Flicker!** > không hiển thị trong khung ngắm, hãy đánh dấu vào [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**] trong [**Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)**] (tr.79). Khi máy ảnh giảm hiệu ứng của ánh sáng nhấp nháy khi chụp ảnh, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ sáng. Dưới nguồn sáng không nhấp nháy hoặc nếu không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị.
- Nếu đánh dấu vào [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**] và đặt chế độ [**4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] thành [**Disable (Tắt)**], đo sáng dưới nguồn sáng nhấp nháy sẽ khiến biểu tượng < **Flicker!** > nhấp nháy trong khung ngắm để cảnh báo. Nên thiết lập [**Enable (Bật)**] trước khi chụp.
- Trong chế độ < **A+** >, ảnh hưởng của ánh sáng nhấp nháy sẽ giảm khi bạn chụp, nhưng biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị.
- Cũng có thể chụp chống nhấp nháy với đèn flash. Tuy nhiên, có thể không đạt được kết quả mong đợi khi chụp với đèn flash không dây.

MENU Thiết lập không gian màu ☆

Phạm vi màu sắc có thể được tạo ra gọi là “không gian màu”. Với máy ảnh này, bạn có thể thiết lập không gian màu cho ảnh chụp thành sRGB hoặc Adobe RGB. Khi chụp thông thường, nên sử dụng sRGB.

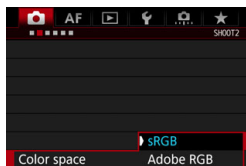
Không gian màu được cài đặt tự động thành [sRGB] trong chế độ <A+>.

1 Chọn [Color space (Không gian màu)].

- Trong tab [📷2], chọn [Color space (Không gian màu)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập không gian màu mong muốn.

- Chọn [sRGB] hoặc [Adobe RGB], rồi nhấn <SET>.



Adobe RGB

Không gian màu này chủ yếu sử dụng trong in thương mại và các mục đích công nghiệp khác. Không nên sử dụng thiết lập này nếu bạn không quen với xử lý ảnh, Adobe RGB và quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Ảnh trông sẽ rất dị trong môi trường máy tính sRGB và với máy in không tương thích với quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Do đó, bắt buộc phải xử lý hậu kỳ ảnh bằng phần mềm máy tính.



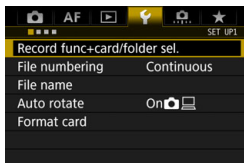
- Nếu ảnh được chụp ở không gian màu Adobe RGB, ký tự đầu trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới underscore “_”.
- Cấu hình ICC không được cung cấp kèm. Để tìm hiểu giải thích về cấu hình ICC, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.534).

MENU Tạo và chọn thư mục

Bạn có thể tùy ý tạo và chọn thư mục để lưu ảnh đã chụp.

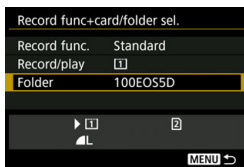
Thao tác này là tùy chọn, vì máy ảnh sẽ tự động tạo thư mục để lưu ảnh đã chụp.

Tạo thư mục

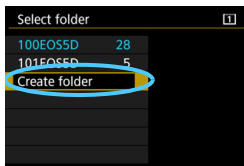


1 Chọn [Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

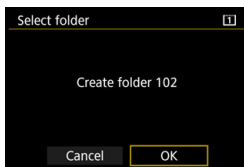
- Trong tab [**f**1], chọn [**Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn [Folder (Thư mục)].



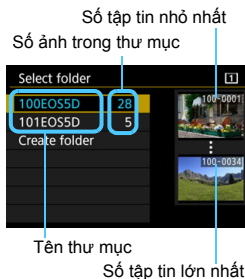
3 Chọn [Create folder (Tạo thư mục)].



4 Chọn [OK].

- Thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo.

Chọn thư mục



- Chọn một thư mục trên màn hình chọn thư mục, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Thư mục sẽ lưu ảnh đã chụp được chọn.
- Ảnh chụp sau đó sẽ được ghi vào thư mục đã chọn.



Thư mục

Ví dụ thư mục **"100EOS5D"**, tên thư mục bắt đầu với ba chữ số (số thư mục), tiếp theo là năm ký tự chữ và số. Thư mục có thể chứa tối đa 9999 ảnh (số tập tin 0001 - 9999). Khi thư mục đầy, thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo tự động. Ngoài ra, nếu cài đặt lại bằng tay (tr.202), thư mục mới sẽ được tạo tự động. Bạn có thể tạo thư mục được đánh số thứ tự từ 100 đến 999.

Tạo thư mục bằng máy tính

Mở thẻ trên màn hình và tạo thư mục mới có tên **"DCIM"**. Mở thư mục DCIM và tạo số lượng thư mục cần để lưu và quản lý ảnh. Tên thư mục phải theo định dạng **"100ABC_D"**. Ba chữ số trước là số thư mục, từ 100 đến 999. Năm ký tự cuối có thể là sự kết hợp bất kỳ của chữ viết hoa và viết thường từ A đến Z, số và dấu gạch dưới **"_"**. Tên thư mục không được bao gồm dấu cách. Ngoài ra, lưu ý rằng tên hai thư mục không thể có ba chữ số của số thư mục giống nhau (ví dụ: **"100ABC_D"** và **"100W_XYZ"**), ngay cả khi năm ký tự còn lại trong mỗi tên khác nhau.

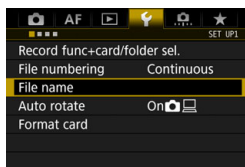
MENU Đổi tên tập tin

Tên tập tin có bốn ký tự chữ và số tiếp theo là số ảnh có bốn chữ số (tr.201) và (Ví dụ:) **BE3B0001.JPG** đuôi tập tin. Bốn ký tự chữ và số đầu

được cài đặt dựa trên số vận chuyển của nhà máy và riêng cho từng máy ảnh. Tuy nhiên, bạn có thể thay đổi chúng.

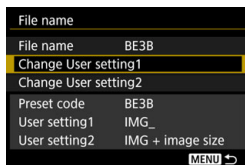
Với “Cài đặt người dùng1”, bạn có thể thay đổi và đăng ký bốn ký tự như ý muốn. Với “Cài đặt người dùng2”, nếu bạn đăng ký ba ký tự, ký tự thứ tư từ trái sang sẽ được tự động thêm vào để biểu thị kích cỡ ảnh.

Đăng ký hoặc đổi tên tập tin

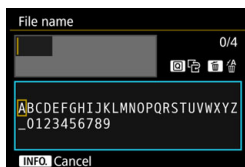


1 Chọn [File name (Tên tập tin)].

- Trong tab [**1**], chọn [File name (Tên tập tin)], rồi nhấn < **SET** >.

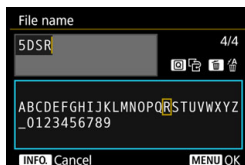


2 Chọn [Change User setting* (Thay đổi cài đặt người dùng*)].



3 Nhập ký tự chữ và số bất kỳ.

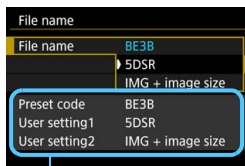
- Đối với Cài đặt người dùng1, nhập bốn ký tự. Đối với Cài đặt người dùng2, nhập ba ký tự.
- Nhấn nút < **W** > để xóa bất kỳ ký tự nào không cần thiết.
- Nhấn nút < **Q** >. Khung chữ sẽ được đánh dấu sáng màu và có thể bắt đầu nhập văn bản.



- Xoay nút xoay <⌚> hoặc gạt nút <⌚> để di chuyển và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <SET> để nhập ký tự.

4 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập đúng số ký tự, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK].
- Tên tập tin đã đăng ký sẽ được lưu.



Thiết lập

5 Chọn tên tập tin đã đăng ký.

- Chọn [File name (Tên tập tin)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn tên tập tin đã đăng ký, rồi nhấn <SET>.
- Nếu đã đăng ký Cài đặt người dùng2, chọn “***” (3 ký tự đã đăng ký) + kích cỡ ảnh”.



Ký tự đầu tiên không được là dấu gạch dưới “_”.



Cài đặt người dùng2

Khi bạn chọn “*** + kích cỡ ảnh” đã đăng ký với Cài đặt người dùng2 để chụp ảnh, ký tự chất lượng ghi ảnh sẽ được tự động thêm vào thành ký tự thứ tư trong tên tập tin tính từ bên trái. Ý nghĩa của ký tự chất lượng ghi ảnh như sau:

“***L” = L / L / RAW

“***M” = M1 / M1 / M RAW

“***N” = M2 / M2

“***S” = S1 / S1 / S RAW

“***T” = S2

“***U” = S3

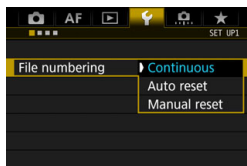
Ảnh khi truyền sang máy tính sẽ được tự động thêm vào ký tự thứ tư. Sau đó bạn có thể xem kích cỡ ảnh mà không phải mở ảnh. Có thể phân biệt ảnh RAW hoặc JPEG nhờ đuôi tập tin.



- Đuôi tập tin sẽ là “.JPG” cho ảnh JPEG, “.CR2” cho ảnh RAW và “.MOV” cho phim.
- Khi bạn quay phim với Cài đặt người dùng2, ký tự thứ tư trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.

MENU Phương pháp đánh số thứ tự tập tin

Tên tập tin gồm bốn chữ số giống như số khung trên một cuộn phim. Các ảnh chụp (Ví dụ:) **BE3B0001.JPG** được chỉ định số tập tin liên tiếp từ 0001 đến 9999 và được lưu vào một thư mục. Bạn có thể thay đổi cách chỉ định số tập tin.



1 Chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)].

- Trong tab [**1**], chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn phương pháp đánh số thứ tự tập tin.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

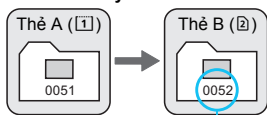
Kế tiếp

Tiếp tục đánh số thứ tự tập tin ngay cả sau khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ, tạo thư mục hoặc chuyển thẻ đích (ví dụ như **1** → **2**), việc đánh số thứ tự tập tin sẽ tiếp tục theo thứ tự đến 9999 cho những ảnh được lưu. Thiết lập này giúp lưu tất cả ảnh được đánh số từ 0001 đến 9999 trên nhiều thẻ hoặc trong nhiều thư mục vào cùng một thư mục trên máy tính.

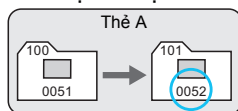
Nếu thẻ thay thẻ hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần bạn muốn đánh số thứ tự tập tin kế tiếp.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Số tập tin kế tiếp

Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới

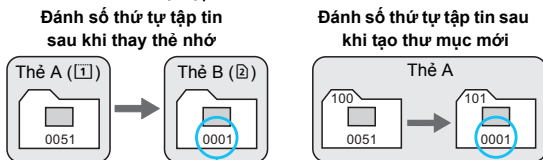


Tự động cài đặt lại

Bắt đầu đánh số thứ tự tập tin lại từ 0001 mỗi lần thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

Khi bạn thay thẻ nhớ, tạo thư mục hoặc chuyển thẻ đích (ví dụ như ① → ②), việc đánh số thứ tự tập tin sẽ tiếp tục theo thứ tự từ 0001 cho những ảnh được lưu. Cài đặt này giúp quản lý ảnh theo thẻ hoặc thư mục.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần muốn lưu ảnh với số thứ tự tập tin bắt đầu từ 0001.



Đánh số thứ tự tập tin được cài đặt lại

Cài đặt lại bằng tay

Cài đặt lại việc đánh số thứ tự tập tin từ 0001 hoặc để bắt đầu đánh số thứ tự từ 0001 trong thư mục mới.

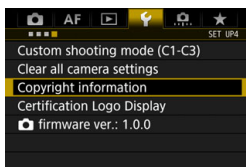
Khi cài đặt lại đánh số thứ tự tập tin bằng tay, thư mục mới sẽ được tạo tự động và số thứ tự tập tin của ảnh được lưu vào thư mục đó sẽ bắt đầu từ 0001.

Thiết lập này giúp bạn lưu ảnh chụp hôm qua và hôm nay vào hai thư mục khác nhau. Sau khi cài đặt lại bằng tay, đánh số thứ tự tập tin sẽ trở lại thành kế tiếp hoặc tự động cài đặt lại. (Hộp thoại xác nhận cài đặt lại bằng tay sẽ không hiển thị.)

! Nếu số tập tin trong thư mục 999 đạt đến 9999, bạn sẽ không thể chụp ảnh ngay cả khi thẻ vẫn còn dung lượng lưu trữ. Màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo cho biết cần thay thẻ. Vui lòng thay thẻ mới.

MENU Thiết lập thông tin bản quyền ☆

Sau khi thiết lập, thông tin bản quyền sẽ được ghi vào ảnh dưới dạng thông tin Exif.



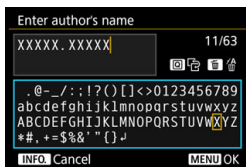
1 Chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)].

- Trong tab [4], chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn tùy chọn cần thiết lập.

- Chọn [Enter author's name (Nhập tên tác giả)] hoặc [Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



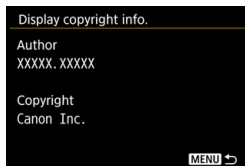
3 Nhập văn bản.

- Nhấn nút <Q>. Khung chữ sẽ được đánh dấu sáng màu và có thể bắt đầu nhập văn bản.
- Xoay nút xoay <DISP> hoặc gạt nút <DISP> để di chuyển và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <SET> để nhập ký tự.
- Bạn có thể nhập tối đa 63 ký tự.
- Để xóa ký tự, nhấn nút .
- Để xóa chế độ nhập văn bản, nhấn nút <INFO.>, rồi chọn [OK].

4 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK].
- Thông tin đã được lưu.

Kiểm tra thông tin bản quyền



Khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**] trong bước 2, bạn có thể kiểm tra thông tin đã nhập về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].

Xóa thông tin bản quyền

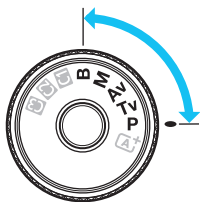
Khi chọn [**Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)**] trong bước 2 ở trang trước, bạn có thể xóa thông tin về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].

 Nếu “Tác giả” hoặc “Bản quyền” được nhập dài quá sẽ không thể hiển thị đầy đủ khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**].

 Bạn cũng có thể nhập hoặc kiểm tra thông tin bản quyền bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.532).

5

Thao tác nâng cao



Trong các chế độ chụp **<P>** **<Tv>** **<Av>** **<M>** ****, bạn có thể chọn tốc độ màn trập, khẩu độ và các cài đặt máy ảnh khác để thay đổi phơi sáng và đạt được kết quả mong muốn.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: **<P>** **<Tv>** **<Av>** **<M>** ****.
- Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp và nhả ra, các giá trị phơi sáng sẽ vẫn hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khoảng 4 giây (♻4).
- Để tìm hiểu các chức năng có thể thiết lập trong mỗi chế độ chụp, tham khảo trang 458.



Gạt công tắc **<LOCK▶>** sang trái.

P: Phơi sáng tự động P

Máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ thích hợp với độ sáng chủ thể. Chức năng này gọi là Program AE (Phơi sáng tự động P).

* <P> là viết tắt của Program (Chương trình).

* AE là viết tắt của Auto Exposure (Phơi sáng tự động).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <P>.



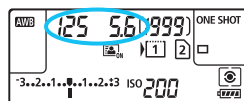
2 Lấy nét chủ thể.

- Nhìn qua khung ngắm và hướng điểm AF vào chủ thể. Sau đó, nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng (trong chế độ lấy nét một lần).
- ▶ Tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ được tự động thiết lập và hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.



3 Kiểm tra hiển thị.

- Khi thông số tốc độ màn trập và khẩu độ không nhấp nháy, máy ảnh đã đạt được độ phơi sáng chuẩn.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “30” và chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng. Hãy tăng tốc độ ISO hoặc sử dụng đèn flash.



- Nếu tốc độ màn trập hiển thị ở “8000” và chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Hãy giảm tốc độ ISO hoặc sử dụng bộ lọc ND (bán riêng) để giảm lượng ánh sáng đi vào ống kính.



Sự khác biệt giữa chế độ <P> và <A+>

Ở chế độ <A+>, nhiều chức năng như lấy nét tự động và chế độ đo sáng được thiết lập tự động để tránh làm hỏng ảnh. Các chức năng có thể thay đổi bị giới hạn. Ở chế độ <P>, chỉ có tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập. Bạn có thể tùy ý thiết lập thao tác AF, chế độ đo sáng và các chức năng khác (tr.458).

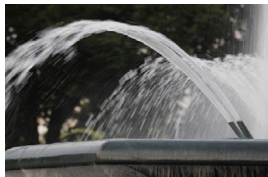
Thay đổi chương trình

- Trong chế độ phơi sáng tự động P, trong khi giữ nguyên độ phơi sáng, bạn có thể tùy ý thay đổi tổ hợp (Chương trình) tốc độ màn trập và khẩu độ được máy ảnh đặt tự động. Chức năng này được gọi là Program shift (Thay đổi chương trình).
- Để thay đổi chương trình, nhấn nửa chừng nút chụp, rồi xoay nút xoay <PROGRAM> cho tới khi hiển thị tốc độ màn trập hoặc khẩu độ mong muốn.
- Thay đổi chương trình sẽ tự động hủy khi hẹn giờ đo sáng (Ổ4) kết thúc (hiển thị thiết lập phơi sáng tắt).
- Không thể sử dụng chức năng thay đổi chương trình với đèn flash.

Tv: Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập

Trong chế độ này, bạn đặt tốc độ màn trập và máy ảnh sẽ tự động thiết lập khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập. Tốc độ màn trập nhanh hơn có thể làm dừng chuyển động của chủ thể đang di chuyển. Tốc độ màn trập chậm hơn có thể tạo ra hiệu ứng mờ và truyền tải chuyển động một cách ấn tượng.

* <Tv> là viết tắt của Time value (Giá trị thời gian).



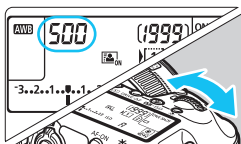
Chuyển động mờ
(Tốc độ màn trập chậm: 1/30 giây)



Làm dừng chuyển động
(Tốc độ màn trập nhanh: 1/2000 giây)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.



2 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <⏏>.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khẩu độ được thiết lập tự động.



4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Phơi sáng chuẩn sẽ đạt được khi thông số khẩu độ không nhấp nháy.



- Chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng.
Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập chậm hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.
- Chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng.
Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập nhanh hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.



Hiện thị tốc độ màn trập

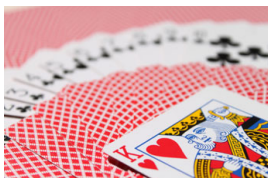
Tốc độ màn trập từ “8000” đến “4” biểu thị mẫu số của phân số tốc độ màn trập. Ví dụ, “125” biểu thị 1/125 giây, “0”5” biểu thị 0,5 giây và “15” là 15 giây.

Av: Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ

Trong chế độ này, bạn đặt khẩu độ mong muốn và máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Chỉ số khẩu độ f lớn hơn (độ mở khẩu độ nhỏ hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

Ngược lại, chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn (độ mở khẩu độ lớn hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh ít rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

* <Av> là viết tắt của Aperture value (Giá trị khẩu độ) (độ mở của khẩu độ).



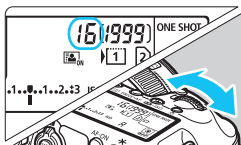
Hậu cảnh mờ
(Với chỉ số khẩu độ f nhỏ: $f/5.6$)



Tiền cảnh và hậu cảnh sắc nét
(Với chỉ số khẩu độ f lớn: $f/32$)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <AV/ISO>.

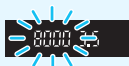
3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Tốc độ màn trập được thiết lập tự động.



4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Phơi sáng chuẩn sẽ đạt được khi thông số tốc độ màn trập không nhấp nháy.



- Tốc độ màn trập “30” nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng.
Xoay nút xoay <  > để thiết lập khẩu độ lớn hơn.
(Chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn) cho đến khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.
- Tốc độ màn trập “8000” nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng.
Xoay nút xoay <  > để thiết lập khẩu độ nhỏ hơn.
(Chỉ số khẩu độ f lớn hơn) cho đến khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.

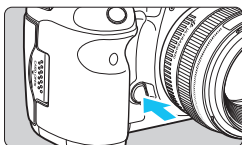


Thông số khẩu độ

Chỉ số khẩu độ f càng lớn, thì độ mở của khẩu độ sẽ càng nhỏ. Chỉ số khẩu độ f khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Nếu không gắn ống kính nào vào máy ảnh, khẩu độ sẽ hiển thị “00”.

Xem trước độ sâu trường ảnh ☆

Độ mở của khẩu độ (lá khẩu) chỉ thay đổi tại thời điểm chụp ảnh. Còn lại, khẩu độ vẫn sẽ mở hoàn toàn. Do đó, khi bạn ngắm cảnh qua khung ngắm hoặc trên màn hình LCD, độ sâu trường ảnh trông sẽ hẹp.



Nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để thu hẹp khẩu độ về thiết lập khẩu độ hiện thời và kiểm tra độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).



- Chỉ số khẩu độ f càng lớn sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý. Tuy nhiên, khung ngắm sẽ tối hơn.
- Khi xem ảnh Live View (tr.258), bạn có thể thay đổi khẩu độ và nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để xem độ sâu trường ảnh thay đổi như thế nào.
- Phơi sáng sẽ bị khóa (khóa phơi sáng) trong khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.

M: Phơi sáng chỉnh tay

Trong chế độ này, bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ theo mong muốn. Để xác định phơi sáng, có thể tham khảo thang đo sáng trong khung ngắm hoặc sử dụng thang đo độ phơi sáng bán sẵn trên thị trường. Phương pháp này được gọi là phơi sáng chỉnh tay.

* <M> là viết tắt của Manual (Chỉnh tay).

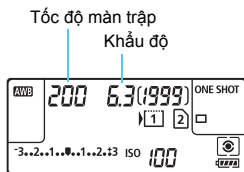


1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

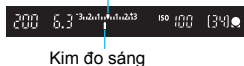
2 Thiết lập tốc độ ISO (tr.160).

3 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <  >.
- Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <  >.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK> sang trái, rồi xoay nút xoay <  > hoặc <  >.



Chỉ số phơi sáng chuẩn

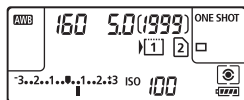


4 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ được hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.
- Kim đo sáng <  > cho biết khoảng cách mức phơi sáng hiện tại so với mức phơi sáng chuẩn.

5 Thiết lập phơi sáng và chụp ảnh.

- Kiểm tra thang đo sáng và thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ mong muốn.
- Nếu mức phơi sáng vượt quá phơi sáng chuẩn ± 3 điểm dừng, đầu của thang đo sáng sẽ hiển thị <  > hoặc <  >.



Bù trừ phơi sáng với ISO tự động

Nếu tốc độ ISO được đặt thành **A** (AUTO), bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng (tr.216) như sau:

- [2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)]
- Với [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], sử dụng [: Expo comp (hold btn, turn (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay))] (tr.425).
- Điều khiển nhanh (tr.61)



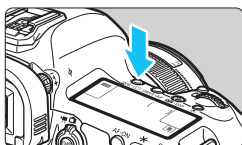
- Nếu thiết lập ISO tự động, thiết lập tốc độ ISO sẽ thay đổi phù hợp với tốc độ màn trập và khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn. Do đó, có thể không thu được hiệu ứng phơi sáng mong muốn. Trong trường hợp này, hãy thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Nếu không sử dụng flash khi đã thiết lập ISO tự động, bù trừ phơi sáng sẽ không được áp dụng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.



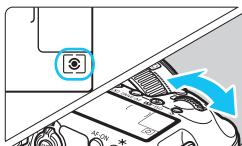
- Trong [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)], nếu bỏ dấu <✓> trong [Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)] thì vẫn có thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng ngay cả trong chế độ <M> (tr.184).
- Khi thiết lập ISO tự động, bạn có thể nhấn nút <✱> để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút <✱> và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy mức phơi sáng trên thang đo sáng khác biệt so với khi nhấn nút <✱>.
- Nếu áp dụng bù trừ phơi sáng (tr.216) trong chế độ <P>, <Tv> hoặc <Av> rồi chuyển chế độ chụp thành <M> với ISO tự động được thiết lập, lượng bù trừ phơi sáng đã thiết lập sẽ vẫn giữ nguyên.
- Với ISO tự động được thiết lập và [1: ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)] được đặt thành [1/2-stop (1/2 điểm dừng)], bất kỳ lượng bù trừ phơi sáng nào bằng 1/2 điểm dừng sẽ được thực hiện kết hợp giữa tốc độ ISO (1/3 điểm dừng) và tốc độ màn trập. Tuy nhiên, tốc độ màn trập hiển thị sẽ không đổi.

Chọn chế độ đo sáng ☆

Bạn có thể chọn một trong bốn phương pháp để đo độ sáng của chủ thể. Ở chế độ <A⁺>, đo sáng toàn khung ảnh được tự động thiết lập.



1 Nhấn nút <WB->. (Ổ6)



2 Chọn chế độ đo sáng.

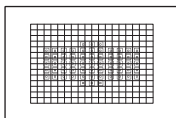
- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <>.

:Đo sáng toàn khung ảnh

:Đo sáng từng phần

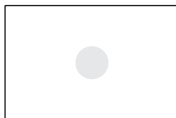
:Đo sáng điểm

:Đo sáng trung bình trung tâm



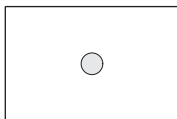
Đo sáng toàn khung ảnh

Đây là chế độ đo sáng đa năng phù hợp với cả các chủ thể ngược sáng. Máy ảnh sẽ tự động thiết lập phơi sáng để phù hợp với cảnh.



Đo sáng từng phần

Đo sáng từng phần có tác dụng khi hậu cảnh sáng hơn nhiều so với chủ thể do ngược sáng, v.v...
Đo sáng từng phần bao phủ khoảng 6,1% khu vực trung tâm khung ngắm.



• Đo sáng điểm

Chế độ này dùng để đo sáng một điểm cụ thể của chủ thể hoặc cảnh. Đo sáng điểm bao trùm khoảng 1,3% khu vực trung tâm khung ngắm. Vòng đo sáng điểm sẽ hiển thị trong khung ngắm.



□ Đo sáng trung bình trung tâm

Đo độ sáng ở trung tâm ảnh và sau đó lấy trung bình cho toàn cảnh.



- Trong chế độ  (Đo sáng toàn khung ảnh), thiết lập phơi sáng sẽ khóa khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp và lấy được nét (trong chế độ lấy nét một lần). Trong các chế độ  (Đo sáng từng phần),  (Đo sáng điểm) và  (Đo sáng trung bình trung tâm), phơi sáng sẽ được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. (Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ không khóa phơi sáng.)
- Khi đã đặt  (Đo sáng điểm), có thể hiển thị  trong khung ngắm (tr.411).

☑ Thiết lập bù trừ phơi sáng ☆

Bù trừ phơi sáng có thể làm sáng hơn (tăng phơi sáng) hoặc làm tối (giảm phơi sáng) phơi sáng chuẩn thiết lập bằng máy ảnh.

Có thể thiết lập bù trừ phơi sáng trong các chế độ chụp <P>, <Tv> và <Av>. Mặc dù bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 5 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng, nhưng thang đo sáng trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD chỉ có thể hiển thị thiết lập tối đa ± 3 điểm dừng. Nếu bạn muốn đặt thiết lập bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, hãy sử dụng điều khiển nhanh (tr.61) hoặc làm theo hướng dẫn dành cho [❏2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] ở trang kế tiếp.

Nếu đặt cả hai chế độ <M> và ISO tự động, tham khảo trang 213 để thiết lập bù trừ phơi sáng.

1 Kiểm tra phơi sáng.

- Nhấn nửa chừng nút chụp (❏4) và kiểm tra thang đo sáng.

2 Thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

- Nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <⌚>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <⌚>.

Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn



Giảm phơi sáng giúp ảnh tối hơn



3 Chụp ảnh.

- Để hủy bù trừ phơi sáng, đặt thang đo sáng <1/1> ở chỉ số phơi sáng chuẩn (<▼> hoặc <▲>).

❗ Nếu đặt [❏2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.184) thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [Disable (Tắt)], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng giảm cho hình ảnh tối hơn.

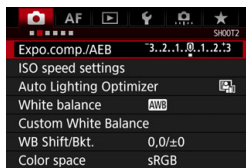


- Lượng bù trừ phơi sáng sẽ vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Sau khi thiết lập lượng bù trừ phơi sáng, bạn có thể ngăn lượng bù trừ phơi sáng thay đổi bằng cách gạt nút <LOCK▶> về bên phải.
- Nếu lượng bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.

Phơi sáng hỗn hợp tự động (AEB) ☆

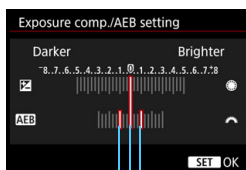
Bằng cách tự động thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ, máy ảnh sẽ sử dụng phơi sáng hỗn hợp lên tới ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng cho 3 lần chụp liên tiếp. Chức năng này được gọi là AEB.

* AEB là viết tắt của Auto Exposure Bracketing (Phơi sáng hỗn hợp tự động).



1 Chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)].

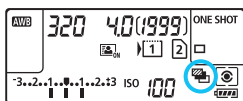
- Trong tab [, 2], chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)], rồi nhấn <SET>.



Phạm vi AEB

2 Thiết lập phạm vi AEB.

- Xoay nút xoay < > để thiết lập phạm vi AEB. Nếu xoay < >, bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Nhấn <SET> để thiết lập.
- Khi bạn thoát khỏi menu, < > và phạm vi phơi sáng hỗn hợp tự động sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



Phơi sáng chuẩn



Giảm phơi sáng



Tăng phơi sáng



3 Chụp ảnh.

- Ba ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp tương ứng với kiểu chụp thiết lập trong thứ tự này: Phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- Phơi sáng hỗn hợp tự động sẽ không tự động hủy. Để hủy phơi sáng hỗn hợp tự động, thực hiện theo bước 2 để tắt hiển thị phạm vi phơi sáng hỗn hợp tự động.



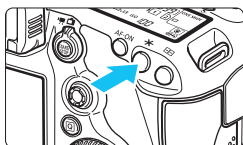
- Trong khi phơi sáng hỗn hợp tự động, <✱> trong khung ngắm và < > trên bảng điều khiển LCD sẽ nhấp nháy.
- Nếu kiểu chụp được đặt thành < > hoặc < S>, nhấn nút chụp ba lần cho mỗi lần chụp. Khi đặt chế độ < H>, < > hoặc < S> và bạn nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, ba ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp liên tục và máy ảnh sẽ tự động dừng chụp. Khi đặt chế độ < 1> hoặc < 2>, ba ảnh phơi sáng hỗn hợp sẽ được chụp liên tục sau thời gian trì hoãn 10 giây hoặc 2 giây.
- Bạn có thể thiết lập phơi sáng hỗn hợp tự động kết hợp với bù trừ phơi sáng.
- Nếu phạm vi phơi sáng hỗn hợp tự động vượt quá ± 3 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.
- AEB không dùng được với đèn flash, phơi sáng bulb hoặc khi **[Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)]** hoặc **[HDR Mode (Chế độ HDR)]** được thiết lập.
- Phơi sáng hỗn hợp tự động sẽ tự động hủy khi bạn đặt công tắc nguồn thành <**OFF**> hoặc khi bật đèn flash.

✱ Khóa phơi sáng ☆

Sử dụng khóa phơi sáng khi khu vực lấy nét khác với khu vực đo độ phơi sáng hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh ở cùng thiết lập phơi sáng. Nhấn nút <✱> để khóa phơi sáng, sau đó bố cục lại ảnh và chụp. Chức năng này được gọi là khóa phơi sáng. Chức năng này có hiệu quả với các chủ thể ngược sáng v.v...

1 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị.



2 Nhấn nút <✱>. (❶)

- ▶ Biểu tượng <✱> phát sáng trong khung ngắm biểu thị đã khóa thiết lập phơi sáng (Khóa phơi sáng).
- Mỗi lần bạn nhấn nút <✱>, thiết lập phơi sáng hiện tại sẽ khóa.



3 Bố cục lại ảnh và chụp.

- Nếu bạn muốn duy trì khóa phơi sáng trong khi chụp nhiều ảnh, vui lòng nhấn giữ nút <✱> và nhấn nút chụp để chụp ảnh khác.

Hiệu ứng khóa phơi sáng

Chế độ đo sáng (tr.214)	Phương pháp chọn điểm AF (tr.95)	
	Chọn tự động	Chọn bằng tay
 ✱	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF lấy được nét.	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF đã chọn.
	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.	

* Khi đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.



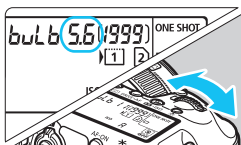
Không thể Khóa phơi sáng với phơi sáng bulb.

B: Phơi sáng bulb

Trong chế độ này, màn trập vẫn mở khi bạn nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, và đóng lại khi bạn nhả nút chụp. Chức năng này được gọi là phơi sáng bulb. Sử dụng chế độ phơi sáng bulb để chụp cảnh ban đêm, pháo hoa, bầu trời và các chủ thể khác cần phơi sáng lâu.



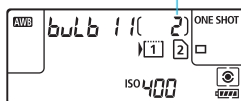
1 Đặt nút xoay chế độ thành .



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  > hoặc <  >.

Thời gian đã phơi sáng



3 Chụp ảnh.

- Phơi sáng sẽ tiếp tục trong khi bạn vẫn nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Thời gian đã phơi sáng sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

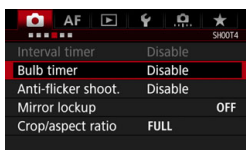
- ⚠ Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Phơi sáng lâu sẽ tạo ra nhiều nhiễu hạt hơn bình thường.
- Nếu đặt ISO tự động, tốc độ ISO sẽ là ISO 400 (tr.162).
- Để phơi sáng bulb, nếu bạn sử dụng cả chế độ hẹn giờ và khóa gương lật thay vì hẹn giờ bulb, nhấn giữ hoàn toàn nút chụp (thời gian trì hoãn của chụp hẹn giờ + thời gian phơi sáng bulb). Nếu nhả nút chụp trong thời gian đếm ngược của chụp hẹn giờ, máy ảnh sẽ phát ra âm thanh nhả màn trập nhưng không có ảnh nào được chụp. Nếu bạn sử dụng hẹn giờ bulb trong các điều kiện chụp tương tự, bạn không cần nhấn giữ hoàn toàn nút chụp.



- Sử dụng [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], bạn có thể giảm độ nhiễu tạo ra trong thời gian dài phơi sáng (tr.187).
- Để phơi sáng bulb, nên sử dụng chân máy ảnh và hẹn giờ bulb. Cũng có thể sử dụng khóa gương lật (tr.236) với phơi sáng bulb.
- Bạn cũng có thể chụp phơi sáng bulb bằng cách sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai được bán riêng, tr.239).
- Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.239) để phơi sáng bulb. Khi nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa, phơi sáng bulb sẽ bắt đầu ngay lập tức hoặc 2 giây sau đó. Nhấn lại nút này để dừng phơi sáng bulb.

Hẹn giờ bulb ☆

Bạn có thể thiết lập sẵn thời gian phơi sáng của chế độ phơi sáng bulb. Với chức năng hẹn giờ bulb, bạn không cần nhấn giữ nút chụp trong quá trình phơi sáng bulb, điều này giúp giảm rung máy ảnh. Chức năng hẹn giờ bulb chỉ có thể được thiết lập trong chế độ chụp (Bulb). Chức năng này không thể thiết lập được (hoặc sẽ không hoạt động) trong bất kỳ chế độ chụp nào khác.



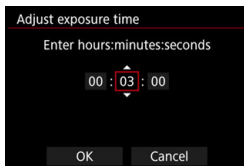
1 Chọn [Bulb timer (Hẹn giờ bulb)].

- Trong tab [**4**] chọn [Bulb timer (Hẹn giờ bulb)], rồi nhấn <SET>.



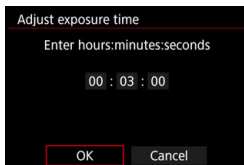
2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn nút <INFO.>.



3 Thiết lập thời gian phơi sáng mong muốn.

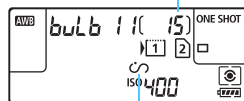
- Chọn giờ, phút hoặc giây.
- Nhấn <SET> để hiển thị <☑>.
- Thiết lập số mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <□>).



4 Chọn [OK].

- ▶ Thời gian đã thiết lập sẽ được hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, <☺> sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

Thời gian đã phơi sáng



Hẹn giờ bulb

5 Chụp ảnh.

- ▶ Nhấn hoàn toàn nút chụp và quá trình phơi sáng bulb sẽ bắt đầu và tiếp tục cho đến khi hết thời gian thiết lập.
- Để hủy thiết lập hẹn giờ, đặt [Disable (Tắt)] ở bước 2.

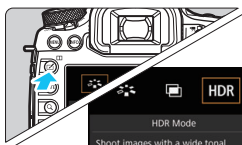
- ❗ Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp trong khi quá trình hẹn giờ phơi sáng đang diễn ra, chức năng phơi sáng bulb sẽ dừng lại.
- Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sẽ hủy hẹn giờ bulb (chuyển thành [Disable (Tắt)]): Đặt công tắc nguồn thành <OFF>, thay pin, thay thẻ nhớ, chuyển sang quay phim hoặc thay đổi chế độ chụp khỏi .

HDR : Chụp HDR (Dải tương phản động cao) ☆

Tạo các dải tương phản động cao với việc giảm thiểu khu vực dư sáng và thiếu sáng ngay cả với các cảnh có độ tương phản cao. Chụp HDR khá hiệu quả đối với ảnh phong cảnh và tĩnh vật.

Với chụp HDR, ba ảnh có độ phơi sáng khác nhau (phơi sáng chuẩn, thiếu sáng và dư sáng) được chụp liên tiếp cho mỗi lần bấm máy rồi tự động ghép lại với nhau. Ảnh HDR được ghi lại dưới dạng ảnh JPEG.

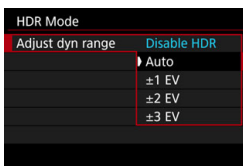
* HDR là viết tắt của High Dynamic Range (Dải tương phản động cao).



1 Nhấn nút < [HDR] >.

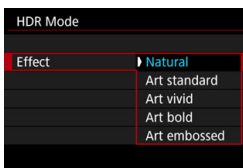
2 Chọn chế độ HDR.

- Chọn **[HDR]**, rồi nhấn < (SET) >.
- ▶ Chế độ HDR sẽ xuất hiện.



3 Thiết lập [Adjust dyn range (Điều chỉnh dải tương phản động)].

- Chọn thiết lập dải tương phản động mong muốn rồi nhấn < (SET) >.
- Chọn **[Auto (Tự động)]** sẽ thiết lập tự động dải tương phản động tùy thuộc vào phạm vi tông màu tổng thể của ảnh.
- Số càng cao thì dải tương phản động sẽ càng rộng.
- Để thoát chế độ chụp HDR, chọn **[Disable HDR (Tắt HDR)]**.



4 Đặt [Effect (Hiệu ứng)].

- Chọn hiệu ứng mong muốn, rồi nhấn < (SET) >.



- Bạn cũng có thể thiết lập chụp HDR với **[CAMERA 3: HDR Mode (Chế độ HDR)]**.

Hiệu ứng

- **Natural (Tự nhiên)**

Giúp hình ảnh giữ được phạm vi sắc độ rộng nếu không sẽ gây mất chi tiết tại vùng dư sáng và vùng thiếu sáng. Khu vực dư sáng và thiếu sáng sẽ được giảm thiểu.

- **Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)**

Do khu vực dư sáng và thiếu sáng được giảm thiểu nhiều hơn so với **[Natural (Tự nhiên)]**, độ tương phản sẽ thấp hơn và hiệu ứng chuyển màu sẽ làm cho bức ảnh trông giống tranh vẽ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

- **Art vivid (Rực rỡ nghệ thuật)**

Bảo hòa màu cao hơn so với **[Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)]**, độ tương phản thấp và hiệu ứng chuyển màu giúp ảnh mang phong cách đồ họa nghệ thuật.

- **Art bold (In đậm nghệ thuật)**

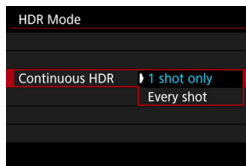
Màu sắc bảo hòa nhất, khiến cho chủ thể nổi bật lên và ảnh trông giống tranh sơn dầu.

- **Art embossed (Chạm nổi nghệ thuật)**

Độ bảo hòa màu sắc, độ sáng, độ tương phản và độ chuyển màu được giảm xuống để khiến bức ảnh trông phẳng. Bức ảnh trông mờ và cũ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

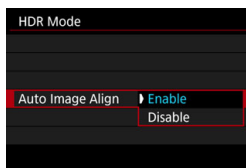
	Tiêu chuẩn nghệ thuật	Rực rỡ nghệ thuật	In đậm nghệ thuật	Chạm nổi nghệ thuật
Bảo hòa màu	Tiêu chuẩn	Cao	Cao hơn	Thấp
Đường nét nổi bật	Tiêu chuẩn	Yếu	Mạnh	Mạnh hơn
Độ sáng	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Nền tối
Tông màu	Phẳng	Phẳng	Phẳng	Phẳng hơn

 Mỗi hiệu ứng sẽ được áp dụng dựa trên đặc tính của kiểu ảnh đã được thiết lập (tr.166).



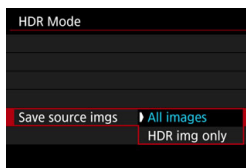
5 Thiết lập [Continuous HDR (HDR liên tục)].

- Chọn [**1 shot only (Chỉ 1 ảnh)**] hoặc [**Every shot (Mọi ảnh)**], rồi nhấn <SET>.
- Với chế độ [**1 shot only (Chỉ 1 ảnh)**], chụp HDR sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ [**Every shot (Mọi ảnh)**], chụp HDR sẽ tiếp tục cho tới khi thiết lập trong bước 3 được đặt thành [**Disable HDR (Tắt HDR)**].



6 Thiết lập [Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)].

- Để chụp cầm tay, chọn [**Enable (Bật)**]. Khi sử dụng chân máy, chọn [**Disable (Tắt)**], rồi nhấn <SET>.



7 Thiết lập các ảnh cần lưu.

- Để lưu cả ba ảnh và ảnh HDR đã ghép, chọn [**All images (Tất cả ảnh)**], rồi nhấn <SET>.
- Để chỉ lưu ảnh HDR, chọn [**HDR img only (Chỉ ảnh HDR)**], rồi nhấn <SET>.

8 Chụp ảnh.

- Có thể chụp HDR qua khung ngắm và chụp Live View.
- ▶ Biểu tượng <**HDR**> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.
- Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, ba ảnh liên tiếp được chụp và ảnh HDR sẽ được ghi vào thẻ nhớ.

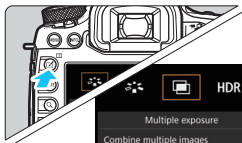
- Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW, ảnh HDR sẽ được ghi ở chất lượng **L**. Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW+JPEG, ảnh HDR sẽ ghi ở chất lượng JPEG đã thiết lập.
- Không thể chụp HDR với chế độ mở rộng ISO (L, H). Có thể chụp HDR trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.
- Đèn flash sẽ không nháy sáng trong khi chụp HDR.
- Trong khi chụp HDR, thiết lập của [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**], [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] và [**5: Expo. simulation (Mô phỏng phơi sáng)**] sẽ được tự động chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Không thể sử dụng AEB.
- Nếu chụp chủ thể chuyển động, chuyển động của chủ thể có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Trong chế độ chụp HDR, ba ảnh được chụp với tốc độ màn trập khác nhau được thiết lập tự động. Vì thế, ngay cả trong chế độ chụp <**Tv**> và <**M**>, tốc độ màn trập sẽ thay đổi dựa trên tốc độ màn trập đã thiết lập.
- Để tránh rung máy, có thể đặt tốc độ ISO cao.



- Khi chụp ảnh HDR với [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] đặt thành [**Enable (Bật)**], thông tin hiển thị điểm AF (tr.327) và dữ liệu xóa bụi (tr.377) sẽ không được thêm vào ảnh.
- Nếu bạn thực hiện chụp HDR cầm tay trong khi đặt [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] thành [**Enable (Bật)**], ngoại vi ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải sẽ hơi giảm xuống (ngoại trừ khi chụp với [**1.3x (crop)**] hoặc [**1.6x (crop)**]). Ngoài ra, nếu không thể căn chỉnh ảnh chính xác do máy ảnh rung, v.v..., chức năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động. Lưu ý khi chụp với thiết lập phơi sáng quá sáng hoặc quá tối, chức năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu bạn thực hiện chụp HDR cầm tay trong khi đặt [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] thành [**Disable (Tắt)**], ba ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác và làm giảm thiểu hiệu ứng HDR. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Đối với các ảnh có dạng lặp đi lặp lại (lưới, vân, v.v...), ảnh phẳng hay ảnh đơn sắc, tính năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Độ chuyển màu của bầu trời hoặc tường trắng có thể không được tái hiện chính xác. Màu sắc bất thường, phơi sáng không đều hoặc nhiễu hạt có thể xuất hiện.
- Màu ảnh khu vực rọi sáng không tự nhiên khi chụp HDR dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Với chụp HDR, máy ảnh có thể mất một khoảng thời gian để kết hợp ảnh và lưu vào thẻ nhớ. Vì thế, thời gian ghi ảnh HDR vào thẻ nhớ sẽ lâu hơn so với chế độ chụp thông thường. Trong khi xử lý ảnh, thông báo "**buSY**" sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Nếu bạn thay đổi chế độ chụp hoặc chuyển sang quay phim sau khi thiết lập chụp HDR, thiết lập chụp HDR có thể bị xóa, thiết lập ([**Adjust dyn range (Điều chỉnh dải tương phản động)**]) có thể sẽ chuyển thành [**Disable HDR (Tắt HDR)**]).

Ảnh ghép phơi sáng ☆

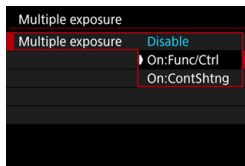
Bạn có thể chụp hai đến chín ảnh để ghép vào một ảnh. Nếu chụp ảnh ghép phơi sáng với chế độ chụp Live View (tr.257), bạn có thể thấy từng ảnh đơn được kết hợp như thế nào trong khi chụp ảnh.



1 Nhấn nút < [] >.

2 Chọn Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng).

- Chọn [], rồi nhấn < (SET) >.
- ▶ Màn hình thiết lập ảnh ghép phơi sáng sẽ xuất hiện.



3 Đặt [Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)].

- Chọn [On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)] hoặc [On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)], rồi nhấn < (SET) >.
- Để thoát chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng, chọn [Disable (Tắt)].

- **On: Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển) (Ưu tiên chức năng và kiểm soát)**

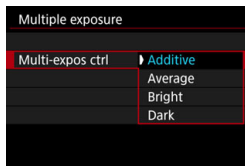
Thuận tiện khi bạn muốn chụp ảnh ghép phơi sáng mà có thể kiểm tra kết quả trong khi tiến hành. Trong quá trình chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục sẽ giảm đáng kể.

- **On: ContShtng (Bật: Chụp liên tục) (Ưu tiên chụp liên tục)**

Được thiết kế để liên tục chụp ảnh ghép phơi sáng chủ thể đang chuyển động. Có thể chụp liên tục, nhưng những chức năng sau bị tắt trong khi chụp: xem menu, hiển thị Live View, xem ảnh sau khi chụp, xem ảnh và xóa ảnh cuối cùng (tr.234).

Ngoài ra, chỉ có ảnh ghép phơi sáng được lưu lại. (Các ảnh đơn được kết hợp vào ảnh ghép phơi sáng sẽ không được lưu.)

 Bạn cũng có thể thiết lập chụp ảnh ghép phơi sáng với [**3: Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)**].



4 Đặt [Multi-expos ctrl (Điều khiển cách ghép ảnh)].

- Chọn phương pháp điều khiển ghép ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● Additive (Thêm)

Độ phơi sáng của mỗi ảnh đơn được tích lũy dần. Dựa trên **[No. of exposures (Số lượng ảnh)]**, thiết lập bù trừ phơi sáng âm. Tham khảo hướng dẫn cơ bản bên dưới để thiết lập bù trừ phơi sáng âm. **Hướng dẫn thiết lập bù trừ phơi sáng cho chụp ảnh ghép phơi sáng**

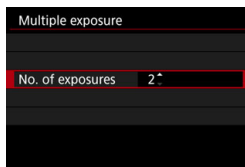
Hai ảnh: -1 điểm dừng, ba ảnh: -1,5 điểm dừng, bốn ảnh: -2 điểm dừng

● Average (Trung bình)

Dựa trên **[No. of exposures (Số lượng ảnh)]**, bù trừ phơi sáng âm được tự động thiết lập khi bạn chụp ảnh ghép phơi sáng. Nếu bạn chụp ảnh ghép phơi sáng cùng một cảnh, độ phơi sáng hậu cảnh của chủ thể sẽ tự động được điều chỉnh để đạt phơi sáng chuẩn.

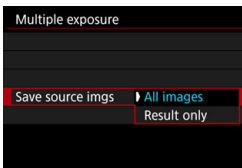
● Bright (Sáng)/Dark (Tối)

Độ sáng (hoặc tối) của ảnh cơ sở và các ảnh ghép vào được so sánh ở cùng vị trí, sau đó phần sáng (hoặc tối) sẽ được để lại trong ảnh. Tùy thuộc vào các màu chồng lấp, màu sắc sẽ được hòa trộn tùy theo tỷ lệ sáng (hoặc tối) của các ảnh được so sánh.



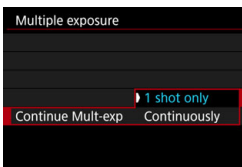
5 Đặt [No. of exposures (Số lượng ảnh)].

- Chọn số lượng ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Có thể thiết lập từ 2 đến 9 ảnh.



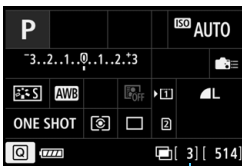
6 Thiết lập các ảnh cần lưu.

- Để lưu tất cả ảnh đơn và ảnh đã ghép, chọn **[All images (Tất cả ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chỉ lưu ảnh đã được ghép, chọn **[Result only (Chỉ kết quả)]**, rồi nhấn **<SET>**.



7 Đặt [Continue Mult-exp (Chụp ảnh ghép phơi sáng liên tục)].

- Chọn **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]** hoặc **[Continuously (Liên tục)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Với chế độ **[1 shot only (Chỉ 1 ảnh)]**, chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ **[Continuously (Liên tục)]**, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng tiếp tục đến khi thiết lập trong bước 3 được đặt thành **[Disable (Tắt)]**.



Số lượng ảnh còn lại

8 Thực hiện chụp ảnh đầu tiên.

- ▶ Khi đặt **[On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)]**, ảnh chụp sẽ hiển thị.
- ▶ Biểu tượng **<[]>** sẽ nhấp nháy.
- Số lượng ảnh chụp còn lại hiển thị trong dấu ngoặc vuông **[]** trong khung ngắm hoặc trên màn hình.
- Nhấn nút **<[]>** để xem ảnh đã chụp (tr.234).

9 Chụp các ảnh tiếp theo.

- ▶ Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**], ảnh đã ghép sẽ hiển thị.
- Đối với chế độ chụp Live View, các ảnh đã ghép thành công sẽ được hiển thị. Nhấn nút <**INFO.**> để hiển thị live View.
- Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã đặt, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ tự thoát. Đối với chế độ chụp liên tục, sau khi bạn chụp xong số lượng ảnh đã đặt, máy sẽ dừng chụp dù vẫn nhấn giữ nút chụp.



- Chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao và không gian màu, v.v... được đặt cho ảnh đơn đầu tiên cũng sẽ được thiết lập cho các ảnh tiếp theo.
- Không thể thực hiện chụp crop hoặc chụp với tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt đối với chụp ảnh ghép phơi sáng. [**Full-frame (Toàn khung hình)**] sẽ được áp dụng cho [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] khi chụp ảnh.
- Trong khi chụp ảnh ghép phơi sáng, thiết lập của [**1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)**], [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] và [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] sẽ được tự động chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Nếu [**3: Picture Style (Kiểu ảnh)**] được đặt thành [**Auto (Tự động)**], [**Standard (Tiêu chuẩn)**] sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Nếu đặt cả [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**] và [**Additive (Thêm)**], [**Bright (Sáng)**] hoặc [**Dark (Tối)**], ảnh hiển thị trong khi chụp có thể bị nhiễu hạt. Tuy nhiên, khi bạn chụp xong số lượng ảnh đã đặt, giảm nhiễu hạt sẽ được áp dụng và ảnh ghép phơi sáng cuối cùng sẽ ít nhiễu hơn.
- Nếu bạn thực hiện chụp Live View trong khi đặt [**On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)**], chức năng Live View sẽ tự động dừng sau khi chụp ảnh đầu tiên. Từ ảnh thứ hai trở đi, chụp với khung ngắm.



Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**], bạn có thể nhấn nút <**▶**> để xem các ảnh ghép đã chụp hoặc xóa ảnh đơn cuối cùng (tr.234).

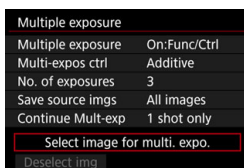


- Đối với ảnh ghép phơi sáng, ảnh càng nhiều, nhiều hạt, nhiều sắc độ và dải sẽ càng hiện rõ. Ngoài ra, bạn nên chụp với tốc độ ISO thấp do tốc độ ISO cao sẽ làm tăng nhiễu hạt.
- Nếu đặt **[Additive (Thêm)]**, **[Bright (Sáng)]** hoặc **[Dark (Tối)]** sẽ cần thời gian để xử lý ảnh ghép phơi sáng sau khi chụp. (Đền truy cập sẽ sáng lâu hơn.)
- Nếu bạn thực hiện chụp Live View trong khi cả **[On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)]** và **[Additive (Thêm)]**, **[Bright (Sáng)]** hoặc **[Dark (Tối)]** đều được đặt, chức năng Live View sẽ tự động dừng sau khi chụp ảnh ghép phơi sáng.
- Trong bước 9, độ sáng và độ nhiễu hạt của ảnh ghép phơi sáng được hiển thị trong quá trình chụp Live View sẽ khác với ảnh ghép phơi sáng cuối cùng được ghi.
- Nếu đặt **[On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)]**, nhấn nút chụp sau khi chụp xong số lượng ảnh đã đặt.
- Thực hiện một trong các thao tác sau sẽ hủy chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng: Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, thay pin, thay thẻ nhớ hoặc chuyển sang quay phim.
- Nếu chuyển chế độ chụp thành **<A+>** hoặc **<C1/C2/C3>** trong khi chụp, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ kết thúc.
- Nếu kết nối máy ảnh với máy tính hoặc máy in, bạn sẽ không thể chụp ảnh ghép phơi sáng. Nếu kết nối máy ảnh với máy tính hoặc máy in trong khi chụp, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ dừng lại.

Ghép ảnh với ảnh đã ghi trên thẻ

Bạn có thể chọn một **RAW** ảnh được ghi trên thẻ làm ảnh đơn đầu tiên. Dữ liệu ảnh của ảnh **RAW** đã chọn sẽ không đổi.

Chỉ có thể chọn ảnh **RAW**. Không thể chọn ảnh **M RAW/S RAW** hoặc ảnh JPEG.



1 Chọn [Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để thực hiện ghép ảnh)].

▶ Ảnh trên thẻ sẽ được hiển thị.

2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh được sử dụng làm ảnh đơn đầu tiên, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK].
- ▶ Số thứ tự tập tin ảnh được chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.

3 Chọn ảnh.

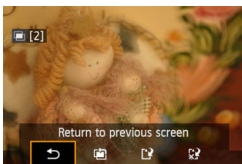
- Khi chọn ảnh đầu tiên, số lượng ảnh còn lại khi được đặt với [No. of exposures (Số lượng ảnh)] sẽ giảm đi 1 ảnh. Ví dụ, nếu [No. of exposures (Số lượng ảnh)] là 3, bạn chỉ có thể chụp được 2 ảnh.



- Không thể chọn những ảnh sau làm ảnh đơn đầu tiên: Ảnh chụp với [📷3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)], ảnh có [📷4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)] được đặt khác với [Full-frame (Toàn khung hình)] (tr.156) và ảnh có thông tin cắt ảnh (tr.413).
- [Disable (Tắt)] áp dụng cho [📷1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)] và [📷2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] không phụ thuộc vào thiết lập của ảnh **RAW** được chọn làm ảnh đơn đầu tiên.
- Tốc độ ISO, kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao và không gian màu, v.v... được thiết lập cho ảnh **RAW** đầu tiên cũng sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Nếu [📷3: Picture Style (Kiểu ảnh)] là Tự động cho ảnh RAW chọn làm ảnh **RAW** đơn đầu tiên, chế độ Chuẩn sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Không thể chọn ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.

- Cũng có thể chọn một ảnh ghép phơi sáng **RAW** làm ảnh đơn đầu tiên.
- Nếu chọn [**Deselect img (Bỏ chọn ảnh)**], ảnh đã chọn sẽ bị hủy.

Kiểm tra và xóa ảnh trong quá trình chụp



Khi đặt [**On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)**] và chưa chụp xong số lượng ảnh đã đặt, bạn có thể nhấn nút **<[Return]>** để xem ảnh đã ghép cho đến lúc đó. Bạn có thể kiểm tra ảnh và độ phơi sáng của ảnh. (Không thực hiện được khi đặt [**On:ContShtng (Bật: Chụp liên tục)**].)

Nếu nhấn nút **<[Exit]>**, các thao tác có thể thực hiện trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ được hiển thị.

Thao tác	Mô tả
Undo last image (Xóa ảnh cuối cùng)	Xóa ảnh được chụp cuối cùng (chụp ảnh khác). Số lượng ảnh còn lại sẽ tăng thêm 1 ảnh.
Save and exit (Lưu và thoát)	Nếu đặt [Save source imgs: All images (Lưu ảnh gốc: Tất cả ảnh)], tất cả ảnh đơn và ảnh đã ghép sẽ được lưu trước khi thoát. Nếu đặt [Save source imgs: Result only (Lưu ảnh gốc: Chỉ kết quả)], chỉ có ảnh đã ghép được lưu trước khi thoát.
Exit without saving (Thoát không lưu)	Không có ảnh nào được lưu trước khi thoát.
Return to previous screen (Trở về màn hình trước đó)	Màn hình trước khi bạn nhấn nút <[Return]> sẽ xuất hiện lại.

Trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng, chỉ có thể xem lại các ảnh được chụp ở chế độ này.

? Câu hỏi thường gặp

• Có giới hạn nào cho chất lượng ghi ảnh không?

Tất cả thiết lập chất lượng ghi ảnh JPEG đều có thể được chọn. Nếu đặt **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh đã ghép sẽ là ảnh **RAW**.

Thiết lập chất lượng ghi ảnh	Ảnh đơn	Ảnh đã ghép phơi sáng
JPEG	JPEG	JPEG
RAW	RAW	RAW
M RAW/S RAW	M RAW/S RAW	RAW
RAW+JPEG	RAW+JPEG	RAW+JPEG
M RAW/S RAW+JPEG	M RAW/S RAW+JPEG	RAW+JPEG

• Tôi có thể ghép các ảnh được ghi trên thẻ không?

Với chế độ [Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để thực hiện ghép ảnh)], bạn có thể chọn ảnh đơn đầu tiên từ các ảnh được ghi trên thẻ (tr.233). Lưu ý rằng bạn không thể ghép những ảnh đã được ghi trên thẻ.

• Có thể dùng Live View để chụp ảnh ghép phơi sáng?

Khi đặt [On:Func/Ctrl (Bật: Chức năng/Điều khiển)], bạn có thể chụp ảnh ghép phơi sáng với chế độ chụp Live View (tr.257). Lưu ý [Full-frame (Toàn khung hình)] sẽ được áp dụng cho [4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)] để chụp ảnh.

• Số thứ tự tập tin nào được sử dụng để lưu ảnh đã ghép?

Nếu thiết lập lưu tất cả ảnh, số thứ tự tập tin của ảnh ghép phơi sáng sẽ lần lượt theo thứ tự tiếp sau số tập tin của ảnh đơn cuối cùng được sử dụng để tạo ảnh ghép.

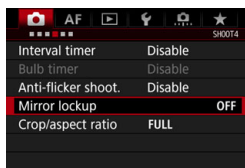
• Chế độ tự động tắt nguồn có hiệu quả trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng không?

Chỉ cần đặt [2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [Disable (Tắt)], nguồn sẽ tự động tắt sau 30 phút không hoạt động. Nếu chế độ tự động tắt nguồn hoạt động, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ kết thúc và thiết lập chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ bị hủy.

Trước khi bắt đầu chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng, chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động khi được thiết lập trên máy ảnh, và thiết lập chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ bị hủy.

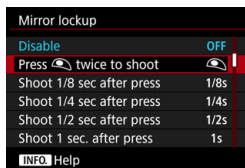
Khóa gương lật ☆

Máy ảnh rung do hoạt động của gương lật khi chụp ảnh được gọi là “rung gương”. Khóa gương lật giữ cho gương lật hướng lên trước và trong khi chụp để giảm mờ ảnh do rung máy. Hữu dụng khi chụp cận cảnh (ảnh macro), sử dụng ống kính chụp (siêu) xa và chụp ảnh với tốc độ màn trập chậm.



1 Chọn [Mirror lockup (Khóa gương lật)].

- Trong tab [4], chọn [Mirror lockup (Khóa gương lật)], rồi nhấn < >.



2 Chọn thiết lập mong muốn.

- Khi bạn thoát khỏi menu, < > sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

3 Chụp ảnh.

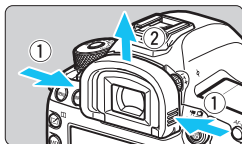
- Nếu chọn [Press  twice to shoot (Nhấn  hai lần để chụp)], nhấn hoàn toàn nút chụp để khóa gương lật, rồi nhấn lại hoàn toàn để chụp ảnh.
- Nếu chọn [Shoot * sec. after press (Chụp trong * giây sau khi bấm nút)], nhấn hoàn toàn nút chụp để khóa gương lật. Ảnh sẽ được chụp sau khi hết khoảng thời gian thiết lập. Có thể chọn sau 1/8 giây, sau 1/4 giây, sau 1/2 giây, sau 1 giây hoặc sau 2 giây.

Giảm thiểu ảnh mờ

- Sử dụng chân máy vững chắc phù hợp với trọng lượng của máy ảnh. Gắn máy ảnh chắc chắn trên chân máy.
 - Nên sử dụng công tắc điều khiển từ xa hoặc bộ điều khiển từ xa (tr.239).
 - Ngoài khóa gương lật, chụp Live View ngắt tiếng (tr.268) và chụp từng ảnh ngắt tiếng (tr.144) cũng có tác dụng giảm thiểu ảnh mờ.
 - Khi sử dụng khóa gương lật, nên thiết lập [**Shoot * sec. after press (Chụp trong * giây sau khi bấm nút)**]. Chọn thời gian lâu hơn, chẳng hạn như [**Shoot 2 sec. after press (Chụp trong hai giây sau khi bấm nút)**], thời gian trước khi chụp sẽ tăng lên, giảm rung gương.
-  ● Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Trong môi trường rất sáng như ở bãi biển hoặc dốc trượt tuyết vào ngày nắng, chụp ngay sau khi gương được khóa ổn định.
 - Khi đặt [**Press  twice to shoot (Nhấn  hai lần để chụp)**], chụp từng ảnh sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi đã đặt kiểu chụp là chụp liên tục.
 - Nếu đặt [**4: Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)**] hoặc [**4: Bulb timer (Hẹn giờ bulb)**] thành [**Enable (Bật)**], bạn không thể chọn [**Press  twice to shoot (Nhấn  hai lần để chụp)**].
 - Nếu sử dụng [**Shoot *sec. after press (Chụp trong * giây sau khi bấm nút)**] cho chế độ chụp ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu hoặc chụp HDR, thiết lập [**Shoot *sec. after press (Chụp trong * giây sau khi bấm nút)**] sẽ chỉ được áp dụng cho ảnh đầu tiên. (Chụp liên tục sẽ được áp dụng cho ảnh thứ hai và các ảnh sau đó.)
 - Trong quá trình khóa gương lật, thiết lập chức năng chụp và các thao tác menu sẽ bị tắt.
-  ● Khi đặt [**Shoot * sec. after press (Chụp trong * giây sau khi bấm nút)**], có thể sử dụng chế độ hẹn giờ hoặc hẹn giờ bulb với khóa gương lật.
- Sau khi được khóa 30 giây, gương lật sẽ tự động hạ xuống. Nhấn hoàn toàn nút chụp để khóa gương lật lần nữa.
 - Để khóa gương lật, nên sử dụng chân máy ảnh và Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 (bán riêng) hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (bán riêng) (tr.239).
 - Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa (bán riêng, tr.239) với khóa gương lật. Nên hẹn giờ bộ điều khiển từ xa thành 2 giây.

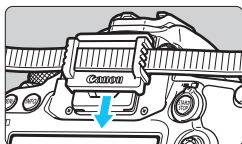
Sử dụng nắp thị kính

Khi sử dụng chức năng hẹn giờ, phơi sáng bulb hoặc công tắc điều khiển từ xa và không nhìn qua khung ngắm, ánh sáng khuếch tán lọt vào khung ngắm có thể khiến ảnh trông tối. Để tránh hiện tượng này xảy ra, nên sử dụng nắp thị kính (tr.35) được gắn vào dây đeo máy ảnh. Trong suốt quá trình chụp Live View và quay phim, không cần thiết gắn nắp thị kính.



1 Tháo vành đỡ mắt.

- Cầm vào hai bên rồi trượt lên trên để tháo vành đỡ mắt ra.



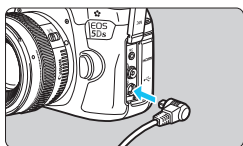
2 Lắp nắp thị kính.

- Trượt nắp thị kính xuống vào rãnh thị kính để lắp nắp.
- Sau khi chụp ảnh, tháo nắp thị kính và gắn vành đỡ mắt vào.

Sử dụng công tắc điều khiển từ xa

Bạn có thể kết nối Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 (bán riêng) hay Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (bán riêng) hoặc bất kỳ phụ kiện EOS nào được trang bị với cổng kết nối loại N3 cho máy ảnh để chụp ảnh (tr.456).

Để sử dụng phụ kiện, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng.



1 Mở nắp cổng kết nối.

2 Kết nối đầu cắm với cổng kết nối điều khiển từ xa.

- Kết nối đầu cắm như hình minh họa.
- Để ngắt kết nối đầu cắm, nắm lấy phần bằng bạc và kéo.

Chụp điều khiển từ xa



Với Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng), bạn có thể chụp điều khiển từ xa với khoảng cách tối đa khoảng 5 m/16,4 ft tính từ máy ảnh, có thể chụp ngay hoặc chụp sau 2 giây.

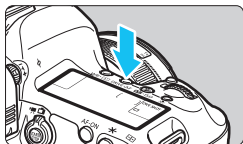
Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-1 và RC-5.

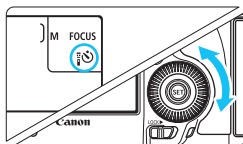
1 Lấy nét chủ thể.

2 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- Bạn cũng có thể chụp với <AF>.

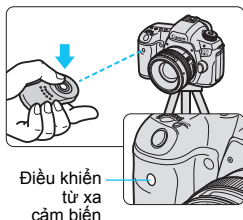
3 Nhấn nút <DRIVE•AF>. (ⓘ6)





4 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

- Khi nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc trong khung ngắm, xoay nút xoay < > để chọn < > hoặc < 2 >.



5 Nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa.

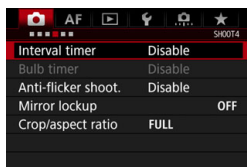
- Hướng điều khiển từ xa về phía cảm biến điều khiển từ xa của máy ảnh và nhấn nút truyền.
- ▶ Đèn hẹn giờ phát sáng và ảnh được chụp.

- ⚠ Đèn huỳnh quang hoặc đèn LED có thể gây ra trục trặc cho máy ảnh do vô tình kích hoạt màn trập. Cố gắng giữ máy ảnh xa những nguồn sáng này.
- Nếu bạn hướng bộ điều khiển từ xa của TV vào máy ảnh và thao tác, có thể khiến thao tác máy ảnh bị lỗi khi vô tình kích hoạt màn trập.
- Nếu có nguồn sáng đèn flash từ một máy ảnh khác gần đó đánh sáng, thao tác máy ảnh có thể bị lỗi khi vô tình kích hoạt màn trập. Không hướng cảm biến điều khiển từ xa vào nguồn sáng flash từ máy ảnh khác.

📷 Cũng có thể chụp điều khiển từ xa với các thiết bị như đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị chức năng nhả màn trập từ xa (bán riêng).

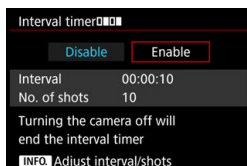
Chụp hẹn giờ ngắt quãng

Với chế độ hẹn giờ ngắt quãng, bạn có thể thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh. Máy ảnh sẽ tự động lặp lại việc chụp một ảnh với quãng thời gian đã đặt cho đến khi chụp hết số lượng ảnh đã thiết lập.



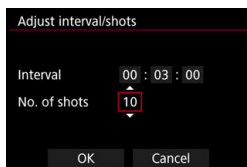
1 Chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)].

- Trong tab [4] (tab [2] trong <A+>), chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn nút <INFO>.



3 Thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh.

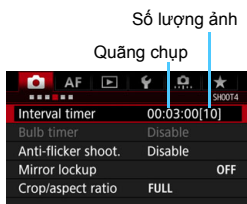
- Chọn giờ, phút, giây hoặc số lượng ảnh.
- Nhấn <SET> để hiển thị <A+>.
- Thiết lập số mong muốn, rồi nhấn <SET> (Quay lại <A+>).

Interval (Quãng chụp)

Có thể thiết lập từ [00:00:01] đến [99:59:59].

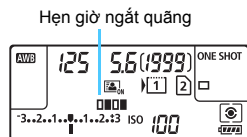
No. of shots (Số lượng ảnh)

Có thể thiết lập từ [01] đến [99]. Nếu bạn đặt [00], máy ảnh sẽ tiếp tục chụp cho đến khi bạn dừng chế độ hẹn giờ ngắt quãng.



4 Chọn [OK].

- ▶ Thiết lập cho hẹn giờ ngắt quãng sẽ hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, <[OK]> sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



5 Chụp ảnh.

- ▶ Việc chụp ảnh sẽ bắt đầu dựa theo thiết lập hẹn giờ ngắt quãng.
- Trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, <[OK]> sẽ nhấp nháy.
- Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã thiết lập, chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ dừng và tự động hủy.



- Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nên chụp thử vài ảnh.
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn vẫn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh như bình thường. Tuy nhiên, bắt đầu từ 5 giây trước lần chụp hẹn giờ ngắt quãng tiếp theo, thiết lập chức năng chụp, thao tác menu, xem ảnh và các thao tác khác sẽ bị ngừng và máy ảnh sẵn sàng chụp.
- Nếu chụp ảnh hoặc đang xử lý ảnh khi đến lần chụp hẹn giờ ngắt quãng tiếp theo, lần chụp đó sẽ bị hủy. Điều này sẽ khiến số lượng ảnh chụp ở chế độ hẹn giờ ngắt quãng ít hơn so với số lượng ảnh đã thiết lập.
- Tự động tắt nguồn có hiệu lực với hẹn giờ ngắt quãng. Khoảng 1 phút trước khi chụp tắt tiếp theo, nguồn sẽ tự động bật.
- Có thể kết hợp chụp hẹn giờ ngắt quãng với chế độ phơi sáng hỗn hợp tự động, cân bằng trắng hỗn hợp, chụp ảnh ghép phơi sáng và HDR.
- Bạn có thể chọn [**Disable (Tắt)**] hoặc chuyển công tắc nguồn về <**OFF**> để dừng chụp hẹn giờ ngắt quãng.



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu như công tắc chế độ lấy nét của ống kính đặt thành **<AF>**, máy ảnh sẽ không chụp khi chưa lấy được nét. Nên đặt công tắc thành **<MF>** và lấy nét tay.
- Không thể thực hiện chụp hẹn giờ ngắt quãng với chế độ chụp Live View, quay phim hoặc phơi sáng bulb.
- Để chụp hẹn giờ ngắt quãng trong thời gian dài, bạn nên sử dụng Bộ nổi nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh.
- Máy ảnh sẽ không thể chụp ở quãng chụp đã thiết lập nếu phơi sáng lâu hoặc tốc độ màn trập lâu hơn quãng chụp đã thiết lập. Vì thế máy ảnh sẽ chụp được ít ảnh hơn số lượng ảnh đã thiết lập cho chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng. Ngoài ra, khi tốc độ màn trập và quãng chụp gần như bằng nhau, số lượng ảnh có thể giảm đi.
- Máy ảnh có thể không chụp ở quãng chụp đã thiết lập nếu thời gian ghi của thẻ nhớ lâu hơn quãng chụp đã thiết lập, do hiệu suất thẻ nhớ hoặc thiết lập chụp, v.v...
- Nếu bạn sử dụng đèn flash với chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng, hãy đặt quãng chụp lâu hơn thời gian hồi đèn flash. Nếu không, đèn flash có thể không đánh sáng khi quãng chụp quá ngắn.
- Nếu quãng chụp quá ngắn, máy ảnh có thể không chụp ảnh hoặc có thể chụp ảnh mà không lấy nét tự động.
- Chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ bị hủy và cài đặt lại thành **[Disable (Tắt)]** nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây: Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, hiển thị màn hình Live View hoặc màn hình quay phim, đặt chế độ chụp thành **** hay chụp tùy chỉnh, hoặc sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.532).
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn không thể sử dụng chế độ chụp điều khiển từ xa (tr.239) hoặc nhả chụp từ xa với đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.
- Trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, nếu mắt bạn không giữ ở thị kính của khung ngắm, hãy gắn nắp thị kính (tr.238). Ánh sáng khuếch tán lọt vào khung ngắm có thể làm hỏng phơi sáng.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

6

Chụp ảnh với đèn flash

Chương này giới thiệu cách chụp ảnh với đèn Speedlite gắn ngoài sê-ri EX (bán riêng) và cách cài đặt đèn Speedlite với màn hình menu của máy ảnh.



- Không thể dùng flash khi quay phim. Đèn sẽ không đánh sáng.
- Không thể sử dụng phơi sáng hỗn hợp tự động với đèn flash.

⚡ Chụp ảnh với đèn flash

Đèn Speedlite sê-ri EX dành riêng cho máy EOS

Đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) giúp chụp ảnh có flash dễ dàng như chụp ảnh thông thường.

Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX. Máy ảnh này là máy ảnh Kiểu A, có thể sử dụng tất cả các tính năng của đèn Speedlite sê-ri EX.

Để thiết lập chức năng flash và chức năng tùy chỉnh flash với menu của máy ảnh, tham khảo các trang 249-255.



Đèn Speedlite có đế gắn

Đèn Macro

● Bù trừ phơi sáng flash

Có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash giống như đối với bù trừ phơi sáng thông thường. Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng $1/3$ điểm dừng.

Nhấn nút **<ISO>** của máy ảnh, rồi xoay nút xoay **<ISO>** trong khi nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm.

● Khóa phơi sáng flash

Điều này cho phép bạn có được phơi sáng flash chính xác cho một phần cụ thể của chủ thể. Hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể, nhấn nút **<M-Fn>** trên máy ảnh, rồi bố cục ảnh và chụp.

⚠ Nếu đặt [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] (tr.184) thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [Disable (Tắt)], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng giảm cho hình ảnh tốt hơn.

📷 Đối với dòng EOS, khi lấy nét bằng chức năng lấy nét tự động gặp khó khăn, đèn Speedlite gắn ngoài sẽ tự động phát ra tia giúp lấy nét khi cần.

Đèn Speedlite Canon không phải sê-ri EX

- Với đèn Speedlite sê-ri EZ/E/EG/ML/TL được thiết lập thành chế độ flash tự động A-TTL hoặc TTL, flash chỉ có thể đánh sáng với công suất tối đa.

Đặt chế độ chụp của máy ảnh thành <M> (phơi sáng chỉnh tay) hoặc <Av> (tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ) và điều chỉnh thiết lập khẩu độ trước khi chụp.

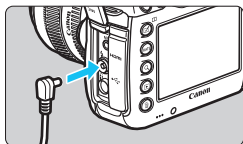
- Nếu đèn Speedlite có trang bị chế độ flash chỉnh tay, nên chụp ở chế độ flash chỉnh tay.

Thiết bị flash không phải của Canon

Tốc độ đồng bộ

Máy ảnh có thể đồng bộ với thiết bị flash cỡ nhỏ không phải của Canon ở tốc độ 1/200 giây trở xuống. Với các thiết bị flash lớn dành cho phòng chụp, cần đảm bảo kiểm tra đồng bộ flash trước khi chụp với tốc độ đồng bộ được thiết lập trong khoảng 1/60 giây đến 1/30 giây. Thời lượng phát flash của các thiết bị này dài hơn so với các thiết bị flash cỡ nhỏ và thay đổi tùy theo model.

Cổng cho máy tính



- Cổng cho máy tính có thể sử dụng với thiết bị flash có dây đồng bộ. Cổng cho máy tính có ren để ngăn ngừa ngắt kết nối không chủ ý.
- Cổng cho máy tính của máy ảnh không phân cực. Bạn có thể kết nối bất kỳ dây đồng bộ nào với cực.

Thận trọng trong khi chụp Live View

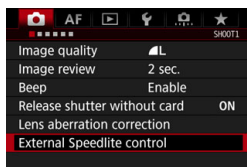
Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon để chụp Live View, đặt [**6: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.268). Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành [**Mode 1 (Chế độ 1)**] hoặc [**Mode 2 (Chế độ 2)**].

- ⚠ Nếu sử dụng máy ảnh với thiết bị flash hoặc phụ kiện flash dành riêng cho thương hiệu máy ảnh khác, máy ảnh này có thể không hoạt động chính xác và gặp trục trặc.
- Không kết nối cổng cho máy tính của máy ảnh với bất kỳ thiết bị flash nào có điện áp đầu ra từ 250 V trở lên.
- Không lắp thiết bị flash điện áp cao vào ngàm gắn của máy ảnh. Flash có thể không đánh sáng.

📖 Có thể sử dụng đồng thời cả thiết bị flash gắn với ngàm gắn của máy ảnh và thiết bị flash kết nối với cổng cho máy tính.

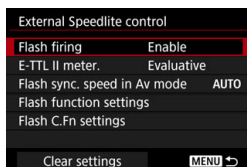
MENU Cài đặt flash ☆

Với đèn Speedlite sê-ri EX có thiết lập chức năng flash tương thích, bạn có thể sử dụng màn hình menu của máy ảnh để thiết lập các chức năng của đèn Speedlite và các chức năng tùy chỉnh. **Gắn đèn Speedlite vào máy ảnh và bật đèn Speedlite trước khi thiết lập chức năng flash.** Để biết chi tiết về chức năng của đèn Speedlite, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.



1 Chọn [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)].

- Trong tab [1], chọn [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài sẽ xuất hiện.



2 Chọn mục mong muốn.

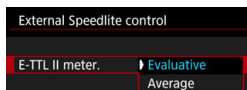
- Chọn tùy chọn menu sẽ đặt, rồi nhấn <SET>.

Flash Firing (Đánh sáng flash)



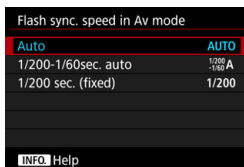
Để bật chụp ảnh có đèn flash, thiết lập [Enable (Bật)]. Để chỉ bật tia giúp lấy nét, thiết lập [Disable (Tắt)].

E-TTL II Metering (Đo sáng E-TTL II)



Đối với phơi sáng thông thường, đặt thành [Evaluative (Toàn khung ảnh)]. Nếu [Average (Trung bình)] được thiết lập, phơi sáng sẽ được lấy trung bình cho toàn cảnh được đo sáng. Tùy thuộc vào cảnh, có thể cần bù trừ phơi sáng flash. Thiết lập này dành cho người dùng chuyên nghiệp.

Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av



Bạn có thể đặt tốc độ đồng bộ flash để chụp ảnh có đèn flash ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**).

- **AUTO: Auto (Tự động)**

Tốc độ đồng bộ flash được đặt tự động trong phạm vi từ 1/200 giây đến 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Đồng bộ flash tốc độ cao cũng có thể thực hiện.

- **^{1/200}_{-1/60} A: 1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**

Không cho phép thiết lập tốc độ màn trập chậm trong điều kiện ánh sáng yếu. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy. Tuy nhiên, khi chủ thể được phơi sáng chuẩn bằng flash, hậu cảnh có thể tối hơn.

- **1/200: 1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**

Tốc độ đồng bộ flash cố định ở 1/200 giây. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy hiệu quả hơn so với [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**]. Tuy nhiên, trong điều kiện ánh sáng yếu, hậu cảnh của chủ thể sẽ tối hơn so với [**1/200-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**].

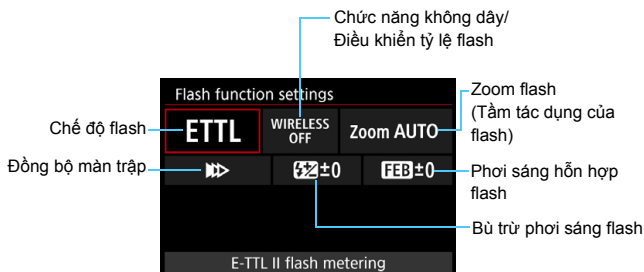
❗ Nếu đặt thành [**1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**], đồng bộ tốc độ cao sẽ không thể thực hiện ở chế độ <**Av**>.

Thiết lập chức năng flash

Hiện thị màn hình và tùy chọn thiết lập sẽ khác nhau tùy vào model đèn Speedlite, chế độ flash hiện tại, thiết lập chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite, v.v...

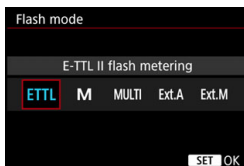
Để tìm hiểu các chức năng của đèn Speedlite (bán riêng), tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.

Hiện thị mẫu



● Flash mode (Chế độ flash)

Bạn có thể chọn chế độ flash phù hợp với kiểu chụp flash mong muốn.



[E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)] là chế độ tiêu chuẩn của đèn Speedlite sê-ri EX dành cho chụp với flash tự động.

[Manual flash (Flash chỉnh tay)] dùng để tự thiết lập **[Flash output level (Mức công suất flash)]**.

Về các chế độ flash khác, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chức năng đó.

● Wireless functions (Chức năng không dây) / Flash ratio control (Điều khiển tỷ lệ flash)



Có thể chụp flash không dây (đa điểm) với hệ thống truyền vô tuyến hoặc truyền quang.

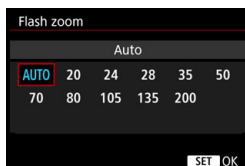
Để biết chi tiết về flash không dây, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite tương thích với chế độ chụp flash không dây.



Với đèn flash cỡ lớn (MR-14EX II, v.v...) tương thích với các thiết lập chức năng flash, bạn có thể đặt tỷ lệ giữa các đèn flash hoặc giữa các nhóm flash A và B, hoặc sử dụng đèn flash không dây với thiết bị phụ.

Để tìm hiểu chi tiết về cách điều chỉnh tỷ lệ flash, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn flash cỡ lớn.

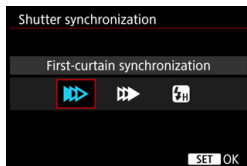
● Flash zoom (Tầm tác dụng của flash)



Với đèn Speedlite có đầu flash zoom, bạn có thể đặt tầm tác dụng của flash.

Thông thường, đặt thiết lập này thành **[AUTO (TỰ ĐỘNG)]** để máy ảnh tự động thiết lập tầm tác dụng của flash phù hợp với tiêu cự ống kính.

● Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)



Thông thường, đặt thiết lập này thành **[First-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 1)]** để flash đánh sáng ngay sau khi phôi sáng bắt đầu.

Nếu đặt **[Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 2)]**, flash sẽ đánh sáng ngay trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo ra vết sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm với cảm giác tự nhiên hơn. Với đồng bộ màn trập 2, đèn flash sẽ đánh sáng hai lần: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phôi sáng kết thúc.

Nếu đặt **[High-speed synchronization (Đồng bộ tốc độ cao)]**, flash có thể được sử dụng ở tất cả các tốc độ của màn trập. Tính năng này tiện lợi khi bạn muốn chụp với hậu cảnh mờ (mở khẩu độ) trong tình huống ví dụ như ngoài trời vào ban ngày.

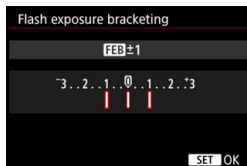
● Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)



Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng $1/3$ điểm dừng.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

● Flash exposure bracketing (Phơi sáng hỗn hợp flash)



Ba ảnh sẽ được chụp với công suất flash thay đổi.

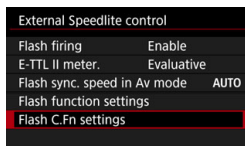
Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite có trang bị phơi sáng hỗn hợp flash.

 Khi sử dụng đồng bộ màn trập 2, thiết lập tốc độ màn trập từ 1/25 giây trở xuống. Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây trở lên, đồng bộ màn trập thứ nhất sẽ được áp dụng tự động ngay cả khi đặt [**Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 2)**].

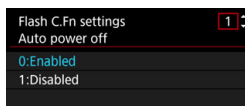
- 
- Với đèn Speedlite sê-ri EX không tương thích với thiết lập chức năng flash, bạn chỉ có thể đặt các thiết lập sau: [**Flash firing (Đánh sáng flash)**], [**E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)**] và [**Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)**] trong [**Flash function settings (Thiết lập chức năng flash)**]. (Chức năng [**Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)**] cũng có thể được thiết lập cho một số đèn Speedlite sê-ri EX.)
 - Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite, không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash trên máy ảnh. Nếu bù trừ phơi sáng được thiết lập cho cả máy ảnh và đèn Speedlite, thiết lập của đèn Speedlite sẽ vô hiệu hóa thiết lập của máy ảnh.

Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash

Để tìm hiểu chi tiết về chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite (bán riêng), tham khảo hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.



1 Chọn [Flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash)].



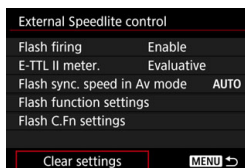
2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Chọn số lượng, rồi nhấn <SET>.
- Chọn thiết lập, rồi nhấn <SET>.

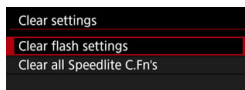


Với đèn Speedlite sê-ri EX, nếu chức năng tùy chỉnh [Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)] được đặt thành [TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)] (flash tự động), đèn Speedlite sẽ luôn đánh sáng ở công suất tối đa.

Xóa cài đặt



1 Chọn [Clear settings (Xóa cài đặt)].



2 Chọn cài đặt cần xóa.

- Chọn [Clear flash settings (Xóa cài đặt flash)] hoặc [Clear all Speedlite C.Fn's (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh đèn Speedlite)], rồi nhấn <SET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK]. Sau đó tất cả các thiết lập flash hay thiết lập chức năng tùy chỉnh sẽ bị xóa.



Không thể thiết lập hoặc hủy chức năng riêng của đèn Speedlite (P.Fn) với màn hình [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)] của máy ảnh. Thiết lập chức năng này với đèn Speedlite.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

7

Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)



Bạn có thể chụp khi đang xem ảnh trên màn hình LCD của máy ảnh. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”.

Bật chế độ chụp Live View bằng cách đặt công tắc chụp Live View/Quay phim thành <  >.

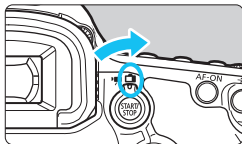
- Nếu bạn cầm máy ảnh và chụp khi đang xem màn hình LCD, máy ảnh rung có thể làm mờ ảnh. Bạn nên sử dụng chân máy.



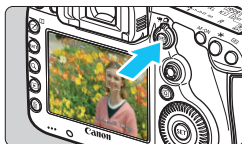
Chụp Live View từ xa

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.532) cài đặt trên máy tính, bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và chụp từ xa khi đang xem trên màn hình máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.534).

Chụp với màn hình LCD

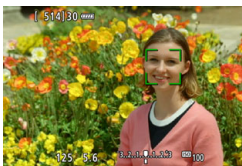


- 1** Đặt công tắc chụp Live View/
Quay phim thành **<START/STOP>**.



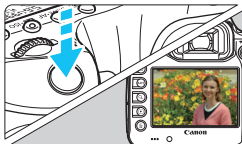
- 2** **Hiện thị ảnh Live View.**

- Nhấn nút **<START/STOP>**.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Ảnh Live View sẽ khớp với độ sáng của ảnh chụp thực tế hơn.



- 3** **Lấy nét chủ thể.**

- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF đang được thiết lập (tr.270).

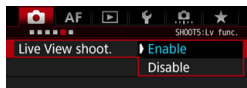


- 4** **Chụp ảnh.**

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút **<START/STOP>** để thoát khỏi chế độ chụp Live View.

-  ● Phạm vi xem ảnh là khoảng 100% (khi chất lượng ghi ảnh đặt thành JPEG  với chụp toàn khung hình).
- Trong các chế độ chụp **<P>** **<Tv>** **<Av>** **<M>** ****, bạn có thể nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để kiểm tra độ sâu trường ảnh.
 - Khi chụp liên tục, độ phơi sáng thiết lập cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh sau đó.
 - Bạn cũng có thể sử dụng điều khiển từ xa (bán riêng, tr.239) để chụp Live View.

Bật chế độ chụp Live View



Đặt [**5: Live View shoot. (Chụp Live View)**] (tab [**3**] trong <**A+**>) thành [**Enable (Bật)**].

Số ảnh có thể chụp ở chế độ chụp Live View

(Số lượng ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Số ảnh có thể chụp	220	210

- Số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy và tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, tổng thời gian chụp Live View liên tục sẽ như sau: Ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F): Khoảng 1 giờ 45 phút, ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F): Khoảng 1 giờ 40 phút



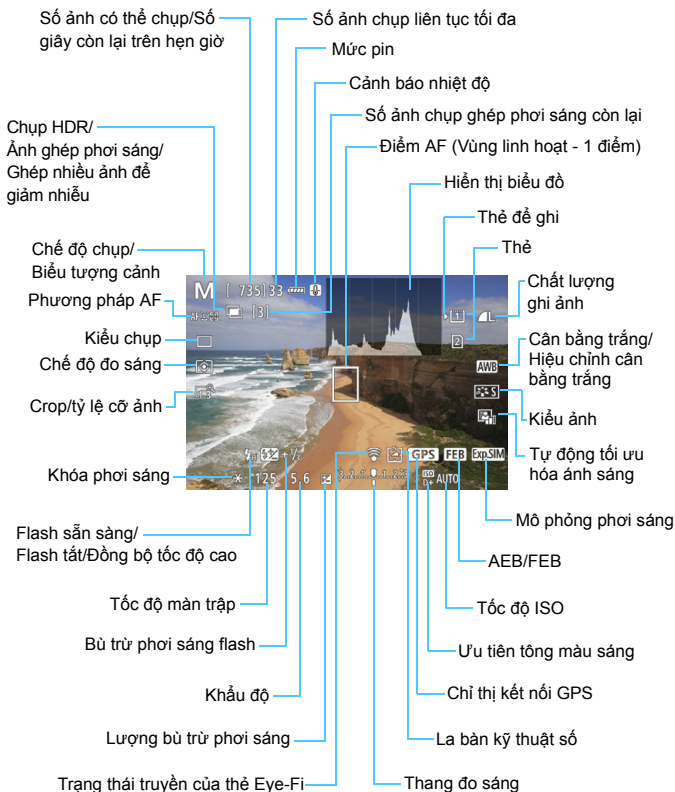
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Các lưu ý chung khi chụp Live View nằm ở trang 279-280.**



- Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút <AF-ON>.
- Khi sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần, nhưng chỉ có một ảnh được chụp. Ngoài ra, thời gian chuẩn bị để chụp ảnh sau khi nhấn hoàn toàn nút chụp sẽ hơi lâu hơn so với chụp bằng khung ngắm.
- Nếu máy ảnh không hoạt động trong thời gian dài, nguồn sẽ tự động tắt sau khi hết thời gian thiết lập trong [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] (tr.69). Nếu đặt [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], chụp Live View sẽ tự động kết thúc sau 30 phút (nguồn máy ảnh vẫn bật).
- Sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để hiển thị ảnh Live View trên màn hình TV (tr.353). Lưu ý rằng không có âm thanh đầu ra. Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, đặt chính xác [**3: Video system (Hệ thống video)**] thành [**For NTSC (Cho NTSC)**] hoặc [**For PAL (Cho PAL)**] (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).

Hiện thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.





- Biểu đồ có thể hiển thị khi đặt [ **5: Expo. simulation: Enable (Mô phỏng phơi sáng: Bật)**] (tr.267).
- Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử bằng cách nhấn nút **<INFO.>** button (tr.77). Lưu ý rằng nếu phương pháp AF được đặt thành [**L'+Tracking (L'+Theo dõi)**] hoặc máy ảnh được kết nối với TV qua cáp HDMI, cân bằng điện tử không thể hiển thị.
- Biểu tượng **<Exp.SIM>** hiển thị màu trắng cho biết ảnh Live View có độ sáng gần với độ sáng của ảnh chụp thực tế.
- Biểu tượng **<Exp.SIM>** nhấp nháy cho biết ảnh Live View có độ sáng khác với ảnh chụp thực tế do điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ phản ánh thiết lập phơi sáng. Lưu ý rằng ảnh chụp sẽ thấy rõ nhiều hạt hơn ảnh thực tế.
- Nếu sử dụng ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu, phơi sáng bulb hoặc đèn flash, biểu tượng **<Exp.SIM>** và biểu đồ sẽ được hiển thị màu xám (chỉ để tham khảo). Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, biểu đồ có thể không hiển thị chính xác.



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, giộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.

Biểu tượng cảnh

Trong chế độ chụp <A⁺>, máy ảnh tự động phát hiện kiểu cảnh và thiết lập các cài đặt phù hợp với cảnh. Kiểu cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình. Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

Chủ thể Nền	Chân dung ^{*1}		Không phải chân dung			Màu nền
		Chuyển động	Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Chuyển động	Cận cảnh ^{*2}	
Nền sáng						Màu xám
Ngược sáng						
Nền bao gồm bầu trời xanh						Màu xanh da trời nhạt
Ngược sáng						
Hoàng hôn	*3				*3	Màu cam
Đèn spotlight						Màu xanh da trời đậm
Nền tối						
Sử dụng chân máy		*3		*3		

^{*1}:Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [**L**+Tracking (**L**+Theo dõi)]. Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

^{*2}:Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

^{*3}:Biểu tượng phù hợp với cảnh được phát hiện sẽ hiển thị.

^{*4}:Hiển thị khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau: Cảnh chụp tối, cảnh ban đêm và máy ảnh được gắn lên chân máy.

*5:Hiển thị với tất cả loại ống kính sau:

- EF300mm f/2.8L IS II USM
- EF400mm f/2.8L IS II USM
- EF500mm f/4L IS II USM
- EF600mm f/4L IS II USM

• Ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh được bán trên thị trường từ năm 2012.

*4+*5:Nếu phù hợp cả hai điều kiện *4 và *5, tốc độ màn trập sẽ trở nên chậm.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho thấy kết quả của các thiết lập hiện tại cho kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng khác trong ảnh Live View, do vậy bạn có thể xem ảnh chụp trông như thế nào.

Ảnh Live View sẽ tự động cho thấy hiệu ứng của các thiết lập liệt kê bên dưới.

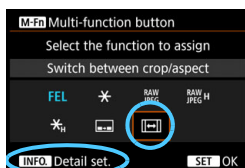
Mô phỏng hình ảnh cuối cùng trong khi chụp Live View

- Kiểu ảnh
 - * Độ sắc nét (Mạnh), độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Chế độ đo sáng
- Phơi sáng (khi đặt [ **5: Expo. simulation: Enable (Mô phỏng phơi sáng: Bật)**]).
- Độ sâu trường ảnh (với nút xem trước độ sâu trường ảnh ở chế độ BẬT)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Ưu tiên tông màu sáng
- Crop/tỷ lệ cỡ ảnh (xác nhận khu vực ảnh)

Thiết lập chức năng chụp

Crop/Tỷ lệ cỡ ảnh

Bạn có thể thực hiện chụp crop hoặc chụp với tỷ lệ cỡ ảnh đối với chụp Live View. Để cài đặt với menu, tham khảo trang 156. Để đặt với màn hình điều khiển nhanh, tham khảo trang tiếp theo.



Nếu sử dụng [**3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] để gán [**Switch between crop/aspect (Chuyển giữa các cài đặt crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] với nút <M-Fn>, bạn có thể nhấn nút <M-Fn> khi đang hiển thị ảnh Live View để chuyển thiết lập crop/tỷ lệ cỡ ảnh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 425.

 Nếu Crop/tỷ lệ cỡ ảnh được đặt cho chụp Live View, phạm vi xem ảnh sẽ khoảng 100% (khi đặt chất lượng ảnh đang ghi thành JPEG  L).

Thiết lập WB//DRIVE/AF//ISO/

Khi hiển thị ảnh Live View, nếu nhấn nút <WB•>, <DRIVE•AF>, <•ISO> hoặc <>, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay <> hoặc <> để thiết lập chức năng chụp tương ứng.

- Bạn có thể nhấn nút <WB•>, rồi nhấn nút <INFO.> để thiết lập thay đổi cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp.

 Khi thiết lập  (Đo sáng từng phần) hoặc  (Đo sáng điểm), vòng đo sáng sẽ hiển thị ở giữa.

Q Điều khiển nhanh

Trong các chế độ <P> <Tv> <Av> <M> , có thể thiết lập **Phương pháp AF, Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Crop/tỷ lệ cỡ ảnh, Thẻ để ghi/xem lại và chất lượng ảnh, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng.**

Trong chế độ <A+>, chỉ thiết lập được các chức năng in đậm nêu trên.



1 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

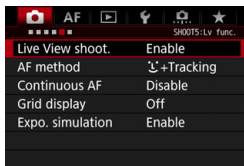
2 Chọn và thiết lập chức năng.

- Sử dụng nút <1/2> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ hiển thị trên màn hình.
- Xoay nút xoay <1/2> hoặc <1/2> để cài đặt.
- Để đặt chất lượng ghi ảnh RAW, nhấn <SET>.
- Để chọn thẻ để ghi/xem lại, thay đổi cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp hoặc thông số kiểu ảnh, nhấn nút <INFO>.
- Để đặt cân bằng trắng tự động, chọn [AWB] rồi nhấn <SET>.
- Nhấn <SET> để kết thúc thiết lập và quay lại chụp Live View.



Nếu đặt [Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)], bạn sẽ không thể đặt [Shooting area (Khu vực chụp)] (tr.156).

MENU Thiết lập chức năng menu



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[Camera Icon]>, các tùy chọn menu chụp Live View sẽ xuất hiện dưới tab [Camera Icon 5] và [Camera Icon 6] (tab [Camera Icon 3] trong <[A+]>).

Các chức năng có thể cài đặt trên màn hình menu bên trái chỉ áp dụng cho chụp Live View. Không thể sử dụng các chức năng này khi chụp qua khung ngắm (thiết lập không có hiệu lực).

- **Live View shooting (Chụp Live View)**

Bạn có thể đặt chức năng chụp Live View thành [**Enable (Bật)**] hoặc [**Disable (Tắt)**].

- **AF method (Phương pháp AF)**

Bạn có thể chọn [**⌂+Tracking (⌂+Theo dõi)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**]. Để tìm hiểu về phương pháp AF, tham khảo trang 270-274.

- **Continuous AF (Lấy nét liên tục)**

Cài đặt mặc định là [**Disable (Tắt)**].

Khi đặt [**Enable (Bật)**], máy ảnh sẽ lấy nét thô chủ thể liên tục. Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ giúp nhanh chóng lấy được nét. Nếu đặt thành [**Enable (Bật)**], ống kính sẽ hoạt động liên tục và tốn pin nhiều hơn. Điều này có thể làm giảm số lượng ảnh có thể chụp do thời lượng pin ngắn hơn.

Nếu bạn muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> trong khi lấy nét liên tục, trước tiên tạm dừng chụp Live View.

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Khi đặt thành [3x3 

- **Exposure simulation (Mô phỏng phơi sáng)***

Mô phỏng phơi sáng mô phỏng và hiển thị độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh.

- **Enable (Bật)** ()

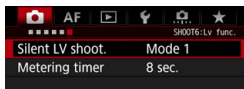
Độ sáng của ảnh hiển thị sẽ gần giống độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh kết quả. Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng, độ sáng của ảnh sẽ thay đổi tương ứng.

- **During (Trong khi)** ((/))

Thông thường, ảnh được hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn. Ảnh sẽ được hiển thị gần với độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh kết quả chỉ khi giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh.

- **Disable (Tắt)** ()

Ảnh được hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn. Ngay cả khi đặt bù trừ phơi sáng, ảnh sẽ được hiển thị ở độ sáng chuẩn.



● Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng) ☆

• Mode 1 (Chế độ 1)

Bạn có thể loại bỏ tiếng ồn máy ảnh khi chụp. Cũng có thể chụp liên tục. Nếu đặt < H >, bạn có thể chụp liên tục với tốc độ chụp tối đa gần 5,0 fps.

• Mode 2 (Chế độ 2)

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn. Trong khi bạn nhấn và giữ nút chụp, hoạt động của máy ảnh sẽ bị dừng. Sau đó, khi quay lại vị trí nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ tiếp tục hoạt động. Tiếng chụp nhờ vậy sẽ được giảm thiểu. Ngay cả khi đặt chụp liên tục, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn.

• Disable (Tắt)

Đảm bảo đặt ở chế độ **[Disable (Tắt)]** nếu bạn sử dụng ống kính TS-E (trừ các loại được liệt kê trong phần dưới đây) để di chuyển hoặc nghiêng ống kính hoặc nếu bạn sử dụng ống nối. Nếu đặt **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**, phơi sáng có thể không đạt chuẩn hoặc không đồng đều.



- Nếu sử dụng **[Mode 1 (Chế độ 1)]** để chụp liên tục, thiết lập **[Disable (Tắt)]** sẽ được áp dụng cho lần chụp thứ hai và những lần sau đó.
- Khi chụp với đèn flash, thiết lập **[Disable (Tắt)]** sẽ được áp dụng không phụ thuộc vào thiết lập **[Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)]**. (Không thể chụp ngắt tiếng.)
- Khi sử dụng thiết bị flash không phải của Canon, đặt ở chế độ **[Disable (Tắt)]**. Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.
- Nếu đặt **[Mode 2 (Chế độ 2)]** và sử dụng bộ điều khiển từ xa (tr.239), thao tác sẽ giống như **[Mode 1 (Chế độ 1)]**.



Với ống kính TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II, bạn có thể sử dụng **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.

● **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) ☆**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).



Chụp Live View sẽ tạm dừng khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây.
Nhấn nút < $\frac{\text{START}}{\text{STOP}}$ > để tiếp tục chụp Live View.

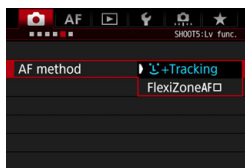
- Chọn [**3: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)**], [**3: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**], [**4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**] hoặc [**4: firmware ver. (Phiên bản firmware)**].

Sử dụng lấy nét tự động để lấy nét (Phương pháp AF)

Chọn phương pháp AF

Bạn có thể đặt phương pháp AF thành [**☺(face)+Tracking** (**☺(khuôn mặt)+Theo dõi**)] (tr.271) hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] (tr.273) để phù hợp điều kiện chụp hoặc chủ thể.

Để lấy nét chính xác, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, phóng to ảnh và thực hiện lấy nét tay (tr.277).



Chọn phương pháp AF.

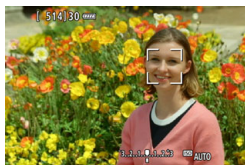
- Dưới tab [**📷5**] (tab [**📷3**] trong <[A+]>), chọn [**AF method (Phương pháp AF)**].
- Chọn phương pháp AF mong muốn, rồi nhấn <[SET]>.
- Khi hiển thị ảnh Live View, bạn có thể nhấn nút <DRIVE•AF> để chọn phương pháp AF.

☺(khuôn mặt)+Theo dõi: AF☺

Máy ảnh phát hiện và lấy nét khuôn mặt của chủ thể người. Nếu chủ thể chuyển động, điểm AF <☺> cũng di chuyển để theo dõi lấy nét khuôn mặt.

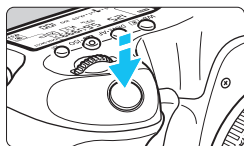
1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <START/STOP>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



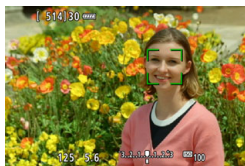
2 Chọn điểm AF.

- Khung <☺> sẽ xuất hiện trên khuôn mặt được phát hiện để lấy nét.
- Khung <☺> hiển thị trong trường hợp nhiều khuôn mặt được phát hiện. Sử dụng nút <☺> để di chuyển khung <☺> đến khuôn mặt muốn lấy nét.
- Nếu không có khuôn mặt nào được phát hiện, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ vùng linh hoạt - 1 điểm (tr.273).



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bip.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.258).

- **Lấy nét chủ thể không phải là khuôn mặt người**

Nhấn nút <  > hoặc <  > và khung AF <  > sẽ hiển thị ở trung tâm. Sau đó sử dụng nút <  > để di chuyển khung AF vào chủ thể mong muốn. Khi lấy được nét, khung AF <  > sẽ theo dõi chủ thể ngay cả khi chủ thể di chuyển hoặc khi bạn muốn thay đổi bố cục ảnh.



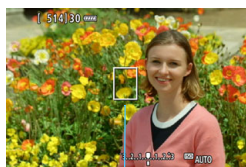
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt của chủ thể nằm ngoài vùng lấy nét. Điều chỉnh lấy nét tay (tr.277) để khuôn mặt được nhận diện, rồi thực hiện AF.
- Máy ảnh có thể nhận diện nhầm các chủ thể khác thành khuôn mặt người.
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt quá nhỏ/quá lớn trong ảnh, quá sáng/quá tối hoặc bị che khuất một phần.
- Khung <  > có thể chỉ bao quanh một phần khuôn mặt.



- Do máy ảnh không thể tự động lấy nét khuôn mặt được phát hiện gần rìa bức ảnh, khung <  > hoặc <  > sẽ mờ đi. Nếu nhấn nửa chừng nút chụp trong trường hợp này, chủ thể được lấy nét với phương pháp vùng linh hoạt - 1 điểm.
- Kích thước khung AF thay đổi tùy thuộc vào chủ thể và thiết lập của [ 4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cơ ảnh)].

Vùng linh hoạt - 1 điểm: AF □

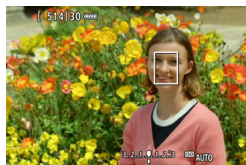
Máy ảnh sử dụng một điểm AF để lấy nét. Tính năng này giúp lấy nét một chủ thể cụ thể.



Điểm AF

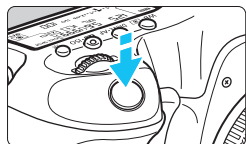
1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút < START/STOP >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- ▶ Điểm AF < □ > xuất hiện.



2 Di chuyển điểm AF.

- Sử dụng nút < [AF-ON] > để di chuyển điểm AF đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển đến phần rìa của màn hình.)
- Nhấn nút < [AF-ON] >, < [SET] > hoặc < [MENU] > sẽ đưa điểm AF về trung tâm màn hình.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bip.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.258).

-  Kích thước điểm AF thay đổi tùy thuộc vào thiết lập của [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**].
- Khi đang quay phim, nếu đặt [**Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)**] thành [**Enable (Bật)**], điểm AF sẽ hiển thị ở kích thước lớn hơn.

Lưu ý khi AF

Thao tác AF

- Ngay cả khi đã lấy được nét, bạn có thể lấy nét lại bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Độ sáng của ảnh có thể thay đổi trong và sau thao tác AF.
- Nếu nguồn sáng thay đổi khi ảnh Live View hiển thị, màn hình có thể nhấp nháy và khó thực hiện lấy nét hơn. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và thực hiện lấy nét dưới nguồn sáng thực.

-  Nếu không thể lấy được nét với AF, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> rồi lấy nét tay (tr.277).
- Nếu chủ thể ở ngoài rìa bức ảnh và hơi nằm ngoài vùng lấy nét, hướng điểm AF trung tâm chủ thể cần lấy nét, lấy nét lại, rồi chụp ảnh.
- Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không phát tia giúp lấy nét. Tuy nhiên, nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét khi cần.

Các điều kiện chụp khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản thấp, ví dụ bầu trời xanh, bề mặt phẳng có màu đồng nhất hoặc khi mất các chi tiết vùng sáng hoặc vùng tối.
- Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
- Sọc vân và các dạng chỉ có độ tương phản theo hướng ngang.
- Chủ thể có dạng lặp đi lặp lại (Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...).
- Đường mảnh và đường viền của chủ thể.
- Chủ thể dưới nguồn sáng có độ sáng, màu sắc hoặc hình dạng luôn thay đổi.
- Cảnh ban đêm hoặc các đốm sáng.
- Khi ảnh nhấp nháy dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Chủ thể cực nhỏ.
- Chủ thể ở phần rìa của bức ảnh.
- Chủ thể ngược sáng hoặc phản chiếu mạnh (Ví dụ: Thân xe ô tô có độ phản chiếu cao, v.v...).
- Chủ thể ở gần và xa được bao trùm bởi điểm AF (Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...).
- Chủ thể liên tục di chuyển trong phạm vi điểm AF và không thể giữ nguyên hình do rung máy hoặc chủ thể bị mờ.
- Chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
- Lấy nét tự động khi chủ thể nằm rất xa ngoài vùng lấy nét.
- Áp dụng hiệu ứng lấy nét mềm với ống kính lấy nét mềm.
- Áp dụng bộ lọc hiệu ứng đặc biệt.
- Nhiều hạt (chấm, dải, v.v...) xuất hiện trên màn hình trong khi lấy nét tự động.

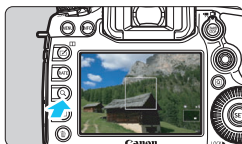


Sử dụng AF với bất kỳ ống kính nào sau đây có thể sẽ tốn nhiều thời gian hơn để lấy được nét hoặc không thể lấy được nét chính xác.

EF50mm f/1.4 USM, EF50mm f/1.8 II, EF50mm f/2.5 Compact Macro,
EF75-300mm f/4-5.6 III, EF75-300mm f/4-5.6 III USM

Để tìm hiểu thông tin về các ống kính đã ngừng sản xuất, tham khảo trang web của Canon.

Xem phóng to cho Vùng linh hoạt - 1 điểm



Với [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**], nhấn nút <Q> sẽ phóng to ảnh để kiểm tra nét theo thứ tự sau: khoảng 6x, sau đó khoảng 16x.

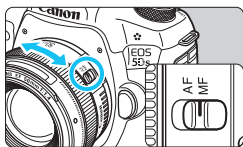
- Ảnh sẽ được phóng to tại điểm AF.
- Khi xem hình ảnh được phóng to, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ thực hiện được lấy nét tự động.
- Nếu khó lấy nét ở chế độ xem phóng to, bạn có thể trở về màn hình bình thường và thực hiện lấy nét tự động.

- Xem phóng to sẽ không khả dụng với [**Ⓛ +Tracking (Ⓛ +Theo dõi)**].
- Nếu AF được thực hiện ở chế độ xem bình thường và sau đó ở chế độ xem phóng to, có thể sẽ không lấy được nét chính xác.
- Tốc độ AF sẽ khác nhau giữa chế độ xem bình thường và chế độ xem phóng to.
- Lấy nét liên tục (tr.266) hoặc Lấy nét Servo phim (tr.315) sẽ không hoạt động trong khi xem phóng to.
- Xem với [**x6**] và [**x16**] luôn hiển thị trong chế độ xem phóng to khi đặt [**Full-frame (Toàn khung hình)**], không phụ thuộc vào bất kỳ thiết lập [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**].
- Khi xem phóng to, rất khó lấy được nét do máy ảnh rung. Bạn nên sử dụng chân máy.

- Nếu đặt [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] thành [**1.3x (crop)**] hoặc [**1.6x (crop)**], [**X1.3**] hoặc [**X1.6**] sẽ hiển thị khi bắt đầu xem phóng to.
- Ở chế độ xem phóng to, phơi sáng bị khóa. (Thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ.)

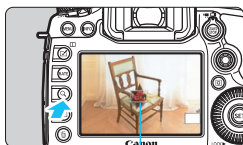
MF: Lấy nét tay

Bạn có thể phóng to ảnh và lấy nét chính xác với MF (lấy nét tay).



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

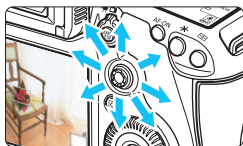
- Xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét thô.



Khung phóng to

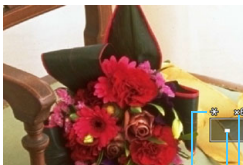
2 Hiện thị khung phóng to.

- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Khung phóng to sẽ xuất hiện.



3 Di chuyển khung phóng to.

- Nhấn nút <+> để di chuyển khung phóng to đến vị trí muốn lấy nét.
- Nhấn nút <+>, <SET> hoặc <-> sẽ đưa khung phóng to về trung tâm màn hình.



Khóa phơi sáng

Vị trí khu vực phóng to

Hệ số phóng to (Ước chừng)

4 Phóng to ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <Q>, hệ số phóng to trong phạm vi khung sẽ thay đổi theo thứ tự sau:

→ Xem bình thường → 1x → 6x → 16x

- Khi ở chế độ xem phóng to, bạn có thể sử dụng nút <+> để di chuyển quanh ảnh phóng to.

5 Lấy nét tay.

- Khi xem ảnh phóng to, xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét.
- Sau khi lấy được nét, nhấn nút <Q> để trở về chế độ xem bình thường.

6 Chụp ảnh.

- Kiểm tra phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.258).



- Nếu đặt [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] thành [**1.3x (crop)**] hoặc [**1.6x (crop)**], [**X1.3**] hoặc [**X1.6**] sẽ hiển thị khi bắt đầu xem phóng to.
- Khi đặt [**1.3x (crop)**] hoặc [**1.6x (crop)**] khung phóng to sẽ hiển thị lớn hơn bình thường.
- Ở chế độ xem phóng to, phơi sáng bị khóa. (Thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ.)



Các lưu ý chung khi chụp Live View

Chất lượng ảnh

- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiều hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dài).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể gây nhiễu ảnh và màu trong ảnh không đều.
- Sử dụng chụp Live View liên tục trong thời gian dài có thể làm nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View khi không sử dụng.
- Chụp phơi sáng lâu khi nhiệt độ bên trong máy ảnh cao có thể làm chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View và đợi vài phút trước khi chụp lại.

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh < > màu trắng và < > màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do chụp Live View trong thời gian dài hoặc trong điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <  > màu trắng hoặc <  > màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <  > màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên tạm thời thoát chế độ chụp Live View để nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống trước khi chụp lại.
- Biểu tượng <  > màu đỏ cho biết chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động tắt. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Thoát chụp Live View hoặc tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Sử dụng chụp Live View ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <  > và <  > xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.
- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao, chất lượng của ảnh chụp với tốc độ ISO cao hoặc phơi sáng lâu có thể giảm sút ngay cả trước khi biểu tượng <  > màu trắng hiển thị.

Kết quả chụp

- Ở chế độ xem phóng to, thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, phơi sáng có thể không đạt được hiệu quả mong muốn. Trở về chế độ xem bình thường trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả khi chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, ảnh vẫn được chụp ở chế độ xem bình thường.

Các lưu ý chung khi chụp Live View

Ảnh Live View

- Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, ảnh Live View có thể không phản ánh được độ sáng của ảnh chụp.
- Ngay cả khi đặt tốc độ ISO thấp, nhiều hạt có thể thấy rõ trên ảnh Live View dưới ánh sáng yếu. Tuy nhiên, khi chụp, ảnh ghi lại sẽ ít nhiễu hơn. (Chất lượng ảnh của ảnh Live View khác so với chất lượng ảnh của ảnh được ghi.)
- Nếu nguồn sáng trong ảnh thay đổi, màn hình có thể nhấp nháy. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và tiếp tục chụp Live View dưới nguồn sáng thực.
- Hướng máy ảnh theo hướng khác có thể làm mất độ sáng chính xác của ảnh Live View trong giây lát. Chờ mức độ sáng ổn định rồi tiến hành chụp.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ hiển thị chính xác khu vực sáng.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, nếu đặt [**Y2: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] ở một mức độ sáng nhất định, ảnh Live View có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc nhiễu sắc độ. Tuy nhiên, nhiễu hạt hoặc nhiễu sắc độ sẽ không ghi lại trong ảnh chụp.
- Khi phóng to ảnh, độ sắc nét của ảnh có thể trông rõ ràng hơn trong ảnh thực.

Chức năng tùy chỉnh

- Trong khi chụp Live View, một số chức năng tùy chỉnh sẽ không hoạt động (thiết lập không có hiệu lực). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo tr.402-403.

Ống kính và Flash

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành **<ON>**, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và giảm số lượng ảnh có thể chụp. Nếu sử dụng chân máy hoặc nếu không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, bạn nên đặt công tắc IS thành **<OFF>**.
- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn chỉ có thể thực hiện trong chụp Live View khi sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị sẵn chế độ lấy nét, được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.
- Khóa phơi sáng flash và đánh sáng flash mẫu sẽ không hoạt động với đèn Speedlite gắn ngoài.

8

Quay phim



Chế độ quay phim được bật bằng cách đặt công tắc chụp Live View/Quay phim sang <  >.

- Về thẻ nhớ để ghi phim, tham khảo trang 5.
- Nếu bạn cầm máy ảnh và quay phim, máy ảnh rung có thể làm mờ phim. Bạn nên sử dụng chân máy.



Full HD 1080

Full HD 1080 chỉ khả năng tương thích với độ phân giải cao với 1080 điểm ảnh dọc (đường quét).

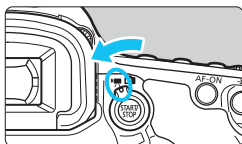


Quay phim

Quay phim phơi sáng tự động

Khi đặt chế độ quay phim khác với chế độ $\langle A^+ \rangle$, $\langle P \rangle$ hoặc $\langle B \rangle$, điều khiển phơi sáng tự động sẽ hoạt động để phù hợp với độ sáng hiện tại của cảnh. Điều khiển phơi sáng sẽ giống nhau trong tất cả các chế độ quay.

1 Đặt nút xoay chế độ thành $\langle A^+ \rangle$, $\langle P \rangle$ hoặc $\langle B \rangle$.

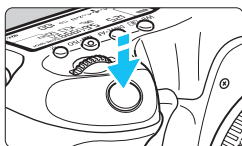


2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim thành $\langle \text{Movie} \rangle$.

- ▶ Gương lật phát ra âm thanh, sau đó ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

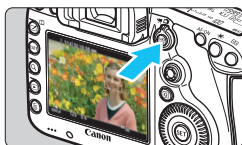
3 Lấy nét chủ thể.

- Trước khi quay phim, thực hiện lấy nét tự động hoặc lấy nét tay (tr.270-278).
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF hiện tại.

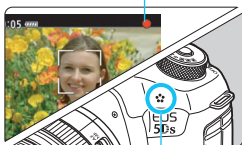


4 Quay phim.

- Nhấn nút $\langle \text{START/STOP} \rangle$ để bắt đầu quay phim.
- ▶ Trong khi đang quay phim, dấu “●” sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
- ▶ Âm thanh sẽ được ghi qua micro tích hợp.
- Để dừng quay phim, nhấn lại nút $\langle \text{START/STOP} \rangle$.



Ghi phim



Micro tích hợp

Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập

Khi chế độ quay phim là **<Tv>**, bạn có thể đặt bằng tay tốc độ màn trập cho quay phim. Tốc độ ISO và khẩu độ sẽ được đặt tự động để thích hợp với độ sáng và có được phơi sáng chuẩn.



1 Đặt nút xoay chế độ thành **<Tv>**.

2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim thành **<Pv>**.



Tốc độ màn trập

3 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Nhìn vào màn hình LCD, xoay nút xoay **<WHEEL>**. Tốc độ màn trập có thể thiết lập tùy thuộc vào tốc độ khung hình.

• **29.97P** **25.00P** **23.98P**:

1/4000 giây - 1/30 giây

• **59.94P** **50.00P**: 1/4000 giây - 1/60 giây

4 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.282).



- Không nên thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ được ghi lại.
- Sử dụng tốc độ màn trập từ 1/30 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.

Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ

Khi chế độ quay phim là **<Av>**, bạn có thể đặt bằng tay khẩu độ cho quay phim. Tốc độ ISO và tốc độ màn trập sẽ được đặt tự động để thích hợp với độ sáng và có được phơi sáng chuẩn.



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.

2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim thành <📹>.



Khẩu độ

3 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Nhìn vào màn hình LCD, xoay nút xoay <🔧>.



4 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.282).

! Không nên thay đổi khẩu độ khi đang quay phim vì những thay đổi về độ phơi sáng do tác động của khẩu độ ống kính sẽ bị ghi lại.

Tốc độ ISO trong chế độ <A⁺>

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.

Tốc độ ISO trong chế độ <P>, <Tv>, <Av> và

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400.
- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], nếu đặt thiết lập [**Maximum (Tối đa)**] của [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] thành [**H (12800)**] trong các chế độ <P>, <Av> hoặc (tr.163), phạm vi ISO tự động sẽ mở rộng lên mức H (tương đương với ISO 12800). Ngay cả khi đặt [**Maximum (Tối đa)**] và [**Minimum (Tối thiểu)**] trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 6400), thiết lập đó cũng không có hiệu lực.
- Nếu [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**] (tr.189), phạm vi ISO tự động sẽ là ISO 200 - ISO 6400.
- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], không thể thiết lập [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**] và [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] (tr.164-165) để quay phim. Không thể chọn [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**] trong chế độ <Tv>.

! Nếu [**Minimum (Tối thiểu)**] được đặt thành [**L(50)**] trong [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] và bạn chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, thiết lập tối thiểu cho phạm vi ISO tự động đối với quay phim sẽ là ISO 100. Không thể mở rộng đến ISO 50.



Lưu ý cho các chế độ <A>, <P>, <Tv>, <Av> và

- Ở chế độ <A>, biểu tượng của cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình (tr.287).
- Bạn có thể khóa phơi sáng (AE lock) bằng cách nhấn nút <✳> (ngoại trừ trong chế độ <A>, tr.219). Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị thời gian được đặt với [6: Metering timer (Hẹn giờ đo sáng)]. Nếu thực hiện khóa phơi sáng khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút <☒>. (Thiết lập khóa phơi sáng được lưu giữ cho đến khi nhấn nút <☒>.)
- Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng bằng cách gạt công tắc <LOCK> sang trái và xoay nút xoay <☉> (ngoại trừ trong chế độ <A>).
- Nhấn nửa chừng nút chụp để hiển thị tốc độ ISO và tốc độ màn trập ở cuối màn hình. Đây là thiết lập phơi sáng cho chụp ảnh (tr.291). Thiết lập phơi sáng cho quay phim sẽ không hiển thị. Lưu ý rằng thiết lập phơi sáng cho quay phim có thể khác so với chụp ảnh.
- Trong các chế độ <A>, <P> và , tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ không được ghi trong thông tin Exif của phim.

Sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) có trang bị đèn LED

Khi quay phim ở các chế độ <A>, <P>, <Tv>, <Av> và , máy ảnh này hỗ trợ chức năng tự động bật đèn LED của đèn Speedlite trong điều kiện ánh sáng yếu. Để tìm hiểu hướng dẫn chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX.

Biểu tượng cảnh

Khi quay phim ở chế độ $\langle A^+ \rangle$, biểu tượng tượng trưng cho cảnh được phát hiện sẽ hiển thị và các thiết lập quay phim được điều chỉnh cho phù hợp với cảnh đó. Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

Chủ thể Nền	Chân dung ^{*1}	Không phải chân dung		Màu nền
		Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Cận cảnh ^{*2}	
Nền sáng				Màu xám
Ngược sáng				
Nền bao gồm bầu trời xanh				Màu xanh da trời nhạt
Ngược sáng				
Hoàng hôn	*3		*3	Màu cam
Đèn spotlight				Màu xanh da trời đậm
Nền tối				

*1: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [A^+ +Tracking (A^+ +Theo dõi)]. Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

*2: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

*3: Biểu tượng phù hợp với cảnh được phát hiện sẽ hiển thị.

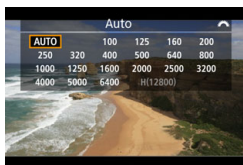
Quay phim phơi sáng chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập bằng tay tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO để quay phim. Quay phim với phơi sáng chỉnh tay dành cho người dùng chuyên nghiệp.



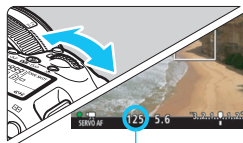
1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim thành <ⓁⓂ>.

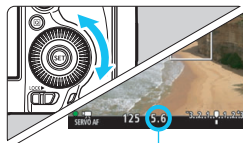


3 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn nút <ISO>.
- ▶ Màn hình thiết lập tốc độ ISO sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Xoay nút xoay <⚙️> để thiết lập tốc độ ISO.
- Để tìm hiểu chi tiết về tốc độ ISO, tham khảo trang tiếp theo.



Tốc độ màn trập



Khẩu độ

4 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Nhấn nửa chừng nút chụp và kiểm tra thang đo sáng.
- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <⚙️>. Tốc độ màn trập có thể thiết lập sẽ khác nhau tùy thuộc vào tốc độ khung hình.
- 29.97P 25.00P 23.98P :
1/4000 giây - 1/30 giây
- 59.94P 50.00P : 1/4000 giây - 1/60 giây
- Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <⚙️>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK▶> sang trái, rồi xoay nút xoay <⚙️> hoặc <⚙️>.

5 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.282).

Tốc độ ISO trong chế độ <M>

- Ở chế độ **[Auto (Tự động)] (A)**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400. Trong **[ 2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]**, nếu đặt thiết lập **[Maximum (Tối đa)]** của **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]** thành **[H (12800)]** (tr.163), phạm vi ISO tự động sẽ không mở rộng lên mức tối đa H. Ngay cả khi đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi ISO mặc định (ISO 100 - ISO 6400), thiết lập đó cũng không có hiệu lực.
- Tốc độ ISO có thể thiết lập bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 6400 ở mức tăng 1/3 điểm dừng. Trong **[ 2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]**, nếu đặt thiết lập **[Maximum (Tối đa)]** của **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]** thành **[H (12800)]**, giá trị tối đa của phạm vi thiết lập tốc độ ISO bằng tay sẽ được mở rộng lên mức tối đa H (tương đương với ISO 12800). Bạn cũng có thể đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi mặc định (ISO 100 - ISO 6400).
- Nếu **[ 3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** được đặt thành **[Enable (Bật)]** (tr.189), phạm vi thiết lập ISO tự động hay chỉnh tay sẽ là ISO 200 hoặc cao hơn.
- Trong **[ 2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]**, không thể thiết lập **[Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)]** và **[Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)]** (tr.164-165) để quay phim.



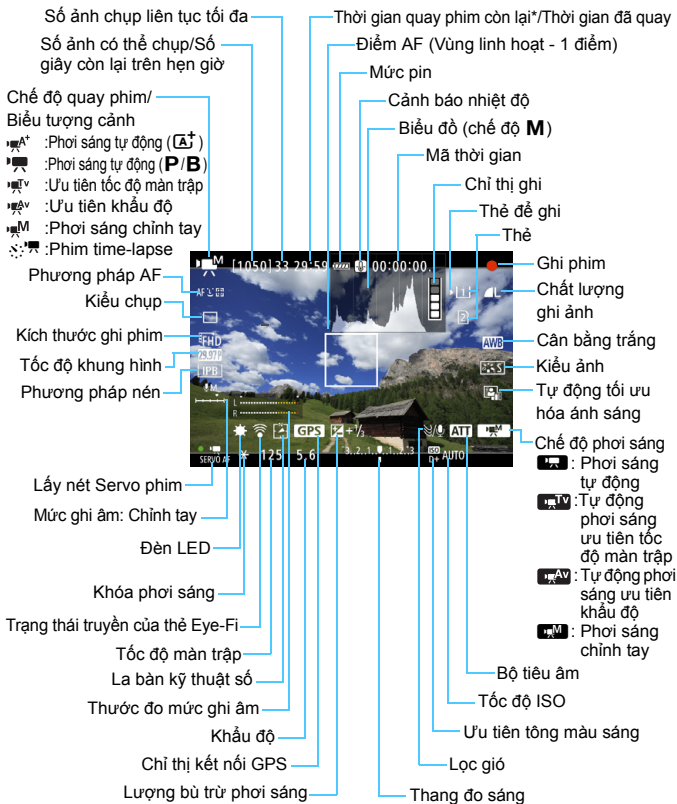
- Nếu [**Minimum (Tối thiểu)**] được đặt thành [**L(50)**] trong [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] và bạn chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, thiết lập tối thiểu cho phạm vi ISO chỉnh tay đối với quay phim sẽ là ISO 100. Không thể mở rộng đến ISO 50.
- Không nên thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ khi đang quay phim do những thay đổi về độ phơi sáng sẽ được ghi lại.
- Sử dụng tốc độ màn trập từ 1/30 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể động. Tốc độ màn trập càng nhanh, chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.



- Trong [**3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**], nếu đặt chế độ [**SET: Expo comp (hold btn, turn )**] (**Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay )**) (tr.425), bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng trong khi ISO tự động được thiết lập.
- Khi thiết lập ISO tự động, bạn có thể nhấn nút **<✱>** để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút **<✱>** và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo sáng (tr.291) so với khi nhấn nút **<✱>**.
- Nhấn nút **<INFO.>** để hiển thị biểu đồ.

Hiển thị thông tin

- Mỗi lần nhấn nút <INFO.>, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



* Áp dụng cho từng clip phim.



- Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử bằng cách nhấn nút **<INFO.>** button (tr.77).
- Lưu ý nếu phương pháp AF được thiết lập ở chế độ [**┐ +Tracking** (**┐ +Theo dõi**)] hoặc máy ảnh được kết nối với TV bằng cáp HDMI (tr.353), máy ảnh không thể hiển thị cân bằng điện tử.
- Cân bằng điện tử, đường lưới hoặc biểu đồ không hiển thị khi đang quay phim. (Hiển thị sẽ biến mất khi bắt đầu quay phim.)
- Khi bắt đầu quay phim, thời gian quay phim còn lại sẽ chuyển thành thời gian đã quay.



Thận trọng khi quay phim

- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu bạn muốn chụp chủ thể có chi tiết nhỏ, có thể xảy ra hiệu ứng vân sọc hoặc sai lệch màu.
- Trong tab [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], ngay cả khi đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] thành [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**] (tr.149), cũng không thể ghi phim lên cả thẻ CF [**1**] và thẻ SD [**2**]. Nếu đặt chức năng [**Rec. separately (Ghi riêng)**] hoặc [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**], phim sẽ được ghi lên thẻ được đặt để [**Playback (Phát lại)**].
- Nếu đặt thành **<AWB>** hoặc **<AWB W>** và thay đổi tốc độ ISO hoặc khẩu độ khi quay phim, cân bằng trắng cũng có thể bị thay đổi.
- Nếu quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, phim có thể bị nhấp nháy.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim tại nơi bạn sẽ thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể dẫn đến thay đổi độ phơi sáng, tiếng ồn thao tác ống kính hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.
- Khi chọn thẻ SD làm thẻ để ghi ảnh, nếu không thể quay phim dù thẻ vẫn còn dung lượng trống, truyền ảnh trên thẻ vào máy tính, rồi định dạng thẻ.
- Trong khi quay phim, không thể phóng to ảnh ngay cả khi nhấn nút **<Q>**.
- Chú ý không để ngón tay, v.v... che lấp micro (tr.282).
- Không thể thiết lập [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**] (tr.185).
- Quá trình quay phim sẽ kết thúc nếu kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI trong khi quay phim.
- **Các lưu ý chung khi quay phim nằm ở trang 319-320.**
- **Nếu cần, tham khảo thêm phần Các lưu ý chung khi chụp Live View ở các trang 279-280.**



Lưu ý khi quay phim

- Thiết lập liên quan đến phim nằm trong tab [📷4] và [📷5] (tr.315). Trong chế độ <A+>, những thiết lập này nằm ở tab [📷2] và [📷3].
- Phim sẽ được ghi thành từng tập tin phim riêng biệt cho mỗi lần quay. Nếu kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin mới sẽ tự động được tạo cho mỗi xấp xỉ 4 GB tiếp theo.
- Phim có phạm vi hình ảnh khoảng 100% (nếu kích thước ghi phim đặt thành FHD).
- Bạn cũng có thể lấy nét hình ảnh bằng cách nhấn nút <AF-ON>.
- Trong [📷5: button function (Chức năng nút)], nếu chọn [📷AF/📷] [📷/📷], bạn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu hay dừng quay phim (tr.318).
- Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh stereo bằng micro tích hợp của máy ảnh (tr.282).
- Bạn cũng có thể ghi âm thanh stereo bằng cách kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với ngõ vào micro ngoài của máy ảnh (tr.27) vì micro ngoài được ưu tiên.
- Bạn có thể sử dụng Điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.239) để bắt đầu hoặc tạm dừng quay phim khi kiểu chụp được đặt là <📷📷> hoặc <📷📷2>. Đặt công tắc hẹn giờ chụp thành <2> (trí hoãn 2 giây), rồi nhấn nút truyền. Nếu công tắc được đặt thành <●> (chụp ngay lập tức), máy ảnh sẽ thực hiện chụp ảnh.
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, tổng thời gian quay phim sẽ như sau:
Ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F): khoảng 1 giờ 30 phút, Ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F): khoảng 1 giờ 25 phút (với thiết lập [📷4: **Movie Servo AF: Disable** (Lấy nét Servo phim: Tắt)]).
- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn cho quay phim chỉ có thể thực hiện nếu sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị chức năng lấy nét đặt trước. Loại ống kính này được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.



Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, gộp da hoặc bỏng do tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy nếu bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hoặc da nhạy cảm, hay khi sử dụng máy ảnh ở nơi có nhiệt độ cao.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho thấy kết quả của các thiết lập hiện tại cho kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng khác trong ảnh, do vậy bạn có thể xem ảnh chụp trông như thế nào.

Trong khi quay phim, hình ảnh hiển thị sẽ tự động cho thấy hiệu ứng của các thiết lập liệt kê bên dưới.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho quay phim

- Kiểu ảnh
 - * Độ sắc nét (Mạnh), độ tương phản, bão hòa màu hoặc tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Thiết lập bù trừ
- Độ sâu trường ảnh (ngoại trừ khi quay phim time-lapse)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Ưu tiên tông màu sáng

Chụp ảnh trong khi quay phim



Trong khi quay phim, bạn có thể chụp ảnh bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp.

Chụp ảnh trong khi quay phim

- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ khiến phim bị dừng hình trong khoảng 1 giây.
- Ảnh chụp sẽ được ghi vào thẻ và khi ảnh Live View hiển thị, quá trình quay phim sẽ tự động tiếp tục.
- Phim và ảnh được ghi thành tập tin riêng biệt trên thẻ.
- Trong [**F1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**], nếu đặt [**Record func. (Chức năng ghi)**] (tr.148) thành [**Standard (Tiêu chuẩn)**] hoặc [**Auto switch card (Tự động chuyển thẻ)**], phim và ảnh sẽ được lưu ở cùng một thẻ. Nếu đặt [**Rec. separately (Ghi riêng)**] hoặc [**Rec. to multiple (Ghi vào nhiều phương tiện)**], phim sẽ ghi vào thẻ được đặt cho chế độ [**Playback (Phát lại)**] (tr.150). Ảnh sẽ được ghi ở chất lượng ghi ảnh thiết lập cho thẻ tương ứng.
- Các chức năng cụ thể cho chụp ảnh được trình bày bên dưới.

Chức năng	Thiết lập
Image-recording Quality (Chất lượng ghi ảnh)	Tương tự thiết lập của [F1: Image quality (Chất lượng ảnh)]. Với kích thước ghi phim [1920x1080] hoặc [1280x720], tỷ lệ cơ ảnh sẽ là 16:9. Với kích thước ghi phim [640x480], tỷ lệ cơ ảnh sẽ là 4:3.
ISO Speed* (Tốc độ ISO*)	<A⁺>: ISO 100 - ISO 3200 <P>, <Tv>, <Av> và <B>: ISO 100 - ISO 3200 <Tv>: ISO 100 - ISO 6400 <M>: Tham khảo phần "Tốc độ ISO trong chế độ <M>" ở trang 289
Exposure Setting (Thiết lập phơi sáng)	<A⁺>, <P> và <B>: Tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ. <Tv>: Thiết lập tốc độ màn trập bằng tay và thiết lập khẩu độ tự động. <Av>: Thiết lập khẩu độ bằng tay và thiết lập tốc độ màn trập tự động. <M>: Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ bằng tay.

* Nếu thiết lập chế độ ưu tiên tông màu sáng, phạm vi tốc độ ISO sẽ bắt đầu từ ISO 200.



- Nếu [ 5:  **button function (Chức năng nút )]** được đặt thành [ AF/] hoặc [/] (tr.318), bạn không thể chụp được ảnh trong khi quay phim.
- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ có tầm bao phủ khoảng 100% với $\overline{\text{FHD}}$, $\overline{\text{HD}}$ và $\overline{\text{VGA}}$ (khi chất lượng ghi ảnh đặt thành JPEG ).
- Không thể sử dụng AEB.
- Flash sẽ không đánh sáng ngay cả khi được sử dụng.
- Có thể chụp ảnh liên tục trong khi quay phim. Tuy nhiên, ảnh chụp sẽ không hiển thị trên màn hình. Tùy thuộc vào chất lượng ghi ảnh, số lượng ảnh chụp trong khi chụp liên tục, hiệu suất thẻ, v.v..., chế độ quay phim có thể tự động ngừng.
- Có thể lấy nét tự động khi quay phim. Tuy nhiên, trường hợp sau có thể xảy ra:
 - Lấy nét có thể trở nên quá xa trong giây lát.
 - Độ sáng của phim được ghi có thể thay đổi.
 - Phim được ghi có thể bị dừng hình trong giây lát.
 - Máy ảnh có thể ghi lại tiếng hoạt động của ống kính.
 - Nếu không lấy được nét, bạn sẽ không thể chụp ảnh.



- Trong khi quay phim, có thể áp dụng bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng cho chụp ảnh.
- Nếu bạn muốn chụp ảnh liên tục khi đang quay phim, nên sử dụng thẻ tốc độ cao. Nên đặt chất lượng ghi ảnh thấp hơn và giảm số lần chụp liên tục.
- Bạn có thể chụp ảnh trong tất cả các kiểu chụp.
- Có thể đặt hẹn giờ trước khi bắt đầu quay phim. Khi đang quay phim, máy ảnh sẽ chuyển sang chụp từng ảnh.

Thiết lập chức năng quay phim

Thiết lập WB/DRIVE/AF/ISO/

Nếu nhấn nút <WB•>, <DRIVE•AF>, <•ISO> hoặc <> khi hình ảnh đang hiển thị trên màn hình LCD, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay <> hoặc <> để thiết lập chức năng tương ứng.

- Trong khi chụp phơi sáng chỉnh tay (tr.288), bạn có thể nhấn nút <•ISO> để thiết lập tốc độ ISO.
- Bạn có thể nhấn nút <WB•>, rồi nhấn nút <INFO.> để thiết lập thay đổi cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp.
- Lưu ý không thể đặt các chế độ sau: <> Chế độ đo sáng, <> Bù trừ phơi sáng flash, <HDR> Chế độ HDR và <> Chụp ảnh ghép phơi sáng.

Q Điều khiển nhanh

Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> và , có thể thiết lập **Phương pháp AF**, **Kiểu chụp**, **Kích thước ghi phim**, **Mức ghi âm** (chỉ thiết lập bằng tay), **Thẻ để ghi/xem lại và chất lượng ảnh** (ảnh), **Cân bằng trắng**, **Kiểu ảnh** và **Tự động tối ưu hóa ánh sáng**.

Trong chế độ <A+>, chỉ thiết lập được các chức năng in đậm nêu trên.



1 Nhấn nút <Q> (10).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

2 Chọn và thiết lập chức năng.

- Sử dụng nút <⏏> để lựa chọn chức năng.
- ▶ Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ hiển thị trên màn hình.
- Xoay nút xoay <⚙> hoặc <⌚> để cài đặt.
- Để đặt chất lượng ảnh thành RAW, nhấn <SET>.
- Để chọn thẻ để ghi/xem lại, thay đổi cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp hoặc thông số kiểu ảnh, nhấn nút <INFO>.
- Để đặt cân bằng trắng tự động, chọn [AWB] rồi nhấn <SET>.
- Nhấn <SET> sẽ đưa máy ảnh trở lại chế độ quay phim.

⚠ Nếu bạn nhấn nút <Q> trước khi bắt đầu quay phim time-lapse (tr.308), mức ghi sẽ không hiển thị.

MENU Thiết lập kích thước ghi phim



Với [**4: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] (tab [**2**] trong <**A**>), bạn có thể đặt kích thước khung hình của phim, tốc độ khung hình (số khung hình trên giây) và phương pháp nén.

Tốc độ khung hình hiển thị trên màn hình [**Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] sẽ chuyển tự động tùy thuộc vào thiết lập [**3: Video system (Hệ thống video)**] (tr.477).

- **Kích thước khung hình**

FHD 1920x1080

Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.

HD 1280x720

Chất lượng ghi hình độ phân giải cao (HD). Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 16:9.

VGA 640x480

Chất lượng ghi hình độ phân giải tiêu chuẩn. Tỷ lệ cỡ ảnh sẽ là 4:3.

- **Tốc độ khung hình** (fps: số khung hình trên giây)

29.97P 29,97 fps / 59.94P 59,94 fps

Dành cho khu vực có định dạng TV là NTSC (Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mê-xi-cô, v.v...).

25.00P 25,00 fps / 50.00P 50,00 fps

Dành cho khu vực có định dạng TV là PAL (Châu Âu, Nga, Trung Quốc, Ô-xtrây-li-a, v.v...).

23.98P 23,98 fps

Chủ yếu dành cho phim hoạt hình.



Nếu bạn thay đổi thiết lập của [**3: Video system (Hệ thống video)**], hãy thiết lập lại kích thước ghi phim.

● Phương pháp nén

[ALL-I] ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only)

Mỗi lần nén một khung để ghi. Mặc dù kích thước tập tin lớn hơn so với IPB (Tiêu chuẩn), phim sẽ thích hợp để chỉnh sửa hơn.

[IPB] IPB (Tiêu chuẩn)

Nén nhiều khung hiệu quả trong một lần để ghi. Do kích thước tập tin nhỏ hơn ALL-I (Để chỉnh sửa), bạn có thể quay phim lâu hơn (với cùng một dung lượng thẻ).

Tổng thời gian quay phim và kích thước tập tin trên phút

(Ước chừng)

Chất lượng ghi phim			Tổng thời gian ghi phim trên thẻ			Kích thước tập tin
			4 GB	8 GB	16 GB	
FHD	29.97P 25.00P 23.98P	[ALL-I]	5 phút	11 phút	23 phút	654MB/phút
	29.97P 25.00P 23.98P	[IPB]	16 phút	33 phút	67 phút	225MB/phút
HD	59.94P 50.00P	[ALL-I]	6 phút	13 phút	26 phút	583MB/phút
	59.94P 50.00P	[IPB]	19 phút	38 phút	1 giờ 17 phút	196MB/phút
VGA	29.97P 25.00P	[IPB]	48 phút	1 giờ 37 phút	3 giờ 14 phút	78MB/phút

⚠ Nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên (tr.319) có thể khiến quá trình quay phim kết thúc trước thời gian ghi tối đa được trình bày trong bảng.

- **Tập tin phim vượt quá 4 GB**

Ngay cả khi tập tin phim vượt quá 4 GB, bạn vẫn có thể tiếp tục quay mà không bị gián đoạn.

Trong thời gian quay phim, khoảng 30 giây trước khi tập tin phim đạt đến kích thước 4GB, thời gian đã quay hoặc mã thời gian hiển thị trên màn hình quay phim sẽ bắt đầu nhấp nháy. Nếu tiếp tục quay phim và kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin phim mới sẽ được tạo tự động và thời gian đã quay hoặc mã thời gian sẽ dừng nhấp nháy.

Khi xem lại phim, bạn sẽ phải xem riêng từng tập tin phim. Không thể tự động phát lại tập tin phim theo thứ tự liên tục. Sau khi kết thúc xem phim, chọn tập tin phim tiếp theo để tiếp tục xem.

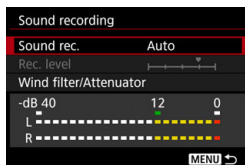
- **Giới hạn thời gian quay phim**

Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 29 phút 59 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút < $\frac{\text{START}}{\text{STOP}}$ > để tiếp tục quay phim. (Phim được ghi thành tập tin mới.)



Khi quay phim, nếu kích thước tập tin vượt quá 4 GB, thông báo “**buSY**” sẽ xuất hiện một lúc trên bảng điều khiển LCD. Không thể chụp ảnh khi thông báo “**buSY**” hiển thị trên màn hình.

MENU Thiết lập ghi âm



Bạn có thể quay phim trong khi ghi âm bằng micro stereo tích hợp hoặc Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng). Bạn cũng có thể tùy ý điều chỉnh mức ghi âm.

Thiết lập ghi âm nằm trong tab [📷4: **Sound recording (Ghi âm)**] (tab [📷2] trong <[A+]>).

Ghi âm/Mức ghi âm

Auto (Tự động) : Mức ghi âm được điều chỉnh tự động. Điều khiển mức tự động sẽ hoạt động tùy theo mức âm thanh.

Manual (Chỉnh tay): Dành cho người dùng chuyên nghiệp. Bạn có thể điều chỉnh mức ghi âm theo 64 mức.

Chọn [**Rec. level (Mức ghi âm)**] và xem thước đo mức khi xoay nút xoay <🕒> để điều chỉnh mức ghi âm. Nhìn vào mức cao nhất trên thang đo và điều chỉnh sao cho mức đo nhấp sáng ở bên phải dấu “12” (-12dB) để đạt âm thanh to nhất. Nếu vượt quá “0”, âm thanh sẽ bị méo.

Disable (Tắt) : Không ghi âm.

Lọc gió/Bộ tiêu âm

- Wind filter (Lọc gió)** : Khi đặt [**Enable (Bật)**], lọc gió sẽ giảm tiếng gió khi quay phim ngoài trời. Tính năng này chỉ hoạt động với micro tích hợp. Lưu ý rằng [**Enable (Bật)**] giảm những âm thanh trầm thấp, do vậy hãy đặt thành [**Disable (Tắt)**] khi không có gió. Âm thanh sẽ được ghi tự nhiên hơn so với [**Enable (Bật)**].
- Attenuator (Bộ tiêu âm)**: Tự động ngăn chặn âm thanh biến dạng do tiếng ồn lớn. Ngay cả khi đặt [**Sound rec. (Ghi âm)**] thành [**Auto (Tự động)**] hay [**Manual (Chỉnh tay)**] trước khi quay, âm thanh quá to vẫn có thể dẫn đến méo tiếng. Trong trường hợp này, đặt tính năng này thành [**Enable (Bật)**].

● Sử dụng micro

Thông thường, micro tích hợp ghi âm dưới dạng âm thanh mô-nô. Bạn cũng có thể ghi âm thanh stereo bằng cách kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với ngõ vào micro ngoài của máy ảnh (tr.27) vì micro ngoài được ưu tiên.



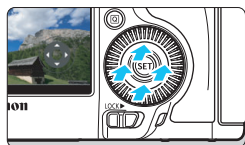
- Trong chế độ <[A+]>, có thể đặt [**Sound recording (Ghi âm)**] thành [**On (Bật)**] hoặc [**Off (Tắt)**]. Nếu đặt [**On (Bật)**], mức ghi âm sẽ được điều chỉnh tự động (giống như với [**Auto (Tự động)**]), nhưng chức năng lọc gió sẽ không hoạt động.
- Không thể điều chỉnh cân bằng âm lượng giữa L (trái) và R (phải).
- Âm thanh ghi ở tỷ lệ mẫu 48 kHz/16 bit.
- Nếu đặt [**5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.304), có thể điều chỉnh mức ghi âm với bảng cảm ứng <[+]> để tiếng thao tác êm hơn trong khi quay phim.

MENU Điều khiển yên lặng ☆

Bạn có thể thay đổi thiết lập tốc độ ISO, mức ghi âm, v.v... mà không tạo ra quá nhiều tiếng ồn khi quay phim.

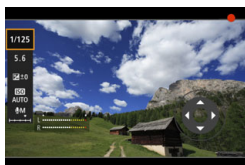


Khi đặt [**5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)**] thành [**Enable (Bật)**], bạn có thể sử dụng bảng cảm ứng <⦿> trên vòng tròn bên trong của nút xoay điều khiển nhanh.



Bạn có thể chỉ chạm vào phía trên, dưới, trái hay phải của <⦿> để thao tác một cách yên lặng.

Trong khi quay phim, có thể nhấn nút <Q> để hiển thị màn hình điều khiển nhanh và thay đổi những chức năng sau với <⦿>.



Chức năng có thể thiết lập	Chế độ chụp			
	P/B	Tv	Av	M
Tốc độ màn trập	-	○	-	○
Khẩu độ	-	-	○	○
Lượng bù trừ phơi sáng	○	○	○	○*1
Tốc độ ISO	-	-	-	○
Mức ghi âm*2	○	○	○	○

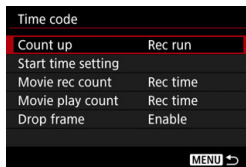
*1: Khi đặt ISO tự động.

*2: Khi đặt [**Sound recording: Manual (Ghi âm: Chính tay)**].

- Nếu đặt [**5: Silent Control (Điều khiển yên lặng)**] thành [**Enable (Bật)**], không thể thay đổi thiết lập điều khiển nhanh với nút xoay điều khiển nhanh <⦿> trong khi quay phim.
- Ngay cả khi yên lặng thay đổi khẩu độ với <⦿>, đoạn phim vẫn sẽ ghi lại âm thanh thay đổi khẩu độ của ống kính.
- Nếu có nước hoặc vết bẩn dính trên <⦿>, thao tác chạm có thể không hoạt động. Trong trường hợp đó, hãy dùng một miếng vải sạch để lau <⦿>. Nếu vẫn không được, đợi một lúc rồi thử lại.

Trước khi quay phim, có thể sử dụng <⦿> với thiết lập [**Rec. level (Mức ghi âm)**] để điều chỉnh mức ghi âm.

MENU Thiết lập mã thời gian



Mã thời gian là tham chiếu thời gian được ghi tự động để đồng bộ phim trong khi quay phim. Mã luôn được ghi bằng các đơn vị sau: giờ, phút, giây và khung. Chủ yếu dùng trong khi chỉnh sửa phim. Sử dụng [**5: Time code (Mã thời gian)**] (tab [**3**] trong <[A+]>) để thiết lập mã thời gian.

Tổng thời gian

Rec run (Thời gian ghi) : Chỉ cộng thêm mã thời gian khi đang quay phim. Mã thời gian sẽ tiếp tục theo tuần tự số tập tin phim được ghi.

Free run (Thời gian thực): Mã thời gian chạy cho dù có quay phim hay không.

Thiết lập thời gian bắt đầu

Bạn có thể đặt thời gian bắt đầu của mã thời gian.

Manual input setting (Thiết lập đầu vào bằng tay):

Bạn có thể tùy ý đặt giờ, phút, giây và khung.

Reset (Cài đặt lại) : Thời gian được đặt với [**Manual input setting (Thiết lập đầu vào bằng tay)**] và [**Set to camera time (Đặt thành thời gian máy ảnh)**] được cài đặt lại thành “00:00:00.” hoặc “00:00:00.” (tr.307).

Set to camera time (Đặt thành thời gian máy ảnh):

Đặt giờ, phút và giây phù hợp với đồng hồ trong máy ảnh. “Khung” sẽ được đặt về 00.



- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ gây ra chênh lệch giữa thời gian thực tế và mã thời gian.
- Nếu đặt [**Free run (Thời gian thực)**] và thay đổi giờ, múi giờ hoặc giờ mùa hè (tr.49), mã thời gian sẽ bị ảnh hưởng.

Thời lượng ghi phim

Bạn có thể chọn nội dung hiển thị trên màn hình quay phim.

Rec time (Thời lượng ghi): Biểu thị thời gian kể từ khi bắt đầu quay phim.

Time code (Mã thời gian) : Biểu thị mã thời gian trong khi quay phim.

Thời lượng chiếu phim

Bạn có thể chọn nội dung hiển thị trên màn hình phát lại phim.

Rec time (Thời lượng ghi): Hiển thị thời gian ghi và thời gian trong khi phát lại phim.

Time code (Mã thời gian) : Hiển thị mã thời gian trong khi phát lại phim.

Đặt [Time code (Mã thời gian)]:



Trong khi quay phim



Trong khi phát lại phim



- Mã thời gian luôn được ghi vào tập tin phim không phụ thuộc vào thiết lập [**Movie rec count (Thời lượng ghi phim)**] (ngoại trừ khi quay phim time-lapse).
- Thiết lập [**Movie play count (Thời lượng chiếu phim)**] trong [**☑ 5: Time code (Mã thời gian)**] chuyển tương ứng với thiết lập [**☑ 3: Movie play count (Thời lượng chiếu phim)**]. Thay đổi một trong hai thiết lập sẽ tự động thay đổi thiết lập còn lại.
- “Khung” không hiển thị khi quay phim hoặc khi phát lại phim.

Chỉnh khung

Nếu thiết lập tốc độ khung hình là **29.97P** (29,97 fps) hoặc **59.94P** (59,94 fps), số lượng khung theo mã thời gian có thể gây ra sai lệch giữa thời gian thực tế và mã thời gian. Sai lệch này sẽ được hiệu chỉnh tự động. Chức năng hiệu chỉnh này gọi là “chỉnh khung”.

Enable (Bật) : Hiệu chỉnh sai lệch tự động bằng cách bỏ qua một số mã thời gian (DF: Chỉnh khung).

Disable (Tắt): Không hiệu chỉnh sai lệch (NDF: Không chỉnh khung).

Mã thời gian sẽ được hiển thị như sau:

Bật (DF)	: 00:00:00. (Thời lượng phim: 00:00:00.00)
Tắt (NDF)	: 00:00:00: (Thời lượng phim: 00:00:00:00)



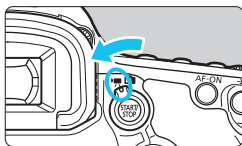
Không sử dụng được chỉnh khung nếu tốc độ khung hình là **23.98P** (23,98 fps), **25.00P** (25,00 fps) hoặc **50.00P** (50,00 fps). (Nếu thiết lập **23.98P** hoặc nếu đặt [**3: Video system (Hệ thống video)**] thành [**For PAL (Cho PAL)**], [**Drop frame (Chỉnh khung)**] sẽ không hiển thị.)

Quay phim time-lapse

Ảnh chụp trong một quãng chụp có thể tự động ghép lại với nhau để tạo thành phim time-lapse. Phim time-lapse cho thấy chủ thể đã chụp thay đổi như thế nào trong khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với thời gian thực. Loại phim này hiệu quả khi ghi lại sự thay đổi của cảnh vật tại một điểm quan sát cố định chẳng hạn như sự trưởng thành của cây cối, sự chuyển động của bầu trời, v.v ...

Phim time-lapse được ghi trong **FHD 29.97P** **ALL-I** (NTSC) hoặc **FHD 25.00P** **ALL-I** (PAL). Tốc độ khung hình tự động thay đổi tùy thuộc vào thiết lập [**3: Video system (Hệ thống video)**] (tr.477).

1 Chọn chế độ chụp.



2 Đặt công tắc chụp Live View/ Quay phim thành <'>.

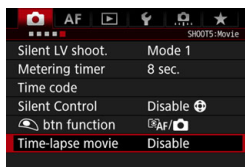
- ▶ Hình ảnh sẽ hiển thị trên màn hình LCD.

3 Chọn [Time-lapse movie (Phim time-lapse)].

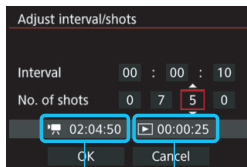
- Trong tab [**5**], chọn [Time-lapse movie (Phim time-lapse)] (tab [**3**] trong <[**A**+]>), rồi nhấn <[**SET**]>.
- Nếu tùy chọn [Time-lapse movie (Phim time-lapse)] có màu xám, nhấn nút <[**START/STOP**]> để bật chức năng quay phim. Rồi thực hiện lại bước 3.

4 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <[**INFO.**]>.



 Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, như mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.



Time required
(Thời gian yêu cầu)

Playback time
(Thời lượng phim)

5 Thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh.

- Kiểm tra [: Time required (Thời gian yêu cầu)] và [: Playback time (Thời lượng phim)] hiển thị ở phía dưới màn hình để thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh.
- Chọn số để cài đặt (giờ: phút: giây / số lượng ảnh)
- Nhấn < > để hiển thị < >.
- Chọn số mong muốn, rồi nhấn < >.
(Trở lại < >).

• Shooting interval (Quãng chụp)

Có thể thiết lập từ [00:00:01] đến [99:59:59].

• Number of shots (Số lượng ảnh)

Có thể thiết lập từ [0002] đến [3600]. Đặt một giá trị mỗi lần. Nếu đặt 3600 ảnh, phim time-lapse sẽ khoảng 2 phút đối với NTSC và 2 phút 24 giây đối với PAL.

6 Chọn [OK].

- ▶ Màn hình ở bước 3 sẽ xuất hiện lại.

7 Kiểm tra thiết lập

- Với [Time-lapse movie (Phim time-lapse)] chọn trên màn hình trong bước 3, nhấn < >.
- ▶ Thiết lập hiện tại sẽ hiển thị.



• Time required (Thời gian yêu cầu)

Hiển thị thời gian yêu cầu để chụp được số lượng ảnh với quãng chụp đã thiết lập. Nếu đạt đến 24 giờ, “*** ngày” sẽ hiển thị.

• Playback time (Thời lượng phim)

Hiển thị thời lượng phim (thời gian yêu cầu để ph lại phim) của phim time-lapse sẽ được tạo từ các ảnh chụp với quãng chụp đã thiết lập và ghi trong (NTSC) hoặc (PAL).

● Card- time left (Thời lượng còn lại trên thẻ)

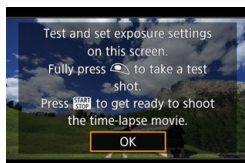
Tổng thời lượng phim time-lapse có thể ghi vào thẻ dựa trên dung lượng thẻ còn lại.

8 Thoát menu.

- Nhấn nút <MENU> để tắt màn hình menu.

9 Đọc thông báo.

- Đọc thông báo và chọn [OK].



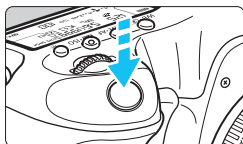
10 Chụp thử.

- Thiết lập phơi sáng và các chức năng chụp, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét như đối với chụp Live View.
- Nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu chụp thử ảnh. Ảnh chụp thử sẽ được ghi vào thẻ.
- Nếu không có vấn đề gì với ảnh chụp thử, chuyển sang bước tiếp theo.
- Chụp thử lại, lặp lại bước này.

11 Nhấn nút <START/STOP>.

- ▶ Máy ảnh sẽ sẵn sàng để bắt đầu quay phim time-lapse.
- Để trở về bước 9, nhấn lại nút <START/STOP>.





12 Quay phim time-lapse.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để kiểm tra nét và phơi sáng.
- Nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu quay phim time-lapse.
- AF sẽ không hoạt động trong khi quay phim time-lapse. Thiết lập phơi sáng cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Trong khi quay phim time-lapse, màn hình LCD sẽ không hiển thị thông tin. Biểu tượng <[Time-lapse icon]> sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD.
- Do màn trập điện tử được sử dụng trong khi quay phim time-lapse, gương lật và màn trập cơ khí sẽ không gây tiếng ồn hoạt động.
- Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã thiết lập, chế độ quay phim time-lapse sẽ dừng và tự động hủy.

Số lượng ảnh còn lại



Phim time-lapse



- Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nên chụp thử vài ảnh.
- Phim time-lapse sẽ được ghi ở **FHD 29.97P** **ALL-I** (NTSC) hoặc **FHD 25.00P** **ALL-I** (PAL), với bất kỳ thiết lập **[1: Image quality (Chất lượng ảnh)]**.
- Để hủy quay phim time-lapse trước khi hoàn tất, nhấn hoàn toàn nút chụp hoặc nhấn nút **<START/STOP>** (đặt thành **[Disable (Tắt)]**). Phim time-lapse sẽ được ghi vào thẻ.
- Bạn có thể xem lại phim time-lapse với máy ảnh giống như cách xem lại phim thông thường.
- Nếu thời gian yêu cầu cho quay phim là từ 24 giờ đến 48 giờ, số ngày sẽ hiển thị là "2 ngày". Nếu yêu cầu từ 3 ngày hoặc nhiều hơn, số ngày sẽ hiển thị với mức tăng 24 giờ.
- Ngay cả khi thời lượng phim time-lapse ít hơn 1 giây, tập tin phim sẽ vẫn được tạo. Đối với **[Playback time (Thời lượng phim)]**, "00:00:00" sẽ hiển thị.
- Nếu quay trong thời gian lâu, bạn nên sử dụng Bộ nổi nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh.



- Với phim time-lapse đặt thành **[Enable (Bật)]**, không thể đặt **[4: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)]** và **[3: Video system (Hệ thống video)]**.
- Nếu máy ảnh đã kết nối với máy tính hoặc máy in qua cáp nối hoặc nếu một cáp HDMI đã được kết nối với máy ảnh, bạn sẽ không thể chọn **[Enable (Bật)]**.
- Tốc độ ISO tối đa sẽ là ISO 3200 ở các chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>**, ****, và tại chế độ **<M>** với ISO tự động.
- Không thể thực hiện phơi sáng bulb. Nếu chế độ chụp là ****, thao tác sẽ giống như tại chế độ **<P>**.
- Lấy nét Servo phim sẽ không có tác dụng.
- Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây hoặc chậm hơn, độ phơi sáng của phim hiển thị có thể không phản ánh đúng độ phơi sáng của phim kết quả.
- Không thao tác zoom ống kính khi đang quay phim time-lapse. Zoom ống kính có thể gây mất nét, thay đổi phơi sáng và tính năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính không hoạt động chính xác.
- Khi quay phim time-lapse dưới ánh đèn nhấp nháy, lưu ý rằng ảnh nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể bị ghi lại.
- Ảnh hiển thị trong khi quay và phim time-lapse thành phẩm có thể trông khác nhau (do yếu tố nhấp nháy, độ sâu trường ảnh v.v...).
- Nếu di chuyển máy ảnh từ trái sang phải (liạ máy) hoặc chụp chủ thể đang di chuyển trong khi quay phim time-lapse, ảnh có thể trông méo hơn.
- Tự động tắt nguồn sẽ không có hiệu lực trong khi quay phim time-lapse. Đồng thời, không thể điều chỉnh chức năng chụp và các thiết lập chức năng menu hoặc xem lại ảnh.
- Âm thanh và mã thời gian không được ghi với phim time-lapse.
- Chụp từng ảnh được áp dụng cho quay phim time-lapse với bất kỳ thiết lập kiểu chụp nào.
- Thiết lập chức năng chụp cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Máy ảnh sẽ không thể chụp ở quãng chụp đã thiết lập nếu phơi sáng lâu hoặc tốc độ màn trập lâu hơn quãng chụp đã thiết lập. Ngoài ra, có thể không chụp được khi đặt tốc độ màn trập và quãng chụp gần như bằng nhau.
- Ảnh sẽ tự nhảy, nếu thời gian cho ảnh kế tiếp chưa sẵn sàng. Điều này khiến thời lượng ghi phim time-lapse bị ngắn hơn.



- Nếu thời gian để ghi vào thẻ lớn hơn thời gian ngắt quãng giữa các ảnh do chức năng chụp hoặc hiệu suất của thẻ, một vài ảnh có thể không được chụp theo quãng chụp đã thiết lập.
- Các ảnh chụp không được ghi như ảnh thông thường. Ngay cả khi bạn hủy quay phim time-lapse sau khi chỉ chụp một ảnh, tập tin phim vẫn được ghi lại.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống để ghi số lượng ảnh đã thiết lập [**Playback time (Thời lượng phim)**] sẽ hiển thị màu đỏ. Mặc dù máy ảnh có thể tiếp tục chụp, quay phim sẽ dừng lại khi thẻ đầy.
- Nếu bạn kết nối máy ảnh với máy tính thông qua cáp nối kèm theo máy ảnh và sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS), đặt [**5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)**] thành [**Disable (Tắt)**]. Nếu đặt thành [**Enable (Bật)**], máy ảnh sẽ không thể giao tiếp với máy tính.
- Trong khi quay phim time-lapse, hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính sẽ không hoạt động.
- Nếu công tắc nguồn đặt thành <**OFF**> hoặc công tắc chụp Live View/quay phim hoạt động, quay phim time-lapse sẽ dừng và thiết lập được chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Flash sẽ không đánh sáng ngay cả khi được sử dụng.
- Trạng thái sẵn sàng quay phim time-lapse sẽ bị hủy và thiết lập sẽ chuyển thành [**Disable (Tắt)**] khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Chọn [**3: Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)**], [**3: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**], [**4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**] hoặc [**4: Firmware ver. (Phiên bản firmware)**].
 - Chọn chức năng chụp <**1**>, <**2**> hoặc <**3**>.
- Khi phim time-lapse kết thúc, các thiết lập sẽ được xóa tự động, và trở về chức năng quay phim thông thường. Chú ý rằng nếu bạn thiết lập tốc độ màn trập chậm hơn 1/60 giây hoặc nhanh hơn 1/4000 giây cho quay phim time-lapse và các thiết lập được xóa tự động, tốc độ màn trập có thể sẽ tự động bị thay đổi thành phạm vi có thể thiết lập cho quay phim thông thường.
- Nếu bạn bắt đầu quay phim time-lapse trong khi biểu tượng <**1**> màu trắng (tr.319) hiển thị, chất lượng ảnh của phim time-lapse có thể bị xấu đi.

 Bạn có thể thực hiện quay phim time-lapse với pin LP-E6N đã sạc đầy cho quãng thời gian (từ khi bắt đầu chụp cho đến khi hết pin) được liệt kê trong bảng sau:

Tổng thời gian có thể quay phim time-lapse

	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Quãng chụp: 1 giây	2 giờ 15 phút	2 giờ 10 phút
Quãng chụp: 10 giây	4 giờ 5 phút	3 giờ 55 phút

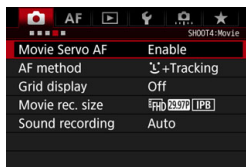
 Nếu sử dụng Điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.239), có thể bắt đầu hoặc tạm dừng quay phim time-lapse khi kiểu chụp được đặt là $\langle \text{[Icon]} \rangle$ hoặc $\langle \text{[Icon]}_2 \rangle$.

Khi sử dụng bộ điều khiển từ xa RC-6

Trạng thái máy ảnh/Thiết lập điều khiển từ xa	$\langle 2 \rangle$ (2-giây trì hoãn)	$\langle \bullet \rangle$ (Chụp ngay)
Màn hình chụp thử	Sẵn sàng để chụp	Chụp ảnh
Sẵn sàng chụp	Màn hình chụp thử	Bắt đầu chụp
Trong khi quay phim time-lapse	Kết thúc chụp	Kết thúc chụp

MENU Thiết lập chức năng menu

4



Nếu đặt công tắc chụp Live View/Quay phim thành <[]>, các tùy chọn menu quay phim sẽ xuất hiện trong tab [4] và [5] (tab [2] và [3] trong <[A+]>).

● Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)

Máy ảnh sẽ lấy nét liên tục chủ thể khi quay phim. Cài đặt mặc định là [Disable (Tắt)].

Khi đặt thành [Enable (Bật)]:

- Máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp.
- Do ống kính hoạt động liên tục nên pin sẽ tiêu tốn năng lượng và thời gian quay phim sẽ giảm (tr.293).
- Với một số loại ống kính, tiếng ồn do thao tác ống kính khi lấy nét có thể bị ghi lại. Trong trường hợp này, sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để giảm tiếng ồn thao tác ống kính trong phim.
- Trong khi lấy nét Servo phim, nếu muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, trước tiên đặt công tắc chụp Live View/Quay phim thành <>.

- Nếu muốn tiếp tục lấy nét ở một điểm nhất định hoặc tránh ghi lại tiếng ồn do hoạt động của ống kính, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim bằng cách nhấn nút được gán cho **[Pause Movie Servo AF (Tạm dừng lấy nét Servo phim)]** hoặc **[AF stop (Dừng AF)]** trong **[. 3: Custom controls (Điều khiển tùy chỉnh)]**. Khi dừng lấy nét Servo phim, điểm AF sẽ chuyển thành màu xám.
 - Trong **[. 3: Custom controls (Điều khiển tùy chỉnh)]**, nếu một nút được gán chức năng **[Pause Movie Servo AF (Tạm dừng lấy nét Servo phim)]** (tr.423), lấy nét Servo phim sẽ dừng lại khi nhấn giữ nút đó. Khi nhấn lại nút, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
 - Nếu một nút được gán chức năng **[AF stop (Dừng AF)]** (tr.421), lấy nét Servo phim sẽ dừng lại khi nhấn giữ nút đó. Khi nhả nút ra, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
- Khi tạm dừng lấy nét Servo phim, nếu bạn trở lại chế độ quay phim sau khi nhấn nút **<MENU>** hoặc **<▶>** hoặc thực hiện các thao tác khác như thay đổi phương pháp AF, lấy nét Servo phim sẽ tự động tiếp tục.

Khi đặt thành [Disable (Tắt)]:

- Nhấn nửa chừng nút chụp hoặc nhấn nút **<AF-ON>** để lấy nét.

Thận trọng khi đặt [Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] thành [Enable (Bật)]

- **Các điều kiện chụp khó lấy nét**
 - Chủ thể chuyển động nhanh đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
 - Chủ thể chuyển động ở khoảng cách gần phía trước máy ảnh.
 - Tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” ở trang 275.
- Lấy nét Servo phim sẽ tạm dừng trong chế độ xem phóng to hoặc khi đang zoom.
- Trong khi quay phim, nếu chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa, hoặc nếu di chuyển máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang (lĩa máy), hình ảnh phim được ghi có thể mở rộng hoặc co lại (thay đổi hệ số phóng to ảnh) trong giây lát.

- **AF method (Phương pháp AF)**

Bạn có thể chọn [**☑+Tracking** (☑+Theo dõi)] hoặc [**FlexiZone - Single** (Vùng linh hoạt - 1 điểm)] (tr.271-274).

- **Grid display (Hiển thị khung lưới)**

Khi đặt thành [**3x3** 6x4 3x3+diag 3x3+chéo 

Lưu ý rằng khung lưới sẽ không hiển thị khi quay phim.

- **Movie recording size (Kích thước ghi phim)**

Bạn có thể thiết lập kích thước ghi phim (kích thước ảnh, tốc độ khung hình và phương pháp nén). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 299.

- **Sound recording (Ghi âm)**

Bạn có thể điều chỉnh thiết lập ghi âm. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 302.

5



- **Silent LV shooting (Chụp Live View ngắt tiếng) ***

Chức năng này sẽ áp dụng để chụp ảnh trong khi quay phim. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 268.

- **Metering timer (Hẹn giờ đo sáng) ***

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).

- **Time code (Mã thời gian)**

Bạn có thể đặt mã thời gian. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 305-307.

- **Silent Control (Điều khiển yên lặng) ***

Khi đã đặt [Enable  (Bật )], bạn có thể sử dụng bảng cảm ứng < > và màn hình điều khiển nhanh để thay đổi thiết lập một cách yên lặng trong khi quay phim. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 304.

- **button function (Chức năng nút) ***

Bạn có thể thiết lập chức năng bằng cách nhấn nửa chừng hoặc hoàn toàn nút chụp trong khi quay phim.

Thiết lập	Nhấn nửa chừng	Nhấn hoàn toàn
	Đo sáng và AF	Chụp ảnh trong khi quay phim
	Chỉ đo sáng	Chụp ảnh trong khi quay phim
	Đo sáng và AF	Bắt đầu/dừng quay phim
	Chỉ đo sáng	Bắt đầu/dừng quay phim

Nếu đã đặt [] hoặc [], ngoài việc nhấn nút < >, bạn có thể bắt đầu/dừng quay phim bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp hay sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai đều bán riêng, tr.239). Tuy nhiên không chụp được ảnh nếu đặt [] hoặc [] (tr.295).

 Trong khi quay phim, thiết lập [ **button function (Chức năng nút )**] sẽ ghi đè tất cả chức năng được gán cho nút chụp trong [: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].



Các lưu ý chung khi quay phim

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh <H> màu trắng và <H> màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao do quay phim trong thời gian dài hoặc điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <H> màu trắng hoặc <H> màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <H> màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên dừng chụp ảnh một lúc và để máy ảnh nguội đi. Do chất lượng hình ảnh của phim khó có thể bị ảnh hưởng, bạn có thể tiếp tục quay phim.
- Biểu tượng <H> màu đỏ cho biết quá trình quay phim sẽ sớm dừng tự động. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Quay phim ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <H> hoặc <H> xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.

Ghi âm và chất lượng hình

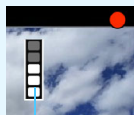
- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể làm rút ngắn tổng thời gian quay phim hoặc giảm số lượng ảnh có thể chụp. Nếu sử dụng chân máy hoặc nếu không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, bạn nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Micro tích hợp của máy ảnh cũng sẽ ghi lại âm thanh thao tác và tiếng ồn thao tác của máy ảnh trong khi quay phim. Sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) để làm giảm các âm thanh này trong phim.
- Chỉ được kết nối micro ngoài vào ngõ vào micro ngoài của máy ảnh.
- Khi sử dụng phơi sáng tự động hoặc tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, nếu độ sáng khi quay phim thay đổi, phim có thể tạm thời bị dừng hình. Trong trường hợp đó, hãy quay phim với tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ hoặc phơi sáng chỉnh tay.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, hình ảnh có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc không đều màu. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Nếu phát lại phim trên thiết bị khác, chất lượng hình ảnh hoặc âm thanh có thể xấu đi hoặc không thể xem (ngay cả khi thiết bị đó hỗ trợ định dạng MOV).



Các lưu ý chung khi quay phim

Ghi âm và chất lượng hình

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm, thang đo năm mức sẽ xuất hiện ở bên phải màn hình trong khi quay phim. Thang đo này cho biết lượng dữ liệu chưa được ghi vào thẻ (dung lượng còn lại của bộ nhớ đệm bên trong). Thẻ có tốc độ ghi càng chậm, thang đo tăng lên càng nhanh. Nếu thang đo ở mức cao nhất, quá trình quay phim sẽ tự động dừng lại.



Thang đo

Nếu thẻ có tốc độ ghi nhanh, thang đo sẽ không xuất hiện hoặc mức thang (nếu hiển thị) sẽ ít tăng lên. Trước tiên, quay thử một vài đoạn phim để kiểm tra tốc độ ghi của thẻ.

- Nếu thang đo cho thấy thẻ nhớ đã đầy và tự động dừng quay phim, âm thanh gần cuối phim có thể không được ghi lại hoàn toàn.
- Nếu tốc độ của thẻ ghi giảm (do phân mảnh) và thang đo xuất hiện, bạn có thể giải quyết vấn đề này bằng cách định dạng thẻ CF (tr.67) hoặc định dạng thẻ SD ở mức thấp (tr.67-68).

Chụp ảnh trong khi quay phim

- Về chất lượng ảnh, tham khảo phần “Chất lượng ảnh” ở trang 279.

9

Xem ảnh

Chương này giới thiệu cách xem hoặc xóa ảnh/phim, cách hiển thị ảnh/phim trên màn hình TV và các chức năng liên quan đến xem.

Ảnh được chụp và lưu lại bằng thiết bị khác

Máy ảnh không thể hiển thị chính xác ảnh được chụp bằng máy ảnh khác, ảnh được chỉnh sửa bằng máy tính hoặc khi tập tin ảnh đã bị đổi tên.

Xem ảnh

Hiển thị từng ảnh



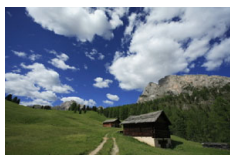
1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh chụp sau cùng hoặc ảnh xem sau cùng sẽ xuất hiện.



2 Chọn ảnh.

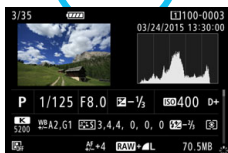
- Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp cuối cùng, xoay nút xoay <  > ngược chiều kim đồng hồ. Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp đầu tiên, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Mỗi lần nhấn nút < **INFO.** >, thông tin hiển thị sẽ thay đổi.



Không có thông tin



Hiển thị thông tin cơ bản



Hiển thị thông tin chụp

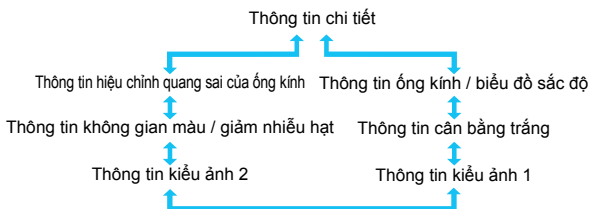
 Khi bạn xem lại ảnh RAW chụp với [ **4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] (tr.156), đường biểu thị khu vực ảnh chụp sẽ hiển thị.

3 Thoát xem ảnh.

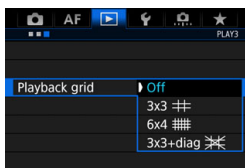
- Nhấn nút < [] > để thoát xem ảnh và quay lại trạng thái sẵn sàng chụp.

Hiển thị thông tin chụp

Khi hiển thị màn hình thông tin chụp (tr.322), bạn có thể nghiêng nút < [] > lên hoặc xuống để thay đổi thông tin chụp hiển thị ở dưới cùng màn hình như sau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 325-326.



MENU Hiển thị khung lưới



Trong chế độ hiển thị ảnh đơn và chế độ hiển thị hai ảnh (tr.334), bạn có thể hiển thị khung lưới trên ảnh đang xem.

Với [**3: Playback grid (Khung lưới khi xem)**], có thể chọn [3x3], [6x4] hoặc [3x3+diag] (3x3+chéo).

Đây là chức năng tiện lợi để kiểm tra độ nghiêng theo chiều ngang và dọc, cũng như bố cục ảnh.

Khung lưới không được hiển thị khi phát lại phim.

INFO.: Hiện thị thông tin chụp

Thông tin mẫu cho ảnh

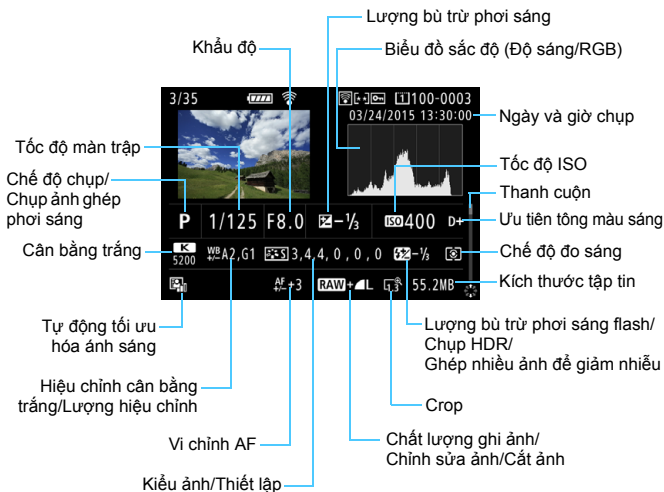
● Hiện thị thông tin cơ bản



- Một số thông tin chụp có thể sẽ không hiển thị nếu ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Ảnh chụp với EOS 5DS/EOS 5DS R có thể không xem lại được trên máy ảnh khác.

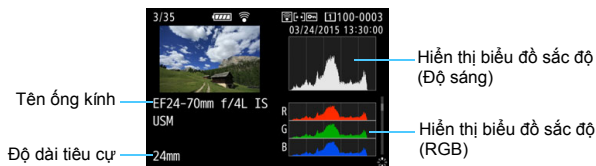
● Hiển thị thông tin chụp

● Thông tin chi tiết

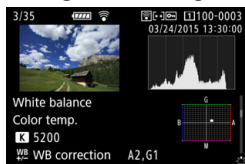


- * Khi chụp với chất lượng ảnh RAW+JPEG, kích thước tập tin ảnh RAW sẽ được hiển thị.
- * Đường biểu thị khu vực chụp sẽ hiển thị cho ảnh chụp được đặt với crop/tỷ lệ cỡ ảnh và cho chất lượng ảnh được đặt với RAW hoặc RAW+JPEG.
- * Đường biểu thị khu vực chụp sẽ hiển thị thông tin cắt ảnh đi kèm với ảnh (tr.413).
- * Trong quá trình chụp ảnh có đèn flash mà không bù trừ phơi sáng flash, biểu tượng sẽ hiển thị.
- * Biểu tượng <HDR> và lượng điều chỉnh dải tương phản động sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp ở chế độ HDR.
- * Biểu tượng <D+> sẽ hiển thị đối với ảnh chụp ghép phơi sáng.
- * Biểu tượng <NR> sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp với ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
- * Biểu tượng <M+> hiển thị cho biết ảnh được chụp trong khi quay phim.
- * Biểu tượng <L> hiển thị cho biết ảnh đã được xử lý (bằng chức năng xử lý ảnh RAW, thay đổi kích thước hoặc cắt ảnh) và sau đó được lưu lại.
- * Biểu tượng <T+> sẽ hiển thị đối với ảnh được lưu sau khi cắt.

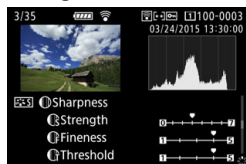
- Thông tin ống kính / biểu đồ sắc độ



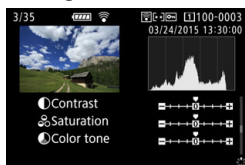
- Thông tin cân bằng trắng



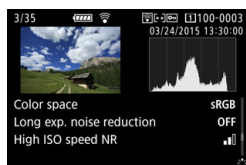
- Thông tin kiểu ảnh 1



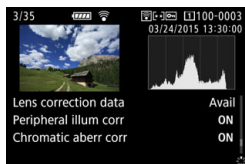
- Thông tin kiểu ảnh 2



- Thông tin không gian màu / giảm nhiễu hạt

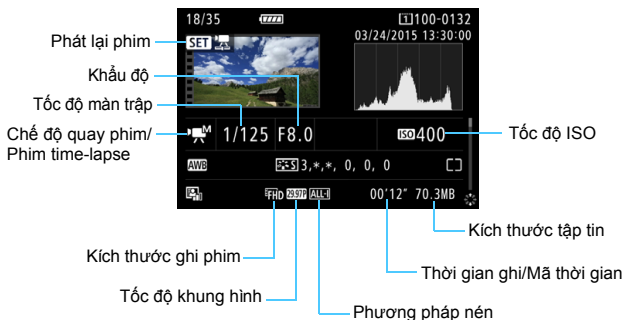


- Thông tin hiệu chỉnh quang sai của ống kính



Nếu sử dụng bộ thu GPS GP-E2 để ghi thông tin GPS cho ảnh, nghiêng nút <⬅> lên hoặc xuống để xem màn hình "thông tin GPS".

Hiển thị thông tin phim mẫu



- Chế độ <M> và <A>: Tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- Chế độ <TV>: Khẩu độ và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- Chế độ <Av>: Tốc độ màn trập và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- Chế độ <M> + ISO tự động: Tốc độ ISO sẽ không hiển thị.

● Highlight Alert (Cảnh báo vùng sáng)

Khi đặt [▶ 3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)] thành [Enable (Bật)], vùng dư sáng sẽ nhấp nháy liên tục. Để thu được nhiều chi tiết ảnh hơn ở các khu vực dư sáng, thiết lập bù trừ phơi sáng về số âm rồi chụp lại.

● AF Point Display (Hiển thị điểm AF)

Khi [▶ 3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)] được đặt thành [Enable (Bật)], điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu đặt chọn điểm AF tự động, máy ảnh có thể sẽ hiển thị nhiều điểm AF.

● Histogram (Biểu đồ sắc độ)

Biểu đồ độ sáng hiển thị phân phối mức phơi sáng và độ sáng tổng thể. Biểu đồ RGB là để kiểm tra độ bão hòa màu và độ chuyển màu. Màn hình có thể được thay đổi bằng [► 3: Histogram disp. (Hiện thị biểu đồ)].

Hiện thị [Brightness (Độ sáng)]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của ảnh. Trục ngang biểu diễn mức độ sáng (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, thì ảnh càng tối. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, thì ảnh càng sáng. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, chi tiết vùng tối sẽ mất. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, chi tiết vùng sáng sẽ mất. Độ chuyển màu ở khoảng giữa sẽ được tái tạo. Kiểm tra ảnh và biểu đồ độ sáng có thể cho biết độ lệch của mức phơi sáng và độ chuyển màu tổng thể.

Biểu đồ mẫu



Ảnh tối



Độ sáng bình thường



Ảnh sáng

Hiện thị [RGB]

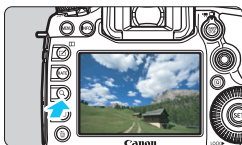
Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của mỗi màu chính trong ảnh (RGB hoặc đỏ, xanh lá cây và xanh da trời). Trục ngang biểu diễn mức độ sáng của màu (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu diễn số lượng điểm ảnh tồn tại cho mỗi mức độ sáng của màu. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối và độ ẩm màu càng ít. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng và màu càng đậm hơn. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, thông tin màu tương ứng sẽ bị thiếu. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, màu sẽ quá bệt và không có độ chuyển màu.

Kiểm tra biểu đồ RGB của ảnh có thể cho biết tình trạng độ bão hòa và độ chuyển màu của màu, cũng như độ lệch cân bằng trắng.

▶ Tìm kiếm ảnh nhanh chóng

▣ Hiển thị nhiều ảnh trên một màn hình (Hiển thị bảng kê)

Bạn có thể tìm kiếm ảnh nhanh chóng với hiển thị bảng kê 4, 9, 36 hoặc 100 ảnh trên một màn hình.



1 Nhấn nút <Q>.

- Trong khi xem ảnh hoặc khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp, nhấn nút <Q>.
- [ Q] sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.



2 Chuyển sang hiển thị bảng kê.

- Xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ.
- Hiển thị bảng kê 4 ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được tô sáng bằng khung màu cam.
- Tiếp tục xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 9 ảnh sang 36 ảnh, rồi sang 100 ảnh. Nếu xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ, sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 100 ảnh, 36 ảnh, 9 ảnh, 4 ảnh sang 1 ảnh.

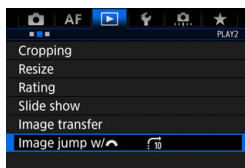


3 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay < > hoặc < > để di chuyển khung màu cam và chọn ảnh.
- Nhấn nút <Q> để tắt biểu tượng [ Q], rồi xoay nút xoay < > để chuyển sang màn hình kế tiếp hoặc ảnh trước đó.
- Nhấn <SET> trong hiển thị bảng kê để hiển thị ảnh đã chọn dưới dạng từng ảnh.

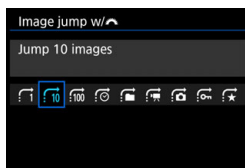
Nhảy qua các ảnh (Hiện thị nhảy ảnh)

Với hiện thị từng ảnh, bạn có thể xoay nút xoay < > để nhảy qua các ảnh về phía trước hoặc phía sau theo kiểu nhảy ảnh đã thiết lập.



1 Chọn [Image jump w/ < > (Nhảy ảnh với < >)].

- Trong tab [< 2], chọn [Image jump w/ < > (Nhảy ảnh với < >)], rồi nhấn <(SET)>.



2 Chọn kiểu nhảy ảnh.

- Chọn kiểu nhảy ảnh, rồi nhấn <(SET)>.

 1: Hiện thị từng ảnh

 10: Nhảy 10 ảnh

 100: Nhảy 100 ảnh

: Hiện thị theo ngày

: Hiện thị theo thư mục

: Chỉ hiện thị phim

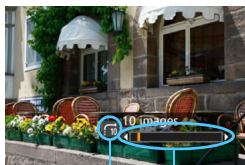
: Chỉ hiện thị ảnh

: Chỉ hiện thị ảnh được bảo vệ

: Hiện thị theo xếp hạng ảnh

(tr.339)

Xoay nút xoay < > để chọn.



Kiểu nhảy ảnh

Vị trí xem

3 Duyệt ảnh với chức năng nhảy ảnh.

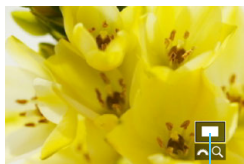
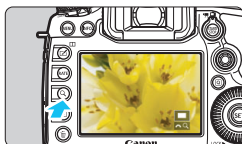
- Nhấn nút < ▶ > để xem lại ảnh.
- Trên hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay < ⌂ >.
- ▶ Bạn có thể duyệt ảnh theo cách thức đã đặt.



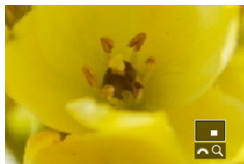
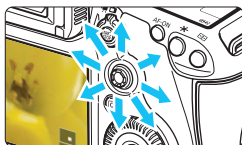
- Để tìm kiếm ảnh theo ngày chụp, chọn [**Date (Ngày tháng)**].
- Để tìm kiếm ảnh theo thư mục, chọn [**Folder (Thư mục)**].
- Nếu thẻ có chứa cả phim và ảnh, chọn [**Movies (Phim)**] hoặc [**Stills (Ảnh)**] để hiển thị một trong hai loại.
- Nếu không có ảnh phù hợp với thiết lập [**Protect (Bảo vệ)**] hoặc [**Rating (Xếp hạng)**], bạn không thể duyệt ảnh bằng nút xoay < ⌂ >.

🔍 Phóng to ảnh

Bạn có thể phóng to ảnh đã chụp khoảng 1,5x đến 16x trên màn hình LCD.



Vị trí khu vực phóng to



1 Phóng to ảnh.

- Ảnh có thể được phóng to trong các trường hợp sau: 1. Trong khi xem ảnh (hiển thị từng ảnh), 2. Trong khi xem lại ảnh sau khi chụp, và 3. Từ trạng thái sẵn sàng chụp.
- Nhấn nút **<Q>**.
- ▶ Xem phóng to sẽ xuất hiện. Khu vực phóng to và **[🔍 Q]** sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.
- Hệ số phóng to ảnh sẽ tăng khi xoay nút xoay **<🔍>** ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể phóng to ảnh tối đa lên 16x.
- Hệ số phóng to ảnh sẽ giảm khi xoay nút xoay **<🔍>** theo chiều kim đồng hồ. Chỉ trong trường hợp 1 và 3, tiếp tục xoay nút xoay sẽ chuyển sang hiển thị bảng kê (tr.329).

2 Di chuyển quanh ảnh.

- Sử dụng nút **<🔍>** để di chuyển quanh ảnh phóng to.
- Để thoát hiển thị phóng to, nhấn nút **<Q>** hoặc **<▶>** sẽ trở về hiển thị từng ảnh.

- Trong trường hợp 1 và 3, bạn có thể xoay nút xoay **<🔍>** để xem ảnh khác trong khi giữ nguyên chế độ phóng to.
- Không thể phóng to phim.

MENU Thiết lập phóng to

AF	PLAY3
Highlight alert	Disable
AF point disp.	Disable
Playback grid	Off
Histogram disp	Brightness
Movie play count	Rec time
Magnificatn (apx)	2x
Ctrl over HDMI	Disable

Magnificatn (apx)
1x (no magnification)
2x (magnify from center)
4x (magnify from center)
8x (magnify from center)
16x (magnify from center)
Actual size (from selected pt)
Same as last magnif. (from ctr)

Trong tab [3] khi chọn [**Magnificatn (apx) (Hệ số phóng to (ước chừng))**], bạn có thể thiết lập vị trí phóng to ban đầu cho chế độ hiển thị phóng to.

- **1x (no magnification) (1x (không phóng to))**
Ảnh không được phóng to. Hiển thị phóng to sẽ bắt đầu với ảnh đơn.
- **2x, 4x, 8x, 16x (magnify from center) (2x, 4x, 8x, 16x (phóng to từ trung tâm))**
Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh tại mức phóng to đã chọn.
- **Actual size (from selected point) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**
Điểm ảnh của ảnh được ghi sẽ hiển thị ở mức xấp xỉ 100%. Hiển thị phóng to bắt đầu tại điểm AF được lấy nét. Nếu ảnh được chụp ở chế độ lấy nét tay, hiển thị phóng to sẽ bắt đầu ở trung tâm ảnh.
- **Same as last magnification (from center) (Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm))**
Mức phóng to sẽ giống như lần gần nhất bạn thoát hiển thị phóng to bằng nút <[3]> hoặc <Q>. Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh.



Đối với ảnh đã chụp với [**'L'+Tracking ('L'+Theo dõi)**] hoặc [**FlexiZone - Single (Vùng linh hoạt - 1 điểm)**] (tr.270), xem phóng to sẽ bắt đầu từ giữa ảnh ngay cả khi đã đặt [**Actual size (from selected pt) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**].

So sánh ảnh (Hiện thị hai ảnh)

Bạn có thể so sánh hai ảnh đặt cạnh nhau trên màn hình LCD. Trong chế độ hiển thị hai ảnh, bạn có thể sử dụng hiển thị phóng to, hiển thị nhảy ảnh, bảo vệ, xếp hạng và xóa ảnh.



1 Đặt hiển thị hai ảnh.

- Trong khi xem ảnh, nhấn nút .
- Hiện thị bằng kẻ hai ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đang chọn được tô sáng bằng khung màu cam.



2 Chọn ảnh cần so sánh.

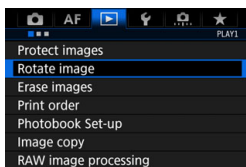
- Nhấn  sẽ chuyển khung màu cam giữa hai ảnh.
- Xoay nút xoay  để chọn ảnh.
- Lặp lại quy trình này để chọn ảnh khác cần so sánh.
- Nếu ảnh bên trái và phải giống nhau, biểu tượng  sẽ xuất hiện ở phía trên bên trái của cả hai ảnh.
- Nhấn nút  để đặt mức phóng to giống nhau và khu vực phóng to cho cả hai ảnh. (Thiết lập hệ số phóng to sẽ bằng với ảnh không được tô sáng bằng khung màu cam.)
- Giữ nút  để hiển thị ảnh được tô sáng bằng khung màu cam làm ảnh đơn.
- Để trở lại hiển thị trước, nhấn nút .



- Nhấn nút **<INFO.>** để thay đổi hiển thị thông tin.
- Không thể phát lại phim ở chế độ hiển thị hai ảnh.

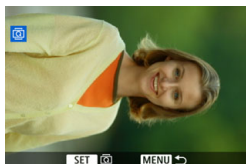
Xoay ảnh

Bạn có thể xoay ảnh hiển thị theo hướng mong muốn.



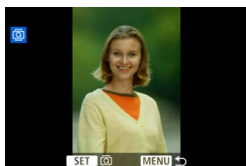
1 Chọn [Rotate image (Xoay ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Rotate image (Xoay ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh cần xoay.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng kê (tr.329).



3 Xoay ảnh.

- Mỗi lần nhấn <SET>, ảnh sẽ xoay theo chiều kim đồng hồ như sau: 90° → 270° → 0°.
- Để xoay ảnh khác, lặp lại bước 2 và 3.

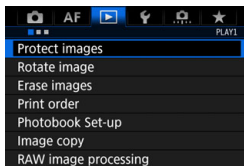


- Nếu đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**   (**Bật**  )] (tr.364) trước khi chụp ảnh dọc, không cần xoay ảnh như thao tác trên.
- Nếu ảnh đã xoay không hiển thị theo hướng thiết lập trong khi xem ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**   (**Bật**  )].
- Không thể xoay phim.

Bảo vệ ảnh

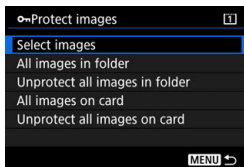
Bạn có thể bảo vệ ảnh khỏi vô tình bị xóa.

MENU Bảo vệ từng ảnh



1 Chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)], rồi nhấn < >.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Ảnh sẽ hiển thị.

Biểu tượng bảo vệ ảnh



3 Chọn ảnh.

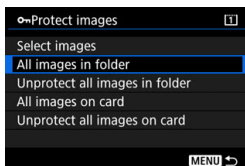
- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh sẽ bảo vệ.
- Có thể chọn ảnh hoặc phim trên hiển thị bằng kê (tr.329).

4 Bảo vệ ảnh.

- Nhấn < > để bảo vệ ảnh đã chọn. Biểu tượng < > sẽ xuất hiện ở phía trên cùng của màn hình.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại < >. Biểu tượng < > sẽ biến mất.
- Để bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3 và 4.

MENU Bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi chọn [**All images in folder (Tắt cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tắt cả ảnh trên thẻ)**] trong [ **1: Protect images (Bảo vệ ảnh)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được bảo vệ.

Để hủy bảo vệ ảnh, chọn [**Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**].

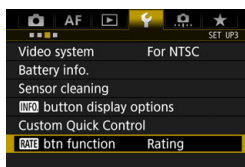
 **Nếu định dạng thẻ (tr.67), các ảnh được bảo vệ cũng sẽ bị xóa.**



- Bạn cũng có thể đặt bảo vệ phim.
- Không thể xóa ảnh được bảo vệ bằng chức năng xóa của máy ảnh. Để xóa ảnh được bảo vệ, trước tiên phải hủy bảo vệ ảnh.
- Nếu bạn xóa tất cả ảnh (tr.362), sẽ chỉ còn lại ảnh được bảo vệ. Tính năng này giúp xóa các ảnh không cần thiết cùng một lúc.
- Khi chọn [**All images on card (Tắt cả ảnh trên thẻ)**] hoặc [**Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)**], ảnh sẽ được bảo vệ hoặc hủy bảo vệ trên thẻ đã chọn cho [**Record/play (Ghi/phát)**] hoặc [**Playback (Phát lại)**] trong [ **1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**].

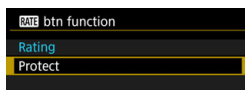
Bảo vệ ảnh với nút <RATE>

Trong khi xem ảnh, bạn có thể sử dụng nút <RATE> để bảo vệ ảnh.



1 Chọn [RATE] btn function (Chức năng nút RATE)].

- Trong tab [43], chọn [RATE] button function (Chức năng nút RATE)], rồi nhấn <SET>.

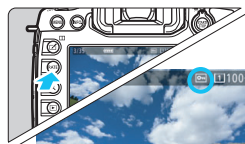


2 Chọn [Protect (Bảo vệ)].



3 Chọn ảnh.

- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.
- Xoay nút xoay <◉> để chọn ảnh sẽ bảo vệ.
- Có thể chọn ảnh hoặc phim trên hiển thị bằng kê (tr.329).



4 Bảo vệ ảnh.

- Khi nhấn nút <RATE>, ảnh sẽ được bảo vệ và biểu tượng <□> sẽ xuất hiện.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại nút <RATE>. Biểu tượng <□> sẽ biến mất.

Thiết lập xếp hạng

Bạn có thể xếp hạng ảnh (ảnh và phim) với một trong năm dấu xếp hạng sau: [*]/[*]/[*]/[*]/[*]. Chức năng này được gọi là xếp hạng.

Xếp hạng ảnh bằng nút <RATE>

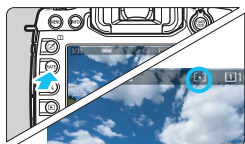
1 Chọn ảnh.

- Trong khi xem ảnh, xoay nút xoay <◀▶> để chọn ảnh hoặc phim cần xếp hạng.
- Có thể chọn ảnh hoặc phim trên hiển thị bằng kẻ (tr.329).



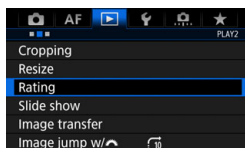
2 Xếp hạng ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <RATE>, dấu xếp hạng sẽ thay đổi: [*]/[*]/[*]/[*]/[*]/None (Không).
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 1 và 2.



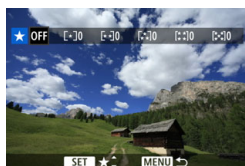
- Nếu đặt [**3: RATE** btn function (Chức năng nút **RATE**)] thành [**Protect** (Bảo vệ)], thay đổi thành [**Rating** (Xếp hạng)].
- Nếu nhấn nút <Q> khi chọn [**Rating** (Xếp hạng)] trong [**3: RATE** btn function (Chức năng nút **RATE**)], có thể thiết lập dấu xếp hạng được chọn khi nhấn nút <RATE>.

MENU Thiết lập xếp hạng bằng menu



1 Chọn [Rating (Xếp hạng)].

- Trong tab [2], chọn [Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh hoặc phim cần xếp hạng.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <DISP> theo chiều kim đồng hồ.



3 Xếp hạng ảnh.

- Nhấn <SET> và khung tô sáng màu xanh da trời sẽ xuất hiện như minh họa trên ảnh chụp màn hình.
- Xoay nút xoay <DISP> để chọn thứ hạng, rồi nhấn <SET>.
- Khi bạn đặt dấu xếp hạng cho ảnh, tổng số ảnh cùng hạng sẽ hiển thị bên cạnh dấu xếp hạng.
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 2 và 3.



Máy ảnh có thể hiển thị tối đa 999 ảnh đồng hạng. Nếu có nhiều hơn 999 ảnh được xếp đồng hạng, biểu tượng [###] sẽ hiển thị.



Lợi ích của xếp hạng ảnh

- Khi đặt thành [▶2: Image jump w/  (Nhảy ảnh với )], bạn có thể chỉ hiển thị các ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Khi đặt thành [▶2: Slide show (Trình chiếu)], bạn có thể chỉ xem lại ảnh có xếp hạng cụ thể.
- Với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532), bạn có thể chỉ chọn ảnh có xếp hạng cụ thể (chỉ với tập tin ảnh).
- Với Windows 8.1, Windows 8, Windows 7, v.v..., bạn có thể xem xếp hạng của mỗi tập tin trong hiển thị thông tin của tập tin hoặc trong phần mềm xem ảnh đi kèm (chỉ với ảnh JPEG).

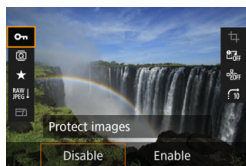
Điều khiển nhanh trong khi xem

Trong khi xem, bạn có thể nhấn nút  để thiết lập các chức năng sau [: **Protect images (Bảo vệ ảnh)**], [: Rotate image (Xoay ảnh)], [: **Rating (Xếp hạng)**], [: RAW image processing (RAW images only) (Xử lý ảnh RAW (chỉ với ảnh RAW))], [: Resize (JPEG image only) (Thay đổi cỡ ảnh (chỉ với ảnh JPEG))], [: Cropping (JPEG images only) (Cắt ảnh (chỉ với ảnh JPEG))], [: **Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)**], [: **AF point display (Hiển thị điểm AF)**] và [: Image jump w/  (Nhảy ảnh với )].

Đối với phim, chỉ có thể thiết lập các chức năng được in đậm ở trên.

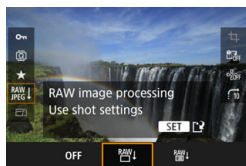
1 Nhấn nút .

- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút .
- Tùy chọn điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Chọn một mục và thiết lập.

- Nghiêng nút  lên hoặc xuống để chọn chức năng.
- Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.
- Xoay nút xoay  để thiết lập.
- Đối với chức năng xử lý ảnh RAW, thay đổi cỡ ảnh và cắt ảnh, nhấn  và thiết lập chức năng. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần Xử lý ảnh RAW ở trang 366, Thay đổi cỡ ảnh ở trang 371 và Cắt ảnh ở trang 373. Để hủy, nhấn nút .



3 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút  để thoát màn hình điều khiển nhanh.



Để xoay ảnh, đặt [**F1: Auto rotate (Xoay tự động)**] thành [**On**  ] (**Bật**  ). Nếu đặt [**On** ] (**Bật** ]) hoặc [**Off (Tắt)**], thiết lập [**Q Rotate image (Xoay ảnh)**] sẽ được áp dụng cho ảnh, nhưng máy ảnh sẽ không hiển thị xoay ảnh.



- Nhấn nút <> trong khi hiển thị bảng kê sẽ chuyển sang hiển thị từng ảnh và màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Nhấn lại nút <> để trở về hiển thị bảng kê.
- Đối với ảnh chụp bằng máy ảnh khác, các chức năng có thể chọn sẽ bị hạn chế.

Thưởng thức phim

Bạn có thể xem lại phim theo 3 cách sau đây:

Phát lại trên TV (tr.353)



Kết nối máy ảnh với TV bằng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để xem lại ảnh và phim của máy ảnh trên TV.

- ❗ Do máy ghi đĩa cứng không có ngõ vào HDMI, máy ảnh không thể kết nối với máy ghi đĩa cứng bằng cáp HDMI.
- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với máy ghi đĩa cứng bằng cáp USB, bạn cũng không thể phát lại hay lưu phim và ảnh.

Phát lại trên màn hình LCD của máy ảnh (tr.346-347)



Bạn có thể xem lại phim trên màn hình LCD của máy ảnh. Bạn cũng có thể cắt phim để chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim và xem lại ảnh và phim trên thẻ ở chế độ trình chiếu tự động.

- ❗ Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể được ghi lại vào thẻ và phát lại trên máy ảnh.

Phát lại và chỉnh sửa phim trên máy tính



Để phát lại hoặc chỉnh sửa phim, sử dụng phần mềm đã cài đặt sẵn hoặc phần mềm thông dụng nói chung, tương thích với định dạng phim ghi.



Nếu phát lại hoặc chỉnh sửa phim với phần mềm có bán trên thị trường, sử dụng phần mềm tương thích với định dạng phim MOV. Để tìm hiểu chi tiết về các phần mềm này, liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

Phát lại phim



1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶> để hiển thị ảnh.



2 Chọn phim.

- Xoay nút xoay <⦿> để chọn phim cần phát.
- Trên hiển thị từng ảnh, biểu tượng <SET ▶> ở phía trên bên trái biểu thị cho phim.
- Ở hiển thị bảng kê, lỗ rỗng cửa ở rìa bên trái ảnh thu nhỏ biểu thị tập tin phim. **Do không thể xem phim khi hiển thị bảng kê, nhấn <SET> để chuyển sang hiển thị từng ảnh.**



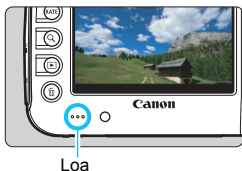
3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn <SET>.

- ▶ Bảng điều khiển phát lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



4 Phát lại phim.

- Chọn [▶] (Phát), rồi nhấn <SET>.
- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Nhấn <SET> để tạm dừng xem phim.
- Trong khi xem phim, bạn có thể điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <⦿>.
- Để tìm hiểu chi tiết về quy trình phát lại, tham khảo trang tiếp theo.



 Máy ảnh không thể phát lại phim được quay bằng máy ảnh khác.

Bảng điều khiển phát lại phim

Thao tác	Mô tả phát lại
 Phát	Nhấn <SET> để chuyển giữa phát và tạm dừng phim.
 Chuyển động chậm	Điều chỉnh tốc độ chuyển động chậm bằng cách xoay nút xoay <◀▶>. Tốc độ chuyển động chậm hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
 Khung hình đầu tiên	Hiển thị khung hình đầu tiên của phim.
 Khung hình trước	Mỗi lần nhấn <SET>, khung hình trước đó sẽ hiển thị. Nhấn giữ <SET> để tua lại phim.
 Khung hình tiếp theo	Mỗi lần nhấn <SET>, phim sẽ phát từng khung hình một. Nhấn giữ <SET> để tua nhanh phim.
 Khung hình cuối	Hiển thị khung hình cuối của phim.
 Chỉnh sửa	Hiển thị màn hình chỉnh sửa (tr.348).
	Vị trí xem
phút' giây"	Thời lượng phim (phút:giây với thiết lập [Movie play count: Rec time (Thời lượng chiếu phim: Thời lượng ghi)])
hh:mm:ss.ff (DF) hh:mm:ss.ff (NDF)	Mã thời gian (giờ:phút:giây:khung hình với thiết lập [Movie play count: Time code (Thời lượng chiếu phim: Mã thời gian)])
 Âm lượng	Xoay nút xoay <◀▶> để điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.346).
MENU 	Để trở về hiển thị từng ảnh, nhấn nút <MENU>.



- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, thời gian phát lại liên tục ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) đạt khoảng 3 giờ 20 phút.
- Khi kết nối máy ảnh với TV để phát lại phim (tr.353), có thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. (Không thể thay đổi âm lượng của phim bằng cách xoay nút xoay <◀▶>.) Nếu có âm thanh vọng lại, đặt máy ảnh ra xa khỏi TV hoặc vặn nhỏ âm lượng TV.
- Nếu chụp ảnh trong khi quay phim, ảnh sẽ hiển thị khoảng 1 giây trong khi phát lại phim.

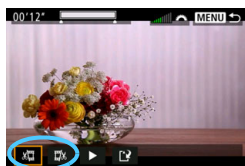
✂ Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim

Bạn có thể chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim ở mức tăng 1-giây. Có thể chỉnh sửa cả phim time-lapse.



1 Trên màn hình phát lại phim, chọn [✂].

- ▶ Bảng điều khiển chỉnh sửa phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



2 Chỉ định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa.

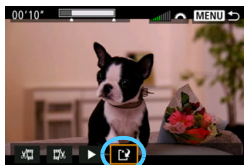
- Chọn [⏮] (Cắt đoạn đầu) hoặc [⏭] (Cắt đoạn cuối), rồi nhấn <SET>.
- Nghiêng nút <⏮> sang trái hoặc phải để xem các khung hình trước hoặc sau. Nhấn giữ phím để tua đi hoặc tua lại các khung hình. Xoay nút xoay <⏮> để phát lại từng khung hình một.
- Sau khi quyết định đoạn phim sẽ cắt để chỉnh sửa, nhấn <SET>. Phần được tô sáng bằng màu trắng ở phía trên màn hình là phần sẽ được giữ lại.



3 Kiểm tra phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [▶] và nhấn <SET> để phát lại phim đã chỉnh sửa.
- Để thay đổi chỉnh sửa, quay lại bước 2.
- Để hủy chỉnh sửa, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.





4 Lưu lại phim đã chỉnh sửa.

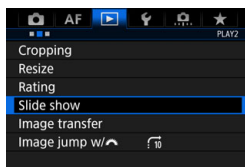
- Chọn [**S**], rồi nhấn <Ⓢ>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu phim đã chỉnh sửa thành đoạn phim mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu và ghi đè tập tin phim gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn <Ⓢ>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [**OK**] để lưu lại phim đã chỉnh sửa và trở về màn hình phát lại phim.



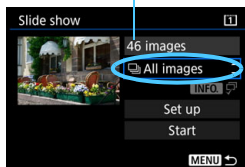
- Do phim được chỉnh sửa ở mức tăng khoảng 1 giây (vị trí chỉnh sửa được đánh dấu bằng biểu tượng [✕] ở trên cùng màn hình), vị trí chính xác của phim được chỉnh sửa có thể khác so với vị trí mà bạn chỉ định.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể chỉnh sửa phim. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.
- Không thể sử dụng máy ảnh này để chỉnh sửa các phim quay bằng máy ảnh khác.

MENU Trình chiếu (Tự động phát)

Bạn có thể xem lại ảnh trên thẻ dưới dạng trình chiếu tự động.



Số lượng ảnh sẽ xem



1 Chọn [Slide show (Trình chiếu)].

- Trong tab [▶2], chọn [Slide show (Trình chiếu)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn ảnh muốn xem lại.

- Chọn tùy chọn mong muốn trên màn hình, rồi nhấn <SET>.

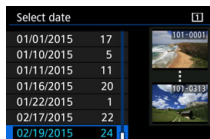
Tắt cả ảnh/Phim/Ảnh/Bảo vệ

- Chọn một trong các tùy chọn sau:
[📁 All images (Tắt cả ảnh)]
[🎞 Movies (Phim)] [📷 Stills (Ảnh)]
[🔒 Protect (Bảo vệ)]. Sau đó, nhấn <SET>.

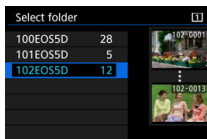
Ngày/Thư mục/Xếp hạng

- Chọn một trong các tùy chọn sau:
[📅 Date (Ngày tháng)] [📁 Folder (Thư mục)] [★ Rating (Xếp hạng)].
- Khi biểu tượng <INFO> [📄] được tô sáng, nhấn nút <INFO>.
- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

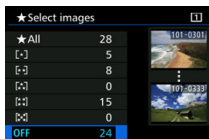
Ngày tháng



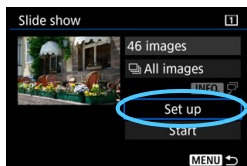
Thư mục



Xếp hạng



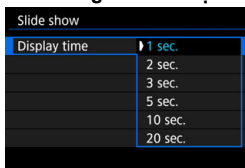
Mục	Mô tả phát lại
All images (Tất cả ảnh)	Xem lại tất cả ảnh và phim trên thẻ.
Date (Ngày tháng)	Xem lại ảnh và phim được chụp/quay vào ngày chụp/quay đã chọn.
Folder (Thư mục)	Xem lại ảnh và phim trong thư mục đã chọn.
Movies (Phim)	Chỉ phát lại phim trên thẻ.
Stills (Ảnh)	Chỉ xem lại ảnh trên thẻ.
Protected (Đã bảo vệ)	Chỉ xem lại ảnh và phim đã được bảo vệ trên thẻ.
Rating (Xếp hạng)	Chỉ xem lại ảnh và phim có xếp hạng đã chọn.



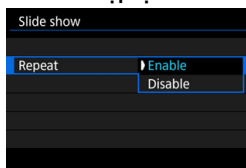
3 Định cấu hình [Set up (Cài đặt)] mong muốn.

- Chọn [Set up (Cài đặt)], rồi nhấn <SET>.
- Đặt thiết lập [Display time (Thời gian hiển thị)] và [Repeat (Lặp lại)] cho ảnh.
- Sau khi hoàn tất thiết lập, nhấn nút <MENU>.

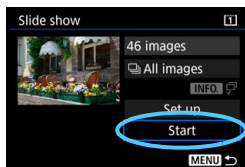
Thời gian hiển thị



Lặp lại



Ảnh trên thẻ đã chọn cho [Record/play (Ghi/phát)] hoặc [Playback (Phát lại)] trong tab [1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)] sẽ được phát lại.



4 Bắt đầu trình chiếu.

- Chọn [**Start (Bắt đầu)**], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Sau khi [**Loading image... (Đang tải ảnh...)**] hiển thị, trình chiếu sẽ bắt đầu.

5 Thoát trình chiếu.

- Để thoát trình chiếu và quay lại màn hình thiết lập, nhấn nút <MENU>.

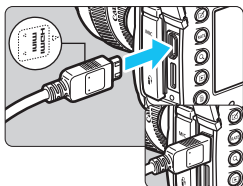


- Nhấn <SET> để tạm dừng trình chiếu. Trong khi tạm dừng, biểu tượng [III] sẽ hiển thị ở phía trên bên trái ảnh. Nhấn lại <SET> để tiếp tục trình chiếu.
- Trong khi tự động phát, nhấn nút <INFO.> để thay đổi định dạng hiển thị ảnh (tr.322).
- Trong khi phát lại phim, điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <VOLUME>.
- Trong khi tự động phát hoặc tạm dừng, bạn có thể xoay nút xoay <◀> để xem ảnh khác.
- Trong khi tự động phát, tính năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Thời gian hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào ảnh.
- Để xem trình chiếu trên TV, tham khảo trang 353.

Xem ảnh trên TV

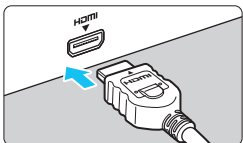
Kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI (bán riêng) để xem ảnh và phim của máy ảnh trên TV. Đối với cáp HDMI, bạn nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng).

Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, đặt chính xác [**3**: Video system (Hệ thống video)] thành [**For NTSC (Cho NTSC)**] hoặc [**For PAL (Cho PAL)**] (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).



1 Kết nối cáp HDMI với máy ảnh.

- Quay logo <▲ HDMI MINI> của đầu cắm về phía trước máy ảnh, rồi cắm đầu cắm vào cổng <HDMI OUT>.

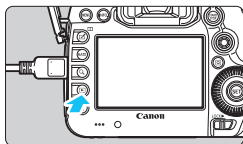


2 Kết nối cáp HDMI với TV.

- Kết nối cáp HDMI với ngõ vào HDMI của TV.

3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.



5 Nhấn nút <▶>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Ảnh sẽ tự động hiển thị ở độ phân giải tối ưu phù hợp với TV kết nối.
- Nhấn nút <INFO.> để thay đổi hiển thị thông tin.
- Để phát lại phim, tham khảo trang 346.

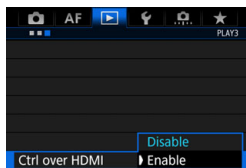


- Điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. Không thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng máy ảnh.
- Tắt máy ảnh và TV trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp giữa máy ảnh và TV.
- Tùy thuộc vào model TV, phần ảnh hiển thị có thể bị cắt bớt.
- Không kết nối đầu ra của bất kỳ thiết bị nào khác tới cổng <HDMI OUT> của máy ảnh. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Một số TV không thể phát phim đã quay.

Sử dụng TV HDMI CEC

Nếu TV được kết nối với máy ảnh bằng cáp HDMI tương thích với HDMI CEC*, bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để thực hiện thao tác xem lại.

* Chức năng chuẩn HDMI cho phép các thiết bị HDMI điều khiển lẫn nhau, do vậy bạn có thể điều khiển các thiết bị này bằng bộ điều khiển từ xa.



1 Đặt [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)] thành [Enable (Bật)].

- Trong tab [▶ 3], chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

2 Kết nối máy ảnh với TV.

- Sử dụng cáp HDMI để kết nối máy ảnh với TV.
- ▶ Đầu vào của TV sẽ tự động chuyển sang cổng HDMI được kết nối với máy ảnh. Nếu không chuyển tự động, sử dụng điều khiển từ xa của TV để chọn ngõ vào HDMI sẽ kết nối cáp.

3 Nhấn nút <▶> trên máy ảnh.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV và bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại ảnh.

4 Chọn ảnh.

- Hướng điều khiển từ xa về phía TV và nhấn nút ←/→ để chọn ảnh.

5 Nhấn nút Enter của điều khiển từ xa.

- ▶ Menu xuất hiện và bạn có thể thực hiện các thao tác xem lại được trình bày ở bên trái.
- Nhấn nút ←/→ của điều khiển từ xa để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn nút Enter. Để trình chiếu, nhấn nút ↑/↓ để chọn một tùy chọn, rồi nhấn nút Enter.
- Nếu chọn [**Return (Quay lại)**] và nhấn nút Enter, menu sẽ biến mất và bạn có thể sử dụng nút ←/→ để chọn ảnh.

Menu xem ảnh



Menu phát lại phim



- ↶ : Quay lại
- 9 : Bảng kê 9 ảnh
- 🎬 : Xem phim
- 🖨 : Trình chiếu
- INFO. : Hiển thị thông tin chụp
- 🔄 : Xoay ảnh



Trong khi hiển thị hai ảnh (tr.334), không thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại. Nếu muốn xem lại bằng điều khiển từ xa của TV, trước tiên nhấn nút <□> để trở về chế độ hiển thị ảnh đơn.



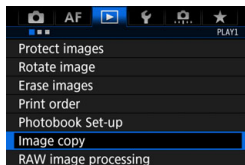
- Một số TV yêu cầu bạn phải bật kết nối HDMI CEC trước. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của TV.
- Một số TV có thể không hoạt động chính xác mặc dù tương thích với HDMI CEC. Trong trường hợp này, đặt [▶3: **Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)**] thành [**Disable (Tắt)**], rồi sử dụng máy ảnh để điều khiển thao tác xem lại.



Sao chép ảnh

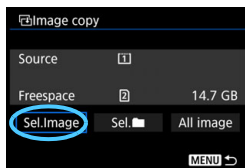
Có thể sao chép ảnh ghi trên thẻ này sang một thẻ khác.

MENU Sao chép từng ảnh



1 Chọn [Image copy (Sao chép ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Image copy (Sao chép ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Sel. Image (Chọn ảnh)].

- Kiểm tra nguồn sao chép, số thẻ đích và dung lượng còn lại của thẻ.
- Chọn [Sel. Image (Chọn ảnh)], rồi nhấn <SET>.

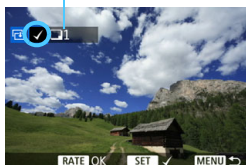
3 Chọn thư mục.

- Chọn thư mục chứa ảnh cần sao chép, rồi nhấn <SET>.
- Kiểm tra các ảnh hiển thị phía bên phải để chọn thư mục mong muốn.
- Máy ảnh sẽ hiển thị các ảnh trong thư mục được chọn.



Nguồn sao chép là thẻ chọn cho [Record/play (Ghi/phát)] hoặc [Playback (Phát lại)] trong tab [1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)].

Tổng số ảnh được chọn

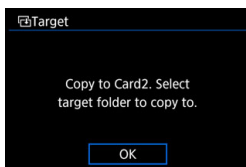


4 Chọn ảnh cần sao chép.

- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh cần sao chép, rồi nhấn < >.
- ▶ Biểu tượng [✓] sẽ xuất hiện ở phía trên bên trái màn hình.
- Nếu nhấn nút < > và xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay < > theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần sao chép, lặp lại bước 4.

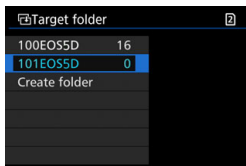
5 Nhấn nút <RATE>.

- Sau khi chọn tất cả ảnh để sao chép, nhấn nút <RATE>.



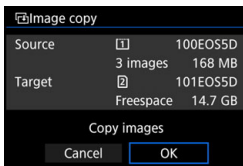
6 Chọn [OK].

- Kiểm tra thẻ sẽ sao chép ảnh, rồi chọn [OK].



7 Chọn thư mục đích.

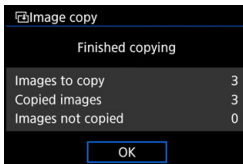
- Chọn thư mục đích để sao chép ảnh sang, rồi nhấn < >.
- Để tạo thư mục mới, chọn [Create folder (Tạo thư mục)].



8 Chọn [OK].

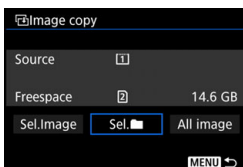
- Kiểm tra thông tin thẻ nguồn và thẻ đích, rồi chọn **[OK]**.

- ▶ Quá trình sao chép sẽ bắt đầu và tiến trình sao chép hiển thị.
- Khi hoàn tất sao chép, kết quả sẽ hiển thị. Chọn **[OK]** để trở về màn hình ở bước 2.



MENU Sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Trong tab [ 1: Image copy (Sao chép ảnh)], khi chọn **[Sel.  (Chọn )]** hoặc **[All image (Tất cả ảnh)]**, bạn có thể sao chép tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ.



- Tên tập tin của ảnh được sao chép sẽ giống với tên tập tin của ảnh gốc.
- Nếu đặt [**Sel.Image (Chọn ảnh)**], không thể sao chép ảnh trong nhiều thư mục cùng một lúc. Chọn ảnh trong từng thư mục để sao chép lần lượt.
- Nếu ảnh được sao chép sang thư mục/thẻ đích chứa ảnh có cùng số tập tin, các thông báo sau sẽ hiển thị: [**Skip image and continue (Bỏ qua ảnh và tiếp tục)**] [**Replace existing image (Thay thế ảnh hiện tại)**] [**Cancel copy (Hủy sao chép)**]. Chọn phương thức sao chép, rồi nhấn **<SET>**.
 - [**Skip image and continue (Bỏ qua ảnh và tiếp tục)**]: Tất cả ảnh trong thư mục gốc có cùng số tập tin với ảnh trong thư mục đích sẽ bị bỏ qua và không được sao chép.
 - [**Replace existing image (Thay thế ảnh hiện tại)**]: Tất cả ảnh trong thư mục đích có cùng số tập tin với ảnh gốc (bao gồm ảnh được bảo vệ) sẽ bị ghi đè.

Nếu ảnh có lệnh in (tr.391) bị ghi đè, bạn sẽ phải đặt lại lệnh in.

- Thông tin lệnh in của ảnh, thông tin truyền ảnh và thông tin sắp xếp sách ảnh sẽ không được lưu giữ khi sao chép ảnh.
- Không thể chụp trong khi thực hiện sao chép. Chọn [**Cancel (Hủy)**] trước khi chụp.

Xóa ảnh

Bạn có thể xóa từng ảnh hoặc xóa nhiều ảnh cùng một lúc. Ảnh được bảo vệ (tr.336) sẽ không bị xóa.

- ❗ **Không thể khôi phục được ảnh đã bị xóa. Đảm bảo chỉ xóa những ảnh không cần thiết. Thực hiện bảo vệ ảnh để ngăn những ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa. Tính năng xóa ảnh RAW+JPEG sẽ xóa cả ảnh RAW và ảnh JPEG.**

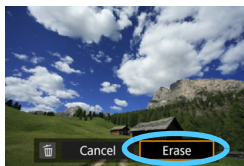
Xóa từng ảnh



1 Xem lại ảnh sẽ xóa.

2 Nhấn nút .

▶ Menu xóa sẽ xuất hiện.



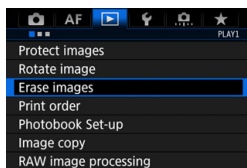
3 Xóa ảnh.

- Chọn [**Erase (Xóa)**], rồi nhấn  >. Ảnh đang hiển thị sẽ bị xóa.

 Đặt [ 3: Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)] thành [Đã chọn [Erase (Xóa)]] sẽ giúp xóa ảnh nhanh hơn (tr.414).

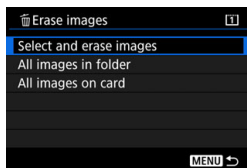
MENU Đánh dấu [✓] vào ảnh để xóa cùng một lúc

Đánh dấu <✓> vào các ảnh cần xóa để xóa nhiều ảnh cùng một lúc.



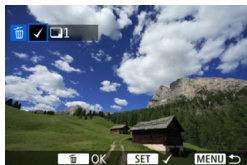
1 Chọn [Erase images (Xóa ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Erase images (Xóa ảnh)], rồi nhấn <SET>.



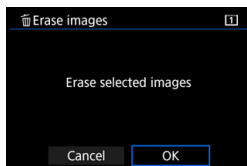
2 Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)].

- Ảnh sẽ hiển thị.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <DISP> theo chiều kim đồng hồ.



3 Chọn ảnh muốn xóa.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- Dấu chọn [✓] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình.
- Để chọn ảnh khác sẽ xóa, lặp lại bước 3.



4 Xóa ảnh.

- Nhấn nút <DISP>, rồi nhấn [OK].
- Ảnh đã chọn sẽ bị xóa cùng một lúc.

MENU Xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

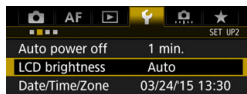
Bạn có thể xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc. Khi đặt [] **1: Erase images (Xóa ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ bị xóa.

- 
- Định dạng lại thẻ để xóa tất cả ảnh, bao gồm ảnh được bảo vệ (tr.67).
 - Ảnh trên thẻ đã chọn cho [**Record/play (Ghi/phát)**] hoặc [**Playback (Phát lại)**] trong tab [**1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**] sẽ được xóa.

Thay đổi thiết lập xem ảnh

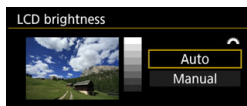
MENU Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD

Độ sáng màn hình LCD sẽ được điều chỉnh tự động để đạt hiển thị tối ưu tùy theo mức ánh sáng xung quanh. Bạn cũng có thể thiết lập mức độ sáng điều chỉnh tự động (sáng hơn hoặc tối hơn) hoặc điều chỉnh độ sáng bằng tay.



1 Chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)].

- Trong tab [2], chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)], rồi nhấn <SET>.



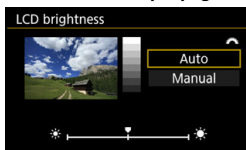
2 Chọn [Auto (Tự động)] hoặc [Manual (Chỉnh tay)].

- Xoay nút xoay <⚙> để chọn.

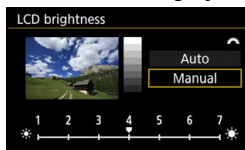
3 Điều chỉnh độ sáng.

- Trong khi xem biểu đồ màu xám, xoay nút xoay <☉>, rồi nhấn <SET>.
- Có thể điều chỉnh [Auto (Tự động)] ở một trong ba mức và [Manual (Chỉnh tay)] ở một trong bảy mức.

Điều chỉnh tự động



Điều chỉnh bằng tay

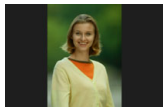


Khi đặt [Auto (Tự động)], chú ý không dùng tay che khuất cảm biến ánh sáng xung quanh (tr.28) ở phía dưới màn hình LCD, v.v...

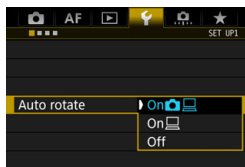


- Để kiểm tra độ phơi sáng ảnh, khuyến cáo xem biểu đồ sắc độ (tr.328).
- Trong khi xem ảnh, nhấn nút sẽ hiển thị màn hình ở bước 2.

MENU Tự động xoay ảnh dọc



Ảnh dọc được xoay tự động để hiển thị theo chiều dọc thay vì theo chiều ngang trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính. Bạn có thể thay đổi thiết lập cho tính năng này.



1 Chọn [Auto rotate (Xoay tự động)].

- Trong tab [1], chọn [**Auto rotate (Xoay tự động)**], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập xoay tự động.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

- **On** (**Bật**)

Ảnh dọc được xoay tự động trong quá trình xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính.

- **On** (**Bật**)

Ảnh dọc chỉ được xoay tự động trên máy tính.

- **Off (Tắt)**

Ảnh dọc không được xoay tự động.

Tính năng xoay tự động sẽ không hoạt động với ảnh dọc được chụp khi đặt tính năng xoay tự động thành [**Off (Tắt)**]. Ảnh sẽ không xoay ngay cả khi sau đó bạn chuyển sang [**On (Bật)**] để xem.



- Ảnh dọc sẽ không được xoay tự động khi xem lại ảnh ngay sau khi chụp.
- Nếu chụp ảnh dọc khi máy ảnh hướng lên hoặc hướng xuống, ảnh có thể không được xoay tự động khi xem lại.
- Nếu ảnh dọc không xoay tự động trên màn hình máy tính tức là phần mềm bạn đang sử dụng không hỗ trợ xoay ảnh. Nên sử dụng phần mềm EOS.

10

Xử lý hậu kỳ ảnh

Bạn có thể xử lý ảnh RAW, thay đổi kích cỡ hoặc cắt ảnh JPEG.

- Biểu tượng ☆ hiển thị ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở các chế độ: <P> <Tv> <Av> <M> .

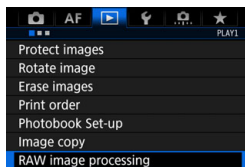


- Máy ảnh không thể xử lý ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Xử lý hậu kỳ ảnh trình bày trong chương này không thể thực hiện khi máy ảnh được kết nối với máy tính thông qua cáp nối.

RAW JPEG↓ Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh ☆

Bạn có thể xử lý ảnh **RAW** trên máy ảnh và lưu thành ảnh JPEG. Do ảnh RAW không bị thay đổi, bạn có thể xử lý ảnh RAW theo các điều kiện khác nhau để tạo nhiều ảnh JPEG từ ảnh RAW đó.

Lưu ý rằng ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh. Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532) để xử lý những ảnh này.



1 Chọn [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)].

- Trong tab [1], chọn **[RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)]**, rồi nhấn <SET>.
- Ảnh **RAW** sẽ hiển thị.



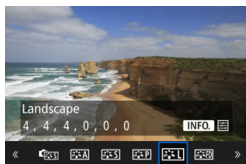
2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bằng kê.



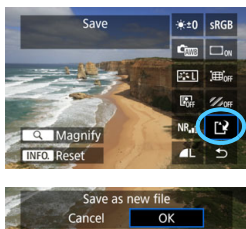
3 Xử lý ảnh.

- Nhấn <SET> để hiển thị tùy chọn xử lý ảnh RAW (tr.368).
- Sử dụng nút <DISP> để chọn tùy chọn, rồi xoay nút xoay <DISP> để chuyển thiết lập.
- Ảnh hiển thị sẽ phản ánh các thiết lập như “Điều chỉnh độ sáng”, “Cân bằng trắng”, v.v...
- Nhấn nút <INFO> để trở về thiết lập cho ảnh khi chụp.



Hiện thị màn hình thiết lập

- Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập. Xoay nút xoay <◁> hoặc <▷> để thay đổi thiết lập. Nhấn <SET> để kết thúc thiết lập và quay lại màn hình trước đó.



4 Lưu ảnh.

- Chọn [L] (Lưu), rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK] để lưu ảnh.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để xử lý ảnh khác, lặp lại từ bước 2 đến bước 4.

Xem phóng to

Nhấn nút <Q> ở bước 3 để phóng to ảnh. Hiện thị phóng to sẽ khác nhau tùy thuộc vào số điểm ảnh của [Image quality (Chất lượng ảnh)] thiết lập trong [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)]. Với nút <◁>, bạn có thể di chuyển quanh ảnh phóng to. Để hủy hiện thị phóng to, nhấn lại nút <Q>.

Crop/Tỷ lệ cỡ ảnh

Đường viền khung biểu thị khu vực sẽ hiển thị trên ảnh chụp khi đặt [4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)] (tr.156) thành tùy chọn khác ngoài [Full-frame (Toàn khung hình)]. Ảnh JPEG tạo từ ảnh RAW được lưu lại với khu vực cắt ảnh hoặc tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt.

Lựa chọn xử lý ảnh RAW

- **Điều chỉnh độ sáng** (tr.176)

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng tối đa ± 1 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Cân bằng trắng** (tr.176)

Bạn có thể chọn cân bằng trắng. Nếu chọn [**AWB**] và nhấn nút <INFO.>, có thể chọn [**Auto: Ambience priority** (Tự động: Ưu tiên môi trường)] hoặc [**Auto: White priority** (Tự động: Ưu tiên màu trắng)]. Nếu chọn [>] và nhấn nút <INFO.>, bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Kiểu ảnh** (tr.166)

Bạn có thể chọn kiểu ảnh. Nhấn nút <INFO.> để điều chỉnh độ sắc nét và các thông số khác. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Tự động tối ưu hóa ánh sáng** (tr.184)

Bạn có thể thiết lập chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao** (tr.185)

Bạn có thể thiết lập chức năng giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt. Phóng to ảnh (tr.367) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.

- **Chất lượng ảnh** (tr.151)

Bạn có thể thiết lập chất lượng ảnh khi tạo ảnh định dạng JPEG.

● sRGB **Không gian màu** (tr.195)

Bạn có thể chọn không gian màu sRGB hoặc Adobe RGB. Do màn hình LCD của máy ảnh không tương thích với Adobe RGB, cho dù thiết lập không gian màu là sRGB hay Adobe RGB, ảnh hiển thị trông không quá khác nhau.

● OFF **Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi** (tr.190)

Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng, bạn có thể phóng to ảnh (tr.367) và kiểm tra bốn góc màn hình. Sử dụng máy ảnh để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ không có hiệu quả rõ ràng như khi thực hiện với Digital Photo Professional (phần mềm EOS). Trong trường hợp này, sử dụng Digital Photo Professional để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi.

● OFF **Hiệu chỉnh méo hình**

Có thể hiệu chỉnh hiện tượng méo hình do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Vùng ngoại vi ảnh sẽ bị cắt trong ảnh chỉnh sửa.

Do độ phân giải của ảnh có thể trông kém rõ nét hơn, điều chỉnh thông số độ sắc nét với **[Sharpness (Độ sắc nét)]** của Kiểu ảnh nếu cần.

● OFF **Hiệu chỉnh sắc sai** (tr.191)

Có thể thực hiện hiệu chỉnh sắc sai (màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể) do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Phóng to ảnh (tr.367) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.

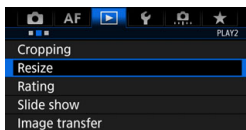
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh méo hình và hiệu chỉnh sắc sai

Để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh méo hình và hiệu chỉnh sắc sai, cần có dữ liệu hiệu chỉnh của ống kính sử dụng. Nếu không thể áp dụng hiệu chỉnh khi xử lý ảnh RAW trên máy ảnh, sử dụng EOS Utility (Phần mềm EOS, tr.532) để đăng ký dữ liệu hiệu chỉnh cho máy ảnh.

-  ● Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh sẽ có hiệu quả khác với xử lý ảnh RAW với phần mềm Digital Photo Professional.
- Khi xử lý ảnh với **[Distortion (Méo hình)]** đặt thành **[Enable (Bật)]**, thông tin hiển thị điểm AF (tr.327) và dữ liệu xóa bụi (tr.377) sẽ không được thêm vào ảnh.

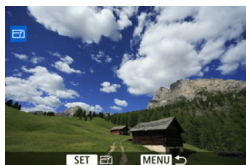
Thay đổi cỡ ảnh JPEG

Bạn có thể thay đổi cỡ ảnh JPEG để giảm độ phân giải và lưu thành ảnh mới. Chức năng thay đổi cỡ ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG L/M1/M2/S1/S2. Không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG S3 và ảnh RAW.



1 Chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Trong tab [PLAY2], chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

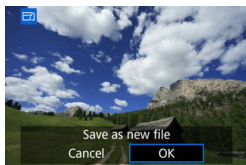
- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh muốn thay đổi cỡ ảnh.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bảng kê.



Cỡ ảnh mong muốn

3 Chọn cỡ ảnh mong muốn.

- Nhấn <SET> để hiển thị cỡ ảnh.
- Chọn cỡ ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.



4 Lưu ảnh.

- Chọn [OK] để lưu ảnh đã thay đổi kích cỡ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để thay đổi kích cỡ của ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 đến 4.

Tùy chọn thay đổi cỡ ảnh theo cỡ ảnh gốc

Cỡ ảnh gốc	Thiết lập thay đổi cỡ ảnh có sẵn				
	M1	M2	S1	S2	S3
L	☐	☐	☐	☐	☐
M1		☐	☐	☐	☐
M2			☐	☐	☐
S1				☐	☐
S2					☐

Cỡ ảnh

Bảng kích cỡ để thay đổi cỡ ảnh.

(Ước chừng)

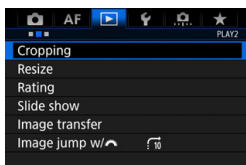
Chất lượng ảnh	Toàn khung hình (3:2)	1,3x (crop)	1,6x (crop)
M1	7680x5120 (39,3 megapixel)	6016x4000* (24,1 megapixel)	4800x3200 (15,4 megapixel)
M2	5760x3840 (22,1 megapixel)	4512x3008 (13,6 megapixel)	3616x2408* (8,7 megapixel)
S1	4320x2880 (12,4 megapixel)	3376x2256* (7,6 megapixel)	2704x1808* (4,9 megapixel)
S2	1920x1280 (2,5 megapixel)	1920x1280 (2,5 megapixel)	1920x1280 (2,5 megapixel)
S3	720x480 (350.000 pixel)	720x480 (350.000 pixel)	720x480 (350.000 pixel)

Chất lượng ảnh	1:1 (tỷ lệ cỡ ảnh)	4:3 (tỷ lệ cỡ ảnh)	16:9 (tỷ lệ cỡ ảnh)
M1	5120x5120 (26,2 megapixel)	6816x5120* (34,9 megapixel)	7680x4320 (33,2 megapixel)
M2	3840x3840 (14,7 megapixel)	5120x3840 (19,7 megapixel)	5760x3240 (18,7 megapixel)
S1	2880x2880 (8,3 megapixel)	3840x2880 (11,1 megapixel)	4320x2432* (10,5 megapixel)
S2	1280x1280 (1,6 megapixel)	1712x1280* (2,2 megapixel)	1920x1080 (2,1 megapixel)
S3	480x480 (230.000 pixel)	640x480 (310.000 pixel)	720x408* (290.000 pixel)

Mục đánh dấu sao cho biết số liệu không khớp hoàn toàn với tỷ lệ cỡ ảnh. Trong trường hợp này, ảnh sẽ bị cắt một chút.

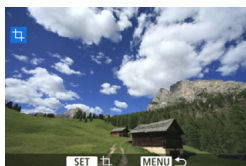
✂ Cắt ảnh JPEG

Bạn có thể cắt ảnh JPEG và lưu lại thành ảnh khác. Có thể cắt ảnh JPEG L, M1, M2, S1 và S2 và không thể cắt ảnh JPEG S3 và RAW.



1 Chọn [Cropping (cắt ảnh)].

- Trong tab [2], chọn [Cropping (Cắt ảnh)], rồi nhấn <[SET]>.
- Ảnh hiển thị.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <[wheel]> để chọn ảnh muốn cắt.
- Nếu nhấn nút <[Q]> và xoay nút xoay <[wheel]> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bảng kê.



3 Đặt kích thước, tỷ lệ cỡ ảnh, vị trí và hướng của khung cắt ảnh.

- Nhấn <[SET]> để hiển thị khung cắt ảnh.
- Khu vực nằm trong khung cắt ảnh sẽ được cắt.

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Xoay nút xoay <[wheel]> để thay đổi kích thước khung cắt ảnh. Kích thước khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to của ảnh cắt sẽ càng lớn.

Thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh

Xoay nút xoay <[wheel]> để thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh. Bạn có thể chọn các tỷ lệ cỡ ảnh như sau: [3:2], [16:9], [4:3] hoặc [1:1].

Di chuyển khung cắt ảnh

Sử dụng nút <⬅️➡️> để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

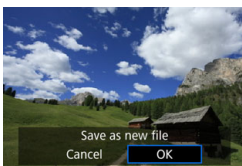
Chuyển hướng khung cắt ảnh

Nhấn nút <INFO.> sẽ chuyển khung cắt ảnh giữa hướng dọc và hướng ngang. Điều này cho phép tạo ảnh hướng dọc từ ảnh ngang.



4 Kiểm tra khu vực ảnh cắt.

- Nhấn nút <Q>.
- ▶ Khu vực ảnh cắt sẽ hiển thị.
- Nhấn lại nút <Q> để quay về ảnh gốc.



5 Lưu cắt ảnh.

- Nhấn <SET> và chọn [OK] để lưu ảnh đã cắt.
- Kiểm tra thư mục đích và số ảnh, rồi chọn [OK].
- Để tiếp tục cắt ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 tới 4.

- Không thể thay đổi cỡ hoặc cắt ảnh đối với ảnh cắt đã lưu.
- Thông tin Hiển thị điểm AF (tr.327) và Dữ liệu xóa bụi (tr.377) sẽ không được đính kèm vào ảnh đã cắt.

11

Làm sạch cảm biến

Máy ảnh được trang bị thiết bị tự động làm sạch cảm biến để tự động giữ sạch bụi bám vào mặt trước của cảm biến (bộ lọc thông thấp).

Dữ liệu xóa bụi cũng được lưu trong ảnh để các điểm bám bụi còn sót lại sẽ được xóa tự động bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532).

Đối với vết bẩn bám vào mặt trước của cảm biến

Ngoài việc bụi bên ngoài rơi vào trong máy ảnh, trong một số ít trường hợp, dầu bôi trơn của các bộ phận bên trong máy ảnh có thể bám vào mặt trước cảm biến. Nếu vết bẩn vẫn còn sau khi làm sạch cảm biến tự động, bạn nên mang máy đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

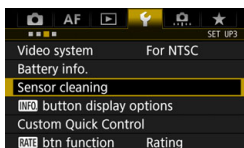


Trong khi thiết bị tự động làm sạch cảm biến đang vận hành, bạn có thể bấm nửa chừng nút chụp để dừng thao tác và bắt đầu chụp ngay.

Làm sạch cảm biến tự động

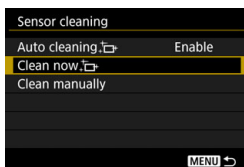
Bất cứ khi nào đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, thiết bị tự động làm sạch cảm biến sẽ hoạt động để giữ sạch bụi trên mặt trước của cảm biến. Thông thường, không cần chú ý tới hoạt động này. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện làm sạch cảm biến bằng tay hoặc tắt chức năng này.

Làm sạch cảm biến ngay



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [, chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean now] (Làm sạch ngay)].

- Chọn [Clean now ] (Làm sạch ngay )], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK].
- Màn hình sẽ cho biết cảm biến đang được làm sạch. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Mặc dù màn trập phát ra âm thanh nhưng ảnh sẽ không được chụp.



- Để có kết quả tốt nhất, thực hiện làm sạch cảm biến khi máy ảnh được đặt thẳng đứng và ổn định trên bàn hoặc bề mặt phẳng khác.
- Ngay cả khi thực hiện làm sạch lại cảm biến, kết quả sẽ không cải thiện nhiều. Khi quá trình làm sạch cảm biến kết thúc, tùy chọn [Clean now ] (Làm sạch ngay )] sẽ trở lại trạng thái tạm tắt.

Tắt làm sạch cảm biến tự động

- Ở bước 2, chọn [Auto cleaning ] (Tự động làm sạch )] và đặt thành [Disable (Tắt)].
- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, làm sạch cảm biến sẽ không thực hiện nữa.

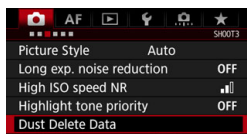
MENU Thêm dữ liệu xóa bụi ☆

Thông thường, thiết bị tự động làm sạch cảm biến sẽ loại bỏ hầu hết bụi có thể nhìn thấy trên ảnh chụp. Tuy nhiên, trong trường hợp vẫn nhìn thấy bụi, bạn có thể thêm dữ liệu xóa bụi vào ảnh để xóa các chấm bụi này. Dữ liệu xóa bụi được Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532) sử dụng để xóa tự động các chấm bụi.

Chuẩn bị

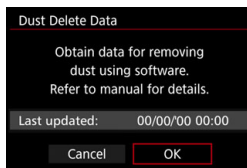
- Chuẩn bị vật màu trắng đồng nhất, ví dụ như một tờ giấy.
- Đặt tiêu cự ống kính từ 50 mm trở lên.
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và đặt lấy nét thành vô cực (∞). Nếu ống kính không có thước đo khoảng cách, xoay máy ảnh hướng về phía bạn và xoay vòng lấy nét theo chiều kim đồng hồ.

Lấy dữ liệu xóa bụi



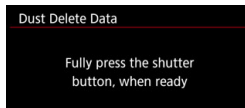
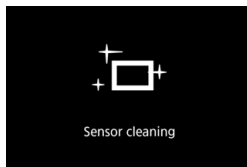
1 Chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

- Trong tab [CAMERA 3], chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

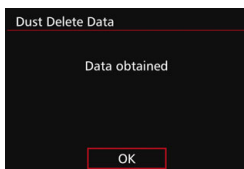
- ▶ Thông báo sẽ xuất hiện sau khi quá trình tự động làm sạch cảm biến kết thúc. Mặc dù màn trập phát ra âm thanh trong khi làm sạch cảm biến, nhưng ảnh sẽ không được chụp.





3 Chụp vật màu trắng đồng nhất.

- Ở khoảng cách 20 cm - 30 cm (0,7 ft. - 1,0 ft.), lấp đầy khung ngắm với vật thể có màu trắng đồng nhất và không có hoa văn, rồi chụp ảnh.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ với khẩu độ f/22.
- Do ảnh sẽ không được lưu, nên vẫn lấy được dữ liệu ngay cả khi không có thẻ trong máy ảnh.
- ▶ Khi chụp xong ảnh, máy ảnh sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu xóa bụi. Khi có được dữ liệu xóa bụi, thông báo sẽ xuất hiện.
- Nếu không lấy dữ liệu thành công, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo quy trình “Chuẩn bị” ở trang trước, rồi chọn **[OK]**. Chụp lại ảnh.



Dữ liệu xóa bụi

Sau khi có được dữ liệu xóa bụi, dữ liệu được thêm vào tất cả các ảnh JPEG và RAW chụp sau đó. Trước khi chụp ảnh quan trọng, bạn nên cập nhật dữ liệu xóa bụi bằng cách lấy lại dữ liệu.

Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532) để xóa chấm bụi, tham khảo hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.534).

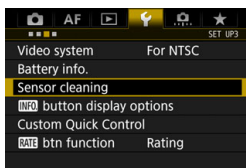
Dữ liệu xóa bụi được thêm vào ảnh quá nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng đến kích thước tập tin ảnh.

 Đảm bảo sử dụng vật màu trắng đồng nhất ví dụ như tờ giấy trắng mới. Hoa văn và thiết kế trên vật thể có thể được nhận biết là dữ liệu bụi và ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xóa bụi bằng phần mềm EOS.

MENU Làm sạch cảm biến bằng tay ☆

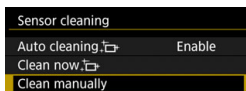
Bụi không loại bỏ được bằng chức năng tự động làm sạch cảm biến có thể được loại bỏ bằng tay với bóng thổi có bán sẵn, v.v... Trước khi làm sạch cảm biến, tháo ống kính khỏi máy ảnh.

Cảm biến ảnh rất mỏng manh. Nếu cần làm sạch trực tiếp trên cảm biến, vui lòng đưa máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon.

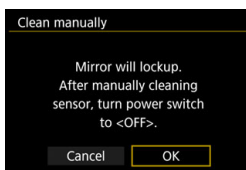


1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [Y3], chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)].



3 Chọn [OK].

- Trong giây lát, gương lật sẽ được lật lên và màn trập sẽ mở.
- Thông báo “CLn” sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD.

4 Làm sạch cảm biến.

5 Kết thúc làm sạch cảm biến.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.



- Nếu sử dụng pin, đảm bảo pin được sạc đầy.
- Nếu sử dụng Bảng pin BG-E11 (bán riêng) lắp pin AA/R6, bạn sẽ không thể làm sạch cảm biến bằng tay.



Để sử dụng nguồn điện lưới, bạn nên sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng).



- **Khi đang làm sạch cảm biến, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau đây. Nếu cắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và cảm biến ảnh.**
 - **Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.**
 - **Tháo hoặc lắp pin.**
- Bề mặt của cảm biến ảnh rất mỏng manh. Cần thận khi làm sạch cảm biến.
- Sử dụng bóng thổi không kèm chổi. Chổi có thể làm xước cảm biến.
- Không đưa đầu bóng thổi vào trong ngàm ống kính của máy ảnh. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập và gương lật.
- Tuyệt đối không sử dụng bình xịt không khí hoặc khí nén để làm sạch cảm biến. Lực thổi có thể làm hỏng cảm biến hoặc khí xịt có thể đóng băng trên cảm biến và làm xước cảm biến.
- Khi đang làm sạch cảm biến, nếu mức pin yếu, tiếng bíp sẽ phát ra để cảnh báo. Tạm dừng làm sạch cảm biến.
- Nếu vẫn còn vết bẩn không thể loại bỏ bằng bóng thổi, vui lòng mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

12

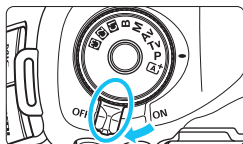
In ảnh và truyền ảnh vào máy tính

- **In ảnh (tr.384)**
Bạn có thể kết nối máy ảnh trực tiếp với máy in và in ảnh trong thẻ. Máy ảnh tương thích với tiêu chuẩn in trực tiếp “PictBridge”.
- **Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF) (tr.391)**
DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in kỹ thuật số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các hướng dẫn in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt lệnh in cho tiệm rửa ảnh.
- **Truyền ảnh vào máy tính (tr.395)**
Bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và thao tác máy ảnh để truyền ảnh ghi trên thẻ sang máy tính.
- **Chỉ định ảnh cho sách ảnh (tr.399)**
Bạn có thể chỉ định ảnh trong thẻ để in thành sách ảnh.

Chuẩn bị in

Quy trình in trực tiếp có thể được thực hiện hoàn toàn bằng máy ảnh với màn hình LCD.

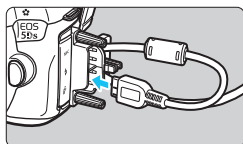
Kết nối máy ảnh với máy in



1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.

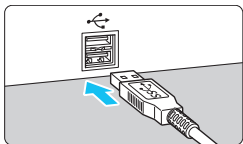
2 Cài đặt máy in.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



3 Kết nối máy ảnh với máy in.

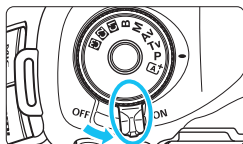
- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.36). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng <SS> của đầu cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Để kết nối với máy in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.



4 Bật máy in.

5 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

- ▶ Một số máy in có thể phát ra tiếng bíp.





6 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện với biểu tượng <  > ở phía trên bên trái màn hình biểu thị máy ảnh đã được kết nối với máy in.



- Đảm bảo máy ảnh có cổng kết nối PictBridge.
- Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.456). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.36).
- Không thể in phim.
- Bạn không thể sử dụng máy ảnh với máy in chỉ tương thích với CP Direct hoặc Bubble Jet Direct.
- Nếu xuất hiện tiếng bíp dài ở bước 5, máy in có thể gặp trục trặc. Giải quyết vấn đề hiển thị trong thông báo lỗi (tr.390).
- Bạn sẽ không thể in nếu thiết lập chế độ ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu hoặc chế độ HDR.



- Bạn cũng có thể in các ảnh RAW được chụp bằng máy ảnh này.
- Bạn cũng có thể in ảnh JPEG/RAW được chụp khi đặt [ **4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] (tr.156)
- Nếu sử dụng pin để cấp nguồn cho máy ảnh, đảm bảo pin được sạc đầy. Với pin được sạc đầy, bạn có thể thực hiện in trong khoảng 3 giờ.
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ đầu cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.
- Đối với in trực tiếp, bạn nên sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh.

In ảnh

Thông tin hiển thị trên màn hình và tùy chọn cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào máy in. Một số cài đặt có thể không có sẵn. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Biểu tượng kết nối máy in



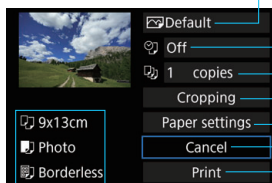
1 Chọn ảnh muốn in.

- Kiểm tra biểu tượng < > được hiển thị ở phía trên bên trái của màn hình LCD.
- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh sẽ in.

2 Nhấn < >.

- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện.

Màn hình thiết lập in



Đặt hiệu ứng in (tr.386).

Đặt in ngày hoặc số tập tin thành bật hoặc tắt (tr.387).

Đặt số lượng bản in (tr.387).

Đặt khu vực in (tr.389).

Đặt khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy (tr.385).

Quay lại màn hình ở bước 1.

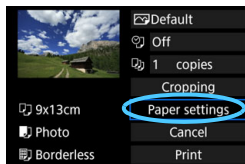
Bắt đầu in.

Hiển thị khổ giấy, kiểu giấy và bố cục giấy đã đặt.

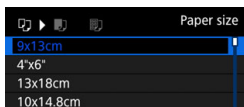
*** Tùy thuộc vào máy in, một số thiết lập nhất định như in ngày, in số tập tin và cắt ảnh có thể không chọn được.**

3 Chọn [Paper settings (Cài đặt giấy)].

- ▶ Màn hình cài đặt giấy sẽ xuất hiện.

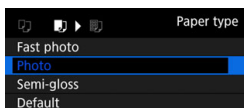


Cài đặt khổ giấy



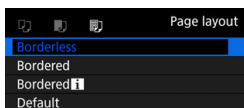
- Chọn khổ giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình kiểu giấy sẽ xuất hiện.

Cài đặt kiểu giấy



- Chọn kiểu giấy được nạp vào máy in, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình trình bày ảnh sẽ xuất hiện.

Cài đặt trình bày ảnh

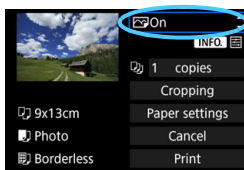


- Chọn cách trình bày ảnh, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện lại.

Borderless (Không có viền)	In không có viền. Trong trường hợp máy in chỉ có thể in có viền, bản in sẽ được in có viền.
Bordered (Có viền)	In có viền trắng dọc theo rìa ảnh.
Bordered [icon] (Có viền [icon])	In thông tin chụp*1 trên viền của bản in có kích thước từ 9x13 cm trở lên.
xx-up (nhân xx)	Tùy chọn để in 2, 4, 8, 9, 16 hoặc 20 ảnh trên một tờ.
20-up [icon] (Nhân 20 [icon]) 35-up [icon] (Nhân 35 [icon])	In 20 hoặc 35 ảnh dưới dạng hình thu nhỏ trên giấy khổ A4 hoặc Letter*2. • In thông tin chụp*1 với [20-up [icon]] (nhân 20 [icon]).
Default (Mặc định)	Trình bày ảnh sẽ khác nhau tùy thuộc vào model máy in hoặc cài đặt của máy in.

*1: Thông tin từ dữ liệu Exif như tên máy ảnh, tên ống kính, chế độ chụp, tốc độ màn trập, khẩu độ, lượng bù trừ phơi sáng, tốc độ ISO, cân bằng trắng, v.v... sẽ được in.

*2: Sau khi đặt lệnh in với "Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)" (tr.391), bạn nên in theo "In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in" (tr.394).

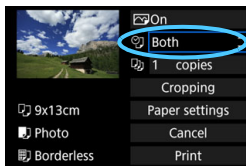


4 Đặt hiệu ứng in.

- Thiết lập các tính năng này nếu cần. Nếu không, chuyển đến bước 5.
- Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in.**
- Chọn thiết lập, rồi nhấn <SET>.
- Chọn hiệu ứng in mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng <INFO> [INFO] được tô sáng, bạn cũng có thể điều chỉnh hiệu ứng in (tr.388).

Hiệu ứng in	Mô tả
Off (Tắt)	Không áp dụng chỉnh sửa tự động.
On (Bật)	In với màu chuẩn của máy in. Dữ liệu Exif của ảnh được dùng để chỉnh sửa tự động.
VIVID (Rực rỡ)	In với độ bão hòa cao hơn để tạo màu xanh da trời và xanh lá cây trông sống động hơn.
NR (Giảm nhiễu)	Giảm nhiễu ảnh trước khi in.
B/W B/W (Đen/trắng)	In ảnh đen trắng với màu đen thật.
B/W Cool tone (Đen trắng tông lạnh)	In ảnh đen trắng với màu đen xanh có tông lạnh.
B/W Warm tone (Đen trắng tông ấm)	In ảnh đen trắng với màu đen vàng có tông ấm.
Natural (Tự nhiên)	In ảnh với màu và độ tương phản thực. Không áp dụng điều chỉnh màu tự động.
Natural M (Tự nhiên M)	Các đặc tính in giống với thiết lập "Natural" (Tự nhiên). Tuy nhiên, thiết lập này cho phép điều chỉnh in mịn hơn so với "Natural" (Tự nhiên).
Default (Mặc định)	Chức năng in khác nhau tùy thuộc vào máy in. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

* Khi bạn thay đổi hiệu ứng in, các thay đổi sẽ được thể hiện trong ảnh hiển thị ở phía trên bên trái màn hình. Lưu ý rằng ảnh được in có thể trông khác so với ảnh hiển thị vì ảnh hiển thị chỉ là gần chính xác. Điều này cũng xảy ra với [Brightness (Độ sáng)] và [Adjust levels (Điều chỉnh mức)] ở trang 388.



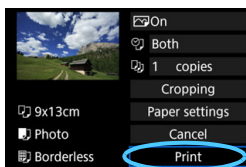
5 Đặt in ngày và số tập tin.

- Thiết lập các tính năng này nếu cần.
- Chọn <☞>, rồi nhấn <SET>.
- Đặt thiết lập in mong muốn, rồi nhấn <SET>.



6 Đặt số lượng bản in.

- Thiết lập tính năng này nếu cần.
- Chọn <☞>, rồi nhấn <SET>.
- Chọn số lượng bản in, rồi nhấn <SET>.



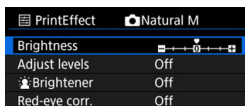
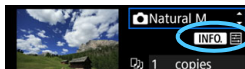
7 Bắt đầu in.

- Chọn [Print (In)], rồi nhấn <SET>.



- Cài đặt [**Default (Mặc định)**] cho hiệu ứng in và các tùy chọn khác là cài đặt mặc định của máy in do nhà sản xuất máy in quy định. Để tìm hiểu về cài đặt [**Default (Mặc định)**], tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.
- Tùy thuộc vào kích thước tập tin của ảnh và chất lượng ghi ảnh, có thể mất một khoảng thời gian để bắt đầu in sau khi chọn [**Print (In)**].
- Thời gian in ảnh đã chỉnh độ nghiêng (tr.389) sẽ dài hơn.
- Để dừng in, nhấn <SET> khi thông báo [**Stop (Dừng)**] hiển thị rồi chọn [**OK**].
- Nếu bạn thực hiện [**4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)**] (tr.70), tất cả cài đặt sẽ trở về mặc định.

Điều chỉnh hiệu ứng in



Chọn hiệu ứng in ở bước 4 trang 386. Khi biểu tượng <INFO> hiện sáng, bạn có thể nhấn nút <INFO>, rồi điều chỉnh hiệu ứng in. Những hiệu ứng in có thể điều chỉnh hoặc thông tin được hiển thị sẽ phụ thuộc vào lựa chọn ở bước 4.

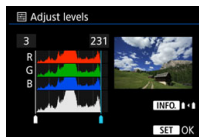
Brightness (Độ sáng)

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng ảnh.

Adjust levels (Điều chỉnh mức)

Khi chọn [Manual (Chỉnh tay)], bạn có thể thay đổi phân phối của biểu đồ và điều chỉnh độ sáng và độ tương phản của ảnh.

Khi màn hình điều chỉnh mức hiển thị, nhấn nút <INFO> để thay đổi vị trí của con trỏ <|>. Xoay nút xoay <⌚> để tùy ý điều chỉnh mức tối (0 - 127) hoặc mức sáng (128 - 255).



Brightener (Đánh sáng khuôn mặt)

Có hiệu quả khi khuôn mặt của chủ thể bị tối do chụp ngược sáng. Khi đặt thành [On (Bật)], khuôn mặt sẽ được làm sáng.

Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)

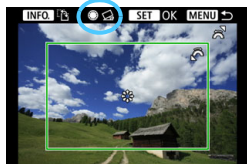
Có hiệu quả khi mắt chủ thể bị đỏ do chụp flash. Khi đặt thành [On (Bật)], hiện tượng mắt đỏ sẽ được chỉnh sửa.



- Các hiệu ứng [Brightener (Đánh sáng khuôn mặt)] và [Red-eye corr. (Chỉnh mắt đỏ)] sẽ không hiển thị trên màn hình.
- Khi chọn [Detail set. (Cài đặt chi tiết)], bạn có thể điều chỉnh [Contrast (Độ tương phản)], [Saturation (Bảo hòa màu)], [Color tone (Tông màu)] và [Color balance (Cân bằng màu)]. Để điều chỉnh [Color balance (Cân bằng màu)], sử dụng nút <⚙️>. B là màu xanh da trời, A là màu hồ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu sẽ được điều chỉnh theo hướng màu di chuyển.
- Nếu chọn [Clear all (Xóa tất cả)], tất cả các cài đặt hiệu ứng in sẽ trở về mặc định.

Cắt ảnh

Chỉnh nghiêng ảnh



Bạn có thể cắt ảnh và in bản phóng to của phần đã cắt như một cách bố cục lại ảnh.

Thực hiện cắt ảnh trước khi in. Nếu thay đổi thiết lập in sau khi đặt cắt ảnh, bạn có thể phải thực hiện cắt lại ảnh trước khi in.

1 Trên màn hình thiết lập in, chọn **[Cropping (Cắt ảnh)]**.

2 Đặt kích cỡ, vị trí và tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh.

- Khu vực ảnh nằm trong khung cắt ảnh sẽ được in. Bạn có thể thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh bằng **[Paper settings (Cài đặt giấy)]**.

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Xoay nút xoay <  > để thay đổi kích thước khung cắt ảnh.

Khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to ảnh để in càng lớn.

Di chuyển khung cắt ảnh

Sử dụng nút <  > để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

Chuyển hướng của khung cắt ảnh

Nhấn nút < **INFO** > sẽ chuyển khung cắt ảnh giữa hướng dọc và hướng ngang. Điều này cho phép tạo bản in hướng dọc từ ảnh ngang.

Chỉnh nghiêng ảnh

Xoay nút xoay <  > để nghiêng ảnh trong khoảng -10 và +10 độ với mức tăng 0,5 độ. Khi điều chỉnh nghiêng ảnh, biểu tượng <  > trên màn hình sẽ chuyển sang màu xanh da trời.

3 Nhấn < **SET** > để thoát tính năng cắt ảnh.

- ▶ Màn hình thiết lập in sẽ xuất hiện lại.
- Bạn có thể kiểm tra khu vực ảnh được cắt trên màn hình thiết lập in.



- Tùy loại máy in, bạn có thể không in được ảnh với khổ lớn. Trong trường hợp đó, thay đổi cỡ ảnh (tr.371), rồi in.
- Nếu tỷ lệ cỡ ảnh khác với tỷ lệ của giấy in, ảnh có thể bị cắt đáng kể nếu bạn in ảnh không có viền. Nếu bị cắt, số lượng điểm ảnh sẽ giảm làm bản in trông nhiều hơn.
- Nếu in kèm thông tin chụp trên ảnh chụp ở tốc độ ISO mờ rộng (H), tốc độ ISO chính xác có thể sẽ không được in.
- Tùy thuộc vào model máy in, khu vực ảnh đã cắt có thể không được in như bạn đã chỉ định.
- Khung cắt ảnh được tạo càng nhỏ, bản in sẽ trông càng nhiều hạt hơn.
- Kiểm tra màn hình LCD của máy ảnh khi cắt ảnh. Nếu bạn nhìn vào ảnh trên màn hình TV, khung cắt ảnh có thể không được hiển thị chính xác.



Xử lý lỗi máy in

Nếu tiến trình in không tiếp tục sau khi bạn đã giải quyết lỗi máy in (không có mực, không có giấy, v.v...) và chọn [**Continue (Tiếp tục)**], thao tác các nút trên máy in để tiếp tục in. Để tìm hiểu chi tiết về thao tác tiếp tục in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Thông báo lỗi

Nếu xảy ra vấn đề trục trặc khi đang in, thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình LCD của máy ảnh. Nhấn <ⓈET> để dừng in. Tiếp tục in sau khi đã khắc phục các vấn đề trục trặc. Để tìm hiểu chi tiết về cách khắc phục vấn đề in, tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in.

Paper Error (Lỗi giấy)

Kiểm tra và đảm bảo giấy được nạp đúng cách vào máy in.

Ink Error (Lỗi mực)

Kiểm tra mức mực của máy in và hộp mực thải.

Hardware Error (Lỗi phần cứng)

Kiểm tra máy in có xảy ra vấn đề trục trặc khác ngoài lỗi về giấy và mực không.

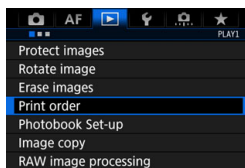
File Error (Lỗi tập tin)

Không thể in ảnh được chọn qua PictBridge. Không thể in ảnh do máy ảnh khác chụp hoặc ảnh đã được chỉnh sửa bằng máy tính.

Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)

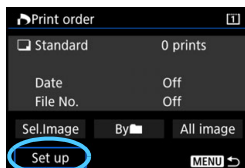
Bạn có thể đặt thiết lập in như kiểu in, in ngày, in số tập tin, v.v... Thiết lập in sẽ được áp dụng cho tất cả ảnh trong lệnh in. (Không thể thiết lập các cài đặt này riêng cho từng ảnh.)

Đặt tùy chọn in



1 Chọn [Print order (Lệnh in)].

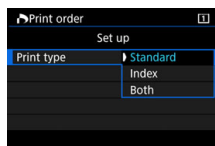
- Trong tab [1], chọn [Print order (Lệnh in)], rồi nhấn <SET>.



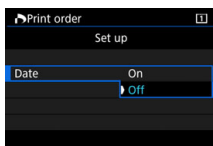
2 Chọn [Set up (Cài đặt)].

3 Đặt tùy chọn mong muốn.

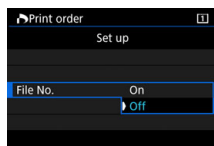
- Đặt [Print type (Kiểu in)], [Date (Ngày tháng)] và [File No. (Số tập tin)].
- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>.
- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.



Kiểu in



Ngày tháng



Số tập tin

Print type (Kiểu in)		Standard (Tiêu chuẩn)	In một ảnh trên một trang.
		Index (Bảng kê)	Nhiều ảnh thu nhỏ được in trên một trang.
		Both (Cả hai)	Cả định dạng tiêu chuẩn và định dạng bảng kê đều được in.
Date (Ngày tháng)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in ngày đã ghi lên bản in.	
	Off (Tắt)		
File number (Số tập tin)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in số tập tin lên bản in.	
	Off (Tắt)		

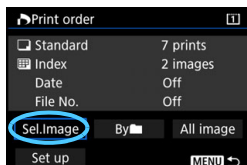
4 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình lệnh in sẽ xuất hiện lại.
- Tiếp theo, chọn [**Sel.Image (Chọn ảnh)**], [**By**  (Theo thư mục )], hoặc [**All image (Tất cả ảnh)**] để đặt lệnh in cho ảnh cần in.

- ⚠ Không thể đặt lệnh in cho ảnh RAW và phim. Ảnh RAW có thể được in với PictBridge (tr.381).
- Nếu bạn in ảnh với kích thước lớn sử dụng cài đặt [**Index (Bảng kê)**] hoặc [**Both (Cả hai)**] (tr.394), in bảng kê có thể không thể in với một vài máy in. Trong trường hợp đó, thay đổi cỡ ảnh (tr.371), rồi in bảng kê.
- Ngay cả khi đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**], ngày hoặc số tập tin có thể sẽ không được in, tùy thuộc vào cài đặt kiểu in và model máy in.
- Với kiểu in [**Index (Bảng kê)**], không thể đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**] cùng một lúc.
- Khi in với DPOF, nên sử dụng thẻ có thông số kỹ thuật lệnh in đã được cài đặt. Không thể in với lệnh in đã chỉ định nếu bạn xuất ảnh khỏi thẻ và in.
- Một số máy in và tiệm rửa ảnh tương thích DPOF có thể không in được ảnh như bạn chỉ định. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in trước khi in hoặc kiểm tra với tiệm rửa ảnh về tính tương thích khi đặt lệnh in.
- Không chỉ định lệnh in mới cho thẻ chứa ảnh đã đặt lệnh in bằng máy ảnh khác. Bạn có thể ghi đè lệnh in. Ngoài ra, lệnh in có thể không thực hiện được, tùy thuộc vào loại ảnh.

Đặt lệnh in

Sel.Image (Chọn ảnh)



Số lượng
Tổng số ảnh được chọn



Dấu chọn
Biểu tượng bảng kê

Chọn ảnh và đặt lệnh in từng ảnh. Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⌚> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <⌚> theo chiều kim đồng hồ. Nhấn nút <MENU> để lưu lệnh in vào thẻ.

Standard (Tiêu chuẩn) / Both (Cả hai)

Nhấn <SET> để đặt lệnh in cho một bản in của ảnh hiển thị. Xoay nút xoay <⌚> để đặt số lượng bản in, tối đa 99 bản.

Bảng kê

Nhấn <SET> để đánh dấu chọn vào ô [✓]. Ảnh sẽ được gộp vào in bảng kê.

By [] (Theo thư mục [])

Chọn [Mark all in folder (Đánh dấu tất cả trong thư mục)] và chọn thư mục. Lệnh in một bản sao của tất cả ảnh trong thư mục sẽ được chỉ định. Nếu chọn [Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)] và chọn thư mục, lệnh in cho tất cả ảnh trong thư mục đó sẽ bị hủy.

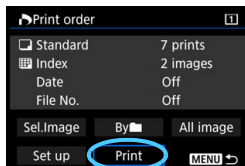
All image (Tất cả ảnh)

Nếu bạn chọn [Mark all on card (Đánh dấu tất cả trên thẻ)], một bản sao của tất cả ảnh trong thẻ sẽ được đặt để in. Nếu chọn [Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)], lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh trong thẻ.



- Lưu ý rằng lệnh in không bao gồm ảnh RAW và phim ngay cả khi đặt [By [] (Theo thư mục [])] hoặc [All image (Tất cả ảnh)].
- Khi sử dụng máy in PictBridge, không in nhiều hơn 400 ảnh cho một lệnh in. Nếu bạn chỉ định nhiều hơn số lượng này, tất cả ảnh sẽ không được in.

In trực tiếp ảnh đã đặt lệnh in



Với máy in PictBridge, bạn có thể dễ dàng in ảnh với DPOF.

1 Chuẩn bị in.

- Tham khảo trang 382.

Thực hiện theo quy trình “Kết nối máy ảnh với máy in” đến bước 5.

2 Trong tab , chọn **[Print order (Lệnh in)]**.

3 Chọn **[Print (In)]**.

- **[Print (In)]** sẽ chỉ hiển thị nếu máy ảnh được kết nối với máy in và có thể thực hiện in.

4 Đặt **[Paper settings (Cài đặt giấy)]** (tr.384).

- Đặt hiệu ứng in (tr.386) nếu cần.

5 Chọn **[OK]**.

- Trước khi in, đảm bảo khổ giấy đã được đặt.
- Một số máy in có thể không in được số tập tin.
- Nếu đặt **[Bordered (Có viền)]**, một số máy in có thể in ngày trên viền.
- Tùy thuộc vào máy in, ngày có thể bị mờ nếu in trên nền sáng hoặc in trên viền.
- Trong **[Adjust levels (Điều chỉnh mức)]**, bạn không thể chọn **[Manual (Chỉnh tay)]**.

- Nếu bạn đã dừng in và muốn tiếp tục in các ảnh còn lại, chọn **[Resume (Tiếp tục)]**. Lưu ý rằng không thể tiếp tục in khi xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:
 - Bạn đã thay đổi lệnh in hoặc xóa bất kỳ ảnh đã đặt lệnh in nào trước khi tiếp tục in.
 - Khi đặt thành bảng kê, bạn đã thay đổi cài đặt giấy trước khi tiếp tục in.
 - Khi dừng in, dung lượng còn lại của thẻ ít.
- Nếu xảy ra vấn đề trục trặc trong quá trình in, tham khảo trang 390.

Truyền ảnh vào máy tính

Bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và thao tác máy ảnh để truyền ảnh trên thẻ sang máy tính. Tính năng này được gọi là truyền ảnh trực tiếp.

Bạn có thể thực hiện truyền ảnh trực tiếp bằng máy ảnh khi nhìn vào màn hình LCD.

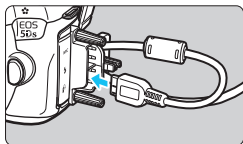
Ảnh truyền sang máy tính sẽ được lưu trong thư mục **[Pictures]** hoặc **[My Pictures]** và được sắp xếp theo ngày chụp.

Lưu ý khi truyền ảnh

Trước khi kết nối máy ảnh với máy tính, cài đặt **EOS Utility** (tr.533) lên máy tính.

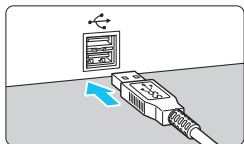
Chuẩn bị truyền ảnh

1 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành **<OFF>**.

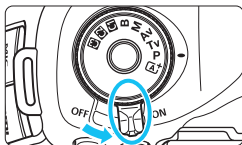


2 Kết nối máy ảnh với máy tính.

- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.36). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng **<SS<->->>** của đầu cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Kết nối đầu cắm của cáp với cổng USB của máy tính.



 Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.456). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.36).



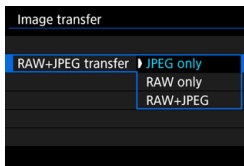
3 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.

- Khi máy tính hiển thị màn hình để chọn chương trình, chọn **[EOS Utility]**.
- ▶ Màn hình EOS Utility sẽ xuất hiện trên máy tính.

❗ Sau khi màn hình EOS Utility xuất hiện, không thao tác EOS Utility. Nếu màn hình khác ngoài cửa sổ chính của EOS Utility xuất hiện, **[Direct transfer (Truyền trực tiếp)]** ở bước 5 trong trang 398 sẽ không hiển thị. (Bạn sẽ không thể sử dụng chức năng truyền ảnh.)

- Nếu màn hình EOS Utility không xuất hiện, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.534).
- Tắt máy ảnh và máy in trước khi ngắt kết nối cáp. Giữ đầu cắm (không giữ dây) để rút cáp ra.

MENU Truyền ảnh RAW+JPEG

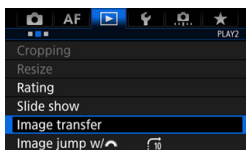


Đối với ảnh RAW+JPEG, bạn có thể chỉ định ảnh cần truyền.

Trong bước 2 ở trang tiếp theo, chọn **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** và chọn ảnh cần truyền: **[JPEG only (Chỉ JPEG)]**, **[RAW only (Chỉ RAW)]** hoặc **[RAW+JPEG]**.

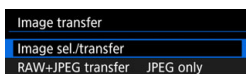
MENU Chọn ảnh cần truyền

Sel.Image (Chọn ảnh)

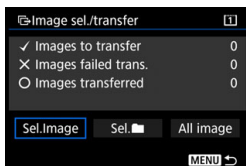


1 Chọn [Image transfer (Truyền ảnh)].

- Trong tab [2], chọn [Image transfer (Truyền ảnh)], rồi nhấn <SET>.



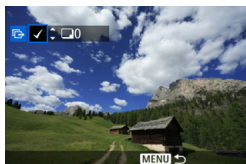
2 Chọn [Image sel./transfer (Chọn/truyền ảnh)].



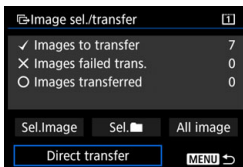
3 Chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)].

4 Chọn ảnh cần truyền.

- Xoay nút xoay <Q> để chọn ảnh cần truyền, rồi nhấn <SET>.
- Xoay nút xoay <Q> để hiển thị biểu tượng [✓] ở phía trên bên trái màn hình, rồi nhấn <SET>.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <Q> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <Q> theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần truyền, lặp lại bước 4.



- Khi chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)], bạn có thể kiểm tra trạng thái truyền ảnh ở phía trên bên trái màn hình: Không có dấu: Chưa chọn. ✓: Đã chọn để truyền. ✗: Truyền không thành công. ○: Truyền thành công.
- Bạn cũng có thể thực hiện quy trình [RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)] (tr.396) và các bước 1 đến 4 bên trên khi máy ảnh không kết nối với máy tính.



5 Truyền ảnh.

- Trên màn hình máy tính, kiểm tra để đảm bảo cửa sổ chính của EOS Utility đã hiển thị.
- Chọn [**Direct transfer (Truyền trực tiếp)**], rồi nhấn <[SET]>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [**OK**] và ảnh sẽ được truyền sang máy tính.
- Cũng có thể truyền ảnh đã chọn với [**Sel. [Folder] (Chọn [Folder])**] và [**All image (Tất cả ảnh)**] theo cách này.

• Sel. [Folder] (Chọn [Folder])

Chọn [**Sel. [Folder] (Chọn [Folder])**] và chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**]. Khi bạn chọn một thư mục, tất cả ảnh chưa truyền sang máy tính trong thư mục đó sẽ được chọn. Chọn [**Folder images failed transf. (Ảnh truyền chưa thành công trong thư mục)**] để chọn các ảnh đã truyền chưa thành công trong thư mục được chọn.

Chọn [**Clear folder transf. history (Xóa lịch sử truyền thư mục)**] để xóa lịch sử truyền ảnh trong thư mục được chọn. Sau khi xóa lịch sử truyền, bạn có thể chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**] và truyền lại tất cả ảnh trong thư mục.

• All image (Tất cả ảnh)

Nếu chọn [**All image (Tất cả ảnh)**] và chọn [**Card images not transferred (Ảnh chưa truyền trên thẻ)**], tất cả ảnh chưa truyền sang máy tính trên thẻ sẽ được chọn.

Để tìm hiểu về mô tả của tùy chọn [**Card images failed transfer (Ảnh truyền chưa thành công trên thẻ)**] và [**Clear card's transf. history (Xóa lịch sử truyền trên thẻ)**], tham khảo phần “Chọn [Folder]” phía trên.

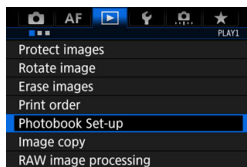
- Nếu màn hình khác ngoài cửa sổ chính của EOS Utility xuất hiện trên máy tính, [**Direct transfer (Truyền trực tiếp)**] sẽ không hiển thị.
- Trong quá trình truyền ảnh, một số tùy chọn menu sẽ không thể sử dụng.

- Có thể truyền phim.
- Có thể truyền tối đa 9.999 ảnh cùng một lúc.
- Có thể thực hiện chụp trong khi truyền ảnh.

Chỉ định ảnh cho sách ảnh

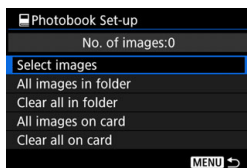
Bạn có thể chỉ định tối đa 998 ảnh để in trong sách ảnh. Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để truyền ảnh tới máy tính, các ảnh chỉ định sẽ được sao chép vào thư mục riêng. Chức năng này thích hợp để đặt sách ảnh online.

Chỉ định một ảnh mỗi lần

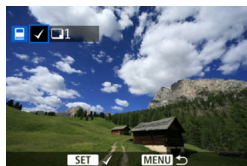


1 Chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Photobook set-up (Lập sách ảnh)], rồi nhấn < >.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

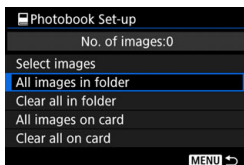


3 Chọn ảnh muốn chỉ định.

- Nhấn các phím < > để chọn ảnh sẽ chỉ định, rồi nhấn < >.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay < > theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần truyền, lặp lại bước 3. Số lượng ảnh chỉ định sẽ hiển thị.

Chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [▶ **1: Photobook Set-up (Lập sách ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được chỉ định.

Để xóa lựa chọn, chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] hoặc [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**].

- ⚠ Không thể chỉ định ảnh RAW và phim.
- ⚠ Không dùng các ảnh đã chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh khác để chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh này. Cài đặt cho sách ảnh có thể bị ghi đè.

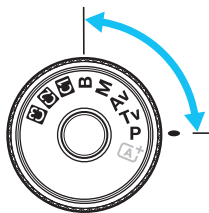
13

Tùy chỉnh máy ảnh

Bạn có thể tùy chỉnh các chức năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân bằng chức năng tùy chỉnh.

Ngoài ra, bạn có thể lưu cài đặt máy ảnh hiện tại dưới các vị trí <C1> <C2> <C3> của nút xoay chế độ.

Các tính năng giải thích ở chương này cũng có thể được cài đặt và sử dụng trong các chế độ chụp sau: <P> <Tv> <Av> <M> .



MENU Chức năng tùy chỉnh ☆

🔍 1: Phơi sáng

		 Chụp Live View	 Quay phim
Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)	tr.404	☐	☐
ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)		☐	Trong M
Bracketing auto cancel (Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp)	tr.405	☐	(Ảnh chụp khi quay, có cân bằng trắng hỗn hợp)
Bracketing sequence (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp)		☐	
Number of bracketed shots (Số ảnh phơi sáng hỗn hợp)	tr.406	☐	
Safety shift (Chuyển an toàn)	tr.407	☐	
Same exposure for new aperture (Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới)	tr.408	☐	

🔍 2: Phơi sáng

Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)	tr.410	☐	☐
Set aperture range (Đặt phạm vi khẩu độ)		☐	☐

 Các chức năng tùy chỉnh bị tô đen sẽ không hoạt động khi chụp Live View (LV) hoặc quay phim. (Thiết lập không có tác dụng.)

📷.3: Khác

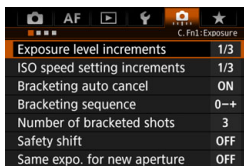
		 Chụp Live View	 Quay phim
Warnings  in viewfinder (Cảnh báo  trong khung ngắm)	tr.411		
Dial direction during Tv/Av (Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av)	tr.412	☐	☐
Multi function lock (Khóa đa chức năng)		☐	☐
Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)	tr.413	Tùy thuộc vào thiết lập	
Add cropping information (Thêm thông tin cắt ảnh)		☐	
Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)	tr.414	(Trong khi phát lại)	
Retract lens on power off (Thu ống kính khi tắt nguồn)		☐	☐

📷.4: Xóa

Chọn [**📷.4: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**] sẽ xóa tất cả thiết lập chức năng tùy chỉnh.

 Ngay cả khi thực hiện [**📷.4: Clear all Custom Func.(C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))**], thiết lập cho [**📷.3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] sẽ vẫn được giữ nguyên không đổi.

MENU Chức năng tùy chỉnh ☆



Exposure level increments	1/3
ISO speed setting increments	1/3
Bracketing auto cancel	ON
Bracketing sequence	0-+
Number of bracketed shots	3
Safety shift	OFF
Same expo. for new aperture	OFF

Trong tab [..], bạn có thể tùy chỉnh các chức năng khác nhau của máy ảnh để phù hợp với sở thích chụp ảnh cá nhân. Các thiết lập không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.

C.Fn1: Phơi sáng

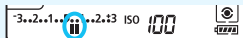
Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)

1/3: 1/3 điểm dừng

1/2: 1/2 điểm dừng

Đặt mức tăng 1/2 điểm dừng cho tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, AEB, bù trừ phơi sáng flash, v.v... Mức này phù hợp nếu bạn muốn điều chỉnh độ phơi sáng ở các mức tăng kém mịn hơn so với mức tăng 1/3 điểm dừng.

 Khi đặt [1/2-stop (1/2 điểm dừng)], mức phơi sáng sẽ hiển thị như hình bên dưới.



ISO speed setting increments (Mức tăng thiết lập tốc độ ISO)

1/3: 1/3 điểm dừng

1/1: 1 điểm dừng

Bạn có thể thay đổi thiết lập tốc độ ISO tăng đến 1 điểm dừng.

 Ngay cả khi đặt [1/1], tốc độ ISO vẫn tự động thiết lập mức tăng 1/3 điểm dừng nếu đặt ISO tự động.

Bracketing auto cancel (Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp)

ON: Enable (Bật)

Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF>, AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ bị hủy bỏ. AEB cũng sẽ bị hủy bỏ nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc bạn chuyển sang quay phim.

OFF: Disable (Tắt)

AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ không bị hủy bỏ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>. (Nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc nếu bạn chuyển sang quay phim, AEB sẽ bị tạm thời hủy bỏ, nhưng phạm vi AEB vẫn được giữ lại.)

Bracketing sequence (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp)

Có thể thay đổi thứ tự chụp AEB và thứ tự cân bằng trắng hỗn hợp.

0-+: 0, -, +

-0+: -, 0, +

+0-: +, 0, -

AEB	Cân bằng trắng hỗn hợp	
	Hướng B/A	Hướng M/G
0 : Phơi sáng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn
- : Giảm phơi sáng	- : Chênh lệch xanh da trời	- : Chênh lệch đỏ đậm
+ : Tăng phơi sáng	+ : Chênh lệch hổ phách	+ : Chênh lệch xanh lá cây

Number of bracketed shots (Số ảnh phơi sáng hỗn hợp)

Số ảnh chụp với AEB và cân bằng trắng hỗn hợp có thể được thay đổi từ 3 ảnh mặc định thành 2 ảnh, 5 ảnh hoặc 7 ảnh.

Khi đặt **[Bracketing sequence: 0, -, + (Thứ tự phơi sáng hỗn hợp: 0, -, +)]**, ảnh chụp hỗn hợp sẽ được chụp như trong bảng sau.

3: 3 shots (3 ảnh)

2: 2 shots (2 ảnh)

5: 5 shots (5 ảnh)

7: 7 shots (7 ảnh)

(mức tăng 1 điểm dừng)

	Ảnh đầu tiên	Ảnh thứ 2	Ảnh thứ 3	Ảnh thứ 4	Ảnh thứ 5	Ảnh thứ 6	Ảnh thứ 7
3: 3 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-1	+1				
2: 2 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	± 1					
5: 5 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-2	-1	+1	+2		
7: 7 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-3	-2	-1	+1	+2	+3

 Nếu đặt **[2 shots (2 ảnh)]**, bạn có thể chọn phía + hoặc - khi thiết lập phạm vi AEB. Đặt cân bằng trắng hỗn hợp sẽ gây ra giảm phơi sáng theo hướng B/A hoặc M/G.

Safety shift (Chuyển an toàn)

OFF: Disable (Tắt)

Tv/Av: Shutter speed/Aperture (Tốc độ màn trập/Khẩu độ)

Hoạt động trong chế độ tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (**Tv**) và tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**). Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt được phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi những thiết lập được cài đặt bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.

ISO: ISO speed (Tốc độ ISO)

Hoạt động trong chế độ phơi sáng tự động P (**P**), tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (**Tv**) và tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (**Av**). Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi tốc độ ISO đã được thiết lập bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.



- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], ngay cả khi [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] hoặc [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] không còn là cài đặt mặc định, chuyển an toàn sẽ hoạt động nếu không đạt được phơi sáng chuẩn.
- Tốc độ ISO tối thiểu và tối đa của chuyển an toàn sử dụng tốc độ ISO được thiết lập bởi cài đặt [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**] (tr.164). Tuy nhiên, nếu tốc độ ISO được thiết lập bằng tay nằm ngoài [**Auto ISO range (Phạm vi ISO tự động)**], chuyển an toàn sẽ tác động tăng hoặc giảm lên tốc độ ISO đặt bằng tay.
- Chuyển an toàn sẽ tác động nếu cần thiết ngay cả khi sử dụng flash.

Same exposure for new aperture (Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới)

Khi thiết lập chế độ <M> (chụp phơi sáng chỉnh tay) và đặt tốc độ ISO bằng tay (đặt giá trị ISO khác ngoài ISO tự động và H (12800)), chỉ số khẩu độ f lớn nhất có thể chuyển thành số cao hơn (khẩu độ nhỏ hơn) nếu bạn thực hiện một trong các thao tác sau: 1. Thay ống kính, 2. Lắp hoặc tháo ống nối, hoặc 3. Sử dụng ống kính zoom có chỉ số khẩu độ f lớn nhất thay đổi. Nếu bạn chụp với thiết lập phơi sáng này, ảnh sẽ bị thiếu sáng với một lượng do chỉ số khẩu độ f lớn nhất thay đổi lên số cao hơn. Tuy nhiên, bằng cách thay đổi tự động tốc độ ISO hoặc tốc độ màn trập (Tv), bạn có thể đạt được độ phơi sáng giống như trước khi thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.

OFF: Disable (Tắt)

Các thay đổi tự động trong cài đặt để duy trì độ phơi sáng đã chỉ định sẽ không được áp dụng. Tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ đã đặt sẽ được sử dụng để chụp. Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3 và chỉ số khẩu độ f lớn nhất tăng lên, điều chỉnh tốc độ ISO và tốc độ màn trập trước khi chụp.

ISO: ISO speed (Tốc độ ISO)

Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, tốc độ ISO sẽ tự động tăng để bù vào lượng tăng lên của chỉ số khẩu độ f lớn nhất. Theo đó ảnh sẽ có được độ phơi sáng giống như trước khi bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.

Tv: Shutter speed (Tốc độ màn trập)

Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, tốc độ màn trập thấp hơn sẽ được đặt tự động để bù vào lượng tăng lên của chỉ số khẩu độ f lớn nhất. Theo đó ảnh sẽ có được độ phơi sáng giống như trước khi bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3.



- Chức năng này không hoạt động với ống kính macro có chỉ số khẩu độ f thực tế thay đổi khi tỷ lệ phóng to thay đổi.
- Chức năng này không hoạt động với phim.
- Nếu đặt [**ISO speed (Tốc độ ISO)**] và không thể duy trì phơi sáng trong phạm vi đã đặt với [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**], tốc độ ISO sẽ tự động chuyển trong phạm vi đã đặt.
- Nếu đặt [**Shutter speed (Tốc độ màn trập)**] và không thể duy trì phơi sáng trong phạm vi đã đặt với [**2: Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)**], tốc độ màn trập sẽ tự động chuyển trong phạm vi đã đặt.
- Nếu bạn thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3 và máy ảnh tắt (công tắc nguồn được đặt thành <OFF>, v.v...) trong khi phơi sáng, mức phơi sáng chuẩn sẽ được cập nhật đến mức phơi sáng tại thời điểm máy ảnh tắt.



- Chức năng này cũng hoạt động khi chỉ số f cao nhất thay đổi (khẩu độ nhỏ nhất).
- Nếu đặt [**ISO speed (Tốc độ ISO)**] hoặc [**Shutter speed (Tốc độ màn trập)**], thực hiện thao tác 1, 2 hoặc 3, rồi hủy thao tác 1, 2 hoặc 3 mà không thay đổi tốc độ ISO, tốc độ màn trập hoặc khẩu độ bằng tay để máy ảnh trở về trạng thái ban đầu, thiết lập phơi sáng gốc sẽ được khôi phục.
- Nếu đặt [**ISO speed (Tốc độ ISO)**] và tốc độ ISO tăng đến tốc độ ISO mở rộng, tốc độ màn trập có thể thay đổi để duy trì phơi sáng.

C.Fn2: Phơi sáng

Set shutter speed range (Đặt phạm vi tốc độ màn trập)

Có thể đặt phạm vi tốc độ màn trập. Trong các chế độ <Tv> <M>, bạn có thể đặt tốc độ màn trập bằng tay trong phạm vi tốc độ màn trập đã thiết lập. Trong các chế độ <P> <Av>, tốc độ màn trập sẽ được đặt tự động trong phạm vi tốc độ màn trập đã thiết lập.

Highest speed (Tốc độ cao nhất)

Có thể đặt trong phạm vi từ 1/8000 giây đến 15 giây.

Lowest speed (Tốc độ thấp nhất)

Có thể đặt trong phạm vi từ 30 giây đến 1/4000 giây.

Set aperture range (Đặt phạm vi khẩu độ)

Có thể đặt phạm vi khẩu độ. Trong các chế độ <Av> <M> , bạn có thể đặt khẩu độ bằng tay trong phạm vi khẩu độ đã thiết lập. Trong các chế độ <P> <Tv>, khẩu độ sẽ được đặt tự động trong phạm vi khẩu độ đã thiết lập.

Min. aperture (Max. f/) (Khẩu độ nhỏ nhất (f lớn nhất))

Có thể đặt trong phạm vi từ f/91 đến f/1.4.

Max. aperture (Min. f/) (Khẩu độ lớn nhất (f nhỏ nhất))

Có thể đặt trong phạm vi từ f/1,0 đến f/64.

 Phạm vi khẩu độ có thể đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào khẩu độ lớn nhất và nhỏ nhất của ống kính.

C.Fn3: Khác

Warnings in viewfinder (Cảnh báo trong khung ngắm)

Khi thiết lập một trong các chức năng sau đây, biểu tượng < > có thể xuất hiện trong khung ngắm (tr.31).

Chọn chức năng bạn muốn biểu tượng cảnh báo xuất hiện và nhấn < > để đánh dấu chọn < >. Sau đó chọn [OK] để đăng ký thiết lập.

Khi đơn sắc được đặt

Nếu đặt kiểu ảnh thành [Monochrome (Đơn sắc)] (tr.168), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi hiệu chỉnh cân bằng trắng

Nếu đặt hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.181), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi đặt chất lượng ảnh với một lần chạm

Nếu thay đổi chất lượng ghi ảnh bằng chức năng chất lượng ảnh với một lần chạm (tr.426), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi được đặt

Nếu đặt [ 3: High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)] thành [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)] (tr.185), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi đặt đo sáng điểm

Nếu đặt chế độ đo sáng thành [Spot metering (Đo sáng điểm)] (tr.215), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.



Khi bạn đặt bất kỳ chức năng có đánh dấu chọn [], biểu tượng < > cũng sẽ xuất hiện cho thiết lập tương ứng trên màn hình điều khiển nhanh (tr.60) và màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.429).

Dial direction during Tv/Av (Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av)

 **: Thông thường**

 **: Hướng nghịch đảo**

Hướng xoay của nút xoay khi đặt tốc độ màn trập và khẩu độ có thể được nghịch đảo.

Trong chế độ chụp <M>, hướng xoay của nút xoay < > và < > sẽ được nghịch đảo. Trong các chế độ chụp khác, chỉ hướng xoay của nút xoay < > được nghịch đảo. Hướng xoay của nút xoay < > trong chế độ <M> và hướng xoay để thiết lập bù trừ phơi sáng trong chế độ <P>, <Tv> và <Av> sẽ giống nhau.

Multi function lock (Khóa đa chức năng)

Gạt công tắc <LOCK▶> sang phải có thể ngăn các nút < >, < > và < > không vô tình thay đổi thiết lập.

Chọn điều khiển máy ảnh muốn khóa, rồi nhấn <(SET)> để đánh dấu chọn [✓]. Chọn [OK] để đăng ký thiết lập.

 **Nút xoay chính**

 **Nút xoay điều khiển nhanh**

 **Điều khiển đa năng**



- Nếu đã gạt công tắc <LOCK▶>, trên khung ngắm và bảng điều khiển LCD sẽ xuất hiện biểu tượng <L> khi bạn sử dụng các chức năng điều khiển máy ảnh đã khóa. Đồng thời, biểu tượng [LOCK (KHÓA)] sẽ xuất hiện trên màn hình điều khiển nhanh (tr.60) và màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.429).
- Mặc định khi khóa, nút xoay < > cũng sẽ bị khóa.
- Ngay cả khi nút xoay < > được đánh dấu chọn [✓], bạn vẫn có thể sử dụng bảng cảm ứng < >.

Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)

Bạn có thể tùy ý chỉ định các chức năng thường dùng cho các nút và nút xoay. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 415.

Add cropping information (Thêm thông tin cắt ảnh)

Nếu bạn đặt thông tin cắt ảnh, các đường dọc của tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt sẽ xuất hiện trên ảnh Live View. Sau đó, bạn có thể bố cục ảnh chụp như thể chụp với máy ảnh định dạng vừa hoặc lớn (6x6 cm, 4x5 inch, v.v...). Khi chụp ảnh, thông tin tỷ lệ cỡ ảnh khi cắt ảnh bằng phần mềm EOS sẽ được đính kèm trên ảnh. (Ảnh được ghi vào thẻ không bị cắt.)

Sau khi truyền ảnh vào máy tính, bạn có thể sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.532) để dễ dàng cắt ảnh theo tỷ lệ cỡ ảnh đã đặt.

OFF : Tắt

6:6 : Tỷ lệ cỡ ảnh 6:6

3:4 : Tỷ lệ cỡ ảnh 3:4

4:5 : Tỷ lệ cỡ ảnh 4:5

6:7 : Tỷ lệ cỡ ảnh 6:7

5:6 : Tỷ lệ cỡ ảnh 10:12

5:7 : Tỷ lệ cỡ ảnh 5:7



- Nếu đặt [**4: Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cỡ ảnh)**] thành bất cứ thiết lập nào ngoài [**Full-frame (Toàn khung hình)**], không thể đặt thông tin cắt ảnh.
- Thông tin cắt ảnh cũng sẽ được đính kèm khi chụp qua khung ngắm. Tuy nhiên, phạm vi cắt ảnh sẽ không hiển thị.
- Ngay cả khi ảnh RAW với thông tin cắt ảnh được xử lý trên máy ảnh (tr.366), ảnh JPEG cũng không thể được lưu thành ảnh đã cắt.

Default Erase option (Tùy chọn xóa mặc định)

Trong khi xem ảnh và xem lại ảnh sau khi chụp, nếu bạn nhấn nút , menu xóa sẽ hiển thị (tr.360). Bạn có thể thiết lập tùy chọn, **[Cancel (Hủy)]** hoặc **[Erase (Xóa)]**, để chọn trước trên màn hình này. Nếu đặt **[Erase (Xóa)]**, bạn có thể chỉ cần nhấn  để xóa ảnh dễ dàng.

 : Đã chọn **[Cancel (Hủy)]**

 : Đã chọn **[Erase (Xóa)]**



Nếu đặt **[Erase (Xóa)]**, cẩn thận tránh vô tình xóa ảnh.

Retract lens on power off (Thu ống kính khi tắt nguồn)

Cơ chế thu ống kính này được sử dụng khi gắn các ống kính có mô tơ STM (chẳng hạn như ống kính EF40mm f/2.8 STM) vào máy ảnh. Bạn có thể sử dụng để tự động thu ống kính khi đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**.

ON: Enable (Bật)

OFF: Disable (Tắt)



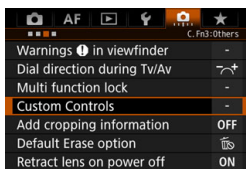
- Khi tự động tắt nguồn, ống kính sẽ không thu lại cho dù đã được thiết lập.
- Đảm bảo rằng ống kính đã được thu lại trước khi tháo.



Khi đặt thành **[Enable (Bật)]** chức năng này có hiệu lực với bất kì thiết lập công tắc chế độ lấy nét của ống kính (AF hoặc MF).

3: Điều khiển tùy chỉnh ☆

Bạn có thể tùy ý chỉ định các chức năng thường dùng cho các nút và nút xoay.



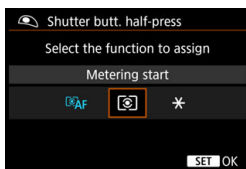
1 Chọn [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].

- Trong tab [3], chọn [Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình điều khiển tùy chỉnh để chọn nút và nút xoay điều khiển sẽ xuất hiện.



2 Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh.

- Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Tên của điều khiển và chức năng có thể đặt sẽ hiển thị.



3 Đặt chức năng.

- Chọn chức năng, rồi nhấn <SET>.
- Nếu biểu tượng [INFO] xuất hiện ở phía dưới cùng bên trái, bạn có thể nhấn nút <INFO> và thiết lập các tùy chọn liên quan khác.

4 Thoát thiết lập.

- Khi nhấn <SET> để thoát, màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện lại.
- Nhấn nút <MENU> để thoát.



Khi xuất hiện màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU> để chuyển thiết lập điều khiển tùy chỉnh về mặc định. Lưu ý rằng thiết lập [3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] sẽ không bị xóa ngay cả khi bạn chọn [4: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].

Các chức năng có thể đặt cho điều khiển máy ảnh

Chức năng		Trang		AF-ON	*
AF (Lấy nét tự động)	 AF	Bắt đầu đo sáng và AF	420		 *1
	AF-Off	Dừng AF	421		
	AF- 	Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký	422		
	 MỘT LẦN ↔ AI SERVO - LIÊN TỤC				
	 HP	Chuyển sang điểm AF đã đăng ký			
		Lựa chọn trực tiếp điểm AF	423		
		Lựa chọn trực tiếp điểm AF: Dọc			
		Tạm dừng lấy nét Servo phim			
Exposure (Phơi sáng)		Bắt đầu đo sáng	423		
	*	Khóa phơi sáng			
	*	Khóa phơi sáng (khi nhấn nút)	424		
	* 	Khóa phơi sáng (giữ)			
	*AF-Off	Khóa phơi sáng, dừng AF			
	FEL	Khóa phơi sáng flash			
	ISO 	Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay )			
	ISO 	Đặt tốc độ ISO ( trong khi đo sáng)			
		Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay )	425		
	Tv	Thiết lập tốc độ màn trập ở chế độ M			
	Av	Thiết lập khẩu độ ở chế độ M			

	LENS	M-Fn	SET			
	○					
○	○					
○ *2	○ *2					
○	○					
○ *3	○ *3					
					○	○ *4
					○	
○			○			
○	○	○				
○	○	○				
○		○				
			○			
					○	
			○			
				○	○	
				○	○	



<LENS> biểu thị “nút dừng AF” trên các ống kính siêu xa có tính năng ổn định hình ảnh.

Các chức năng có thể đặt cho điều khiển máy ảnh

Chức năng		Trang		AF-ON	
Ảnh	 Chuyển giữa các cài đặt crop/tỷ lệ cỡ ảnh	425			
	 Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm	426			
	 Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ)				
	 Chất lượng ảnh				
	 Kiểu ảnh	427			
Thao tác	 Xem trước độ sâu trường ảnh	427			
	 Khởi động IS				
	 Hiển thị menu				
	 Đăng ký/gọi ra chức năng chụp			○*7	○*7
	 Xem lại ảnh	428			
	 Phóng to/Thu nhỏ (nhấn SET, xoay )				
	 Quay vòng:  •  /Kiểu chụp • AF/WB • 				
	 Mở khóa khi nhấn nút				
	 Thiết lập chức năng flash				
	OFF Không có chức năng (Tắt)			○	○

	LENS	M-Fn	SET			
		○ *5				
○ *6		○ *6				
○ *6		○ *6				
			○			
			○			
○						
○	○					
			○			
			○			
			○			
		○				
○						
			○			
○			○	○	○	○

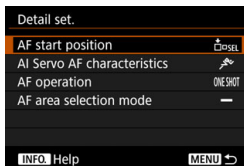


<LENS> biểu thị “nút dừng AF” trên các ống kính siêu xa có tính năng ổn định hình ảnh.

AF: Bắt đầu đo sáng và AF

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, thao tác đo sáng và AF sẽ được thực hiện.

*1: Khi được gán cho nút <AF-ON> hoặc <✱>, thao tác nhấn nút <INFO.> trong khi màn hình thiết lập hiển thị sẽ cho phép bạn đặt thiết lập AF chi tiết. Khi chụp, nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> sẽ thực hiện lấy nét tự động như đã thiết lập.



● AF start position (Vị trí bắt đầu AF)

Khi [Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)] được đặt, bạn có thể nhấn các nút <AF-ON> hoặc <✱> để chuyển sang điểm AF đã đăng ký.

Đăng ký điểm AF

- Thiết lập chế độ chọn vùng AF thành một trong các chế độ sau: AF một chấm điểm (chọn bằng tay), AF một điểm (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay, các điểm bao quanh) hoặc AF 61 điểm tự động chọn. Không thể chọn AF theo vùng (chọn vùng bằng tay).
- Chọn điểm AF bằng tay.
- Nhấn giữ nút <AF-ON> và nhấn nút <✱>. Máy ảnh sẽ phát ra tiếng bip và điểm AF sẽ được đăng ký. Nếu đặt chế độ chọn vùng AF thành cài đặt khác với AF 61 điểm tự động chọn, điểm AF đã đăng ký sẽ nhấp nháy.



- Khi điểm AF được đăng ký, các cài đặt sau sẽ hiển thị:
 - AF 61 điểm tự động chọn: [] HP (HP: Vị trí ban đầu)
 - AF chấm điểm, AF 1 điểm, Mở rộng vùng AF: SEL [] (Trung tâm), SEL HP (Ngoài trung tâm)
- Để hủy điểm AF đã đăng ký, nhấn giữ nút <AF-ON> và nhấn nút <4: Clear all camera settings (Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh)>.

- **AI Servo AF characteristics (Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)** (tr.111)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> để thực hiện lấy nét tự động với tình huống đã đặt từ [Case1 (Tinh hướng 1)] đến [Case6 (Tinh hướng 6)].
- **AF operation (Thao tác AF)** (tr.88)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> để thực hiện lấy nét tự động bằng thao tác đã đặt.
- **AF area selection mode (Chế độ chọn vùng AF)** (tr.92)
Nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱> để thực hiện lấy nét tự động với chế độ chọn vùng AF đã đặt.

Nếu bạn muốn tiếp tục sử dụng điểm AF đã chọn hiện tại khi nhấn nút <AF-ON> hoặc <✱>, đặt [AF start position (Vị trí bắt đầu AF)] thành [Manually selected AF point (Điểm AF đã chọn bằng tay)]. Nếu bạn muốn giữ đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, thao tác AF và chế độ chọn vùng AF đã đặt hiện tại, chọn [Maintain current setting (Duy trì cài đặt hiện tại)].



- Nếu đặt [AF4: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)] thành [Separate AF pts: Area+pt (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm)] hoặc [Separate AF pts: Pt only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)], bạn có thể đăng ký riêng điểm AF sẽ sử dụng để chụp dọc (cầm hướng lên hoặc xuống) và ngang.
- Nếu đặt cả [AF start position: Registered AF point (Vị trí bắt đầu AF: Điểm AF đã đăng ký)] và [AF area selection mode (Chế độ chọn vùng AF)], [Registered AF point (Điểm AF đã đăng ký)] sẽ hoạt động.

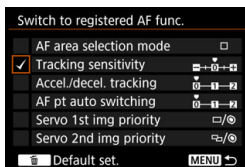
AF-OFF: Dừng AF

AF sẽ dừng khi nhấn nút được đặt chức năng này. Chức năng này giúp dừng lấy nét khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

AF--: Chuyển sang chức năng AF đã đăng ký

Sau khi thiết lập và gán chức năng này với nút, bạn có thể áp dụng các cài đặt sau bằng cách nhấn giữ nút đã gán cho lấy nét tự động: Chế độ chọn vùng AF (tr.92), Độ nhạy theo dõi (tr.116), Tăng/giảm tốc độ theo dõi (tr.117), Tự động chuyển đổi điểm AF (tr.118), Ưu tiên lấy nét Servo ảnh đầu tiên (tr.120) và Ưu tiên lấy nét Servo ảnh thứ hai (tr.121). Chức năng này giúp thay đổi đặc tính AF khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

*2: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để hiển thị màn hình thiết lập chi tiết. Xoay nút xoay <🌀> hoặc <🔍> để chọn thông số cần đăng ký, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Khi chọn thông số và nhấn <SET>, bạn có thể điều chỉnh thông số. Nhấn nút <🔍> để chuyển cài đặt về mặc định.



ONE SHOT / AI SERVO --: MỘT LẦN ↔ AI SERVO - LIÊN TỤC

Bạn có thể đổi thao tác AF. Ở chế độ lấy nét một lần, khi nhấn giữ nút được gán cho chức năng này, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục. Ở chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy ảnh sẽ chỉ chuyển sang chế độ lấy nét một lần khi bạn nhấn nút. Chức năng này giúp chuyển đổi liên tục giữa Lấy nét một lần và Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục với chủ thể chuyển động và dừng lại liên tục.

□ □ HP : Chuyển sang điểm AF đã đăng ký

Trong khi đo sáng, nếu bạn nhấn nút được gán cho chức năng này, điểm lấy nét sẽ chuyển sang điểm AF đã đăng ký.

*3: Trên màn hình thiết lập, khi nhấn nút <INFO.>, bạn có thể chọn [Switch only when btn is held (Chỉ chuyển khi giữ nút)] hoặc [Switch each time btn is pressed (Chuyển mỗi lần nhấn nút)]. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 420.

: Lựa chọn trực tiếp điểm AF

Trong khi đo sáng, bạn có thể chọn trực tiếp điểm AF bằng nút xoay nút < > hoặc < > mà không cần nhấn nút < >. Chọn điểm AF bên trái hoặc phải bằng nút xoay < >. (Thứ tự vòng cho AF theo vùng.)

*5: Trên màn hình thiết lập điều khiển đa năng, khi nhấn nút <INFO.>, bạn có thể nhấn vào trung tâm của nút < > để chọn [Switch to center AF point (Chuyển sang điểm AF trung tâm)] hoặc [Switch to registered AF point (Chuyển sang điểm AF đã đăng ký)]. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 420.

: Lựa chọn trực tiếp điểm AF: Dọc

Trong khi đo sáng, bạn có thể xoay nút xoay < > để lựa chọn trực tiếp điểm AF ở phía trên hoặc phía dưới mà không cần nhấn nút < >. (Thứ tự vòng cho AF theo vùng.)

: Tạm dừng lấy nét Servo phim

Trong khi lấy nét Servo phim, bạn có thể tạm dừng lấy nét bằng cách nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc < >. Nhấn lại nút để tiếp tục lấy nét Servo phim.

: Bắt đầu đo sáng

Khi nhấn nửa chừng nút chụp, đo sáng được tiến hành (không tiến hành AF).

: Khóa phơi sáng

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (AE Lock) trong khi đo sáng. Chức năng này giúp lấy nét và đo sáng tại các khu vực khác nhau hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng thiết lập phơi sáng.

 Để thay đổi khẩu độ trong chế độ <M> khi [Direct AF point selection (Lựa chọn trực tiếp điểm AF)], [Direct AF pt select: Vertical (Lựa chọn trực tiếp điểm AF: Dọc)] hoặc [Set ISO speed ( during metering) (Đặt tốc độ ISO ( trong khi đo sáng))] (tr.424) được gán cho < >, giữ nút < > và xoay nút xoay < >.

✳️: Khóa phơi sáng (khi nhấn nút)

Phơi sáng sẽ được khóa (AE Lock) khi nhấn nút chụp.

✳️_H: Khóa phơi sáng (giữ)

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, phơi sáng sẽ bị khóa (AE lock). Khóa phơi sáng vẫn duy trì cho đến khi bạn nhấn lại nút này. Chức năng này giúp lấy nét và đo sáng tại các khu vực khác nhau hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng thiết lập phơi sáng.

✳️_{AF-OFF}: Khóa phơi sáng, Dừng AF

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (AE Lock) và máy ảnh sẽ dừng lấy nét tự động. Chức năng này giúp khóa phơi sáng vào thời điểm dừng AF trong khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

FEL: Khóa phơi sáng flash

Trong khi chụp ảnh với đèn flash, nếu nhấn nút được gán cho chức năng này, máy sẽ nháy đo sáng và ghi lại công suất flash cần dùng (Khóa phơi sáng flash).

ISO : Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay)

Bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách nhấn giữ <SET> và xoay nút xoay < >.

Nếu sử dụng điều khiển này khi ISO tự động được đặt, thiết lập tốc độ ISO bằng tay sẽ có hiệu lực. Không thể đặt ISO tự động. Nếu sử dụng chức năng này trong chế độ <M>, bạn có thể điều chỉnh lượng phơi sáng với tốc độ ISO trong khi duy trì tốc độ màn trập và khẩu độ hiện thời.

ISO : Đặt tốc độ ISO (trong khi đo sáng)

Trong khi đo sáng, bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách xoay nút xoay < >. Phạm vi có thể đặt giống với ISO .

 Nếu gán [AE lock (while button pressed) (Khóa phơi sáng (khi nhấn nút))] cho nút chụp, tất cả các nút được gán cho [AE lock (Khóa phơi sáng)] hoặc [AE lock (hold) (Khóa phơi sáng (giữ))] đều sẽ hoạt động như [AE lock (while button pressed) (Khóa phơi sáng (khi nhấn nút))].

: Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay)

Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng bằng cách nhấn giữ <SET> và xoay nút xoay < >. Thao tác này thuận tiện cho việc thiết lập bù trừ phơi sáng khi phơi sáng chỉnh tay <M> và ISO tự động được đặt.

Tv : Thiết lập tốc độ màn trập trong chế độ M

Trong chế độ phơi sáng chỉnh tay <M>, bạn có thể đặt tốc độ màn trập với nút xoay < > hoặc < >.

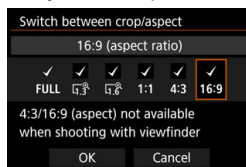
Av : Thiết lập khẩu độ trong chế độ M

Trong chế độ phơi sáng chỉnh tay <M>, bạn có thể đặt khẩu độ với nút xoay < > hoặc < >.

: Chuyển giữa các cài đặt crop/tỷ lệ cỡ ảnh

Khi nhấn nút <M-Fn>, bạn có thể chuyển từ chụp toàn khung hình sang chụp crop (khoảng 1,3x hoặc 1,6x) hoặc chụp với tỷ lệ cỡ ảnh đặt tại (1:1, 4:3 hoặc 16:9). Nhấn nút <M-Fn> để chuyển thiết lập.

*5: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để hiển thị màn hình thiết lập chi tiết. Xoay nút xoay < > để chọn thiết lập cần chuyển, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓].



 Các thao tác cho [Set ISO speed (hold btn, turn ) (Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay ))] (tr.424) và [Expo comp (hold btn, turn ) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay ))] khả dụng ngay cả khi công tắc <LOCK> được gạt sang phải (Khóa đa chức năng, tr.59).

RAW/JPEG H : Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm

Nhấn nút được gán cho chức năng này sẽ chuyển sang thiết lập chất lượng ghi ảnh đã thiết lập. Khi thiết lập này hoạt động, chất lượng ghi ảnh (JPEG/RAW) sẽ nhấp nháy trong khung ngắm ([**Image quality (Chất lượng ảnh)**] trong [**Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)**]) được đánh dấu chọn). Sau khi kết thúc chụp, thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm sẽ bị hủy và chất lượng ghi ảnh sẽ chuyển về chất lượng trước đó.

*6: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để chọn chất lượng ghi ảnh cho chức năng này.

RAW/JPEG H : Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ)

Nhấn nút được gán cho chức năng này sẽ chuyển sang thiết lập chất lượng ghi ảnh đã thiết lập. Khi thiết lập này hoạt động, chất lượng ghi ảnh (JPEG/RAW) sẽ nhấp nháy trong khung ngắm ([**Image quality (Chất lượng ảnh)**] trong [**Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)**]) được đánh dấu chọn). Ngay cả sau khi chụp, thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm cũng sẽ không bị hủy. Để chuyển về thiết lập chất lượng ghi ảnh trước đó, nhấn lại nút được gán cho chức năng này.

*6: Bạn có thể chọn chất lượng ghi ảnh cho chức năng này bằng cách nhấn nút <INFO.> trên màn hình thiết lập.

📷 : Chất lượng ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập chất lượng ghi ảnh (tr.151) trên màn hình LCD.

📷 Nếu đặt RAW hoặc RAW+JPEG cho chất lượng ghi ảnh sẽ chuyển với [**One-touch image quality setting (Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm)**] và [**One-touch image quality (hold) (Chất lượng ảnh với một lần chạm (giữ))**], [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**] (tr.185) sẽ không hoạt động sau khi chuyển. Đối với [**📷.3: High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**], [**Standard (Tiêu chuẩn)**] sẽ được áp dụng cho chụp.

📷 Khi chất lượng ghi ảnh chuyển sang thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm, bạn có thể hiển thị <📷> trong khung ngắm (tr.411).

: Kiểu ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập lựa chọn kiểu ảnh trên màn hình LCD (tr.166).

: Xem trước độ sâu trường ảnh

Khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh, khẩu độ sẽ được khóa lại và bạn có thể kiểm tra trường ảnh (tr.211).

: Khởi động IS

Nếu bạn nhấn nút được gán cho chức năng này khi công tắc IS được đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính sẽ hoạt động (tr.55).

MENU: Hiển thị menu

Nhấn <SET> sẽ hiển thị menu trên màn hình LCD.

: Đăng ký/gọi ra chức năng chụp

Bạn có thể thiết lập bằng tay các chức năng chụp chính như tốc độ màn trập, khẩu độ, tốc độ ISO, chế độ đo sáng và chế độ chọn vùng AF, rồi đăng ký các chức năng này với máy ảnh. Chỉ khi nhấn giữ nút được gán cho chức năng này, bạn mới có thể gọi ra và sử dụng thiết lập chức năng chụp đã đăng ký để chụp.

*7: Trên màn hình thiết lập, nhấn nút <INFO.> để hiển thị thiết lập chi tiết. Xoay nút xoay <INFO.> hoặc <INFO.> để chọn chức năng cần đăng ký, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Khi chọn một chức năng và nhấn <SET>, bạn có thể điều chỉnh thiết lập. Nhấn nút <INFO.> để chuyển cài đặt về mặc định. Bằng cách chọn [Register current settings (Đăng ký thiết lập hiện tại)], thiết lập hiện tại của máy ảnh sẽ được đăng ký. Để đăng ký điểm AF, tham khảo trang 420.



 : Xem lại ảnh

Nhấn <SET> để xem lại ảnh.

 : Phóng to/Thu nhỏ (nhấn SET, xoay)

Nhấn <SET> để phóng to hoặc thu nhỏ ảnh ghi trên thẻ. Tham khảo trang 332 để biết quy trình thao tác. Trong khi chụp Live View hoặc quay phim (ngoại trừ  +Theo dõi), bạn cũng có thể phóng to ảnh (tr.276, 277).

 : Quay vòng: • ISO/Kiểu chụp • AF/WB •

Nhấn nút <M-Fn> sẽ thay đổi chức năng có thể thiết lập theo thứ tự tự sau:  • ISO → DRIVE • AF → WB • .

UNLOCK : Mở khóa khi nhấn nút

Ngay cả khi gạt công tắc <LOCK▶> sang phải, chỉ khi nhấn giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh, bạn mới có thể sử dụng các nút và nút xoay điều khiển máy ảnh hạn chế bởi chức năng [.3: Multi function lock (Khóa đa chức năng)].

 : Thiết lập chức năng flash

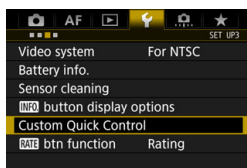
Nhấn <SET> sẽ hiển thị màn hình thiết lập chức năng flash.

OFF: Không có chức năng (tắt)

Sử dụng thiết lập này khi bạn không muốn thiết lập nút chức năng.

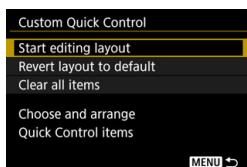
Điều khiển nhanh tùy chỉnh

Trên màn hình điều khiển nhanh tiêu chuẩn (tr.60), những chức năng chụp định trước sẽ hiển thị trong bố cục mặc định. Trên màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh, bạn có thể tùy chỉnh màn hình với bố cục và chức năng chụp yêu thích. Tính năng này gọi là “Điều khiển nhanh tùy chỉnh”. Trang này giải thích cách thay đổi bố cục của màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh. Trang 61 giải thích cách sử dụng màn hình điều khiển nhanh, và trang 444 giải thích cách hiển thị màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh.

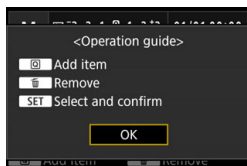


1 Chọn [Custom Quick Control (Điều khiển nhanh tùy chỉnh)].

- Trong tab [Y3], chọn [Custom Controls (Điều khiển nhanh tùy chỉnh)], rồi nhấn <SET>.

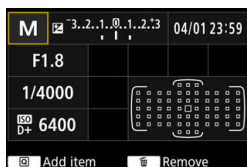


2 Chọn [Start editing layout (Bắt đầu chỉnh sửa bố cục)].

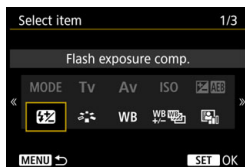


3 Đọc quy trình thao tác và chọn [OK].

- : Thêm mục
- : Xóa
- : Chọn và xác nhận



- Các mục hiển thị trên màn hình mặc định sẽ xuất hiện ở bên trái.



4 Thêm một mục.

- Nhấn nút .
- Xoay nút xoay hoặc sử dụng nút để chọn mục cần thêm, rồi nhấn .
- Để xóa một mục, chọn mục, rồi nhấn nút . Để xóa tất cả các mục, chọn **[Clear all items (Xóa tất cả các mục)]** ở bước 2.
- Với những mục cho phép lựa chọn kích cỡ biểu tượng, xoay nút xoay hoặc sử dụng nút để lựa chọn kích cỡ, rồi nhấn .
- Với những mục có thể đặt vị trí và kích cỡ hiển thị, tham khảo trang 432.



5 Đặt vị trí cho mục

- Sử dụng nút , hoặc để di chuyển mục (đã đóng khung với mũi tên định hướng) đến vị trí mong muốn.
- Nếu muốn thay đổi kích cỡ, nhấn nút **<INFO.>** để thay đổi.
- Nhấn để đặt mục. Nếu đã có một mục trên vị trí đó, mục đó sẽ bị ghi đè (xóa).
- Để di chuyển mục này sang vị trí khác, chọn mục rồi nhấn .



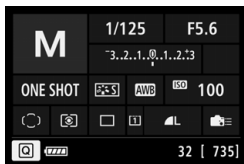
Nếu bạn muốn xóa tất cả các mục hiển thị ở mặc định trước, chọn **[Clear all items (Xóa tất cả các mục)]** ở bước 2 rồi chuyển sang bước 4.

Bố cục mẫu



- Lặp lại bước 4 và 5 để đặt vị trí cho mục khác như mong muốn
- Để xóa mục đã đặt vị trí, chọn mục và nhấn nút $\langle \text{MENU} \rangle$.

Màn hình mẫu



6 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút $\langle \text{MENU} \rangle$ để thoát thiết lập. Màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện lại.

7 Kiểm tra màn hình thiết lập.

- Trong [Y3 : **INFO** button display options (Tùy chọn hiển thị nút **INFO**)], đảm bảo rằng [Custom Quick Control screen (Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh)] được đánh dấu chọn (tr.444).
- Nhấn nút $\langle \text{INFO} \rangle$ để hiển thị màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.444) và kiểm tra bố cục.
- Nhấn nút $\langle \text{Q} \rangle$ để sử dụng màn hình điều khiển nhanh (tr.61).

Thiết lập lại màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh hoặc xóa tất cả các mục

Trong bước 2, khi chọn [**Revert layout to default (Trở về bố cục mặc định)**], màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh sẽ trở về bố cục mặc định. (tr.429).

Chọn [**Clear all items (Xóa tất cả các mục)**] sẽ xóa tất cả các mục đã đặt. Sau đó, màn hình sẽ thành trống.

Các mục sẵn có và kích cỡ hiển thị cho bố cục màn hình

(Số ô dọc x ngang)

Mục và kích cỡ	1x1	1x2	1x3	2x2	2x3
Shooting mode (Chế độ chụp)	☐			☐	
Shutter speed (Tốc độ màn trập)	☐	☐			
Aperture (Khẩu độ)	☐	☐			
ISO speed (Tốc độ ISO)	☐	☐			
Exposure compensation/AEB setting (Thiết lập bù trừ phơi sáng/AEB)	☐	☐	☐		
Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)	☐	☐	☐		
Picture Style (Kiểu ảnh)	☐		☐		
White balance (Cân bằng trắng)	☐	☐			
White balance shift/bracketing (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)	☐	☐			
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)	☐				
Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)	☐				
AF operation (Thao tác AF)	☐	☐			
AF point selection (Chọn điểm AF)	☐				☐
Metering mode (Chế độ đo sáng)	☐				
Drive mode (Kiểu chụp)	☐				
Recording function/card selection (Chức năng ghi/chọn thẻ)	☐	☐		☐	
Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)	☐	☐			☐
External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)	☐				
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)	☐				
Viewfinder grid (Khung lưới trong khung ngắm)	☐				
Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)	☐				

- Dựa trên các mục, số lượng thông tin có thể hiển thị cũng như chức năng có thể đặt cho điều khiển nhanh có thể khác nhau do kích cỡ hiển thị.
- Mục giống nhau không thể đặt ở nhiều vị trí trên màn hình.

<A⁺> Thiết lập chế độ và điều kiện hiển thị

Bạn cũng có thể đặt Điều khiển nhanh tùy chỉnh và hiển thị màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh trong chế độ <A⁺>.

Tuy nhiên, những chức năng không hiển thị trên màn hình menu trong chế độ <A⁺> như là [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] sẽ không xuất hiện trên màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh. Đồng thời, [ISO speed (Tốc độ ISO)] và những chức năng mà không thể thiết lập ở màn hình điều khiển nhanh trong chế độ <A⁺> sẽ chuyển thành màu xám.

- **Không hiển thị**

Bù trừ phơi sáng/AEB, Bù trừ phơi sáng flash, Thay đổi cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp, Điều khiển tùy chỉnh, Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài, Ưu tiên tông màu sáng

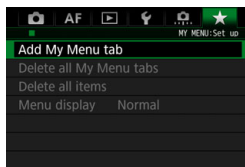
- **Màu xám** (không thể đặt với màn hình điều khiển nhanh)

Tốc độ màn trập, Khẩu độ, Tốc độ ISO, Kiểu ảnh, Cân bằng trắng, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Thao tác AF, Chọn điểm AF, Chế độ đo sáng

MENU Đăng ký Danh mục riêng ☆

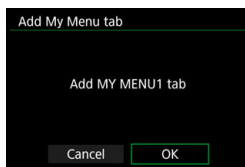
Trong tab Danh mục riêng, bạn có thể đăng ký các mục menu và chức năng tùy chỉnh mà bạn thường xuyên thay đổi thiết lập. Bạn cũng có thể đặt tên cho các tab menu đã đăng ký và nhấn nút <MENU> để hiển thị tab Danh mục riêng trước tiên.

Thêm tab Danh mục riêng



1 Chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)].

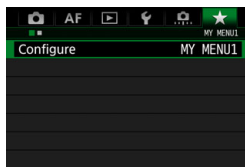
- Trong tab [★], chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

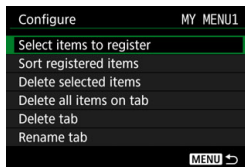
- Tab [MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)] được tạo.
- Bạn có thể tạo tối đa năm tab menu bằng cách lặp lại bước 1 và 2.

Đăng ký các mục menu trong tab Danh mục riêng

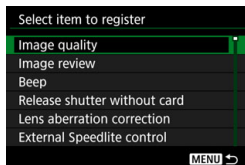


1 Chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG*)].

- Xoay nút xoay <MENU> để chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: DANH MỤC RIÊNG*)] (tab để đăng ký mục menu), rồi nhấn <SET>.



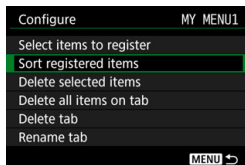
2 Chọn [Select items to register (Chọn mục để đăng ký)].



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn mục mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.
- Bạn có thể đăng ký tối đa sáu mục.
- Để trở về màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU>.

Thiết lập tab Danh mục riêng



Bạn có thể sắp xếp và xóa các mục trong tab menu cũng như đặt lại tên hoặc xóa tab menu.

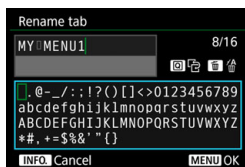
- **Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)**
Bạn có thể thay đổi thứ tự các mục đã đăng ký trong Danh mục riêng. Chọn [**Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)**] và chọn mục bạn muốn thay đổi thứ tự. Sau đó, nhấn <SET>. Khi biểu tượng [◆] hiển thị, xoay nút xoay <⦿> để thay đổi thứ tự, rồi nhấn <SET>.
- **Delete selected items (Xóa các mục đã chọn) / Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)**
Bạn có thể xóa mục đã đăng ký. [**Delete selected items (Xóa các mục đã chọn)**] sẽ xóa từng mục mỗi lần và [**Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)**] sẽ xóa tất cả các mục đã đăng ký.

● Delete tab (Xóa tab)

Bạn có thể xóa tab Danh mục riêng đang hiển thị. Chọn **[Delete tab (Xóa tab)]** để xóa tab **[MY MENU* (DANH MỤC RIÊNG*)]**.

● Rename tab (Đặt lại tên tab)

Bạn có thể đặt lại tên tab Danh mục riêng từ **[MY MENU* (DANH MỤC RIÊNG*)]**.



1 Chọn **[Rename tab (Đặt lại tên tab)]**.

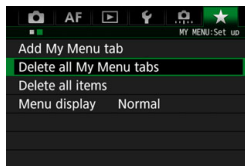
2 Nhập văn bản.

- Nhấn nút để xóa bất kỳ ký tự nào không cần thiết.
- Nhấn nút . Khung chữ sẽ được đánh dấu sáng màu và có thể bắt đầu nhập văn bản.
- Xoay nút xoay hoặc gạt nút để di chuyển và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn để nhập ký tự.
- Bạn có thể nhập tối đa 16 ký tự.

3 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút **<MENU>**, rồi chọn **[OK]**.
- ▶ Tên đã được lưu.

Xóa tất cả các tab Danh mục riêng / Xóa tất cả các mục

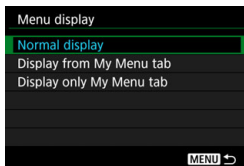


Bạn có thể xóa tất cả các tab Danh mục riêng và tắt cả các mục Danh mục riêng.

- **Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)**
 Bạn có thể xóa tất cả các tab Danh mục riêng. Khi chọn [**Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)**], tất cả tab từ [**MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)**] đến [**MY MENU5 (DANH MỤC RIÊNG 5)**] sẽ bị xóa và tab [★] sẽ trở về mặc định.
- **Delete all items (Xóa tất cả các mục)**
 Bạn có thể xóa tất cả các mục đăng ký trong tab [**MY MENU1 (DANH MỤC RIÊNG 1)**] đến [**MY MENU5 (DANH MỤC RIÊNG 5)**] và giữ lại tab. Tab menu sẽ được giữ lại. Khi chọn [**Delete all items (Xóa tất cả các mục)**], tất cả các mục đăng ký trong tab đã tạo sẽ bị xóa.

⚠ Nếu bạn thực hiện [**Delete tab (Xóa tab)**] hoặc [**Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)**], tên tab đã đặt lại với [**Rename tab (Đặt lại tên tab)**] cũng sẽ bị xóa.

Thiết lập hiển thị menu

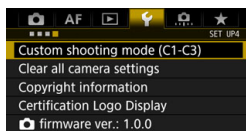


Bạn có thể chọn [**Menu display (Hiển thị menu)**] để thiết lập màn hình menu sẽ hiển thị trước tiên khi nhấn nút **<MENU>**.

- **Normal display (Hiển thị bình thường)**
Hiển thị màn hình menu đã hiển thị gần nhất.
- **Display from My Menu tab (Hiển thị từ tab Danh mục riêng)**
Hiển thị với tab [**★**] đã chọn
- **Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)**
Chỉ hiển thị tab [**★**]. (Các tab , **AF**, ,  và  sẽ không hiển thị.)

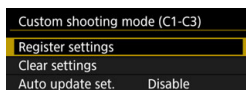
C1: Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh ☆

Bạn có thể đăng ký cài đặt hiện thời của máy ảnh, chẳng hạn như chế độ chụp, chức năng menu và thiết lập chức năng tùy chỉnh, như chế độ chụp tùy chỉnh tại vị trí <**C1**>, <**C2**> và <**C3**> của nút xoay chế độ.

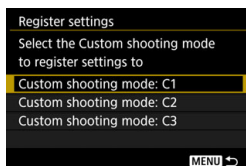


1 Chọn [**Custom shooting mode (C1-C3) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3))**].

- Trong tab [**4**], chọn [**Custom shooting mode (C1-C3) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3))**], rồi nhấn <**SET**>.



2 Chọn [**Register settings (Đăng ký thiết lập)**].



3 Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh.

- Chọn chế độ chụp tùy chỉnh để đăng ký, rồi nhấn <**SET**>.
- Chọn [**OK**] trên hộp thoại xác nhận.
- Cài đặt hiện tại của máy ảnh (tr.440-441) sẽ được đăng ký tại vị trí C* của nút xoay chế độ.

Cập nhật tự động

Nếu thay đổi thiết lập trong khi chụp ở chế độ <**C1**>, <**C2**> hoặc <**C3**>, chế độ chụp tùy chỉnh tương ứng sẽ tự động cập nhật để phản ánh thay đổi trong thiết lập. Để bật tự động cập nhật, ở bước 2 đặt [**Auto update set. (Cài đặt cập nhật tự động)**] thành [**Enable (Bật)**].

Hủy chế độ chụp tùy chỉnh đã đăng ký

Ở bước 2, nếu chọn [**Clear settings (Xóa cài đặt)**], Cài đặt của các chế độ tương ứng sẽ trở về cài đặt mặc định mà không có chế độ chụp tùy chỉnh nào được đăng ký.

Các thiết lập có thể đăng ký

● Shooting functions (Chức năng chụp)

Chế độ chụp, Tốc độ màn trập, Khẩu độ, Tốc độ ISO, Thao tác AF, Chế độ chọn vùng AF, Điểm AF, Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Lượng bù trừ phơi sáng, Lượng bù trừ phơi sáng flash

● Menu functions (Chức năng menu)

 **[1]** Chất lượng ảnh, Thời gian xem lại ảnh, Tiếng bíp, Nhả màn trập khi không lắp thẻ, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính, Đánh sáng flash, Đo sáng flash E-TTL II, Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av

 **[2]** Bù trừ phơi sáng/AEB, Thiết lập tốc độ ISO, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Cân bằng trắng, Cân bằng trắng tùy chỉnh, Thay đổi cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp, Không gian màu

 **[3]** Kiểu ảnh, Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Ưu tiên tông màu sáng, Ảnh ghép phơi sáng (thiết lập), Chế độ HDR (thiết lập)

 **[4]** Hẹn giờ ngắt quãng, Hẹn giờ bulb, Chụp chống nhấp nháy, Khóa gương lật, Crop/tỷ lệ cỡ ảnh

[5 (Chụp Live View)]

Chụp Live View, Phương pháp AF, Lấy nét liên tục, Hiển thị khung lưới, Mô phỏng phơi sáng

[6 (Chụp Live View)]

Chụp Live View ngắt tiếng, Hẹn giờ đo sáng

[4 (Phim)]

Lấy nét Servo phim, Phương pháp AF, Hiển thị khung lưới, Kích thước ghi phim, Ghi âm

[5 (Phim)]

Chụp Live View ngắt tiếng, Hẹn giờ đo sáng, Thời lượng ghi phim, Thời lượng chiếu phim, Điều khiển yên lặng, Chức năng nút , Phim time-lapse (thiết lập)

[AF1] Tình huống 1, Tình huống 2, Tình huống 3, Tình huống 4, Tình huống 5, Tình huống 6

[AF2] Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên, Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai

- [**AF3**] Lấy nét tay điện tử của ống kính, Đánh sáng tia giúp lấy nét, Lấy nét một lần ưu tiên nửa màn trập
- [**AF4**] Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động, Điểm AF có thể chọn, Chọn chế độ lựa chọn vùng AF, Phương pháp lựa chọn vùng AF, Điểm AF theo hướng chụp, Điểm AF ban đầu () Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF
- [**AF5**] Kiểu lựa chọn điểm AF bằng tay, Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét, Phát sáng hiển thị trong khung ngắm, Vi chỉnh AF
- [ **2**] Trình chiếu (thiết lập), Nhảy ảnh với 
- [ **3**] Cảnh báo dư sáng, Hiển thị điểm AF, Khung lưới khi xem, Hiển thị biểu đồ, Thời lượng chiếu phim, Hệ số phóng to (ước chừng)
- [**Y1**] Đánh số thứ tự tập tin, Xoay tự động, Thiết lập Eye-Fi
- [**Y2**] Tự động tắt nguồn, Độ sáng LCD, Hiển thị trong khung ngắm
- [**Y3**] Tự động làm sạch, Tùy chọn hiển thị nút **INFO**, Chức năng nút **RATE**
- [ **1**] Mức tăng phơi sáng, Mức tăng thiết lập tốc độ ISO, Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp, Thứ tự phơi sáng hỗn hợp, Số ảnh phơi sáng hỗn hợp, Chuyển an toàn, Phơi sáng giống nhau cho khẩu độ mới
- [ **2**] Đặt phạm vi tốc độ màn trập, phạm vi khẩu độ
- [ **3**] Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av, Khóa đa chức năng, Điều khiển tùy chỉnh, Thêm thông tin cắt ảnh, Tùy chọn xóa mặc định, Thu ống kính khi tắt nguồn



Thiết lập Danh mục riêng sẽ không được đăng ký trong chế độ chụp tùy chỉnh.



- Ngay cả khi đặt nút xoay chế độ thành <**1**>, <**2**> hoặc <**3**>, bạn vẫn có thể thay đổi thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu.
- Nhấn nút <**INFO**> để kiểm tra chế độ chụp được đăng ký trong <**1**>, <**2**> và <**3**> (tr.444-446).

[illegible]

14

Tham khảo

Chương này cung cấp thông tin tham khảo về tính năng máy ảnh, phụ kiện hệ thống, v.v...



Logo chứng nhận

Chọn [**F4: Certification Logo Display (Hiển thị Logo chứng nhận)**] rồi nhấn <SET> để hiển thị các logo chứng nhận của máy ảnh. Các logo chứng nhận khác có thể có trong Hướng dẫn sử dụng, trên thân máy và trên bao bì sản phẩm.

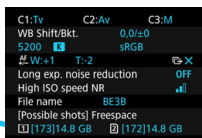
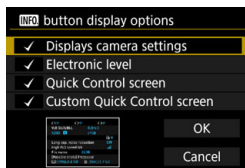
Chức năng nút INFO.



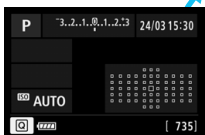
Khi máy ảnh sẵn sàng để chụp, nhấn nút <INFO.> có thể chuyển hiển thị như sau: Cài đặt máy ảnh, Cân bằng điện tử (tr.77), Màn hình điều khiển nhanh (tr.60) và Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh (tr.429).

Trong tab [F3], [INFO. button display options (Tùy chọn hiển thị nút INFO.)] cho phép lựa chọn các tùy chọn hiển thị khi nhấn nút <INFO.>.

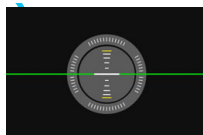
- Chọn tùy chọn mong muốn rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓].
- Sau khi chọn xong, chọn [OK].



Cài đặt máy ảnh



Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh



Cân bằng điện tử



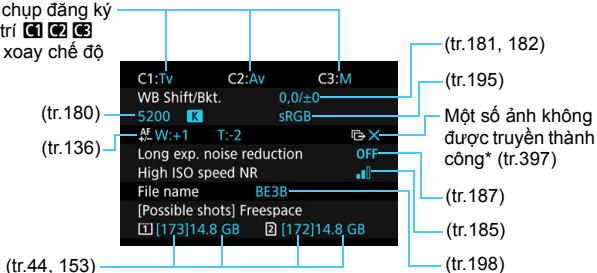
Màn hình điều khiển nhanh



- Nếu tắt nguồn trong khi cân bằng điện tử, màn hình điều khiển nhanh hoặc điều khiển nhanh tùy chỉnh đang hiển thị, các màn hình này sẽ xuất hiện lại khi bật nguồn. Để hủy chức năng này, nhấn nút **<INFO.>** một lúc cho đến khi màn hình trống, rồi tắt công tắc nguồn.
- Lưu ý rằng không thể bỏ dấu **[✓]** cho cả 4 tùy chọn hiển thị.
- Màn hình mẫu **[Displays camera settings (Hiển thị cài đặt máy ảnh)]** hiển thị bằng tiếng Anh cho tất cả ngôn ngữ.
- **[Electronic level (Cân bằng điện tử)]** sẽ không hiển thị nếu không được chọn, nhưng sẽ hiển thị khi chụp Live View và quay phim khi bạn nhấn nút **<INFO.>**.
- Khi màn hình điều khiển nhanh hoặc màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh hiển thị, nhấn nút **<Q>** để có thể thiết lập chức năng với Điều khiển nhanh (tr.61).

Cài đặt máy ảnh

Chế độ chụp đăng ký
dưới vị trí **C1** **C2** **C3**
của nút xoay chế độ
(tr.439)



* Biểu tượng này hiển thị khi có một số ảnh không được truyền thành công.

Màn hình điều khiển nhanh

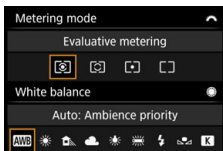


Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh

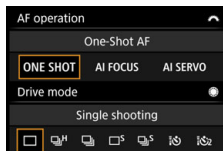
Để tìm hiểu về màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh, tham khảo trang 429.

Nút chức năng cho màn hình điều khiển nhanh và điều khiển nhanh tùy chỉnh

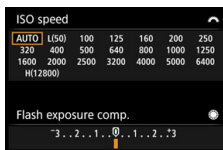
Khi nhấn nút <WB••ISO> hoặc <



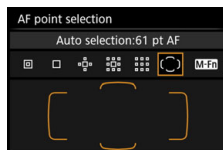
Chế độ đo sáng / Cân bằng trắng



Thao tác AF / Kiểu chụp



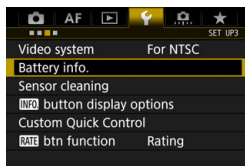
Tốc độ ISO /
Bù trừ phơi sáng flash



Chọn điểm AF

MENU Kiểm tra thông tin pin

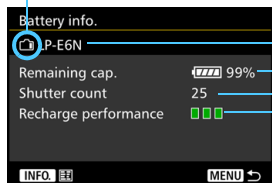
Bạn có thể kiểm tra lượng pin trên màn hình LCD. Mỗi Pin LP-E6N/LP-E6 đều có số sê-ri riêng, bạn có thể đăng ký nhiều pin với máy ảnh. Khi sử dụng tính năng này, bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại và lịch sử sử dụng của pin đã đăng ký.



Chọn [Battery info. (Thông tin pin)].

- Trong tab [43], chọn [**Battery info. (Thông tin pin)**], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình thông tin pin sẽ xuất hiện.

Vị trí pin



Kiểu pin và nguồn điện gia đình được sử dụng.

Thang đo mức pin (tr.48) hiển thị lượng pin còn lại với mức tăng 1%.

Số ảnh có thể chụp với mức pin hiện tại. Số ảnh có thể chụp sẽ được cài đặt lại khi pin được sạc.

Hiệu suất sạc của pin được hiển thị theo một trong 3 mức.

■■■ (Xanh lá cây): Hiệu suất sạc tốt.

■■■ (Xanh lá cây): Hiệu suất sạc bị giảm sút.

■■■ (Đỏ): Bạn nên mua pin mới.



Bạn nên sử dụng Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng của Canon. Dùng pin không chính hãng của Canon sẽ khiến máy ảnh không đạt được hiệu suất cao nhất hoặc gặp trục trặc.



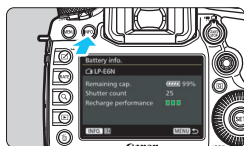
- Số lần chụp là số ảnh đã chụp. (Không bao gồm phim.)
- Thông tin của Pin LP-E6N/LP-E6 khi sử dụng với Bảng pin BG-E11 (bán riêng) cũng được hiển thị. Nếu sử dụng pin AA/R6, chỉ có mức pin còn lại hiển thị.



Nếu xuất hiện thông báo lỗi nhận pin, thực hiện theo hướng dẫn trong thông báo.

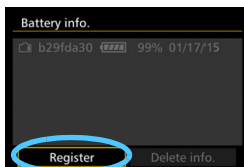
Đăng ký pin với máy ảnh

Bạn có thể đăng ký tối đa 6 Pin LP-E6N/LP-E6 với máy ảnh. Để đăng ký nhiều pin với máy ảnh, thực hiện theo quy trình dưới đây đối với từng pin.



1 Nhấn nút <INFO.>.

- Khi màn hình hiển thị thông tin pin xuất hiện, nhấn nút <INFO.>.
- ▶ Màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện.
- ▶ Nếu pin chưa được đăng ký, màn hình sẽ hiển thị màu xám.



2 Chọn [Register (Đăng ký)].

- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.

3 Chọn [OK].

- ▶ Pin sẽ được đăng ký và màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Số pin tô xám sẽ chuyển sang màu trắng.
- Nhấn nút <MENU>. Màn hình hiển thị thông tin pin sẽ xuất hiện lại.

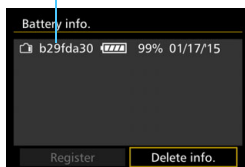


- Không thể đăng ký pin nếu máy ảnh có lắp Bảng pin BG-E11 (bán riêng) sử dụng pin AA/R6 hoặc được cấp nguồn bởi Bộ nguồn DC DR-E6 (bán riêng) và Bộ điều hợp AC AC-E6N (bán riêng).
- Nếu đã đăng ký 6 pin, không thể chọn [Register (Đăng ký)]. Để xóa thông tin pin không cần thiết, tham khảo trang 451.

Ghi nhãn số sê-ri trên pin

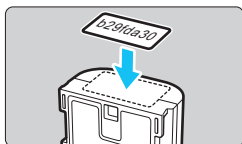
Sử dụng nhãn ghi bán trên thị trường để ghi nhãn Pin LP-E6N/LP-E6 đã đăng ký theo số sê-ri của pin.

Số sê-ri



1 Ghi số sê-ri trên nhãn.

- Ghi số sê-ri hiển thị trên màn hình lịch sử sử dụng pin trên nhãn có kích thước khoảng 25 mm x 15 mm / 1,0 in. x 0,6 in.



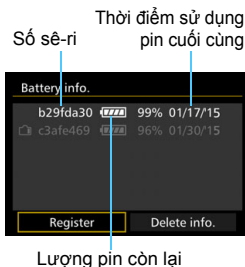
2 Tháo pin và dán nhãn.

- Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**.
- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo pin.
- Dán nhãn theo hình minh họa (trên mặt không có tiếp xúc điện).
- Lặp lại quy trình này với tất cả các pin để dễ dàng xem số sê-ri của pin.

- Không dán nhãn trên các phần khác của pin ngoài bộ phận minh họa trong hình ở bước 2. Dán nhãn không đúng cách sẽ khiến khó lắp pin hoặc không thể khởi động máy ảnh.
- Nếu sử dụng Bảng pin BG-E11 (bán riêng), nhãn có thể bị bong nếu bạn tháo lắp pin thường xuyên. Nếu nhãn bị bong, thay nhãn mới.

Kiểm tra lượng pin còn lại của pin đã đăng ký

Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại của pin (kể cả pin không lắp trong máy) cũng như thời điểm sử dụng pin cuối cùng.



Tìm số sê-ri.

- Tham khảo nhãn ghi số sê-ri của pin và tìm số sê-ri trên màn hình lịch sử sử dụng pin.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại của pin tương ứng cũng như thời điểm sử dụng pin cuối cùng.

Xóa thông tin pin đã đăng ký

1 Chọn [Delete info. (Xóa thông tin)].

- Thực hiện theo bước 2 ở trang 449 để chọn [Delete info. (Xóa thông tin)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn thông tin pin cần xóa.

- Chọn thông tin pin cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ xuất hiện.
- Để xóa thông tin của pin khác, lặp lại các bước trên.

3 Nhấn nút <⏏>.

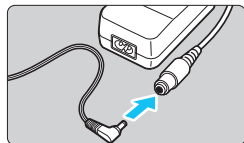
- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.

4 Chọn [OK].

- ▶ Thông tin pin sẽ được xóa và màn hình ở bước 1 sẽ xuất hiện lại.

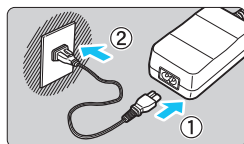
Sử dụng ổ điện gia đình

Bạn có thể sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 và Bộ điều hợp AC AC-E6N (cả hai đều bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh bằng ổ điện gia đình.



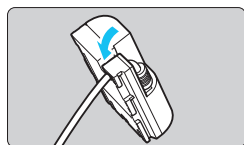
1 Kết nối bộ nối nguồn DC.

- Kết nối bộ nối nguồn DC với khe cắm của bộ điều hợp AC.



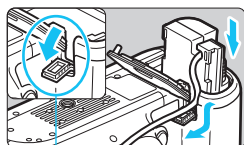
2 Kết nối dây nguồn.

- Cắm dây nguồn như hình minh họa.
- Sau khi sử dụng máy ảnh, rút phích cắm khỏi ổ điện.



3 Đặt dây nguồn vào rãnh cắm.

- Cẩn thận lắp dây nguồn của bộ nối nguồn DC để không làm hỏng dây.



Hốc dây của bộ nối nguồn DC

4 Lắp bộ nối nguồn DC.

- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo nắp hốc dây của bộ nối nguồn DC.
- Cẩn thận cắm bộ nối nguồn DC đến khi cắm chặt và đặt dây nguồn qua hốc dây.
- Đóng nắp.

! Không cắm hoặc rút dây nguồn hoặc bộ nối nguồn DC khi đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành **<ON>**.

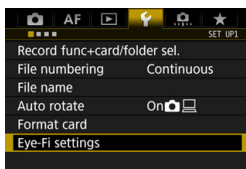
Sử dụng thẻ Eye-Fi

Sau khi cài đặt thẻ Eye-Fi bán trên thị trường, bạn có thể tự động truyền ảnh đã chụp đến máy tính cá nhân hoặc tải lên dịch vụ trực tuyến qua mạng LAN không dây.

Truyền ảnh là chức năng của thẻ Eye-Fi. Để tìm hiểu hướng dẫn về cách cài đặt và sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc để khắc phục các vấn đề trực tiếp về truyền ảnh, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc liên hệ với nhà sản xuất thẻ.

 **Máy ảnh không đảm bảo hỗ trợ các chức năng thẻ Eye-Fi (bao gồm truyền không dây). Trong trường hợp thẻ Eye-Fi gặp trục trặc, vui lòng liên hệ nhà sản xuất thẻ. Ngoài ra, lưu ý rằng tại nhiều quốc gia hoặc khu vực, việc sử dụng thẻ Eye-Fi phải được phê chuẩn. Nếu không được phê chuẩn, không được phép sử dụng thẻ này. Nếu không chắc chắn thẻ có được phê chuẩn để sử dụng tại khu vực sở tại, xác nhận lại với nhà sản xuất thẻ.**

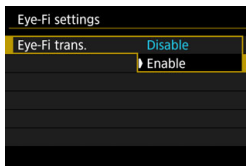
1 Lắp thẻ Eye-Fi (tr.43).



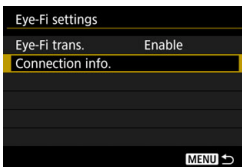
2 Chọn [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)].

- Trong tab [ 1], chọn [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)], rồi nhấn <SET>.
- Menu này chỉ hiển thị khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh.

3 Bật truyền Eye-Fi.



- Chọn [Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Nếu đặt [Disable (Tắt)], quá trình truyền tự động sẽ không thực hiện được ngay cả khi cắm thẻ Eye-Fi (biểu tượng trạng thái truyền ).



4 Hiển thị thông tin kết nối.

- Chọn [**Connection info. (Thông tin kết nối)**], rồi nhấn <SET>.



5 Kiểm tra [Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)].

- Kiểm tra xem điểm truy cập có hiển thị [**Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)**] hay không.
- Ngoài ra, bạn có thể kiểm tra phiên bản firmware và địa chỉ MAC của thẻ Eye-Fi.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.



Trạng thái truyền

6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh được truyền và biểu tượng [📶] chuyển từ màu xám (không kết nối) sang một trong các biểu tượng dưới đây.
- Biểu tượng [📶] sẽ xuất hiện trong thông tin chụp cho biết ảnh đã truyền (tr.325).

📶 (Màu xám) **Not connected (Không kết nối):**

Không kết nối với điểm truy cập.

📶 (Nhấp nháy) **Connecting... (Đang kết nối...):**

Đang kết nối với điểm truy cập.

📶 (Sáng) **Connected (Đã kết nối):**

Đã kết nối với điểm truy cập.

📶 (↑) **Transferring... (Đang truyền...):**

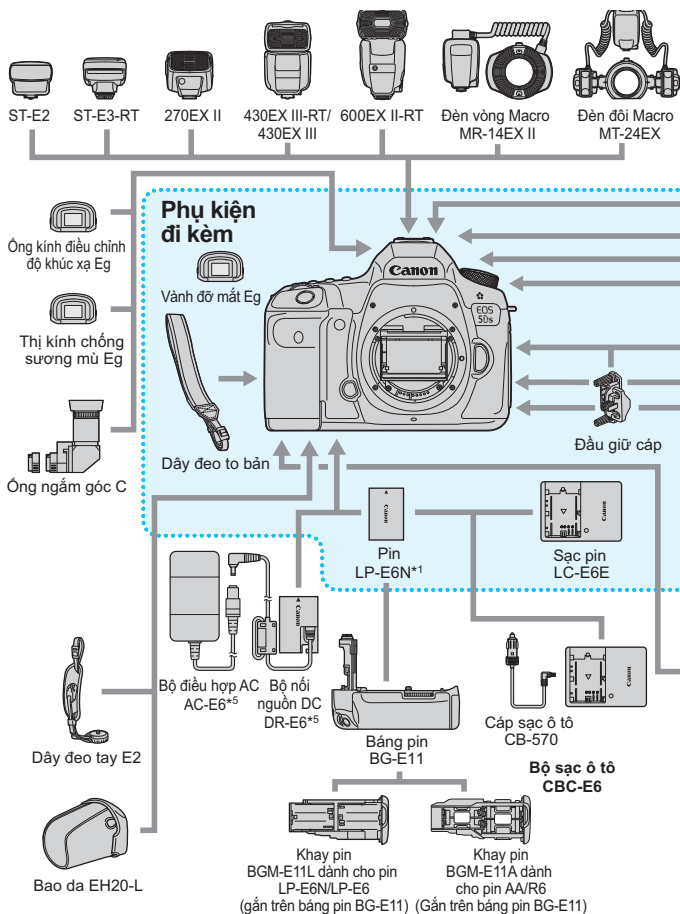
Đang truyền ảnh đến điểm truy cập.

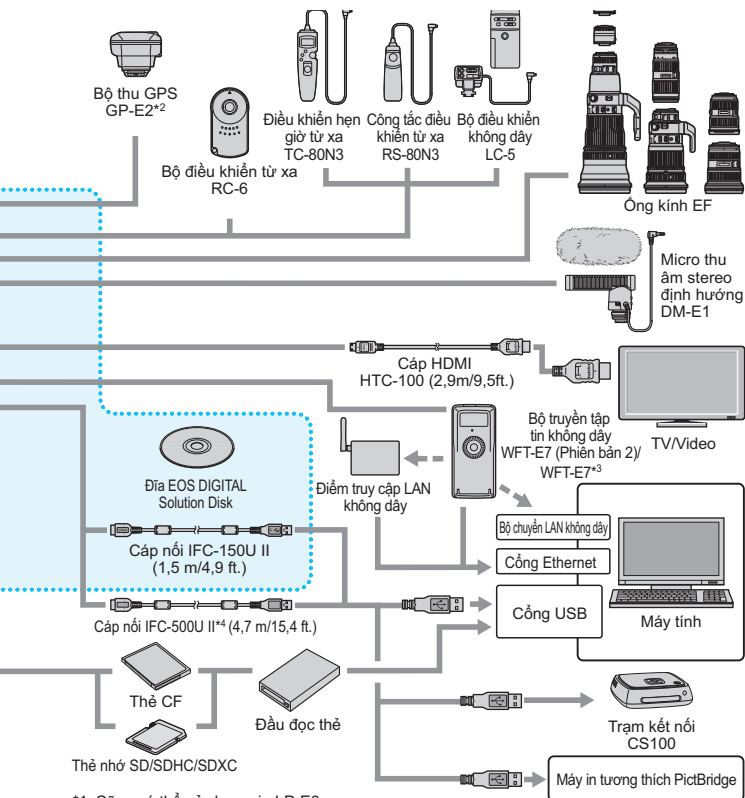


Thận trọng khi sử dụng thẻ Eye-Fi

- Biểu tượng “” biểu thị đã xảy ra lỗi trong khi truy xuất thông tin thẻ. Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.
- Ngay cả khi đặt [**Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**] thành [**Disable (Tắt)**], thẻ vẫn có thể truyền tín hiệu. Tại bệnh viện, sân bay và một số nơi cấm truyền Wi-Fi, vui lòng tháo thẻ Eye-Fi khỏi máy ảnh.
- Nếu chức năng truyền ảnh không hoạt động, kiểm tra thẻ Eye-Fi và thiết lập của máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ.
- Tùy thuộc vào điều kiện kết nối của mạng LAN không dây, quá trình truyền ảnh có thể bị kéo dài hoặc có thể gián đoạn.
- Thẻ Eye-Fi có thể nóng lên khi truyền.
- Pin sẽ tiêu hao nhanh hơn.
- Trong khi truyền ảnh, chức năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Nếu sử dụng thẻ LAN không dây khác ngoài thẻ Eye-Fi, [**Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**] sẽ không xuất hiện. Ngoài ra, biểu tượng trạng thái truyền <> cũng sẽ không xuất hiện.

Sơ đồ hệ thống





*1: Cũng có thể sử dụng pin LP-E6.

*2: Để sử dụng GP-E2 với cáp, cần cập nhật firmware của GP-E2 lên phiên bản 2.0.0 hoặc mới hơn và sử dụng Cáp IFC-40AB II hoặc Cáp IFC-150AB II.

*3: Để sử dụng WFT-E7 model cũ hơn (không phải phiên bản 2), cần cập nhật firmware của WFT-E7 và sử dụng Cáp IFC-40AB II hoặc Cáp IFC-150AB II.

*4: Với IFC-500U II, tốc độ kết nối sẽ tương đương với Hi-Speed USB (USB 2.0).

*5: Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E6.

* Độ dài của tất cả cáp được nêu chỉ mang tính tương đối.

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

Chụp ảnh

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		[A] ⁺	P	Tv	Av	M	B
Tắt cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn		○	○	○	○	○	○
Crop/aspect ratio (Crop/tỷ lệ cơ ảnh)			○	○	○	○	○
ISO speed (Tốc độ ISO)	Tự động đặt/ISO tự động	●	○	○	○	○	○
	Thiết lập bằng tay		○	○	○	○	○
Picture Style (Kiểu ảnh)	Tự động đặt/Tự động	●	○	○	○	○	○
	Chọn bằng tay		○	○	○	○	○
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động	●	○	○	○	○	○
	Đặt trước		○	○	○	○	○
	Tùy chỉnh		○	○	○	○	○
	Thiết lập nhiệt độ màu		○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh/Phối sáng hỗn hợp		○	○	○	○	○
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)		●	○	○	○	○	○
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)			○	○	○	○	○
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)		●	○	○	○	○	○
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)			○	○	○	○	○
Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	○	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh sắc sai	○	○	○	○	○	○
Anti-flicker shooting (Chụp chống nhấp nháy) ^{*1}		●	○	○	○	○	○
Color space (Không gian màu)	sRGB	●	○	○	○	○	○
	Adobe RGB		○	○	○	○	○
AF (Lấy nét tự động)	Lấy nét một lần ^{*1}		○	○	○	○	○
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục ^{*1}		○	○	○	○	○
	Tự động lấy nét AI ^{*1}	●	○	○	○	○	○
	Chế độ chọn vùng AF ^{*1}		○	○	○	○	○
	Điểm AF	●	○	○	○	○	○
	Lấy nét tay (MF)	○	○	○	○	○	○
	Vị chỉnh AF ^{*1}		○	○	○	○	○
	⌂ (khuôn mặt)+Theo dõi ^{*2}	○	○	○	○	○	○
	Vùng linh hoạt - 1 điểm ^{*2}	○	○	○	○	○	○
	Lấy nét liên tục ^{*2}	○	○	○	○	○	○

Chức năng		$\overline{A}^+$	P	Tv	Av	M	B
Metering (Đo sáng)	Đo sáng toàn khung ảnh	●	○	○	○	○	○
	Đo sáng từng phần		○	○	○	○	○
	Đo sáng điểm		○	○	○	○	○
	Đo sáng trung bình trung tâm		○	○	○	○	○
Exposure (Phơi sáng)	Thay đổi chương trình		○				
	Lượng bù trừ phơi sáng		○	○	○	○ ^{*3}	
	AEB		○	○	○	○	
	Khóa phơi sáng		○	○	○	○ ^{*4}	
	Xem trước độ sâu trường ảnh		○	○	○	○	○
	Chụp HDR		○	○	○	○	
	Ảnh ghép phơi sáng		○	○	○	○	○
	Hẹn giờ ngắt quãng ^{*1}	○	○	○	○	○	
	Hẹn giờ bulb						○
Drive (Kiểu chụp)	Khóa gương lật ^{*1}		○	○	○	○	○
	Chụp từng ảnh	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ thấp	○	○	○	○	○	○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng	○	○	○	○	○	○
	Hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
External Speedlite (Đèn Speedlite gắn ngoài)	Hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Bù trừ phơi sáng flash		○	○	○	○	○
	Khóa phơi sáng flash ^{*1}		○	○	○	○	○
	Thiết lập chức năng		○	○	○	○	○
Live View shooting (Chụp Live View)	Thiết lập chức năng tùy chỉnh		○	○	○	○	○
		○	○	○	○	○	○
Quick Control (Điều khiển nhanh)		○	○	○	○	○	○

*1: Chỉ có thể cài đặt khi chụp với khung ngắm.

*2: Chỉ có thể cài đặt khi chụp Live View.

*3: Chỉ có thể cài đặt khi thiết lập ISO tự động.

*4: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

Quay phim

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		Phim					Ảnh ¹			
Tất cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn (phim)										
Tất cả các cài đặt chất lượng ảnh có thể chọn (ảnh)										
Time-lapse movie (Phim time-lapse)										
ISO speed (Tốc độ ISO)	Tự động đặt/ISO tự động									
	Thiết lập bằng tay									
Picture Style (Kiểu ảnh)	Tự động đặt/Tự động									
	Chọn bằng tay									
White balance (Cân bằng trắng)	Tự động									
	Đặt trước									
	Tùy chỉnh									
	Thiết lập nhiệt độ màu									
	Hiệu chỉnh									
	Hỗn hợp									
Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)										
Long exposure noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)										
High ISO speed noise reduction (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao) ²										
Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)										
Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi									
	Hiệu chỉnh sắc sai									
Color space (Không gian màu)	sRGB									
	Adobe RGB									
AF (Lấy nét tự động)	+Theo dõi									
	Vùng linh hoạt - 1 điểm									
	Lấy nét tay (MF)									
	Lấy nét Servo phim									

Chức năng		Phim					Ảnh ^{*1}			
Metering (Đo sáng)		●	●	●	●	●	●	●		●
Exposure (Phơi sáng)	Thay đổi chương trình									
	Khóa phơi sáng		○	○	○	*3		○		*3
	Lượng bù trừ phơi sáng		○	○	○	○ ^{*4}		○		○ ^{*4}
	AEB									
	Xem trước độ sâu trường ảnh									
Drive (Kiểu chụp)	Chụp từng ảnh						○	○		○
	Chụp liên tục tốc độ cao						○	○		○
	Chụp liên tục tốc độ thấp						○	○		○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng						○	○		○
	Chụp liên tục ngắt tiếng						○	○		○
	Hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa ^{*5}						○	○		○
	Hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa ^{*5}						○	○		○
External Speedlite (Đèn Speedlite gắn ngoài)										
Sound recording (Ghi âm)		○	○	○	○	○				
Time code (Mã thời gian)		○	○	○	○	○				
Quick Control (Điều khiển nhanh)		○	○	○	○	○	○	○		○

*1: Biểu thị chụp ảnh khi đang quay phim.

*2: Không thể thiết lập Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.

*3: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

*4: Chỉ có thể thiết lập khi thiết lập ISO tự động.

*5: Chỉ hoạt động trước khi bắt đầu quay phim.

Thiết lập menu

Chụp bằng khung ngắm và chụp Live View

📷: Chụp 1 (Đỏ)

Trang

EN		
Image quality	RAW / M RAW / S RAW	151
	L / L / M1 / M1 / M2 / M2 / S1 / S1 / S2 / S3	
Image review time	Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold	70
Beep	Enable / Disable	69
Release shutter without card	Enable / Disable	44
Lens aberration correction	Peripheral illumination: Enable / Disable	190
	Chromatic aberration: Enable / Disable	
External Speedlite control	Flash firing / E-TTL II metering / Flash sync. speed in Av mode / Flash function settings / Flash C.Fn settings / Clear settings	249

VN		
Chất lượng ảnh	RAW / M RAW / S RAW	151
	L / L / M1 / M1 / M2 / M2 / S1 / S1 / S2 / S3	
Thời gian xem lại ảnh	Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ	70
Bíp	Bật / Tắt	69
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	Bật / Tắt	44
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	Ánh sáng vùng ngoại vi: Bật / Tắt	190
	Sắc sai: Bật / Tắt	
Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài	Đánh sáng flash / Đo sáng E-TTL II / Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av / Thiết lập chức năng flash / Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash / Xóa cài đặt	249



- Tùy chọn menu được tô bóng không hiển thị trong chế độ <[A]⁺>.
- Chức năng hiển thị trong tab [📷 1: Image quality (Chất lượng ảnh)] tùy thuộc vào thiết lập [Record func. (Chức năng ghi)] (tr.148) trong tab [📷 1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)]. Nếu đặt [Rec. separately (Ghi riêng)], hãy đặt chất lượng ảnh cho từng thẻ.
- Khi quay phim, một số mục menu sẽ không hiển thị. Ngoài ra, tab [📷 6] cũng sẽ không xuất hiện.

📷: Chụp 2 (Đỏ)

Trang

EN		
Exposure compensation/ AEB setting*	1/3- and 1/2-stop increments, ± 5 stops (AEB ± 3 stops)	216 217
ISO speed settings	ISO speed / ISO speed range / Auto ISO range / Minimum shutter speed	160
Auto Lighting Optimizer	Disable / Low / Standard / High Disabled in M or B modes	184
White balance	 (Ambience priority) /  (White priority) /  /  /  /  /  /  /  (Approx. 2500 - 10000)	176
Custom White Balance	Manual setting of white balance	178
White Balance Shift/ Bracketing	White balance correction: B/A/M/G bias, 9 levels each White balance bracketing: B/A and M/G bias, single-level increments, ± 3 levels	181
Color space	sRGB / Adobe RGB	195

VN		
Thiết lập bù trừ phơi sáng/AEB*	Điều chỉnh với mức tăng 1/3 điểm dừng hoặc 1/2 điểm dừng trong khoảng ± 5 điểm dừng (AEB ± 3 điểm dừng)	216 217
Thiết lập tốc độ ISO	Tốc độ ISO / Phạm vi tốc độ ISO / Phạm vi ISO tự động / Tốc độ màn trập tối thiểu	160
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao Tắt trong chế độ M hoặc B	184
Cân bằng trắng	 (Ưu tiên môi trường) /  (Ưu tiên màu trắng) /  /  /  /  /  /  /  (Khoảng 2500 - 10000)	176
Cân bằng trắng tùy chỉnh	Thiết lập cân bằng trắng bằng tay	178
Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp	Hiệu chỉnh cân bằng trắng: chênh lệch B/A/M/G, mỗi màu có 9 mức chỉnh Cân bằng trắng hỗn hợp: chênh lệch B/A và M/G, tăng mức đơn theo ± 3 mức	181
Không gian màu	sRGB / Adobe RGB	195

* Khi quay phim, [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] sẽ chuyển thành [Exposure comp. (Bù trừ phơi sáng)].

📷: Chụp 3 (Đỏ)

Trang

EN		
Picture Style	Auto / Standard / Portrait / Landscape / Fine Detail / Neutral / Faithful / Monochrome / User Def. 1-3	166
Long exposure noise reduction	Disable / Auto / Enable	187
High ISO speed noise reduction	Disable / Low / Standard / High / Multi Shot Noise Reduction	185
Highlight tone priority	Disable / Enable	189
Dust Delete Data	Obtain data to be used by EOS software to delete dust spots	377
Multiple exposure	Multiple exposure / Multiple exposure control / Number of exposures / Save source images / Continue multiple exposure	228
HDR Mode	Adjust dynamic range / Effect / Continuous HDR / Auto Image Align / Save source images	223

VN		
Kiểu ảnh	Tự động / Tiêu chuẩn / Chân dung / Phong cảnh / Chi tiết nhỏ / Trung tính / Chân thực / Đơn sắc / Người dùng xác định. 1-3	166
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu	Tắt / Tự động / Bật	187
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao / Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu	185
Ưu tiên tông màu sáng	Tắt / Bật	189
Dữ liệu xóa bụi	Sử dụng phần mềm EOS để lấy dữ liệu sẽ dùng để xóa chấm bụi	377
Ảnh ghép phơi sáng	Ảnh ghép phơi sáng / Điều khiển cách ghép ảnh / Số lượng ảnh / Lưu ảnh gốc / Tiếp tục chụp ảnh ghép phơi sáng	228
Chế độ HDR	Điều chỉnh dải tương phản động / Hiệu ứng / HDR liên tục / Tự động căn chỉnh ảnh / Lưu ảnh gốc	223

📷: Chụp 4* (Đỏ)

Trang

EN		
Interval timer	Disable / Enable (Interval / Number of shots)	241
Bulb timer	Disable / Enable (Exposure time)	221
Anti-flicker shooting	Disable / Enable	193
Mirror lockup	Disable / Press  twice to shoot / Shoot 1/8 sec after press / Shoot 1/4 sec after press / Shoot 1/2 sec after press / Shoot 1 sec. after press / Shoot 2 sec. after press	236
Crop/aspect ratio	Full-frame / 1.3x (crop) / 1.6x (crop) / 1:1 (aspect ratio) / 4:3 (aspect ratio) / 16:9 (aspect ratio)	156

VN		
Hẹn giờ ngắt quãng	Tắt / Bật (Quãng chụp / Số lượng ảnh)	241
Hẹn giờ bulb	Tắt / Bật (Thời gian phơi sáng)	221
Chụp chống nhấp nháy	Tắt / Bật	193
Khóa gương lật	Tắt / Nhấn nút  hai lần để chụp / Chụp sau khi nhấn nút 1/8 giây / Chụp sau khi nhấn nút 1/4 giây / Chụp sau khi nhấn nút 1/2 giây / Chụp sau khi nhấn nút 1 giây / Chụp sau khi nhấn nút 2 giây	236
Crop/tỷ lệ cỡ ảnh	Toàn khung hình / 1,3x (crop) / 1,6x (crop) / 1:1 (tỷ lệ cỡ ảnh) / 4:3 (tỷ lệ cỡ ảnh) / 16:9 (tỷ lệ cỡ ảnh)	156

* Trong chế độ <+>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [2].

📷: Chụp 5* (Đỏ)

Trang

EN		
Live View shooting	Enable / Disable	259
AF method	'L'+Tracking / FlexiZone - Single	270
Continuous AF	Disable / Enable	266
Grid display	Off / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+diag 田田	267
Exposure simulation	Enable / During 露光 / Disable	267

VN		
Chụp Live View	Bật / Tắt	259
Phương pháp AF	'L'+Theo dõi / Vùng linh hoạt - 1 điểm	270
Lấy nét liên tục	Tắt / Bật	266
Hiển thị khung lưới	Tắt / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+chéo 田田	267
Mô phỏng phơi sáng	Bật / Trong khi 露光 / Tắt	267

* Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [📷3].

📷: Chụp 6 (Đỏ)

EN		
Silent LV shooting	Mode 1 / Mode 2 / Disable	268
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	269

VN		
Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1 / Chế độ 2 / Tắt	268
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	269

AF: AF1 (Tím)

Trang

EN		
Case 1	Versatile multi purpose setting	112
Case 2	Continue to track the subjects, ignoring possible obstacles	112
Case 3	Instantly focus on subjects suddenly entering AF points	113
Case 4	For subjects that accelerate or decelerate quickly	113
Case 5	For erratic subjects moving quickly in any direction	114
Case 6	For subjects that change speed and move erratically	115

VN		
Tình huống 1	Cài đặt đa mục đích linh hoạt	112
Tình huống 2	Tiếp tục theo dõi chủ thể, bỏ qua chướng ngại vật có thể xuất hiện	112
Tình huống 3	Lấy nét ngay chủ thể đột ngột tiến vào điểm AF	113
Tình huống 4	Đối với chủ thể tăng/giảm tốc nhanh	113
Tình huống 5	Đối với chủ thể di chuyển nhanh thất thường theo bất kỳ hướng nào	114
Tình huống 6	Đối với chủ thể thay đổi tốc độ và di chuyển tự do	115

AF: AF2 (Tím)

Trang

EN		
AI Servo 1st image priority	Release priority / Equal priority / Focus priority	120
AI Servo 2nd image priority	Shooting speed priority / Equal priority / Focus priority	121

VN		
Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên	Ưu tiên nhả màn trập / Ưu tiên cân bằng / Ưu tiên lấy nét	120
Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai	Ưu tiên tốc độ chụp / Ưu tiên cân bằng / Ưu tiên lấy nét	121

AF: AF3 (Tím)

EN		
Lens electronic MF	Enable after One-Shot AF / Disable after One-Shot AF / Disable in AF mode	122
AF-assist beam firing	Enable / Disable / IR AF assist beam only	123
One-Shot AF release priority	Release priority / Focus priority	124

VN		
Lấy nét tay điện tử của ống kính	Bật sau khi lấy nét một lần / Tắt sau khi lấy nét một lần / Tắt trong chế độ AF	122
Đánh sáng tia giúp lấy nét	Bật / Tắt / Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại	123
Lấy nét một lần ưu tiên nhả màn trập	Ưu tiên nhả màn trập / Ưu tiên lấy nét	124

AF: AF4 (Tím)

Trang

EN		
Lens drive when AF impossible	Continue focus search / Stop focus search	125
Selectable AF point	61 points / Only cross-type AF points / 15 points / 9 points	126
Select AF area selection mode	Manual selection: Spot AF / Manual selection: 1 point AF / Expand AF area: / Expand AF area: Surround / Manual selection: Zone AF / Auto selection: 61 point AF	127
AF area selection method	→ M-Fn button / → Main Dial	128
Orientation linked AF point	Same for both vertical/horizontal / Separate AF points: Area+point / Separate AF points: Point only	128
Initial AF point, AI Servo AF	Initial AF point selected / Manual AF point / Auto	130
Auto AF point selection: EOS iTR AF	Enable / Disable	131

VN		
Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động	Tiếp tục tìm kiếm lấy nét / Dừng tìm kiếm lấy nét	125
Điểm AF có thể chọn	61 điểm / Chỉ điểm AF chữ thập / 15 điểm / 9 điểm	126
Chọn chế độ lựa chọn vùng AF	Chọn bằng tay: AF chấm điểm / Chọn bằng tay: AF 1 điểm / Mở rộng vùng AF: / Mở rộng vùng AF: Bao quanh / Chọn bằng tay: AF theo vùng / Chọn tự động: AF 61 điểm	127
Phương pháp lựa chọn vùng AF	→ Nút M-Fn / → Nút xoay chính	128
Điểm AF theo hướng chụp	Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc / Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm / Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm	128
Điểm AF ban đầu, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục	Điểm AF đã chọn ban đầu / Điểm AF chọn bằng tay / Tự động	130
Chọn điểm AF tự động: EOS iTR AF	Bật / Tắt	131

AF: AF5 (Tím)

Trang

EN		
Manual AF point selection pattern	Stops at AF area edges / Continuous	132
AF point display during focus	Selected (constant) / All (constant) / Selected (pre-AF, focused) / Selected (focused) / Disable display	133
VF display illumination	Auto / Enable / Disable	134
	AF point during AI Servo AF: Non illuminated / Illuminated	
AF Microadjustment	Disable / All by same amount / Adjust by lens	136

VN		
Kiểu lựa chọn điểm AF bằng tay	Dừng ở rìa vùng AF / Liên tục	132
Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét	Đã chọn (không đổi) / Tất cả (không đổi) / Đã chọn (trước AF, lấy được nét) / Đã chọn (lấy được nét) / Tất hiển thị	133
Phát sáng hiển thị trong khung ngắm	Tự động / Bật / Tắt	134
	Điểm AF trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục: Không phát sáng / phát sáng	
Vi chỉnh AF	Tắt / Tắt cả với cùng một lượng / Điều chỉnh theo ống kính	136

▶: **Phát lại 1** (Xanh da trời)

Trang

EN		
Protect images	Protect images	336
Rotate image	Rotate images	335
Erase images	Erase images	360
Print order	Specify images to be printed (DPOF)	394
Photobook Set-up	Specify images for a photobook	399
Image copy	Copy images between cards	356
RAW image processing	Process RAW images	366

VN		
Bảo vệ ảnh	Bảo vệ ảnh	336
Xoay ảnh	Xoay ảnh	335
Xóa ảnh	Xóa ảnh	360
Lệnh in	Chỉ ra các ảnh được in (DPOF)	394
Lập sách ảnh	Chỉ định ảnh cho sách ảnh	399
Sao chép ảnh	Sao chép ảnh giữa các thẻ	356
Xử lý ảnh RAW	Xử lý ảnh RAW	366

▶: **Phát lại 2** (Xanh da trời)

Trang

EN		
Cropping	Partially crop JPEG images	373
Resize	Downsize JPEG image's pixel count	371
Rating	[OFF] / [★] / [★★] / [★★★] / [★★★★] / [★★★★★]	339
Slide show	Set playback description / Display time / Repeat, and start auto playback	350
Image transfer	Image selection/transfer / RAW+JPEG transfer	397
Image jump w/ 	1 image / 10 images / 100 images / Date / Folder / Movies / Stills / Protect / Rating	330

VN		
Cắt ảnh	Cắt một phần ảnh JPEG	373
Thay đổi cỡ ảnh	Giảm độ phân giải của ảnh JPEG	371
Xếp hạng	[TẮT] / [★] / [★★] / [★★★] / [★★★★] / [★★★★★]	339
Trình chiếu	Mô tả xem lại / Thời gian hiển thị / Lặp lại và bắt đầu tự động phát	350
Truyền ảnh	Chọn/truyền ảnh / Truyền RAW+JPEG	397
Nhảy ảnh với 	1 ảnh / 10 ảnh / 100 ảnh / Ngày / Thư mục / Phim / Ảnh / Bảo vệ / Xếp hạng	330

▶ : **Phát lại 3** (Xanh da trời)

Trang

EN		
Highlight alert	Disable / Enable	327
AF point display	Disable / Enable	327
Playback grid	Off / 3x3  / 6x4  / 3x3+diag 	323
Histogram display	Brightness / RGB	328
Movie playback count*	Rec time / Time code	306
Magnification (approx.)	1x (no magnification) / 2x (magnify from center) / 4x (magnify from center) / 8x (magnify from center) / 16x (magnify from center) / Actual size (from selected point) / Same as last magnification (from center)	333
Control over HDMI	Disable / Enable	354

VN		
Cảnh báo vùng sáng	Tắt / Bật	327
Hiển thị điểm AF	Tắt / Bật	327
Khung lưới khi xem	Tắt / 3x3  / 6x4  / 3x3+chéo 	323
Hiển thị biểu đồ	Độ sáng / RGB	328
Thời lượng chiếu phim*	Thời lượng ghi / Mã thời gian	306
Hệ số phóng to (ước chừng)	1x (không phóng to) / 2x (phóng to từ trung tâm) / 4x (phóng to từ trung tâm) / 8x (phóng to từ trung tâm) / 16x (phóng to từ trung tâm) / Kích thước thực tế (từ điểm được chọn) / Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm)	333
Điều khiển qua HDMI	Tắt / Bật	354

* Cài đặt này liên kết tới [Movie play count (Thời lượng chiếu phim)] của [Time code (Mã thời gian)] trong tab [5 (Phim)].

🔧: Cài đặt 1 (Vàng)

Trang

EN		
Record function+card/ folder selection	Recording function: Standard / Auto switch card / Record separately / Record to multiple	148
	Record/playback / Playback: [1] / [2]	150
	Folder: Selecting and creating a folder	196
File numbering	Continuous / Auto reset / Manual reset	201
File name	Preset code / User setting 1 / User setting 2	198
Auto rotate	On / On / Off	364
Format card	Erase data on the card by formatting	67
Eye-Fi settings	Displayed when a commercially-available Eye-Fi card is inserted	453

VN		
Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục	Chức năng ghi: Tiêu chuẩn / Tự động chuyển thẻ / Ghi riêng / Ghi vào nhiều phương tiện	148
	Ghi/phát / Xem lại: [1] / [2]	150
	Thư mục: Tạo và chọn thư mục	196
Đánh số thứ tự tập tin	Kế tiếp / Tự động cài đặt lại / Cài đặt lại bằng tay	201
Tên tập tin	Mã đặt trước / Cài đặt người dùng 1 / Cài đặt người dùng 2	198
Xoay tự động	Bật / Bật / Tắt	364
Định dạng thẻ	Xóa dữ liệu trên thẻ bằng cách định dạng thẻ	67
Thiết lập Eye-Fi	Hiển thị khi lắp thẻ Eye-Fi có bán trên thị trường	453

🔧: Cài đặt 2 (Vàng)

Trang

EN		
Auto power off	1 min. / 2 min. / 4 min. / 8 min. / 15 min. / 30 min. / Disable	69
LCD brightness	Auto: Adjustable to one of three brightness levels	363
	Manual: Adjustable to one of seven brightness levels	
Date/Time/Zone	Date (year, month, day) / Time (hr., min., sec.) / Daylight saving time / Time zone	49
Language 🗨	Select the interface language	51
Viewfinder display	Electronic level: Hide / Show	77
	Grid display: Hide / Show	76
	Show/hide in viewfinder: Battery / White balance / Drive mode / AF operation / Metering mode / Image quality / Flicker detection	79
GPS device settings	Settable when the GPS Receiver GP-E2 (sold separately) is attached	-

VN		
Tự động tắt nguồn	1 phút / 2 phút / 4 phút / 8 phút / 15 phút / 30 phút / Tắt	69
Độ sáng LCD	Tự động: Có thể điều chỉnh theo một trong ba mức độ sáng	363
	Chỉnh tay: Có thể điều chỉnh theo một trong bảy mức độ sáng	
Ngày/Giờ/Múi giờ	Ngày (năm, tháng, ngày) / Giờ (giờ, phút, giây) / Giờ mùa hè / Múi giờ	49
Ngôn ngữ 🗨	Chọn ngôn ngữ giao diện	51
Hiển thị trong khung ngắm	Cân bằng điện tử: Ẩn / Hiện	77
	Hiển thị khung lưới: Ẩn / Hiện	76
	Ẩn/hiện trong khung ngắm: Pin / Cân bằng trắng / Chế độ chụp / Thao tác AF / Chế độ đo sáng / Chất lượng ảnh / Nhận diện nhấp nháy	79
Cài đặt thiết bị GPS	Có thể thiết lập khi lắp Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng)	-

🔧: Cài đặt 3 (Vàng)

Trang

EN		
Video system	For NTSC / For PAL	299 353
Battery information	Power source / Remaining capacity / Shutter count / Recharge performance / Battery registration / Serial number / Battery history	448
Sensor cleaning	Auto cleaning  : Enable / Disable	376
	Clean now 	
	Clean manually	379
INFO. button display options	Displays camera settings / Electronic level / Quick Control screen / Custom Quick Control screen	444
Custom Quick Control	Customize the functions and layout for Quick Control screen	429
RATE button function	Rating / Protect	339 338
Communication settings	Displayed when Wireless File Transmitter WFT-E7 (Ver. 2, sold separately) is attached	-

VN		
Hệ thống video	Cho NTSC / Cho PAL	299 353
Thông tin pin	Nguồn / Lượng pin còn lại / Số lần chụp / Hiệu suất sạc / Đăng ký pin / Số sê-ri / Lịch sử sử dụng pin	448
Làm sạch cảm biến	Tự động làm sạch   : Bật / Tắt	376
	Làm sạch ngay 	
	Làm sạch bằng tay	379
Tùy chọn hiển thị nút INFO.	Hiển thị cài đặt máy ảnh / Cân bằng điện tử / Màn hình điều khiển nhanh / Màn hình điều khiển nhanh tùy chỉnh	444
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	Tùy chỉnh bố cục và chức năng cho màn hình điều khiển nhanh	429
Chức năng nút RATE	Xếp hạng / Bảo vệ	339 338
Cài đặt giao tiếp	Hiển thị khi gắn bộ truyền dữ liệu không dây WFT-E7 (Phiên bản 2, bán riêng)	-



- Khi sử dụng thiết bị GPS hoặc bộ truyền dữ liệu không dây, đảm bảo kiểm tra những nơi được phép sử dụng thiết bị và sử dụng theo quy định của quốc gia và khu vực sở tại.
- Lưu ý rằng khi kết nối bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng) qua cáp, cần chuẩn bị như sau:
 - Cập nhật firmware của GP-E2 lên phiên bản 2.0.0 hoặc mới hơn. (Kết nối qua cáp không hoạt động với phiên bản firmware cũ hơn 2.0.0.)
 - Cần sử dụng cáp nối IFC-40AB II hoặc IFC-150AB II (cả hai đều bán riêng).

Không cần chuẩn bị như trên nếu gắn GP-E2 lên ngàm gắn. Để tìm hiểu về cách cập nhật firmware GP-E2, tham khảo trang web Canon.

📷: Cài đặt 4 (Vàng)

Trang

EN		
Custom shooting mode (C1-C3)	Register current camera settings to the Mode Dial's C1 , C2 , and C3 positions	439
Clear all camera settings	Resets the camera to the default settings	70
Copyright information	Display copyright information / Enter author's name / Enter copyright details / Delete copyright information	203
Certification Logo Display	Some of the camera's certification logos are displayed	443
📷 firmware ver.	Select to update the firmware of the camera, lens, Speedlite, or Wireless File Transmitter	-

VN		
Chế độ chụp tùy chỉnh (C1-C3)	Đăng ký cài đặt máy ảnh hiện tại tại vị trí C1 , C2 và C3 của nút xoay chế độ	439
Xóa tất cả cài đặt của máy ảnh	Khôi phục cài đặt mặc định của máy ảnh	70
Thông tin bản quyền	Hiển thị thông tin bản quyền / Nhập tên tác giả / Nhập chi tiết bản quyền / Xóa thông tin bản quyền	203
Hiển thị Logo chứng nhận	Hiển thị một số logo chứng nhận của máy ảnh	443
📷 phiên bản firmware	Chọn để cập nhật firmware của máy ảnh, ống kính, đèn Speedlite hoặc bộ truyền dữ liệu không dây	-

 Chức năng tùy chỉnh (Da cam)

Trang

EN		
C.Fn1: Exposure	Customize camera functions as desired	404
C.Fn2: Exposure		410
C.Fn3: Others		411
C.Fn4: Clear	Clear all Custom Function settings	403

VN		
C.Fn1: Phơi sáng	Tùy chỉnh các chức năng máy ảnh theo mong muốn	404
C.Fn2: Phơi sáng		410
C.Fn3: Khác		411
C.Fn4: Xóa	Xóa tất cả các chức năng tùy chỉnh	403

 Danh mục riêng (Xanh lá cây)

EN		
Add My Menu tab	Add My Menu tabs 1-5	434
Delete all My Menu tabs	Delete all My Menu tabs	437
Delete all items	Delete all items under My Menu tabs 1-5	437
Menu display	Normal display / Display from My Menu tab / Display only My Menu tab	438

VN		
Thêm tab Danh mục riêng	Thêm tab Danh mục riêng 1-5	434
Xóa tất cả các tab Danh mục riêng	Xóa tất cả các tab Danh mục riêng	437
Xóa tất cả các mục	Xóa tất cả các mục trong tab Danh mục riêng 1-5	437
Hiển thị menu	Hiển thị thông thường / Hiển thị từ tab Danh mục riêng / Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng	438

Quay phim

: Chụp 4*¹ (Phim) (Đồ)

Trang

EN		
Movie Servo AF	Enable / Disable	315
AF method	┐+Tracking / FlexiZone - Single	317
Grid display	Off / 3x3 井 / 6x4 田 / 3x3+diag 米	317
Movie recording size	• 1920x1080 / 1280x720 / 640x480 • NTSC: 59.94p / 29.97p / 23.98p • PAL: 50.00p / 25.00p • ALL-I (For editing) / IPB (Standard)	299
Sound recording* ²	Sound recording: Auto / Manual / Disable	302
	Recording level	
	Wind filter: Disable / Enable	
	Attenuator: Disable / Enable	

VN		
Lấy nét Servo phim	Bật / Tắt	315
Phương pháp AF	┐+Theo dõi / Vùng linh hoạt - 1 điểm	317
Hiển thị khung lưới	Tắt / 3x3 井 / 6x4 田 / 3x3+chéo 米	317
Kích thước ghi phim	• 1920x1080 / 1280x720 / 640x480 • NTSC: 59,94p / 29,97p / 23,98p • PAL: 50,00p / 25,00p • ALL-I (Để chỉnh sửa) / IPB (Tiêu chuẩn) /	299
Ghi âm* ²	Ghi âm: Tự động / Chính tay / Tắt	302
	Mức ghi âm	
	Lọc gió: Tắt / Bật	
	Bộ tiêu âm: Tắt / Bật	

*1: Trong chế độ <[A]⁺>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [2].

*2: Trong chế độ <[A]⁺>, cài đặt [Sound recording (Ghi âm)] sẽ là [On (Bật)] [Off (Tắt)].

📷: Chụp 5*¹ (Phim) (Đỏ)

Trang

EN		
Silent LV shooting	Mode 1 / Mode 2 / Disable	317
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	318
Time code	Count up / Start time setting / Movie recording count / Movie play count* ² / Drop frame* ³	305
Silent Control	Enable / Disable	304
 button function	/ / / / / / /	318
Time-lapse movie	Disable / Enable (Interval / No. of shots / Time required / Playback time/ Card- time left)	308

VN		
Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1 / Chế độ 2 / Tắt	317
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	318
Mã thời gian	Tổng số / Thiết lập thời gian bắt đầu / Thời lượng ghi phim / Thời lượng chiếu phim* ² / Chỉnh khung* ³	305
Điều khiển yên lặng	Bật / Tắt	304
Chức năng nút 	/ / / / / / /	318
Phim time-lapse	Tắt / Bật (Quăng chụp / Số lượng ảnh / Thời gian yêu cầu/ Thời lượng phim / Thời lượng còn lại trên thẻ)	308

*1: Trong chế độ <[]>, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [3].

*2: Cài đặt này liên kết tới [**Movie play count (Thời lượng chiếu phim)**] trong tab [3].

*3: Hiển thị khi đặt (59,94 fps) hoặc (29,97 fps).

Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực

Nếu máy ảnh xảy ra vấn đề trực trực, trước tiên bạn nên tham khảo hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực này. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Vấn đề trực trực liên quan đến nguồn

Pin không sạc.

- Nếu lượng pin còn lại là 94% hoặc cao hơn, pin sẽ không được sạc (tr.448).
- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng.

Đèn báo sạc chớp nháy nhanh.

- Nếu (1) pin hoặc sạc có vấn đề trực trực hoặc (2) không giao tiếp được với pin (đối với pin không phải của Canon), mạch bảo vệ sẽ dừng quá trình sạc và đèn báo sẽ chớp nháy nhanh màu da cam. Trong trường hợp (1), tháo sạc pin ra khỏi nguồn. Tháo và lắp lại pin vào sạc. Đợi một lúc rồi cắm lại sạc vào nguồn điện. Nếu vẫn xảy ra trực trực, liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Đèn báo sạc không nháy sáng.

- Nếu nhiệt độ của pin cấm trong sạc cao, sạc pin sẽ không hoạt động để đảm bảo an toàn (đèn tắt). Trong quá trình sạc, nếu nhiệt độ pin tăng cao do bất kỳ lý do nào, sạc pin sẽ tự động ngừng hoạt động (đèn chớp nháy). Khi nhiệt độ pin giảm xuống, quá trình sạc sẽ tự động tiếp tục.

Máy ảnh không hoạt động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Đảm bảo rằng nắp ngăn chứa pin đã đóng (tr.42).
- Đảm bảo rằng pin đã lắp đúng cách vào máy ảnh (tr.42).
- Sạc pin (tr.40).
- Đảm bảo nắp khe cắm thẻ đã đóng (tr.43).

Đèn truy cập nhấp nháy ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

- Nếu tắt nguồn khi đang ghi ảnh vào thẻ, đèn truy cập vẫn sáng hoặc tiếp tục nhấp nháy trong vài giây. Khi ghi ảnh xong, nguồn sẽ tự động tắt.

Khi thông xuất hiện báo [Does this battery/do these batteries display the Canon logo? (Pin có hiển thị logo Canon không?)]

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng.
- Tháo và lắp lại pin (tr.42).
- Nếu điểm tiếp xúc của pin bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau.

Pin rất nhanh hết.

- Sử dụng pin sạc đầy (tr.40).
- Hiệu suất pin có thể bị giảm theo thời gian. Tham khảo mục [❗3: **Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra mức hiệu suất sạc pin (tr.448). Nếu hiệu suất pin kém, thay pin mới.
- Số ảnh có thể chụp sẽ giảm khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt AF mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Chụp Live View hoặc quay phim liên tục trong một khoảng thời gian dài.
 - Chức năng giao tiếp của thẻ Eye-Fi đang hoạt động.

Máy ảnh tự tắt.

- Tự động tắt nguồn đang hoạt động. Nếu bạn không muốn sử dụng tự động tắt nguồn, đặt [❗2: **Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [Disable (Tắt)] (tr.69).
- Ngay cả khi đặt [❗2: **Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [Disable (Tắt)], màn hình LCD vẫn tắt sau khi máy ảnh không sử dụng trong 30 phút. (Nguồn máy ảnh không tắt.)

Vấn đề trực trực liên quan đến chụp

Không thể lắp ống kính.

- Máy ảnh không thể sử dụng ống kính EF-S hoặc EF-M (tr.52).

Khung ngắm không sáng.

- Lắp pin đã sạc vào máy ảnh (tr.40).

Không thể chụp hoặc ghi ảnh.

- Đảm bảo cắm thẻ đúng cách (tr.43).
- Nếu bạn sử dụng thẻ SD, trượt mấu chống ghi của thẻ để bật chức năng ghi/xóa (tr.43).
- Nếu thẻ đầy, thay thẻ hoặc xóa những ảnh không cần thiết để có thêm dung lượng trống (tr.43, 360).
- Nếu thực hiện thao tác lấy nét một lần và đèn xác nhận lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy, bạn sẽ không thể chụp ảnh. Nhấn nửa chừng nút chụp lần nữa để lấy nét tự động lại hoặc lấy nét tay (tr.55, 143).

Không thể sử dụng thẻ.

- Nếu thông báo lỗi thẻ hiển thị, tham khảo trang 46 hoặc 499.

Không thể khóa lấy nét và bố cục lại ảnh.

- Đặt thao tác AF thành lấy nét một lần (tr.89). Không thể khóa lấy nét trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục hay khi servo hoạt động trong chế độ tự động lấy nét AI (tr.85).

Phải nhấn hoàn toàn nút chụp hai lần để chụp ảnh.

- Nếu [4: Mirror lockup (Khóa gương lật)] đang được đặt thành [Press  twice to shoot (Nhấn  hai lần để chụp)], đặt lại thành [Disable (Tắt)].

Ảnh bị mất nét hoặc mờ.

- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.52).
- Nhấn nút chụp nhẹ nhàng để tránh rung máy (tr.54-55).
- Nếu ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh, đặt công tắc IS thành <ON>.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể trở nên chậm. Bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập nhanh hơn (tr.208), đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.160), sử dụng flash (tr.246) hoặc chân máy.
- Tham khảo phần “Giảm thiểu ảnh mờ” trang 237.

Có ít điểm AF.

- Tùy thuộc vào ống kính được gắn, số điểm AF có thể sử dụng và mô hình lấy nét sẽ khác nhau. Ống kính được phân loại thành chín nhóm từ A đến I. Kiểm tra xem ống kính của bạn thuộc nhóm nào. Đối với ống kính trong nhóm từ F đến H, số điểm AF có thể sử dụng sẽ ít hơn (tr.105-106).

Điểm AF nhấp nháy hoặc có hai điểm AF hiển thị.

- Về việc bật sáng hoặc nhấp nháy của điểm AF khi nhấn nút < > button, tham khảo trang 96.
- Điểm AF tại khu vực đã đăng ký đang nhấp nháy (tr.96, 420).
- Điểm AF (hoặc vùng) chọn bằng tay và điểm AF đã đăng ký sẽ hiển thị (tr.95, 420).

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

- Điểm AF chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu.
- Trong các chế độ <P>, <Tv>, <Av>, <M> và , bạn có thể thiết lập để điểm AF chớp sáng đỏ hoặc không chớp sáng khi lấy được nét (tr.134).

Tốc độ chụp liên tục chậm.

- Tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện của chủ thể, độ sáng, ống kính, sử dụng flash, nhiệt độ, loại pin, lượng pin còn lại, v.v...(tr.145).
- Trong thao tác lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào điều kiện chủ thể và ống kính được sử dụng (tr.145).
- Nếu bạn sử dụng pin LP-E6 và chụp trong điều kiện nhiệt độ thấp (nhiệt độ pin thấp), tốc độ chụp liên tục tốc độ cao có thể trở nên chậm hơn (tr.145).
- Tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn nếu mức pin còn lại thấp hoặc chụp dưới điều kiện ánh sáng yếu (tr.145).
- Nếu bạn sử dụng Bảng pin BG-E11 (bán riêng) với pin AA/R6, tốc độ tối đa của chụp liên tục tốc độ cao sẽ vào khoảng 3,0 fps.
- Nếu bạn đặt [ 4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)] thành [Enable (Bật)] và chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy, tốc độ chụp liên tục có thể giảm, quãng chụp có thể không đều hoặc thời gian trễ nhà màn trập sẽ dài hơn (tr.193).

Số ảnh chụp liên tục tối đa giảm dần.

- Nếu bạn chụp vật thể có chi tiết nhỏ chẳng hạn như bãi cỏ, kích thước tập tin sẽ lớn hơn và số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế có thể thấp hơn số lượng ảnh đề cập ở trang 153.

Không thể chụp ở tỷ lệ cỡ ảnh 4:3 hoặc 16:9.

- Trong khi chụp với khung ngắm, bạn không thể chụp ở tỷ lệ cỡ ảnh 4:3 hoặc 16:9 ngay cả khi đã đặt tỷ lệ cỡ ảnh. Trong khi chụp Live View, có thể chụp ảnh ở tỷ lệ cỡ ảnh 4:3 hoặc 16:9 (tr.156).

Không thể đặt ISO 100. Không thể chọn tốc độ ISO mở rộng.

- Nếu đặt [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Enable (Bật)], phạm vi tốc độ ISO có thể đặt sẽ là ISO 200 - ISO 6400. Ngay cả khi mở rộng phạm vi tốc độ ISO có thể bật với [ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)], bạn không thể chọn L (tương đương với ISO 50) hoặc H (tương đương với ISO 12800). Khi đặt [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Disable (Tắt)], có thể thiết lập ISO 100/125/160, L hoặc H (tr.189).

Mặc dù đã giảm bù trừ phơi sáng, nhưng ảnh vẫn quá sáng.

- Đặt [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] thành [Disable (Tắt)]. Khi đặt thành [Low (Thấp)], [Standard (Tiêu chuẩn)] hoặc [High (Cao)], cho dù bạn đã giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash, ảnh vẫn có thể quá sáng (tr.184).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng khi đặt cả phơi sáng chỉnh tay và ISO tự động.

- Tham khảo trang 213 để thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Ngay cả khi đã thực hiện bù trừ phơi sáng, bù trừ phơi sáng cũng sẽ không áp dụng cho chụp ảnh có flash.

Không thể thiết lập Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.

- Nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG, bạn không thể thiết lập **[Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)]**.

Ảnh Live View hoặc hình ảnh quay phim không hiển thị trong khi chụp ảnh ghép phơi sáng.

- Nếu đặt **[On:ContShtng (Bật:Chụp liên tục)]**, chức năng hiển thị Live View, xem lại ảnh sau khi chụp hoặc xem lại ảnh sẽ không thể sử dụng trong khi chụp (tr.228).

Chụp Live View kết thúc khi thực hiện chụp ảnh ghép phơi sáng.

- Nếu bạn thực hiện chụp Live View trong khi **[On:ContShtng (Bật:Chụp liên tục)]** được cài đặt, chức năng Live View sẽ tự động kết thúc khi chụp ảnh đầu tiên. Nhìn qua khung ngắm để chụp ảnh thứ hai và các ảnh tiếp theo.

Ảnh ghép phơi sáng được chụp với chất lượng RAW.

- Khi chất lượng ảnh được đặt thành **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh ghép phơi sáng sẽ được ghi ở chất lượng **RAW** (tr.235).

Khi sử dụng chế độ <Av> với flash, tốc độ màn trập bị giảm.

- Nếu bạn chụp vào ban đêm khi hậu cảnh tối, tốc độ màn trập sẽ tự động giảm xuống (chụp đồng bộ chậm) để cả chủ thể và hậu cảnh đều được phơi sáng chuẩn. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong **[1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)]**, đặt **[Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)]** thành **[1/200-1/60 sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)]** hoặc **[1/200 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))]** (tr.250).

Đèn flash không đánh sáng.

- Đảm bảo rằng flash (hoặc dây đồng bộ máy tính) được gắn chắc vào máy ảnh.
- Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon để chụp Live View, đặt [**6: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.268).

Flash luôn đánh sáng với công suất tối đa.

- Nếu sử dụng thiết bị flash không phải đèn Speedlite sê-ri EX, flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.247).
- Khi thiết lập chức năng tùy chỉnh flash cho [**Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)**] được đặt thành [**TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)**] (flash tự động), đèn flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.255).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash.

- Nếu đã đặt bù trừ phơi sáng flash trên đèn Speedlite gắn ngoài, bạn sẽ không thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh. Khi hủy bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite gắn ngoài (đặt thành 0), bạn có thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh.

Không thể đặt đồng bộ tốc độ cao ở chế độ <Av>.

- Trong [**1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)**], đặt [**Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**Auto (Tự động)**] (tr.250).

Màn trập tạo ra hai âm thanh chụp khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần cho mỗi lần chụp (tr.259).

Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, biểu tượng màu trắng hoặc màu đỏ hiển thị.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng  > màu trắng hiển thị, chất lượng ảnh có thể xấu đi. Nếu biểu tượng  > màu đỏ hiển thị, chụp Live View hoặc quay phim sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.279, 319).

Quay phim tự động dừng lại.

- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm, quay phim có thể tự động dừng. Về thẻ nhớ để ghi phim, tham khảo trang 5. Để tìm hiểu tốc độ ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ.
- Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim.

Bạn không thể đặt tốc độ ISO cho quay phim.

- Nếu chế độ chụp là , <P>, <Tv>, <Av> hoặc , tốc độ ISO sẽ được thiết lập tự động. Ở chế độ <M>, bạn có thể tùy ý đặt tốc độ ISO (tr.289).

Tốc độ ISO thiết lập bằng tay thay đổi khi chuyển sang chế độ quay phim.

- Nếu bạn quay phim với mức phơi sáng đặt bằng tay ở L (tương đương với ISO 50), thiết lập tốc độ ISO sẽ chuyển sang ISO 100. Ngay cả khi chuyển về chụp ảnh, tốc độ ISO cũng không trở lại mức L.

Phơi sáng thay đổi trong khi quay phim.

- Nếu thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ trong khi quay phim, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.
- Zoom ống kính trong khi quay phim có thể dẫn đến các thay đổi phơi sáng cho dù khẩu độ lớn nhất của ống kính có thay đổi hay không. Do vậy, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.

Ảnh nháy hoặc đường sọc ngang xuất hiện trong khi quay phim.

- Nháy nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do ánh đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi quay phim. Ngoài ra, các thay đổi của phơi sáng (độ sáng) hoặc tông màu cũng có thể được ghi lại. Ở chế độ **<M>** hoặc **<Tv>**, tốc độ màn trập chậm có thể giảm thiểu các trục trặc này. Vấn đề có thể sẽ nghiêm trọng hơn khi quay phim time-lapse.

Chủ thể bị méo trong khi quay phim.

- Nếu bạn di chuyển máy ảnh sang trái hoặc sang phải (liu máy) hoặc chụp chủ thể chuyển động, ảnh có thể bị méo. Vấn đề có thể sẽ nghiêm trọng hơn khi quay phim time-lapse.

Quay phim dừng lại khi chụp ảnh trong khi quay phim.

- Để chụp ảnh trong khi quay phim, bạn nên sử dụng thẻ CF có khả năng truyền UDMA hoặc thẻ SD UHS-I.
- Thiết lập chất lượng ảnh thấp hơn hoặc giảm số lượng ảnh chụp liên tục sẽ khắc phục hiện tượng này.

Mã thời gian bị tắt.

- Chụp ảnh trong khi quay phim sẽ gây ra chênh lệch giữa thời gian thực tế và mã thời gian. Nếu bạn muốn chỉnh sửa phim với mã thời gian, không nên chụp ảnh trong khi quay phim.

Vấn đề trực trực khi thao tác

Tôi không thể thay đổi thiết lập với nút xoay <>, <> hoặc phím <>.

- Gạt công tắc <LOCK▶> sang trái (nhả khóa, tr.59).
- Kiểm tra thiết lập [.3: Multi function lock (Khóa đa chức năng)] (tr.412).

Nút hoặc nút xoay của máy ảnh không hoạt động như mong muốn.

- Kiểm tra thiết lập [.3: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] (tr.415).

Vấn đề trực trực về hiển thị

Màn hình menu hiển thị ít tab và tùy chọn hơn.

- Trong chế độ <A⁺>, chỉ một số tab và tùy chọn menu hiển thị. Thiết lập chế độ chụp thành <P> <Tv> <Av> <M> (tr.64).
- Trong tab [★], [Menu display (Hiển thị menu)] được đặt thành [Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)] (tr.438).

Ký tự đầu tiên trong tên tập tin là dấu gạch dưới (“_”).

- Đặt không gian màu thành sRGB. Nếu đặt thành Adobe RGB, ký tự đầu tiên là dấu gạch dưới (tr.195).

Ký tự thứ tư trong tên thư mục thay đổi.

- Với [1: File name (Tên tập tin)], chọn tên tập tin duy nhất của máy ảnh hoặc tên tập tin đã đăng ký trong cài đặt Người dùng 1 (tr.198).

Số thứ tự tập tin không bắt đầu từ 0001.

- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.201).

Ngày và giờ chụp hiển thị không chính xác.

- Kiểm tra để đảm bảo ngày và giờ được đặt chính xác (tr.49).
- Kiểm tra múi giờ và giờ mùa hè (tr.49-50).

Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh.

- Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh. Ngày và giờ được ghi vào dữ liệu ảnh thành thông tin chụp. Bạn có thể in ngày và giờ vào ảnh bằng cách sử dụng ngày và giờ được ghi trong thông tin chụp (tr.387, 391).

Khi [####] hiển thị.

- Nếu số lượng ảnh đã ghi trên thẻ vượt quá số lượng ảnh có thể hiển thị, [####] sẽ xuất hiện (tr.341).

Trong khung ngắm, tốc độ hiển thị điểm AF chậm.

- Trong điều kiện nhiệt độ thấp, tốc độ hiển thị điểm AF có thể chậm hơn do đặc tính thiết bị hiển thị điểm AF (tinh thể lỏng). Tốc độ hiển thị sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

Màn hình LCD không hiển thị ảnh rõ ràng.

- Nếu màn hình LCD bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau màn hình.
- Trong môi trường nhiệt độ thấp hoặc cao, màn hình LCD có thể hiển thị chậm hoặc trông đen hơn. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] không xuất hiện.

- [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] chỉ xuất hiện khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh. Nếu đặt mấu chống ghi của thẻ Eye-Fi đến vị trí **LOCK**, bạn sẽ không thể kiểm tra trạng thái kết nối của thẻ hoặc tắt truyền Eye-Fi (tr.453).

Vấn đề trực trực khi xem lại

Một phần ảnh nhấp nháy màu đen.

- [ 3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.327).

Ô vuông màu đỏ hiển thị trên ảnh.

- [ 3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.327).

Không thể xóa ảnh.

- Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể xóa ảnh (tr.336).

Không thể phát lại phim.

- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể phát lại trên máy ảnh.

Khi xem lại phim, đôi khi bạn có thể nghe thấy tiếng ồn thao tác của máy ảnh.

- Khi quay phim, tiếng động quay nút xoay hoặc ống kính có thể bị ghi lại. Nên sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) (tr.303).

Phim có những đoạn dừng hình.

- Khi quay phim phơi sáng tự động, nếu có thay đổi đáng kể về mức phơi sáng, tiến trình ghi sẽ dừng ngay lập tức cho đến khi độ sáng ổn định. Trong tình huống này, quay phim ở chế độ <M> (tr.288).

Không có hình ảnh trên TV.

- Kiểm tra xem [**43: Video system (Hệ thống video)**] có được đặt chính xác thành [**For NTSC (Cho NTSC)**] hoặc [**For PAL (Cho PAL)**] không (tùy thuộc vào chuẩn video của TV).
- Kiểm tra để đảm bảo đã cắm chặt đầu cắm của cáp HDMI (tr.353).

Có nhiều tập tin phim trong một lần quay phim.

- Nếu kích thước tập tin phim đạt đến 4 GB, một tập tin phim khác sẽ được tạo tự động (tr.301).

Đầu đọc thẻ không nhận thẻ.

- Tùy thuộc vào đầu đọc thẻ và hệ điều hành máy tính, thẻ CF dung lượng lớn hoặc thẻ SDXC có thể không được nhận dạng đúng. Trong trường hợp này, kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp nối, rồi truyền ảnh đến máy tính bằng cách sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.532).

Không thể xử lý ảnh RAW.

- Ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh. Sử dụng phần mềm EOS, Digital Photo Professional để xử lý (tr.532).

Không thể thay đổi kích thước hoặc cắt ảnh.

- Không thể thay đổi kích thước hoặc cắt ảnh JPEG **S3**, **RAW**, **M RAW** và ảnh **S RAW** trên máy ảnh (tr.371, 373).

Vấn đề trực trực về làm sạch cảm biến

Màn trập phát ra tiếng động trong khi làm sạch cảm biến.

- Nếu chọn [**Clean now**  (**Làm sạch ngay** )], màn trập sẽ phát ra tiếng động mà không chụp ảnh (tr.376).

Chức năng làm sạch cảm biến tự động không hoạt động.

- Nếu bạn liên tục xoay công tắc nguồn <**ON**> / <**OFF**> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng < > có thể không hiển thị (tr.47).

Vấn đề trực trực về in ảnh

Có ít hiệu ứng in hơn so với danh sách trong hướng dẫn sử dụng.

- Nội dung được hiển thị trên màn hình thay đổi tùy thuộc vào máy in. Hướng dẫn sử dụng liệt kê tất cả các hiệu ứng in có sẵn (tr.386).

Vấn đề trực trực khi kết nối với máy tính

Giao tiếp giữa máy ảnh được kết nối và máy tính không hoạt động.

- Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS), đặt [ **5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.308).

Không thể truyền ảnh vào máy tính.

- Cài đặt phần mềm EOS (đĩa CD-ROM EOS DIGITAL Solution Disk) vào máy tính (tr.532).
- Kiểm tra để đảm bảo cửa sổ chính của EOS Utility hiển thị.

Mã lỗi



Nguyên nhân và biện pháp giải quyết

Nếu máy ảnh gặp trục trặc, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Mã	Thông báo lỗi và cách giải quyết
01	Kết nối giữa máy ảnh và ống kính gặp trục trặc. Làm sạch các điểm tiếp xúc của ống kính. → Lau tất cả tiếp xúc điện trên máy ảnh và ống kính, sử dụng ống kính của Canon, hoặc tháo và lắp lại pin (tr.25, 26, 42).
02	Không thể truy cập vào thẻ*. Lắp lại/thay đổi thẻ* hoặc định dạng thẻ* bằng máy ảnh. → Tháo và lắp lại thẻ, thay thẻ hoặc định dạng thẻ (tr.43, 67).
04	Không thể lưu ảnh do thẻ* đã đầy. Thay thẻ*. → Thay thẻ, xóa ảnh không cần thiết hoặc định dạng thẻ (tr.43, 67, 360).
06	Không thể làm sạch cảm biến. Tắt máy ảnh và bật lại. → Vận hành công tắc nguồn (tr.47).
10, 20 30, 40 50, 60 70, 80 99	Không thể chụp do lỗi. Tắt máy ảnh và bật lại hoặc lắp lại pin. → Vận hành công tắc nguồn, tháo và lắp lại pin hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.42, 47).

* Nếu không xử lý được trục trặc, ghi lại mã lỗi và liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Thông số kỹ thuật

• Loại

Loại:	Máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn AF/AE
Phương tiện ghi:	Thẻ CF (Loại I, hỗ trợ UDMA 7) Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC* * Tương thích với thẻ UHS-I.
Kích thước cảm biến ảnh:	Khoảng 36,0 x 24,0 mm
Ống kính tương thích:	Ống kính Canon EF * Không bao gồm ống kính EF-S và EF-M (Độ dài tiêu cự hiển thị trên ống kính tương đương với chuẩn phim 35mm)
Ngàm ống kính:	Ngàm Canon EF

• Cảm biến ảnh

Loại:	Cảm biến CMOS
Số điểm ảnh hiệu dụng:	Khoảng 50,6 megapixel * Làm tròn đến 3 số sau dấu phẩy.
Tỷ lệ cơ ảnh:	3:2
Tính năng xóa bụi:	Tự động/Bằng tay, Thêm dữ liệu xóa bụi

• Hệ thống ghi

Định dạng ghi:	Quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (DCF) 2.0
Loại ảnh:	JPEG, RAW (bản gốc Canon 14 bit), có thể ghi đồng thời ảnh RAW+JPEG
Độ phân giải được ghi (Với chụp toàn khung hình):	L (Lớn) : Khoảng 50,3 megapixel (8688 x 5792) M1 (Trung bình 1) : khoảng 39,3 megapixel (7680 x 5120) M2 (Trung bình 2) : khoảng 22,1 megapixel (5760 x 3840) S1 (Nhỏ 1) : Khoảng 12,4 megapixel (4320 x 2880) S2 (Nhỏ 2) : Khoảng 2,5 megapixel (1920 x 1280) S3 (Nhỏ 3) : Khoảng 0,35 megapixel (720 x 480) RAW : Khoảng 50,3 megapixel (8688 x 5792) M-RAW : Khoảng 28,0 megapixel (6480 x 4320) S-RAW : Khoảng 12,4 megapixel (4320 x 2880)
Crop/tỷ lệ cơ ảnh:	Có thể chụp với tỷ lệ cơ ảnh và tỷ lệ crop sau. Toàn khung hình / khoảng 1,3x (crop) / khoảng 1,6x (crop) / 1:1 (tỷ lệ cơ ảnh) / 4:3 (tỷ lệ cơ ảnh) / 16:9 (tỷ lệ cơ ảnh)

Chức năng ghi:	Tiêu chuẩn, Tự động chuyển thẻ, Ghi riêng, Ghi vào nhiều thẻ
Tạo/chọn thư mục:	Có thể
Tên tập tin:	Mã đặt trước / Cài đặt người dùng 1 / Cài đặt người dùng 2
Đánh số thứ tự tập tin:	Kế tiếp, Tự động cài đặt lại, Cài đặt lại bằng tay

• Xử lý ảnh trong khi chụp

Kiểu ảnh:	Tự động, Tiêu chuẩn, Chân dung, Phong cảnh, Chi tiết nhỏ, Trung tính, Chân thực, Đơn sắc, Người dùng xác định 1- 3
Cân bằng trắng:	Tự động (Ưu tiên môi trường), Tự động (Ưu tiên màu trắng), Đặt trước (Bóng râm, Nhiều mây, Đèn dây tóc, Đèn huỳnh quang trắng, Flash), Tùy chỉnh, Thiết lập nhiệt độ màu (khoảng 2500-10000K), Chỉnh cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp * Cung cấp chức năng truyền thông tin nhiệt độ màu flash
Giảm nhiễu:	Có thể áp dụng cho chụp phơi sáng lâu và chụp tốc độ ISO cao
Chỉnh độ sáng ảnh tự động:	Có thể đặt Tự động tối ưu hóa ánh sáng
Ưu tiên tông màu sáng:	Được cung cấp
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính:	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh sắc sai

• Khung ngắm

Loại:	Lăng kính năm mặt ngang tầm mắt
Tầm bao phủ:	Chiều dọc/Chiều ngang khoảng 100% (với điểm đặt mắt khoảng 21 mm, chụp toàn khung hình)
Hệ số phóng to:	Khoảng 0,71x (-1 m^{-1} với ống kính 50mm ở vô cực)
Điểm đặt mắt:	Khoảng 21mm (từ trung tâm ống thị kính ở -1 m^{-1})
Điều chỉnh độ khúc xạ tích hợp:	Khoảng $-3,0 - +1,0 \text{ m}^{-1}$ (dpt)
Màn hình lấy nét:	Cố định
Hiển thị khung lưới:	Được cung cấp
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Màn hình cài đặt chức năng:	Pin, Cân bằng trắng, Kiểu chụp, Thao tác AF, Chế độ đo sáng, Chất lượng ảnh: JPEG/RAW, Nhận diện nhấp nháy, Ký hiệu cảnh báo !
Gương lật:	Loại trả về nhanh
Xem trước độ sâu trường ảnh:	Được cung cấp

• Lấy nét tự động

Loại:	TTL secondary image-registration (Đăng ký ảnh thứ cấp qua ống kính), phát hiện lệch pha với cảm biến AF riêng
Điểm AF:	61 (Điểm AF chữ thập: Tối đa 41 điểm) * Số điểm AF, điểm chữ thập và điểm chữ thập đúp có thể sử dụng sẽ thay đổi theo ống kính. * Lấy nét chữ thập đúp ở f/2.8 với 5 điểm AF dọc thẳng hàng tại trung tâm. (Nhóm AF: Khi sử dụng ống kính nhóm A)
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV -2 - 18 (Điều kiện: điểm AF trung tâm nhạy với f/2.8, lấy nét một lần, nhiệt độ phòng, ISO 100)
Thao tác lấy nét:	Lấy nét một lần, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Lấy nét tự động AI, Lấy nét tay (MF)
Chế độ chọn vùng AF:	AF một chấm điểm (chọn bằng tay), AF một điểm (chọn bằng tay), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay: lên, xuống, sang trái và sang phải), Mở rộng điểm AF (chọn bằng tay: bao quanh), AF theo vùng (chọn vùng bằng tay), AF 61 điểm tự động chọn
Điều kiện tự động chọn điểm AF:	Dựa trên thiết lập EOS iTR AF (Bật chức năng AF kết hợp thông tin khuôn mặt người/màu) * iTR: Theo dõi và nhận diện thông minh
Công cụ định cấu hình AF:	Tính hướng 1 - 6
Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục:	Độ nhạy theo dõi, Tăng/giảm tốc độ theo dõi, Tự động chuyển đổi điểm AF
Chức năng tùy chỉnh AF:	16 chức năng
Tính chỉnh AF:	Vị chỉnh AF (Tất cả với cùng một lượng, Điều chỉnh theo ống kính)
Tia giúp lấy nét:	Phát sáng bằng đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS

• Điều khiển phơi sáng

Chế độ đo sáng:	Cảm biến đo sáng RGB+IR khoảng 150.000 pixel và kiểu đo sáng TTL 252 vùng ở khẩu độ tối đa Hệ thống EOS iSA (Intelligent Subject Analysis - Phân tích chủ thể thông minh) • Đo sáng toàn khung ảnh (liên kết tới tất cả các điểm AF) • Đo sáng từng phần (khoảng 6,1% khung ngắm tại trung tâm) • Đo sáng điểm (khoảng 1,3% khung ngắm tại trung tâm) • Đo sáng trung bình trung tâm
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Điều khiển phơi sáng:	Phơi sáng tự động P (Tự động nhận cảnh thông minh, Chương trình), Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng chỉnh tay, Phơi sáng bulb
Tốc độ ISO (chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	Tự động nhận cảnh thông minh: ISO 100 - ISO 3200 được đặt tự động P, Tv, Av, M, B: Auto ISO, ISO 100 - ISO 6400 (mức tăng 1/3 - hoặc một điểm dừng) hoặc mở rộng ISO thành L (tương đương ISO 50) hoặc H (tương đương ISO 12800)
Thiết lập tốc độ ISO:	Phạm vi tốc độ ISO, phạm vi ISO tự động và ISO tự động với tốc độ màn trập tối thiểu có thể đặt
Bù trừ phơi sáng:	Chính tay: ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng AEB: ± 3 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng (Có thể kết hợp với bù phơi sáng bằng tay)
Khóa phơi sáng:	Tự động: Áp dụng với AF một lần và đo sáng toàn khung ảnh khi lấy được nét Chính tay: Bấm nút khóa phơi sáng
Chống nhấp nháy:	Có thể
Hẹn giờ ngắt quãng:	Có thể thiết lập quãng chụp và số lần chụp
Hẹn giờ bulb:	Có thể thiết lập thời gian phơi sáng bulb

• Chụp HDR

Điều chỉnh dải tương phản động:	Tự động, ± 1 , ± 2 , ± 3
Hiệu ứng:	Tự nhiên, Tiêu chuẩn nghệ thuật, Rực rỡ nghệ thuật, In đậm nghệ thuật, Chạm nổi nghệ thuật
Tự động căn chỉnh ảnh:	Được cung cấp

• Ảnh ghép phơi sáng

Phương pháp chụp:	Ưu tiên chức năng/điều khiển, Ưu tiên chụp liên tục
Số ảnh chụp ghép phơi sáng còn lại:	2 đến 9 ảnh
Điều khiển cách ghép ảnh:	Thêm, Trung bình, Sáng, Tối

• Màn trập

Loại:	Màn trập loại mặt phẳng tiêu cự, điều khiển điện tử
Tốc độ màn trập:	1/8000 giây đến 30 giây (tổng phạm vi tốc độ màn trập; phạm vi khả dụng thay đổi theo chế độ chụp), phơi sáng bulb, đồng bộ flash ở 1/200 giây.

• Hệ thống kiểu chụp

Kiểu chụp:	Chụp từng ảnh, Chụp liên tục tốc độ cao, Chụp liên tục tốc độ thấp, Chụp từng ảnh ngắt tiếng, Chụp liên tục ngắt tiếng, Hẹn giờ 10 giây/điều khiển từ xa, Hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa
Tốc độ chụp liên tục:	Chụp liên tục tốc độ cao: Tối đa khoảng 5,0 ảnh/giây Chụp liên tục tốc độ thấp: Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây Chụp liên tục ngắt tiếng: Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây
Số ảnh chụp liên tục tối đa (Với chụp toàn khung hình):	JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 31 ảnh (khoảng 510 ảnh) RAW: Khoảng 12 ảnh (khoảng 14 ảnh) RAW+JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 12 ảnh (khoảng 12 ảnh) * Số liệu dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (ISO 100 và kiểu ảnh Tiêu chuẩn) trên thẻ CF 8 GB. * Số liệu trong dấu ngoặc đơn áp dụng cho thẻ CF UDMA mode 7 dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon.

• Đèn Speedlite gắn ngoài

Đèn Speedlite tương thích:	Đèn Speedlite sê-ri EX
Đo sáng flash:	Flash tự động E-TTL II
Bù trừ phơi sáng flash:	Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Khóa phơi sáng flash:	Được cung cấp
Cổng cho máy tính:	Được cung cấp
Điều khiển flash:	Thiết lập chức năng flash, Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash

• Chụp Live View

Phương pháp lấy nét:	Hệ thống AF kiểu nhận diện tương phản (Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng linh hoạt - 1 điểm) Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 6x và 16x để kiểm tra nét)
Lấy nét liên tục:	Được cung cấp
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV 0 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng toàn khung ảnh (315 vùng), Đo sáng từng phần (khoảng 6,4% màn hình Live View), Đo sáng điểm (khoảng 2,8% màn hình Live View), Đo sáng trung bình trung tâm

Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Chụp ngắt tiếng:	Được cung cấp (Chế độ 1 và 2)
Hiển thị khung lưới:	3 loại

• Quay phim

Định dạng ghi:	MOV
Phim:	MPEG-4 AVC / H.264
Âm thanh:	Tỷ lệ bit (trung bình) có thể thay đổi PCM tuyến tính
Kích thước ghi và tốc độ khung hình:	Full HD (1920x1080): 29,97p/25,00p/23,98p HD (1280x720) : 59,94p/50,00p VGA (640x480) : 29,97p/25,00p
Phương pháp nén:	ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only), IPB (Tiêu chuẩn)
Kích thước tập tin:	Full HD (29,97p/25,00p/23,98p)/ALL-I: Khoảng 654 MB/phút Full HD (29,97p/25,00p/23,98p)/IPB (Tiêu chuẩn): Khoảng 225 MB/phút HD (59,94p/50,00p)/ALL-I: Khoảng 583 MB/phút HD (59,94p/50,00p)/IPB (Tiêu chuẩn): Khoảng 196 MB/phút VGA (29,97p/25,00p)/IPB (Tiêu chuẩn): Khoảng 78 MB/phút
Yêu cầu về thẻ(Tốc độ ghi/đọc):	[Thẻ CF] ALL-I: 30 MB/giây hoặc nhanh hơn, IPB: 10 MB/giây hoặc nhanh hơn [Thẻ SD] ALL-I: 20 MB/giây hoặc nhanh hơn, IPB: 6 MB/giây hoặc nhanh hơn
Phương pháp lấy nét:	Hệ thống AF kiểu nhận diện tương phản (Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng linh hoạt - 1 điểm) Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 6x và 16x để kiểm tra nét)
Lấy nét servo phim:	Có thể
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV 0 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng trung bình trung tâm và Đo sáng toàn khung ảnh với cảm biến hình ảnh * Đặt tự động theo phương pháp lấy nét.
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Điều khiển phơi sáng:	Quay phim phơi sáng tự động (Phơi sáng tự động P cho quay phim), Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng chỉnh tay
Bù trừ phơi sáng:	Trong khoảng ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Tốc độ ISO(chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	Tự động nhận cảnh thông minh, Tv: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 6400 P, Av, B: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 6400, có thể mở rộng đến H (tương đương ISO 12800) M: ISO Tự động (tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 6400), đặt bằng tay ISO 100 - ISO 6400 (với mức tăng 1/3 - hoặc một điểm dừng), có thể mở rộng đến H (tương đương ISO 12800)
Mã thời gian:	Có hỗ trợ
Chỉnh khung:	Tương thích với 59,94p/29,97p
Ghi âm:	Cung cấp micro mô-nô tích hợp, cổng micro stereo ngoài Có thể đặt mức ghi âm, bộ lọc gió đi kèm, bộ tiêu âm đi kèm
Hiển thị khung lưới:	3 loại
Phim time-lapse:	Quăng chụp và số lượng ảnh có thể cài đặt Có thể xem thời gian yêu cầu, thời lượng phim và thời lượng còn lại trên thẻ
Chụp ảnh trong khi quay phim:	Có thể

• Màn hình LCD

Loại:	Màn hình tinh thể lỏng, màu TFT
Kích thước và số điểm ảnh màn hình:	Rộng 8,1 cm (3,2 in.) (3:2) với khoảng 1,04 triệu điểm ảnh
Điều chỉnh độ sáng:	Tự động (Tối, Tiêu chuẩn, Sáng), Chỉnh tay (7 mức)
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Ngôn ngữ giao diện:	25
Hiển thị trợ giúp:	Có thể

• Phát lại

Định dạng hiển thị ảnh:	Hiển thị từng ảnh (không có thông tin chụp), Hiển thị từng ảnh (có thông tin đơn giản), Hiển thị từng ảnh (Hiển thị thông tin chụp: Thông tin chi tiết, Ống kính/biểu đồ sắc độ, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh 1, Kiểu ảnh 2, Không gian màu/giảm nhiễu hạt, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính), Hiển thị bảng kê (4/9/36/100 ảnh), Hiển thị hai ảnh
-------------------------	---

Cảnh báo dư sáng:	Khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy
Hiển thị điểm AF:	Được cung cấp
Hiển thị khung lưới:	3 loại
Xem phóng to:	Khoảng 1,5x-16x, có thể đặt vị trí và hệ số phóng to ban đầu
Phương pháp duyệt ảnh:	Một ảnh, Nhảy 10 ảnh hoặc 100 ảnh, Theo ngày chụp, Theo thư mục, Theo phim, Theo ảnh, Theo ảnh được bảo vệ, Theo xếp hạng
Xoay ảnh:	Được cung cấp
Xếp hạng:	Được cung cấp
Phát lại phim:	Cho phép (Màn hình LCD, HDMI) Loa tích hợp
Trình chiếu:	Tất cả ảnh, Ttheo ngày, Theo thư mục, Ttheo phim, Theo ảnh, Theo ảnh được bảo vệ, Theo xếp hạng
Chống xóa ảnh:	Có thể
Sao chụp ảnh:	Có thể

• Xử lý hậu kỳ

Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh:	Chỉnh độ sáng, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Chất lượng ghi ảnh JPEG, Không gian màu, Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh méo hình, Hiệu chỉnh sắc sai
Thay đổi cỡ ảnh:	Được cung cấp
Cắt ảnh:	Được cung cấp

• In trực tiếp

Máy in tương thích:	Máy in tương thích PictBridge
Ảnh có thể in:	Ảnh JPEG và RAW
Đặt lệnh in:	Tương thích DPOF phiên bản 1.1

• Truyền ảnh

Tập tin có thể truyền:	Ảnh (ảnh JPEG, RAW, RAW+JPEG), Phim
------------------------	-------------------------------------

• Chức năng tùy chỉnh

Chức năng tùy chỉnh:	16
Điều khiển nhanh tùy chỉnh:	Được cung cấp
Danh mục riêng:	Có thể đăng ký tối đa 5 màn hình
Chế độ chụp tùy chỉnh:	Đăng ký dưới mục C1, C2 hoặc C3 của nút xoay chế độ
Thông tin bản quyền:	Có thể nhập và ghi kèm văn bản

• Cáp nối

Cổng DIGITAL:	SuperSpeed USB (USB 3.0) Giao tiếp máy tính, in trực tiếp, kết nối Bộ truyền dữ liệu không dây WFT-E7 (Phiên bản 2), Bộ thu GPS GP-E2, Trạm kết nối CS100
Ngõ RA HDMI mini:	Loại C (Tự động chuyển đổi độ phân giải), tương thích CEC
Ngõ VÀO micro ngoài:	Giắc cắm mini stereo đường kính 3,5 mm
Cổng kết nối điều khiển từ xa:	Dành cho bộ điều khiển từ xa loại N3
Điều khiển từ xa không dây:	Tương thích với Bộ điều khiển từ xa RC-6
Thẻ Eye-Fi:	Có hỗ trợ

• Thiết bị nguồn

Pin:	Pin LP-E6N/LP-E6, số lượng 1 * Có thể sử dụng nguồn điện xoay chiều với phụ kiện kết nối ổ điện gia đình. * Nếu máy ảnh được lắp Báng pin BG-E11, có thể sử dụng Pin AA/R6.
Thông tin pin:	Lượng pin còn lại, số lần chụp, hiệu suất sạc và số pin có thể đăng ký
Số ảnh có thể chụp:	Chụp qua khung ngắm: Khoảng 700 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), và khoảng 660 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) Chụp Live View: Khoảng 220 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), và khoảng 210 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với Pin LP-E6N sạc đầy.
Thời gian quay phim:	Tổng cộng khoảng 1 giờ 30 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) Tổng cộng khoảng 1 giờ 25 phút ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với Pin LP-E6N sạc đầy.

• Kích thước và trọng lượng

Kích thước (R x C x S):	Khoảng 152,0 x 116,4 x 76,4 mm / 5,98 x 4,58 x 3,01 in.
Trọng lượng:	Khoảng 930 g / 32,80 oz. (Theo chỉ dẫn của CIPA) Khoảng 845 g / 29,80 oz. (Chỉ riêng thân máy ảnh)

• Môi trường vận hành

Phạm vi nhiệt độ vận hành: 0°C - 40°C / 32°F - 104°F

Độ ẩm vận hành: 85% hoặc thấp hơn

- Các thông số kỹ thuật liệt kê ở trên dùng chung cho EOS 5DS và EOS 5DS R.
- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và quy tắc của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Kích thước và trọng lượng được liệt kê ở trên dựa trên Hướng dẫn của CIPA (ngoại trừ trọng lượng riêng của thân máy ảnh).
- Thông số kỹ thuật của sản phẩm và bề ngoài có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nếu có vấn đề xảy ra với ống kính không phải của Canon được lắp vào máy ảnh, vui lòng tham vấn nhà sản xuất ống kính.

Nhãn hiệu

- Adobe là nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Microsoft và Windows là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- Macintosh và Mac OS là các nhãn hiệu đã đăng ký của Apple Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- CompactFlash là nhãn hiệu của SanDisk Corporation.
- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- HDMI, logo HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu được đăng ký của HDMI Licensing LLC.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Giới thiệu về cấp phép MPEG-4

"This product is licensed under AT&T patents for the MPEG-4 standard and may be used for encoding MPEG-4 compliant video and/or decoding MPEG-4 compliant video that was encoded only (1) for a personal and non-commercial purpose or (2) by a video provider licensed under the AT&T patents to provide MPEG-4 compliant video. No license is granted or implied for any other use for MPEG-4 standard."

* Thông báo hiển thị bằng tiếng Anh như được yêu cầu.

Bạn nên sử dụng phụ kiện Canon chính hãng

Sản phẩm này được thiết kế để đạt hiệu quả tối ưu khi sử dụng với các phụ kiện chính hãng của Canon.

Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm này và/hoặc tai nạn, chẳng hạn như cháy, v.v... do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng Canon (ví dụ như rò rỉ và/hoặc nổ pin). Lưu ý rằng bảo hành không áp dụng đối với sửa chữa do trục trặc của phụ kiện không chính hãng Canon, tuy nhiên bạn có thể yêu cầu sửa chữa và phải thanh toán chi phí.



Pin LP-E6N/LP-E6 chỉ dành riêng cho sản phẩm của Canon. Sử dụng pin với sạc pin hay sản phẩm không tương thích có thể gây trục trặc cho pin hoặc tai nạn, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho các sự cố này.

THẬN TRỌNG

CÓ NGUY CƠ CHÁY NỔ NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG.
VỨT BỎ PIN ĐÃ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

GHI NHỚ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

15

Xem hướng dẫn sử dụng trên đĩa CD-ROM / Tải ảnh xuống máy tính

Chương này giải thích cách xem hướng dẫn sử dụng máy ảnh trong đĩa CD-ROM trên máy tính và cách tải ảnh từ máy ảnh vào máy tính cá nhân, cung cấp thông tin tổng quan về phần mềm trong đĩa EOS DIGITAL Solution Disk (CD-ROM) và hướng dẫn cách cài đặt phần mềm này trên máy tính cá nhân. Đồng thời giới thiệu cách xem hướng dẫn sử dụng phần mềm.



**Hướng dẫn sử dụng
máy ảnh**



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk
(Phần mềm/Hướng dẫn
sử dụng phần mềm)

Xem đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh



Đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh bao gồm những hướng dẫn sử dụng điện tử (PDF) sau:

- **Hướng dẫn sử dụng máy ảnh**

Giải thích tất cả các chức năng và quy trình của máy ảnh, bao gồm nội dung cơ bản.

- **Hướng dẫn tham khảo nhanh**

Hướng dẫn tiện lợi và đơn giản bao gồm cài đặt chức năng cơ bản, hướng dẫn chụp và hướng dẫn xem lại.

Xem đĩa CD-ROM hướng dẫn sử dụng máy ảnh

Cần cài đặt Adobe Reader 6.0 hoặc phiên bản mới hơn trên máy tính để xem hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF). Bạn có thể tải miễn phí phần mềm Adobe Reader từ Internet. Sau khi cài đặt Adobe Reader, thực hiện theo quy trình sau.

- 1 **Cho đĩa CD-ROM “CAMERA INSTRUCTION MANUAL” (HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MÁY ẢNH) vào máy tính.**



- 2 **Nhấp đúp vào biểu tượng CD-ROM.**

- Trên máy Windows, nhấp đúp vào biểu tượng CD-ROM trong **[(My) Computer]**. Trên máy Macintosh, nhấp đúp vào biểu tượng CD-ROM trên màn hình máy tính.
- Biểu tượng được hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành của máy tính.



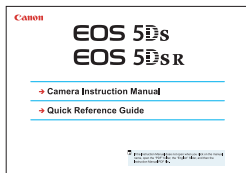
3 Nhấp đúp vào tập tin **START**.

- ▶ Màn hình ở bước 4 sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng được hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành của máy tính.

4 Chọn ngôn ngữ.



5 Nhấp vào hướng dẫn sử dụng muốn đọc.



- ▶ Sách hướng dẫn sẽ hiển thị.



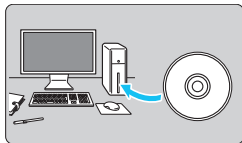
- Bạn có thể lưu tập tin PDF vào máy tính.
- Để tìm hiểu về cách sử dụng Adobe Reader, tham khảo mục trợ giúp của Adobe Reader.

Tải ảnh xuống máy tính

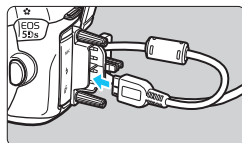
Bạn có thể sử dụng phần mềm EOS để tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính theo hai cách sau.

Tải xuống bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính

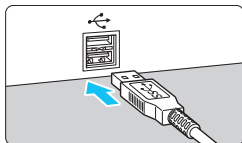
1 Cài đặt phần mềm (tr.533).



2 Sử dụng cáp nối đi kèm để kết nối máy ảnh với máy tính cá nhân.



- Sử dụng cáp nối kèm theo máy ảnh.
- Khi kết nối cáp với máy ảnh, hãy sử dụng đầu giữ cáp (tr.36). Kết nối cáp với cổng digital với biểu tượng <SS> của đầu cắm hướng về phía sau máy ảnh.
- Kết nối đầu cắm của cáp với cổng USB của máy tính.



3 Sử dụng phần mềm EOS Utility để truyền ảnh.

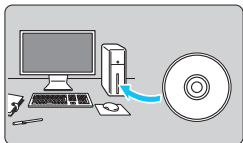
- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.534).

⚠ Sử dụng cáp nối đi kèm hoặc cáp chính hãng Canon (tr.456). Khi kết nối với cáp nối, sử dụng đầu giữ cáp đi kèm (tr.36).

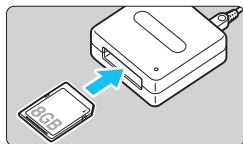
Tải ảnh xuống bằng đầu đọc thẻ

Bạn cũng có thể dùng đầu đọc thẻ để tải ảnh xuống máy tính cá nhân.

1 Cài đặt phần mềm (tr.533).



2 Cắm thẻ vào đầu đọc thẻ.



3 Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional để tải ảnh.

- Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.534).



Khi tải ảnh từ máy ảnh xuống máy tính cá nhân bằng đầu đọc thẻ mà không dùng phần mềm EOS, hãy sao chép thư mục DCIM trên thẻ vào máy tính.

Giới thiệu về phần mềm



Đĩa EOS DIGITAL Solution Disk

Những phần mềm khác cho máy ảnh EOS DIGITAL chứa trong đĩa EOS DIGITAL Solution Disk.

EOS Utility

Với máy ảnh được kết nối với máy tính, phần mềm EOS Utility cho phép truyền ảnh chụp và phim quay từ máy ảnh tới máy tính. Bạn cũng có thể sử dụng phần mềm này để đặt các cài đặt khác nhau của máy ảnh và chụp từ xa qua máy tính được kết nối với máy ảnh.

Digital Photo Professional

Phần mềm này dành cho người dùng thường xuyên chụp ảnh RAW. Bạn có thể xem, chỉnh sửa và in ảnh RAW hay JPEG.

* Một vài chức năng sẽ khác nhau giữa phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 64-bit và phiên bản cài đặt trên hệ thống máy tính 32-bit.

Picture Style Editor

Bạn có thể chỉnh sửa kiểu ảnh, tạo và lưu các tập tin kiểu ảnh. Phần mềm này dành cho người dùng chuyên nghiệp có kinh nghiệm về xử lý ảnh.

Cài đặt phần mềm



- **Không kết nối máy ảnh với máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Phần mềm sẽ không được cài đặt chính xác.**
- Nếu máy tính của bạn đã cài đặt phiên bản phần mềm trước đó, thực hiện theo quy trình dưới đây để cài đặt phần mềm mới nhất. (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.)

1 Cho đĩa EOS DIGITAL Solution Disk vào máy tính.

- Trên máy Macintosh, nhấp đúp để mở biểu tượng CD-ROM hiển thị trên màn hình máy tính, rồi nhấp đúp vào **[setup]**.

2 Nhấp vào **[Easy Installation]** và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt.

3 Nhấp vào **[Restart]** và lấy đĩa CD-ROM ra sau khi máy tính khởi động lại.

- Sau khi máy tính khởi động lại, quá trình cài đặt sẽ hoàn tất.

Hướng dẫn sử dụng phần mềm



Hướng dẫn sử dụng phần mềm chứa trên đĩa EOS DIGITAL Solution Disk. Có thể sao chép hoặc xem hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF) như sau:

1 Cho đĩa EOS DIGITAL Solution Disk vào máy tính.

2 Đóng màn hình cài đặt.

- Khi màn hình cài đặt EOS DIGITAL Solution Disk xuất hiện, đóng màn hình cài đặt.

3 Mở biểu tượng CD-ROM.

4 Mở thư mục [Manual].

5 Sao chép thư mục [English] vào máy tính.

- Các tập tin PDF Hướng dẫn sử dụng có tên bên dưới sẽ được sao chép.

	Windows	Macintosh
EOS Utility	EUx.xW_E_xx	EUx.xM_E_xx
Digital Photo Professional	DPPx.xW_E_xx	DPPx.xM_E_xx
Picture Style Editor	PSEx.xW_E_xx	PSEx.xM_E_xx

6 Nhấp đúp vào tập tin PDF được sao chép.

- Bạn phải cài đặt Adobe Reader (nên dùng phiên bản mới nhất) trên máy tính.
- Bạn có thể tải miễn phí phần mềm Adobe Reader từ Internet.

Chỉ mục

Số

1:1 (tỷ lệ cỡ ảnh).....	156, 264
1.3x (crop).....	156, 264
1.6x (crop).....	156, 264
1280x720 (phim).....	299
16:9 (tỷ lệ cỡ ảnh).....	156, 264
1920x1080 (phim).....	299
4:3 (tỷ lệ cỡ ảnh).....	156, 264
640x480 (phim).....	299

A

 (Tự động nhận cảnh thông minh).....	82
Adobe RGB.....	195
AEB (Phơi sáng hỗn hợp tự động).....	217, 405
AF.....	87
AF theo nhóm.....	102
Bố cục lại ảnh.....	85, 219
Chế độ chọn vùng AF.....	92, 94, 97
Chọn điểm AF.....	95, 423
Chủ thể khó lấy nét.....	142, 275
Công cụ định cấu hình AF.....	111
Đăng ký điểm AF.....	420
Điểm AF.....	92, 95, 97, 101
Điểm AF chấm.....	31, 97
Giới hạn f/8 AF.....	101, 106
Khung AF theo vùng.....	93, 99
Lấy nét chữ thập.....	101
Lấy nét chữ thập kép.....	101
Lấy nét tay (MF).....	143, 277
Lựa chọn trực tiếp điểm AF.....	423
Mất nét.....	54, 55, 486
Mở rộng điểm AF.....	92, 97
Nút AF-ON (Bắt đầu AF).....	55, 416, 418
Phương pháp AF.....	270, 317
Thao tác AF.....	88
Thông tin khuôn mặt.....	131

Thông tin màu.....	131
Tia giúp lấy nét.....	123
Tiếng bíp.....	69
Tùy chỉnh.....	120
Vi chỉnh AF.....	136
AF 61 điểm tự động chọn.....	93, 99
AF một chấm điểm.....	92, 97
AF một điểm.....	92, 97, 273
AF theo vùng.....	93, 98
AI FOCUS (Lấy nét tự động AI).....	90
AI SERVO (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục).....	90
Cảm biến AF.....	101
Chỉ thị thao tác AF.....	91, 134
Điểm AF chớp sáng đỏ.....	91, 134
Độ nhạy theo dõi.....	116
Tăng/giảm tốc độ theo dõi lấy nét.....	117
Tự động chuyển đổi điểm AF.....	118
ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only).....	300
Ảnh.....	
Bảo vệ ảnh.....	336
Biểu đồ.....	328
Cài đặt lại bằng tay.....	202
Cảnh báo vùng sáng.....	327
Đánh số thứ tự kế tiếp.....	201
Đánh số thứ tự tập tin ảnh.....	201
Hệ số phóng to.....	332
Hiện thị bảng kê.....	329
Hiện thị điểm AF.....	327
Hiện thị hai ảnh.....	334
Hiện thị nháy ảnh (duyet ảnh).....	330
Kích thước.....	153, 300, 325
Phát lại trên TV.....	344, 353
Sao chép.....	356
Tải ảnh (xuống máy tính).....	530
Thông tin chụp.....	324
Trình chiếu.....	350
Truyền.....	395

Tự động cài đặt lại.....	202
Tự động phát.....	350
Xem.....	321
Xếp hạng.....	339
Xóa.....	360
Xoay ảnh bằng tay.....	335
Xoay tự động.....	364
Ảnh đen trắng.....	168, 173, 386
Ảnh đơn sắc.....	386
Ảnh ghép phơi sáng.....	228
Ảnh sáng tạo.....	166, 223, 228
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	210, 284

Â

Âm lượng (phát lại phim).....	347
-------------------------------	-----

B

B (Bulb).....	220, 282
Bảng cài đặt mặc định.....	70, 71, 73, 75
Bảng cảm ứng.....	58, 304
Bảng điều khiển LCD.....	29
Bảng pin.....	48, 448, 456
Bão hòa màu.....	172
Bảo vệ ảnh.....	336
Biểu đồ (Độ sáng/RGB).....	260, 291, 328
Biểu tượng.....	8
Biểu tượng cảnh.....	262, 287
Biểu tượng cảnh báo.....	411
Biểu tượng MENU	8
Biểu tượng ☆ (vùng sáng tạo).....	8
Bình thường (chất lượng ghi ảnh).....	151, 153
Bộ điều hợp AC.....	452
Bộ nguồn DC.....	452
Bộ sạc.....	34, 40
Bộ tiêu âm.....	303
Bù trừ phơi sáng.....	216
Bù trừ phơi sáng với ISO tự động.....	213

buSY (BẢN).....	155
-----------------	-----

C

C (Chụp tùy chỉnh).....	439
Các chức năng có thể đặt theo chế độ chụp.....	458
Các mục menu bị mờ.....	66
Cài đặt lại bằng tay.....	202
Cảm biến ánh sáng bên ngoài ...	28, 363
Cân bằng điện tử.....	77, 78
Cân bằng trắng (WB).....	176
Cá nhân.....	179
Chỉnh.....	181
Hỗn hợp.....	182
Thiết lập nhiệt độ màu.....	180
Tự động.....	177
Tùy chỉnh.....	178
Cân bằng trắng cá nhân.....	179
Cân bằng trắng tùy chỉnh.....	178
Cảnh báo an toàn.....	20
Cảnh báo nhiệt độ.....	279, 319
Cảnh báo vùng sáng.....	327
Cáp.....	3, 353, 382, 395, 456, 530
Cắt ảnh (ảnh).....	373
Cắt ảnh (để in).....	389
Cấu hình ICC.....	195
Chân dung ().....	167
Chân thực ().....	168
Chất lượng ghi ảnh.....	151, 299
Chế độ chụp.....	33
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	210
B (Bulb).....	220
C (Chụp tùy chỉnh).....	439
M (Phơi sáng chỉnh tay).....	212
Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập).....	208
 (Tự động nhận cảnh thông minh).....	82

P (Phơi sáng tự động P)	206
Chế độ chụp tùy chỉnh	439
Chế độ đo sáng	214
Chế độ hoàn toàn tự động	82
Chi tiết nhỏ ()	167
Chọn bằng tay (Điểm AF)	92, 95, 97
Chức năng ghi	148
Chức năng tùy chỉnh	402, 404
Chụp chống nhấp nháy	193
Chụp điều khiển từ xa	239
Chụp liên tục	144
Chụp liên tục tốc độ cao	144
Chụp liên tục tốc độ thấp	144
Chụp Live View	86, 257
Chụp ngắt tiếng	268
Crop/tỷ lệ cơ ảnh	264
Điều khiển nhanh	265
Hẹn giờ đo sáng	269
Hiển thị khung lưới	267
Hiển thị thông tin	260
Khuôn mặt+Theo dõi	271
Lấy nét tay (MF)	277
Mô phỏng phơi sáng	267
Số ảnh có thể chụp	259
Vùng linh hoạt - 1 điểm	273
Chụp ngắt tiếng	
Chụp liên tục ngắt tiếng	144
Chụp LV ngắt tiếng	268, 317
Chụp từng ảnh ngắt tiếng	144
Chụp từng ảnh	144
Chuyển an toàn	407
Cổng cho máy tính	247
Cổng Digital	27, 36, 382, 395, 530
Công tắc chế độ lấy nét	6, 52, 143, 277
Công tắc điều khiển từ xa	239
Cổng USB (DIGITAL)	27, 36, 382, 395, 530
Crop (khi chụp)	156, 264

D

D+	189
Danh mục riêng	434
Dấu gạch dưới “ _ ”	195, 200
Dấu xếp hạng	339
Dây đeo	35
DPOF	
(Định dạng lệnh in kỹ thuật số)	391
Dữ liệu xóa bụi	377
Duy trì phơi sáng cho khẩu độ mới	408

Đ

Đa chức năng	94, 128, 417, 419
Đăng ký hướng chụp	128
Đánh số thứ tự tập tin kế tiếp	201
Đầu giữ cáp	36
Để chỉnh sửa (ALL-I)	300
Đèn báo lấy nét	82
Đèn flash (Đèn Speedlite)	245
Bù trừ phơi sáng flash	246, 253
Chế độ flash	251
Chức năng tùy chỉnh	255
Đèn flash ngoài	246
Điểm tiếp xúc đồng bộ flash	26
Điều khiển flash	249
Đồng bộ màn trập (Màn trập một/hai)	253
FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash)	253
Flash chỉnh tay	251
Khóa phơi sáng flash	246
Tốc độ đồng bộ flash	247, 250
Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av	250
Đèn Speedlite gắn ngoài → Đèn flash	
Đèn truy cập	45, 46
Đẹp (chất lượng ghi ảnh)	151, 153
Điểm AF ban đầu	130

Điểm AF chấm.....	31, 97
Điểm lấy nét (điểm AF) ...	92, 95, 97, 101
Điều chỉnh độ khúc xạ.....	54
Điều chỉnh tất cả với cùng một lượng.....	136
Điều chỉnh theo ống kính	138
Điều khiển đa năng	58
Điều khiển nhanh tùy chỉnh	429
Điều khiển tùy chỉnh.....	415
Định dạng (khởi tạo thẻ)	67
Độ mịn (Độ sắc nét)	172
Độ nhạy sáng → Tốc độ ISO	
Độ nhạy theo dõi lấy nét.....	116
Độ phân giải cao (Full HD) (phim).....	281, 299
Độ sắc nét.....	172
Đo sáng điểm	215
Đo sáng toàn khung ảnh.....	214
Đo sáng trung bình trung tâm.....	215
Đo sáng từng phần	214
Độ tương phản	172, 184
Đơn sắc (☐).....	168
Đồng bộ màn trập	253
Đồng bộ màn trập 1	253
Đồng bộ màn trập 2	253
Đuôi tập tin.....	200

E

exFAT	68
-------------	----

F

Firmware.....	479
---------------	-----

G

Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu	185
Ghi riêng (CF và SD).....	149
Ghi vào nhiều phương tiện.....	149
Giảm nhiễu hạt	
Phơi sáng lâu.....	187
Tốc độ ISO cao.....	185

Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu	187
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao.....	185
Giờ mùa hè.....	50

H

HD (Phim)	299
HDMI	36, 344, 353
HDMI CEC	354
HDR.....	223
Hệ thống video	299, 353, 477
Hẹn giờ	146, 240
Hẹn giờ 10 giây hoặc 2 giây	146
Hẹn giờ đo sáng.....	55, 269, 318
Hẹn giờ ngắt quãng	241
Hiển thị bảng kê.....	329
Hiển thị hai ảnh.....	334
Hiển thị một ảnh	322
Hiển thị nhảy ảnh.....	330
Hiển thị thông tin chụp.....	324
Hiển thị thu nhỏ.....	329
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi ...	190
Hiệu chỉnh sắc sai	191
Hiệu ứng bộ lọc	173
Hiệu ứng tông màu (Đơn sắc).....	173
Hốc gắn chân máy	28
Hỗn hợp	

AEB (Phơi sáng hỗn hợp tự động)	217, 405
FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash).....	253
WB-BKT (Cân bằng trắng hỗn hợp).....	182, 405

Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực tiếp.....	483
Hướng dẫn tính năng.....	80

I

In	
Cài đặt giấy	385
Cắt ảnh.....	389
Chỉnh nghiêng ảnh	389

In trực tiếp.....	381
Hiệu ứng in.....	386
Lập sách ảnh.....	399
Lệnh in (DPOF).....	391
Trình bày ảnh.....	385
In ảnh.....	381
In trực tiếp.....	381
IPB (Tiêu chuẩn).....	300
iTR AF.....	131

J

JPEG.....	151, 153
-----------	----------

K

KHÓA.....	59, 412
Khóa đa chức năng.....	59, 412
Khóa gương lật.....	236
Khóa lấy nét.....	85
Khóa phơi sáng.....	219
Khóa phơi sáng flash.....	246
Không gian màu.....	195
Khu vực chụp.....	156
Khung AF theo vùng.....	93, 99
Khung lưới.....	76, 267, 317, 323
trong khung ngắm.....	76
Khung ngắm.....	31
Cân bằng điện tử.....	78
Điều chỉnh độ khúc xạ.....	54
Hiển thị thông tin.....	79
Kích thước tập tin.....	153, 300, 325
Kiểu ảnh.....	166, 170, 174
Kiểu chụp.....	144

L

Làm sạch.....	379
Làm sạch (cảm biến ảnh).....	375
Làm sạch cảm biến.....	375
Lập sách ảnh.....	399
Lấy nét → AF, Lấy nét tay (MF)	
Lấy nét chữ thập.....	101

Lấy nét chữ thập.....	101
Lấy nét liên tục.....	266
Lấy nét một lần.....	89
Lấy nét Servo.....	85, 90, 315
Lấy nét tay (MF).....	143, 277
Lấy nét tự động → AF	
Loa.....	28, 346
Lọc gió.....	303
Lỗi.....	29, 499
Lớn (chất lượng ghi ảnh).....	153, 371
Lựa chọn trực tiếp điểm AF.....	423

M

M (Phơi sáng chỉnh tay).....	212, 288
Mã lỗi.....	499
Mã thời gian.....	305
Màn hình LCD.....	24
Cân bằng điện tử.....	77, 78
Điều chỉnh độ sáng.....	363
Hiển thị menu.....	64, 462
Thiết lập chức năng chụp.....	60, 446
Xem ảnh.....	321
Mạnh (Độ sắc nét).....	172
Máy ảnh	
Giữ máy ảnh.....	54
Hiển thị cài đặt.....	445
Rung máy.....	54
Xóa cài đặt máy ảnh.....	70
Menu.....	64
Cài đặt.....	462
Danh mục riêng.....	434
Quy trình thiết lập.....	65
M-Fn.....	94, 128, 417, 419
Micro.....	282, 303
Mô phỏng hình ảnh cuối	
cùng.....	263, 294
Mô phỏng phơi sáng.....	267
MỘT LẦN (Lấy nét một lần).....	89

M-RAW

(RAW Trung bình).....	151, 153, 154
Mức ghi.....	302
Mức tăng phơi sáng.....	404
Múi giờ.....	49

N

Nắp thị kính.....	35, 238
Nâu đỏ (Đơn sắc).....	173
Ngàm gắn.....	26, 246
Ngăn bụi ảnh.....	375
Ngày/Giờ.....	49
Ngôn ngữ.....	51
Người dùng xác định (E-Z)	168
Nguồn.....	47
Hiệu suất sạc.....	448
Mức pin.....	48, 448
Ổ điện gia đình.....	452
Sạc.....	40
Số ảnh có thể chụp.....	48, 153, 259
Thông tin pin.....	448
Tự động tắt nguồn.....	47, 69
Ngưỡng (Độ sắc nét).....	172
Nhả màn trập khi không lắp thẻ.....	44
Nhấn hoàn toàn.....	55
Nhấn nửa chừng.....	55
Nhấp nháy liên tục.....	327
Nhiệt độ màu.....	176, 180
Nhỏ (chất lượng ghi ảnh).....	153, 371
Nhóm	
ống kính và điểm AF khả dụng.....	102
NTSC.....	299, 353, 477
Nút chụp.....	55
Nút INFO.....	60, 260, 291, 322, 444
Nút xoay	
Nút xoay điều khiển nhanh.....	57
Nút xoay chế độ.....	33, 56
Nút xoay chính.....	56
Nút xoay điều khiển nhanh.....	57

O

Ổ điện gia đình.....	452
Ổng kính.....	25, 52
Công tắc	
chế độ lấy nét.....	6, 52, 143, 277
Hiệu chỉnh ánh sáng	
vùng ngoại vi.....	190
Hiệu chỉnh sắc sai.....	191
Nhả khóa.....	53

P

P (Phơi sáng tự động P).....	206, 282
PAL.....	299, 353, 477
Phần mềm.....	532
Phát lại trên TV.....	344, 353
Phát sáng	
bảng điều khiển LCD.....	59
Phát sáng (bảng điều khiển LCD).....	59
Phát sáng (điểm AF).....	134
Phim.....	281
Ảnh.....	295
Bộ tiêu âm.....	303
Chỉnh khung.....	307
Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng.....	348
Chụp ngắt tiếng.....	317
Điều khiển nhanh.....	298
Điều khiển yên lặng.....	304
Ghi âm.....	302
Hẹn giờ đo sáng.....	318
Hiện thị thông tin.....	291
khóa phơi sáng.....	286
Khung lưới.....	317
Kích thước ghi.....	299
Kích thước tập tin.....	300, 301
Lấy nét Servo.....	315
Lọc gió.....	303
Mã thời gian.....	305
Micro.....	282, 303

Nút quay phim.....	282, 318
Phát lại.....	344, 346
Phát lại trên TV	344, 353
Phương pháp AF	297, 317
Phương pháp nén	300
Quay phim phơi sáng chỉnh tay ...	288
Quay phim phơi sáng tự động.....	282
Thiết lập thời gian bắt đầu.....	305
Thời gian ghi	305
Thời gian quay phim.....	300
Thời gian thực.....	305
Thời lượng ghi/chiếu	306
Thường thức phim.....	344
Time-lapse.....	308
Tốc độ khung hình	299
Tổng thời gian	305
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ.....	284
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	283
Phim độ phân giải cao (HD).....	299
Phim time-lapse	308
Phơi sáng bulb.....	220
Hẹn giờ bulb.....	221
Phơi sáng chỉnh tay.....	212, 288
Phơi sáng hỗn hợp flash.....	253
Phơi sáng lâu	220
Phơi sáng tự động P	206, 282
Thay đổi chương trình	207
Phong cảnh (📖).....	167
Phóng to.....	276, 277, 332
Vị trí ban đầu	333
Phụ kiện.....	3
PictBridge.....	381
Pin.....	40, 42, 48, 448
Pixel.....	151, 153, 159

Q

(Điều khiển nhanh)	61, 265, 298, 342
--------------------------	-------------------

R

RAW	151, 153, 154
RAW+JPEG	151, 153

S

Sạc.....	40
SD (VGA/phim).....	299
Số ảnh chụp liên tục tối đa	153, 155
Số ảnh có thể chụp.....	48, 153, 259
Sơ đồ hệ thống	456
S-RAW (RAW Nhỏ)	151, 153, 154
sRGB.....	195

T

Tải ảnh (xuống máy tính).....	530
Tăng/giảm tốc độ theo dõi lấy nét.....	117
Tạo/chọn thư mục.....	196, 197
Tên bộ phận.....	26
Tên tập tin.....	198
Dấu gạch dưới “_”	195, 200
Thang đo sáng.....	30, 32, 260, 291
Thay đổi cỡ ảnh	371
Thẻ.....	5, 25, 43, 67
Chống ghi	43
Định dạng	67
Định dạng mức thấp	68
Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trắc	46, 68
Trình nhắc thẻ.....	44
Thẻ CF → Thẻ	
Thẻ Eye-Fi.....	453
Thẻ nhớ → Thẻ	
Thẻ SD, SDHC, SDXC → Thẻ	
Thiết bị flash không phải của Canon	247
Thiết lập chất lượng ảnh với một lần chạm	155, 426
Thiết lập chức năng chụp.....	60, 446
Thời gian có thể quay (phim).....	293, 300

Thời gian ghi.....	305
Thời gian thực	305
Thời gian xem lại ảnh.....	70
Thông số kỹ thuật.....	500
Thông tin bản quyền	203
Thông tin cắt ảnh.....	413
Thông tin chi tiết (chụp).....	325
Thu hẹp khẩu độ	211
Tiếng bíp	69, 83, 146
Tiêu chuẩn (IPB).....	300
Tiêu chuẩn (S&S).....	167
Tình huống	111
Toàn khung hình (3:2)	156, 264
Tốc độ ISO.....	160, 285, 289
Mở rộng ISO	163
Mức tăng thiết lập.....	404
Phạm vi cài đặt bằng tay.....	163
Phạm vi cài đặt tự động	164
Thiết lập tự động (Tự động).....	162
Tốc độ màn trập tối thiểu	165
Tốc độ khung hình.....	299
Tông màu.....	172
Trình chiếu	350
Trợ giúp.....	80
Trực trực.....	483
Trung bình (Chất lượng ghi ảnh).....	153, 371
Trung tính (S&N)	167
Tự động (S&A).....	167
Tự động cài đặt lại.....	202
Tự động chọn (AF).....	93, 99
Tự động chuyển thẻ.....	149
Tự động nhận cảnh thông minh.....	82
Tự động phát.....	350
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	210, 284
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập.....	208, 283
Tự động tắt nguồn.....	47, 69

Tự động tối ưu hóa ánh sáng.....	81, 184
Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập).....	208, 283
Tỷ lệ cỡ ảnh	156, 264

U

Ultra DMA (UDMA).....	44
Ưu tiên màu trắng (AWB)	177
Ưu tiên môi trường (AWB).....	177
Ưu tiên tông màu.....	189
Ưu tiên tông màu sáng	189

V

Vành đỡ mắt	238
VGA (phím).....	299
Vi chỉnh.....	136
Video system	477

X

Xem.....	321
Xem trước độ sâu trường ảnh	211
Xóa ảnh.....	360
Xóa cài đặt máy ảnh	70
Cài đặt chức năng máy ảnh	70
Danh mục riêng	437
Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.....	119
Điều khiển tùy chỉnh (Nút và xoay).....	415
Thiết lập chức năng tùy chỉnh.....	403
Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash	255
Thiết lập điều khiển nhanh tùy chỉnh.....	430
Xoay Nút xoay chính.....	56
Xoay (ảnh)	335, 364
Xoay tự động ảnh dọc.....	364
Xử lý ảnh RAW	366

[illegible]



Những mô tả trong Hướng dẫn sử dụng được cập nhật cho đến tháng 2 năm 2017. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích của máy ảnh với các sản phẩm ra mắt sau thời gian này, vui lòng liên hệ Trung tâm bảo hành của Canon. Để tìm hiểu hướng dẫn sử dụng phiên bản mới nhất, tham khảo trang web Canon.